

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Tân An	DC	xã An Hoà	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 44"	105° 41' 50"							E-48-20-C-b
thôn Tân Thắng	DC	xã An Hoà	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 21"	105° 41' 28"							E-48-20-C-d
thôn Tân Thịnh	DC	xã An Hoà	H. Quỳnh Lưu	19° 06' 54"	105° 41' 51"							E-48-20-C-d
thôn Toàn Lợi	DC	xã An Hoà	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 37"	105° 40' 48"							E-48-20-C-d
thôn Toàn Lực	DC	xã An Hoà	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 35"	105° 40' 54"							E-48-20-C-d
thôn Toàn Mỹ	DC	xã An Hoà	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 11"	105° 40' 49"							E-48-20-C-d
quốc lộ 1	KX	xã Mai Hùng	H. Quỳnh Lưu			19° 18' 42"	105° 43' 15"	18° 38' 51"	105° 42' 24"			E-48-20-C-b
xóm 1	DC	xã Mai Hùng	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 22"	105° 43' 23"							E-48-20-C-b
xóm 6	DC	xã Mai Hùng	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 23"	105° 42' 42"							E-48-20-C-b
xóm 7	DC	xã Mai Hùng	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 52"	105° 42' 02"							E-48-20-C-b
xóm 8	DC	xã Mai Hùng	H. Quỳnh Lưu	19° 14' 07"	105° 41' 49"							E-48-20-C-b
xóm 9	DC	xã Mai Hùng	H. Quỳnh Lưu	19° 14' 20"	105° 41' 46"							E-48-20-C-b
xóm 10	DC	xã Mai Hùng	H. Quỳnh Lưu	19° 14' 34"	105° 42' 17"							E-48-20-C-b
xóm 11	DC	xã Mai Hùng	H. Quỳnh Lưu	19° 14' 26"	105° 42' 14"							E-48-20-C-b
xóm 12	DC	xã Mai Hùng	H. Quỳnh Lưu	105° 42' 19"	105° 42' 19"							E-48-20-A-d
xóm 13	DC	xã Mai Hùng	H. Quỳnh Lưu	19° 15' 31"	105° 42' 13"							E-48-20-A-d
xóm 14	DC	xã Mai Hùng	H. Quỳnh Lưu	19° 15' 24"	105° 41' 33"							E-48-20-A-d
xóm 15	DC	xã Mai Hùng	H. Quỳnh Lưu	19° 14' 56"	105° 41' 23"							E-48-20-C-b
xóm 16	DC	xã Mai Hùng	H. Quỳnh Lưu	19° 15' 03"	105° 40' 44"							E-48-20-A-d
xóm 17	DC	xã Mai Hùng	H. Quỳnh Lưu	19° 15' 14"	105° 40' 43"							E-48-20-A-d
xóm 18	DC	xã Mai Hùng	H. Quỳnh Lưu	19° 14' 30"	105° 41' 00"							E-48-20-C-b
xóm 19	DC	xã Mai Hùng	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 55"	105° 42' 14"							E-48-20-C-b
xóm 20	DC	xã Mai Hùng	H. Quỳnh Lưu	19° 14' 50"	105° 41' 56"							E-48-20-C-b
xóm 25	DC	xã Mai Hùng	H. Quỳnh Lưu	19° 14' 20"	105° 41' 54"							E-48-20-C-b
xóm 34	DC	xã Mai Hùng	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 50"	105° 42' 57"							E-48-20-C-b
núi Động Kiều	SV	xã Mai Hùng	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 25"	105° 42' 12"							E-48-20-C-b
cầu Hoàng Mai	KX	xã Mai Hùng	H. Quỳnh Lưu	19° 14' 31"	105° 41' 58"							E-48-20-C-b
sông Hoàng Mai	TV	xã Mai Hùng	H. Quỳnh Lưu			19° 16' 40"	105° 38' 38"	19° 14' 00"	105° 45' 17"			E-48-20-A-d, E-48-20-C-b
sông Mai Giang	TV	xã Mai Hùng	H. Quỳnh Lưu			19° 13' 46"	105° 43' 12"	19° 10' 03"	105° 42' 10"			E-48-20-C-b
kênh Vực Mầu	TV	xã Mai Hùng	H. Quỳnh Lưu			19° 16' 16"	105° 38' 33"	19° 12' 12"	105° 39' 19"			E-48-20-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn 1	DC	xã Ngọc Sơn	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 35"	105° 34' 44"					E-48-20-C-a
thôn 2	DC	xã Ngọc Sơn	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 38"	105° 34' 09"					E-48-20-C-a
thôn 3	DC	xã Ngọc Sơn	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 58"	105° 33' 59"					E-48-20-C-a
thôn 4A	DC	xã Ngọc Sơn	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 55"	105° 35' 05"					E-48-20-C-a
thôn 4B	DC	xã Ngọc Sơn	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 55"	105° 34' 41"					E-48-20-C-a
thôn 5	DC	xã Ngọc Sơn	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 02"	105° 36' 39"					E-48-20-C-a
thôn 6	DC	xã Ngọc Sơn	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 06"	105° 32' 55"					E-48-20-C-a
thôn 7	DC	xã Ngọc Sơn	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 22"	105° 33' 48"					E-48-20-C-a
thôn 8	DC	xã Ngọc Sơn	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 09"	105° 34' 36"					E-48-20-C-a
thôn 9	DC	xã Ngọc Sơn	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 43"	105° 34' 25"					E-48-20-C-a
thôn 10	DC	xã Ngọc Sơn	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 18"	105° 34' 34"					E-48-20-C-a
thôn 11	DC	xã Ngọc Sơn	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 30"	105° 33' 28"					E-48-20-C-a
đội 2 Lâm Trường	DC	xã Ngọc Sơn	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 16"	105° 36' 00"	19° 08' 02"	105° 39' 11"	19° 12' 50"	105° 32' 21"	E-48-20-C-a
quốc lộ 48B	KX	xã Ngọc Sơn	H. Quỳnh Lưu							E-48-20-C-a
núi Bạt Nang	SV	xã Ngọc Sơn	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 03"	105° 33' 12"					E-48-20-C-a
núi Đền Vua Hồ	SV	xã Ngọc Sơn	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 44"	105° 34' 39"					E-48-20-C-a
núi Hòn Đầm	SV	xã Ngọc Sơn	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 03"	105° 33' 50"					E-48-20-C-a
xóm Hòn Ngang	DC	xã Ngọc Sơn	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 11"	105° 34' 41"					E-48-20-C-a
đập Khe Gang	TV	xã Ngọc Sơn	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 16"	105° 35' 37"					E-48-20-C-a
hồ Khe Gang	TV	xã Ngọc Sơn	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 23"	105° 35' 50"					E-48-20-C-a
hồ Khe Sái	TV	xã Ngọc Sơn	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 36"	105° 34' 29"					E-48-20-C-a
xóm 1	DC	xã Quỳnh Bá	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 27"	105° 39' 18"					E-48-20-C-b
xóm 2	DC	xã Quỳnh Bá	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 14"	105° 39' 09"					E-48-20-C-b
xóm 3	DC	xã Quỳnh Bá	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 06"	105° 39' 10"					E-48-20-C-b
xóm 4	DC	xã Quỳnh Bá	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 00"	105° 39' 09"					E-48-20-C-b
xóm 5	DC	xã Quỳnh Bá	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 47"	105° 39' 16"					E-48-20-C-b
xóm 6	DC	xã Quỳnh Bá	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 08"	105° 38' 56"					E-48-20-C-b
xóm 7	DC	xã Quỳnh Bá	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 32"	105° 38' 24"					E-48-20-C-b
xóm 8	DC	xã Quỳnh Bá	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 16"	105° 38' 52"	19° 08' 02"	105° 39' 11"	19° 12' 50"	105° 32' 21"	E-48-20-C-b
quốc lộ 48B	KX	xã Quỳnh Bá	H. Quỳnh Lưu							E-48-20-C-a
xóm Hào Sơn	DC	xã Quỳnh Bá	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 23"	105° 38' 42"					E-48-20-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)			
kênh Vách Bắc	TV	xã Quỳnh Bá	H. Quỳnh Lưu			19° 10' 54"	105° 41' 33"	19° 10' 34"	105° 39' 32"	E-48-20-C-b		
đường tỉnh 537B	KX	xã Quỳnh Bằng	H. Quỳnh Lưu			19° 15' 05"	105° 42' 30"	19° 07' 17"	105° 42' 37"	E-48-20-C-b		
xóm Chí Thành	DC	xã Quỳnh Bằng	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 36"	105° 42' 45"					E-48-20-C-b		
xóm Đồng Hưng	DC	xã Quỳnh Bằng	H. Quỳnh Lưu	9° 09' 58"	105° 43' 00"					E-48-20-C-b		
xóm Đồng Tâm	DC	xã Quỳnh Bằng	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 49"	105° 42' 46"					E-48-20-C-b		
xóm Đồng Văn	DC	xã Quỳnh Bằng	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 18"	105° 42' 44"					E-48-20-C-b		
Sông Hàu	TV	xã Quỳnh Bằng	H. Quỳnh Lưu			19° 10' 03"	105° 42' 10"	19° 05' 53"	105° 42' 47"	E-48-20-C-b		
xóm Học Văn	DC	xã Quỳnh Bằng	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 49"	105° 42' 55"					E-48-20-C-b		
sông Mai Giang	TV	xã Quỳnh Bằng	H. Quỳnh Lưu			19° 13' 46"	105° 43' 12"	19° 10' 03"	105° 42' 10"	E-48-20-C-b		
xóm Mai Giang 1	DC	xã Quỳnh Bằng	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 57"	105° 42' 30"					E-48-20-C-b		
xóm Mai Giang 2	DC	xã Quỳnh Bằng	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 28"	105° 42' 11"					E-48-20-C-b		
xóm Quang Minh	DC	xã Quỳnh Bằng	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 32"	105° 42' 11"					E-48-20-C-b		
xóm Quyết Tâm	DC	xã Quỳnh Bằng	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 03"	105° 41' 29"					E-48-20-C-b		
xóm Quyết Thắng	DC	xã Quỳnh Bằng	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 11"	105° 41' 56"					E-48-20-C-b		
xóm Quyết Tiến	DC	xã Quỳnh Bằng	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 56"	105° 41' 57"					E-48-20-C-b		
xóm Tân Giang	DC	xã Quỳnh Bằng	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 08"	105° 42' 40"					E-48-20-C-b		
xóm Tân Hải	DC	xã Quỳnh Bằng	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 08"	105° 43' 02"					E-48-20-C-b		
xóm Tân Xuân	DC	xã Quỳnh Bằng	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 42"	105° 42' 08"					E-48-20-C-b		
xóm Thành Minh	DC	xã Quỳnh Bằng	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 48"	105° 42' 46"					E-48-20-C-b		
xóm Văn Đông	DC	xã Quỳnh Bằng	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 21"	105° 43' 27"					E-48-20-C-b		
xóm Văn Học	DC	xã Quỳnh Bằng	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 42"	105° 43' 16"					E-48-20-C-b		
xóm Văn Lý	DC	xã Quỳnh Châu	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 42"	105° 43' 27"					E-48-20-C-b		
xóm 1	DC	xã Quỳnh Châu	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 34"	105° 33' 19"					E-48-20-C-a		
xóm 2A	DC	xã Quỳnh Châu	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 41"	105° 33' 16"					E-48-20-C-a		
xóm 2B	DC	xã Quỳnh Châu	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 53"	105° 33' 15"					E-48-20-C-a		
xóm 3	DC	xã Quỳnh Châu	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 57"	105° 33' 07"					E-48-20-C-a		
xóm 4A	DC	xã Quỳnh Châu	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 07"	105° 32' 56"					E-48-20-C-a		
xóm 4B	DC	xã Quỳnh Châu	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 52"	105° 32' 51"					E-48-20-C-a		
xóm 5	DC	xã Quỳnh Châu	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 48"	105° 33' 04"					E-48-20-C-a		
xóm 6	DC	xã Quỳnh Châu	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 22"	105° 32' 53"					E-48-20-C-a		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm 7A	DC	xã Quỳnh Châu	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 41"	105° 32' 38"					E-48-20-C-a
xóm 7B	DC	xã Quỳnh Châu	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 33"	105° 32' 31"					E-48-20-C-a
xóm 8	DC	xã Quỳnh Châu	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 42"	105° 31' 59"					E-48-20-C-a
xóm 9	DC	xã Quỳnh Châu	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 47"	105° 31' 38"					E-48-20-C-a
xóm 10A	DC	xã Quỳnh Châu	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 59"	105° 31' 25"					E-48-20-C-a
xóm 10B	DC	xã Quỳnh Châu	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 25"	105° 31' 11"					E-48-20-C-a
xóm 12	DC	xã Quỳnh Châu	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 04"	105° 33' 51"					E-48-20-C-a
quốc lộ 48	KX	xã Quỳnh Châu	H. Quỳnh Lưu			19° 51' 31"	104° 50' 04"	19° 05' 04"	105° 35' 10"	E-48-20-C-a
đường tỉnh 531	KX	xã Quỳnh Châu	H. Quỳnh Lưu			19° 13' 30"	105° 31' 36"	19° 13' 44"	105° 23' 57"	E-48-20-A-c, E-48-20-C-a
quốc lộ 48B	KX	xã Quỳnh Châu	H. Quỳnh Lưu			19° 08' 02"	105° 39' 11"	19° 12' 50"	105° 32' 21"	E-48-20-C-a
xóm Bá Ngọc	DC	xã Quỳnh Châu	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 56"	105° 31' 49"					E-48-20-C-a
núi Chóp Đỉnh	SV	xã Quỳnh Châu	H. Quỳnh Lưu	19° 15' 33"	105° 32' 00"					E-48-20-A-c
xóm Đông Hồng	DC	xã Quỳnh Châu	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 34"	105° 32' 12"					E-48-20-C-a
núi Hốc Ráy	SV	xã Quỳnh Châu	H. Quỳnh Lưu	19° 16' 04"	105° 33' 01"					E-48-20-A-c
hồ Khe Sắn	TV	xã Quỳnh Châu	H. Quỳnh Lưu	19° 14' 35"	105° 34' 53"					E-48-20-C-a
hồ Khe Sầu	TV	xã Quỳnh Châu	H. Quỳnh Lưu	19° 15' 45"	105° 33' 40"					E-48-20-A-c
xóm Tân Hưng	DC	xã Quỳnh Châu	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 18"	105° 30' 52"					E-48-20-C-a
hồ Thái Lại	TV	xã Quỳnh Châu	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 59"	105° 32' 53"					E-48-20-C-a
dốc Trường Yên	KX	xã Quỳnh Châu	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 45"	105° 32' 01"					E-48-20-C-a
Cầu Tuấn	KX	xã Quỳnh Châu	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 09"	105° 31' 59"					E-48-20-C-a
Ga Tuấn	KX	xã Quỳnh Châu	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 12"	105° 31' 56"					E-48-20-C-a
Ngã ba Tuấn	KX	xã Quỳnh Châu	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 50"	105° 32' 21"					E-48-20-C-a
xóm Tuấn A	DC	xã Quỳnh Châu	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 41"	105° 32' 22"					E-48-20-C-a
xóm Tuấn B	DC	xã Quỳnh Châu	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 55"	105° 32' 10"					E-48-20-C-a
xóm Tuấn C	DC	xã Quỳnh Châu	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 57"	105° 32' 26"					E-48-20-C-a
đường tỉnh 537B	KX	xã Quỳnh Dij	H. Quỳnh Lưu			19° 15' 05"	105° 42' 30"	19° 07' 17"	105° 42' 37"	E-48-20-C-b
cầu Đền Cờn	KX	xã Quỳnh Dij	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 55"	105° 44' 03"					E-48-20-C-b
xóm Đông Triều	DC	xã Quỳnh Dij	H. Quỳnh Lưu	19° 14' 06"	105° 43' 23"					E-48-20-C-b
sông Hoàng Mai	TV	xã Quỳnh Dij	H. Quỳnh Lưu			19° 16' 40"	105° 38' 38"	19° 14' 00"	105° 45' 17"	E-48-20-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
sông Mỏ Đá	TV	xã Quỳnh Di	H. Quỳnh Lưu			19° 18' 54"	105° 43' 21"	19° 14' 22"	105° 44' 19"	E-48-20-A-d, E-48-20-C-b		
xóm Phú Lợi 1	DC	xã Quỳnh Di	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 52"	105° 43' 15"					E-48-20-C-b		
xóm Phú Lợi 2	DC	xã Quỳnh Di	H. Quỳnh Lưu	19° 14' 02"	105° 43' 06"					E-48-20-C-b		
xóm Quang Trung	DC	xã Quỳnh Di	H. Quỳnh Lưu	19° 14' 34"	105° 42' 43"					E-48-20-C-b		
xóm Sý Tân	DC	xã Quỳnh Di	H. Quỳnh Lưu	19° 14' 18"	105° 43' 01"					E-48-20-C-b		
xóm Tân Đông	DC	xã Quỳnh Di	H. Quỳnh Lưu	19° 14' 13"	105° 43' 23"					E-48-20-C-b		
xóm Yên Ninh	DC	xã Quỳnh Di	H. Quỳnh Lưu	19° 14' 53"	105° 42' 37"					E-48-20-C-b		
xóm Yên Trung	DC	xã Quỳnh Di	H. Quỳnh Lưu	19° 14' 50"	105° 42' 49"					E-48-20-C-b		
xóm Đồng Văn	DC	xã Quỳnh Diễn	H. Quỳnh Lưu	19° 06' 49"	105° 37' 42"					E-48-20-C-d		
núi Hòn Gai	SV	xã Quỳnh Diễn	H. Quỳnh Lưu	19° 06' 19"	105° 38' 30"					E-48-20-C-d		
xóm Minh Thắng	DC	xã Quỳnh Diễn	H. Quỳnh Lưu	19° 06' 42"	105° 37' 25"					E-48-20-C-c		
xóm Nhân Huống	DC	xã Quỳnh Diễn	H. Quỳnh Lưu	19° 06' 18"	105° 37' 49"					E-48-20-C-c		
xóm Tam Khởi	DC	xã Quỳnh Diễn	H. Quỳnh Lưu	19° 06' 15"	105° 37' 33"					E-48-20-C-d		
Sông Thái	TV	xã Quỳnh Diễn	H. Quỳnh Lưu			19° 09' 59"	105° 37' 26"	19° 05' 54"	105° 40' 22"	E-48-20-C-b, E-48-20-C-d		
xóm Thuận Hoà	DC	xã Quỳnh Diễn	H. Quỳnh Lưu	19° 06' 53"	105° 37' 16"					E-48-20-C-c		
kênh Vách Bắc	TV	xã Quỳnh Diễn	H. Quỳnh Lưu			19° 00' 31"	105° 28' 46"	19° 10' 54"	105° 41' 33"	E-48-20-C-d, E-48-20-C-c		
xóm Vĩnh Lộc	DC	xã Quỳnh Diễn	H. Quỳnh Lưu	19° 06' 29"	105° 37' 17"					E-48-20-C-c		
thôn 1	DC	xã Quỳnh Đồi	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 28"	105° 40' 06"					E-48-20-C-b		
thôn 2	DC	xã Quỳnh Đồi	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 22"	105° 40' 13"					E-48-20-C-b		
thôn 3	DC	xã Quỳnh Đồi	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 16"	105° 40' 02"					E-48-20-C-b		
thôn 4	DC	xã Quỳnh Đồi	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 07"	105° 40' 06"					E-48-20-C-b		
thôn 5	DC	xã Quỳnh Đồi	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 21"	105° 40' 23"					E-48-20-C-b		
thôn 6	DC	xã Quỳnh Đồi	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 10"	105° 40' 25"					E-48-20-C-b		
thôn 7	DC	xã Quỳnh Đồi	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 05"	105° 40' 24"					E-48-20-C-b		
thôn 8	DC	xã Quỳnh Đồi	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 01"	105° 40' 21"					E-48-20-C-b		
sông Đồng Nghệ	TV	xã Quỳnh Đồi	H. Quỳnh Lưu			19° 10' 03"	105° 42' 10"	19° 05' 53"	105° 42' 47"	E-48-20-C-b		
quốc lộ 1	KX	xã Quỳnh Giang	H. Quỳnh Lưu			19° 18' 42"	105° 43' 15"	18° 38' 51"	105° 42' 24"	E-48-20-C-a, E-48-20-C-c		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình		
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)			
xóm 1	DC	xã Quỳnh Giang	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 27"	105° 35' 43"					E-48-20-C-a		
xóm 2	DC	xã Quỳnh Giang	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 39"	105° 36' 00"					E-48-20-C-a		
xóm 3	DC	xã Quỳnh Giang	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 48"	105° 36' 10"					E-48-20-C-a		
xóm 4	DC	xã Quỳnh Giang	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 55"	105° 36' 20"					E-48-20-C-a		
xóm 5	DC	xã Quỳnh Giang	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 04"	105° 36' 52"					E-48-20-C-a		
xóm 6	DC	xã Quỳnh Giang	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 53"	105° 36' 53"					E-48-20-C-a		
xóm 7	DC	xã Quỳnh Giang	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 45"	105° 36' 59"					E-48-20-C-a		
xóm 8	DC	xã Quỳnh Giang	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 40"	105° 36' 58"					E-48-20-C-a		
xóm 9	DC	xã Quỳnh Giang	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 38"	105° 37' 07"					E-48-20-C-c		
xóm 10	DC	xã Quỳnh Giang	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 29"	105° 37' 11"					E-48-20-C-a		
xóm 11	DC	xã Quỳnh Giang	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 08"	105° 37' 10"					E-48-20-C-a		
xóm 12	DC	xã Quỳnh Giang	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 57"	105° 37' 14"					E-48-20-C-a		
núi Hòn Gai	SV	xã Quỳnh Giang	H. Quỳnh Lưu	19° 06' 19"	105° 38' 30"			19° 11' 42"	105° 38' 12"	18° 56' 25"	105° 25' 03"	E-48-20-C-a, E-48-20-C-b
kênh N2	TV	xã Quỳnh Giang	H. Quỳnh Lưu					19° 09' 59"	105° 37' 26"	19° 05' 54"	105° 40' 22"	E-48-20-C-b
Sông Thái	TV	xã Quỳnh Giang	H. Quỳnh Lưu									E-48-20-C-a
Xóm Trãi	DC	xã Quỳnh Giang	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 16"	105° 34' 53"							E-48-20-C-b
quốc lộ 1	KX	xã Quỳnh Hậu	H. Quỳnh Lưu					19° 18' 42"	105° 43' 15"	18° 38' 51"	105° 42' 24"	E-48-20-C-b
thôn 1	DC	xã Quỳnh Hậu	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 52"	105° 39' 17"							E-48-20-C-b
thôn 2	DC	xã Quỳnh Hậu	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 48"	105° 39' 27"							E-48-20-C-b
thôn 3	DC	xã Quỳnh Hậu	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 44"	105° 39' 18"							E-48-20-C-b
thôn 4	DC	xã Quỳnh Hậu	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 26"	105° 39' 21"							E-48-20-C-b
thôn 5	DC	xã Quỳnh Hậu	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 20"	105° 39' 20"							E-48-20-C-b
thôn 6	DC	xã Quỳnh Hậu	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 19"	105° 39' 10"							E-48-20-C-b
thôn 7	DC	xã Quỳnh Hậu	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 25"	105° 39' 06"							E-48-20-C-b
thôn 8	DC	xã Quỳnh Hậu	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 31"	105° 39' 08"							E-48-20-C-b
thôn 9	DC	xã Quỳnh Hậu	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 33"	105° 38' 59"							E-48-20-C-b
thôn 10	DC	xã Quỳnh Hậu	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 41"	105° 38' 45"							E-48-20-C-b
xóm 11	DC	xã Quỳnh Hậu	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 47"	105° 38' 35"							E-48-20-C-b
thôn 12	DC	xã Quỳnh Hậu	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 01"	105° 38' 43"							E-48-20-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)			
kênh Vách Bắc	TV	xã Quỳnh Hậu	H. Quỳnh Lưu			19° 10' 54"	105° 41' 33"	19° 10' 34"	105° 39' 32"	E-48-20-C-b		
xóm 1	DC	xã Quỳnh Hoa	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 16"	105° 38' 00"					E-48-20-C-b		
xóm 2	DC	xã Quỳnh Hoa	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 24"	105° 38' 03"					E-48-20-C-b		
xóm 3	DC	xã Quỳnh Hoa	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 45"	105° 38' 06"					E-48-20-C-b		
xóm 4	DC	xã Quỳnh Hoa	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 32"	105° 37' 58"					E-48-20-C-b		
xóm 5	DC	xã Quỳnh Hoa	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 20"	105° 37' 13"					E-48-20-C-a		
xóm 6	DC	xã Quỳnh Hoa	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 26"	105° 37' 20"					E-48-20-C-a		
xóm 7	DC	xã Quỳnh Hoa	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 20"	105° 37' 02"					E-48-20-C-a		
xóm 8	DC	xã Quỳnh Hoa	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 54"	105° 38' 11"					E-48-20-C-b		
xóm 9	DC	xã Quỳnh Hoa	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 01"	105° 38' 16"					E-48-20-C-b		
xóm 10	DC	xã Quỳnh Hoa	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 08"	105° 38' 24"					E-48-20-C-b		
xóm 11	DC	xã Quỳnh Hoa	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 16"	105° 38' 32"					E-48-20-C-b		
xóm 12	DC	xã Quỳnh Hoa	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 41"	105° 37' 40"					E-48-20-C-b		
xóm Hoa Bắc	DC	xã Quỳnh Hoa	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 03"	105° 38' 19"					E-48-20-C-b		
xóm Hoa Nam	DC	xã Quỳnh Hoa	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 37"	105° 38' 01"					E-48-20-C-b		
kênh N2	TV	xã Quỳnh Hoa	H. Quỳnh Lưu			19° 11' 42"	105° 38' 12"	18° 56' 25"	105° 25' 03"	E-48-20-C-a, E-48-20-C-b		
quốc lộ 1	KX	xã Quỳnh Hồng	H. Quỳnh Lưu			19° 18' 42"	105° 43' 15"	18° 38' 51"	105° 42' 24"	E-48-20-C-b		
thôn 1	DC	xã Quỳnh Hồng	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 18"	105° 38' 35"					E-48-20-C-b		
thôn 2	DC	xã Quỳnh Hồng	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 11"	105° 38' 32"					E-48-20-C-b		
thôn 3	DC	xã Quỳnh Hồng	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 11"	105° 38' 20"					E-48-20-C-b		
thôn 4	DC	xã Quỳnh Hồng	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 01"	105° 38' 18"					E-48-20-C-b		
thôn 5	DC	xã Quỳnh Hồng	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 55"	105° 38' 03"					E-48-20-C-b		
thôn 6	DC	xã Quỳnh Hồng	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 44"	105° 37' 57"					E-48-20-C-b		
thôn 7	DC	xã Quỳnh Hồng	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 31"	105° 37' 50"					E-48-20-C-b		
thôn 8	DC	xã Quỳnh Hồng	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 06"	105° 37' 44"					E-48-20-C-b		
thôn 9	DC	xã Quỳnh Hồng	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 46"	105° 37' 48"					E-48-20-C-b		
quốc lộ 48B	KX	xã Quỳnh Hồng	H. Quỳnh Lưu			19° 08' 02"	105° 39' 11"	19° 12' 50"	105° 32' 21"	E-48-20-C-a		
Sông Thái	TV	xã Quỳnh Hồng	H. Quỳnh Lưu			19° 09' 59"	105° 37' 26"	19° 05' 54"	105° 40' 22"	E-48-20-C-b, E-48-20-C-d		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	
kênh Vách Bắc	TV	xã Quỳnh Hồng	H. Quỳnh Lưu			19° 10' 54"	105° 41' 33"	19° 10' 34"	105° 39' 32"	E-48-20-C-b, E-48-20-C-d
xóm 1	DC	xã Quỳnh Hưng	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 50"	105° 38' 19"					E-48-20-C-b
xóm 2	DC	xã Quỳnh Hưng	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 42"	105° 38' 26"					E-48-20-C-d
xóm 3	DC	xã Quỳnh Hưng	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 48"	105° 38' 29"					E-48-20-C-d
xóm 4	DC	xã Quỳnh Hưng	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 41"	105° 38' 39"					E-48-20-C-d
xóm 5	DC	xã Quỳnh Hưng	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 36"	105° 38' 37"					E-48-20-C-d
xóm 6	DC	xã Quỳnh Hưng	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 23"	105° 38' 36"					E-48-20-C-d
xóm 6	DC	xã Quỳnh Hưng	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 22"	105° 38' 34"					E-48-20-C-d
xóm 7	DC	xã Quỳnh Hưng	H. Quỳnh Lưu	19° 06' 49"	105° 38' 52"					E-48-20-C-d
xóm 8	DC	xã Quỳnh Hưng	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 00"	105° 39' 00"					E-48-20-C-d
xóm 9	DC	xã Quỳnh Hưng	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 08"	105° 38' 59"					E-48-20-C-d
xóm 10	DC	xã Quỳnh Hưng	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 04"	105° 38' 48"					E-48-20-C-d
xóm 11	DC	xã Quỳnh Hưng	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 18"	105° 38' 10"					E-48-20-C-d
xóm 12	DC	xã Quỳnh Hưng	H. Quỳnh Lưu	19° 06' 51"	105° 38' 07"					E-48-20-C-d
Sông Thái	TV	xã Quỳnh Hưng	H. Quỳnh Lưu			19° 09' 59"	105° 37' 26"	19° 05' 54"	105° 40' 22"	E-48-20-C-d
kênh Vách Bắc	TV	xã Quỳnh Hưng	H. Quỳnh Lưu			19° 00' 31"	105° 28' 46"	19° 10' 54"	105° 41' 33"	E-48-20-C-b
quốc lộ 1	KX	xã Quỳnh Lâm	H. Quỳnh Lưu			19° 18' 42"	105° 43' 15"	18° 38' 51"	105° 42' 24"	E-48-20-C-a
xóm 1	DC	xã Quỳnh Lâm	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 02"	105° 36' 28"					E-48-20-C-a
xóm 2	DC	xã Quỳnh Lâm	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 15"	105° 36' 22"					E-48-20-C-a
xóm 3	DC	xã Quỳnh Lâm	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 58"	105° 36' 27"					E-48-20-C-a
xóm 4	DC	xã Quỳnh Lâm	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 58"	105° 36' 09"					E-48-20-C-a
xóm 5	DC	xã Quỳnh Lâm	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 07"	105° 35' 33"					E-48-20-C-a
xóm 6	DC	xã Quỳnh Lâm	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 50"	105° 35' 26"					E-48-20-C-a
xóm 7	DC	xã Quỳnh Lâm	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 30"	105° 35' 12"					E-48-20-C-a
xóm 7	DC	xã Quỳnh Lâm	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 36"	105° 35' 15"					E-48-20-C-a
xóm 8	DC	xã Quỳnh Lâm	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 35"	105° 34' 37"					E-48-20-C-a
xóm 9	DC	xã Quỳnh Lâm	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 21"	105° 34' 56"					E-48-20-C-a
xóm 10	DC	xã Quỳnh Lâm	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 29"	105° 35' 02"					E-48-20-C-a
xóm 11	DC	xã Quỳnh Lâm	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 47"	105° 35' 23"					E-48-20-C-a
xóm 12	DC	xã Quỳnh Lâm	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 54"	105° 35' 39"					E-48-20-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
núi Đồng Mì	SV	xã Quỳnh Lập	H. Quỳnh Lưu	19° 16' 07"	105° 45' 33"					E-48-20-B-c E-48-20-D-a
xóm Đồng Minh	DC	xã Quỳnh Lập	H. Quỳnh Lưu	19° 16' 36"	105° 47' 46"					E-48-20-B-c E-48-20-D-a
xóm Đồng Tám	DC	xã Quỳnh Lập	H. Quỳnh Lưu	19° 14' 04"	105° 45' 27"					E-48-20-B-c E-48-20-D-a
xóm Đồng Thanh	DC	xã Quỳnh Lập	H. Quỳnh Lưu	19° 16' 47"	105° 46' 56"					E-48-20-B-c E-48-20-D-a
xóm Đồng Tiến	DC	xã Quỳnh Lập	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 57"	105° 45' 25"					E-48-20-B-c E-48-20-D-a
sông Hoàng Mai	TV	xã Quỳnh Lập	H. Quỳnh Lưu			19° 16' 40"	105° 38' 38"	19° 14' 00"	105° 45' 17"	E-48-20-A-d
xóm Hợp Tiến	DC	xã Quỳnh Lập	H. Quỳnh Lưu	19° 14' 13"	105° 45' 22"					E-48-20-B-c E-48-20-D-a
xóm Lam Sơn	DC	xã Quỳnh Lập	H. Quỳnh Lưu	19° 14' 41"	105° 45' 22"					E-48-20-B-c E-48-20-D-a
đá Ông Cộc	TV	xã Quỳnh Lập	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 34"	105° 45' 27"					E-48-20-B-c E-48-20-D-a
xóm Quyết Tâm	DC	xã Quỳnh Lập	H. Quỳnh Lưu	19° 14' 30"	105° 45' 09"					E-48-20-B-c E-48-20-D-a
xóm Quyết Tiến	DC	xã Quỳnh Lập	H. Quỳnh Lưu	19° 14' 23"	105° 45' 21"					E-48-20-B-c E-48-20-D-a
núi Răng Cưa	SV	xã Quỳnh Lập	H. Quỳnh Lưu	19° 18' 10"	105° 47' 53"					E-48-20-B-c E-48-20-D-a
Xóm Ròng	DC	xã Quỳnh Lập	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 47"	105° 45' 25"					E-48-20-B-c E-48-20-D-a
xóm Tam Hợp	DC	xã Quỳnh Lập	H. Quỳnh Lưu	19° 14' 21"	105° 45' 36"					E-48-20-B-c E-48-20-D-a
xóm Tân Long	DC	xã Quỳnh Lập	H. Quỳnh Lưu	19° 14' 50"	105° 45' 18"					E-48-20-B-c E-48-20-D-a
xóm Tân Minh	DC	xã Quỳnh Lập	H. Quỳnh Lưu	19° 17' 14"	105° 47' 49"					E-48-20-B-c E-48-20-D-a
xóm Trại Phong	DC	xã Quỳnh Lập	H. Quỳnh Lưu	19° 15' 42"	105° 46' 14"					E-48-20-B-c E-48-20-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)			
núi Đồng Mí	SV	xã Quỳnh Lộc	H. Quỳnh Lưu	19° 16' 07"	105° 45' 33"						E-48-20-B-c E-48-20-D-a	
núi Gò Dốc	SV	xã Quỳnh Lộc	H. Quỳnh Lưu	19° 16' 08"	105° 45' 15"						E-48-20-B-c E-48-20-D-a	
sông Hoàng Mai	TV	xã Quỳnh Lộc	H. Quỳnh Lưu					19° 16' 40"	105° 38' 38"	19° 14' 00"	105° 45' 17"	E-48-20-C-b
sông Mỏ Đá	TV	xã Quỳnh Lộc	H. Quỳnh Lưu					19° 18' 54"	105° 43' 21"	19° 14' 22"	105° 44' 19"	E-48-20-A-d E-48-20-C-b
Nhà máy Xi măng Nghi Sơn	KX	xã Quỳnh Lộc	H. Quỳnh Lưu	19° 15' 43"	105° 43' 58"							E-48-20-A-d
Núi Xước	SV	xã Quỳnh Lộc	H. Quỳnh Lưu	19° 19' 28"	105° 44' 23"							E-48-20-A-d
thôn Cộng Hoà	DC	xã Quỳnh Long	H. Quỳnh Lưu	19° 05' 26"	105° 41' 55"							E-48-20-C-d
xóm Đại Bắc	DC	xã Quỳnh Long	H. Quỳnh Lưu	19° 05' 13"	105° 41' 13"							E-48-20-C-d
thôn Đại Hải	DC	xã Quỳnh Long	H. Quỳnh Lưu	19° 05' 18"	105° 41' 13"							E-48-20-C-d
xóm Đại Tân	DC	xã Quỳnh Long	H. Quỳnh Lưu	19° 05' 31"	105° 41' 23"							E-48-20-C-d
xóm Minh Thành	DC	xã Quỳnh Long	H. Quỳnh Lưu	19° 05' 27"	105° 41' 42"							E-48-20-C-d
thôn Phú Liên	DC	xã Quỳnh Long	H. Quỳnh Lưu	19° 05' 23"	105° 41' 28"							E-48-20-C-d
xóm Phú Thành	DC	xã Quỳnh Long	H. Quỳnh Lưu	19° 05' 35"	105° 41' 31"							E-48-20-C-d
thôn Thành Công	DC	xã Quỳnh Long	H. Quỳnh Lưu	19° 05' 29"	105° 41' 06"							E-48-20-C-d
thôn 1	DC	xã Quỳnh Lương	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 00"	105° 42' 50"							E-48-20-C-b
thôn 2	DC	xã Quỳnh Lương	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 00"	105° 42' 38"							E-48-20-C-b
thôn 3	DC	xã Quỳnh Lương	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 13"	105° 42' 54"							E-48-20-C-b
thôn 4	DC	xã Quỳnh Lương	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 20"	105° 42' 41"							E-48-20-C-b
thôn 5	DC	xã Quỳnh Lương	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 31"	105° 42' 49"							E-48-20-C-b
thôn 6	DC	xã Quỳnh Lương	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 23"	105° 43' 14"							E-48-20-C-b
thôn 7	DC	xã Quỳnh Lương	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 13"	105° 43' 14"							E-48-20-C-b
thôn 8	DC	xã Quỳnh Lương	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 09"	105° 43' 01"							E-48-20-C-b
đường tỉnh 537B	KX	xã Quỳnh Lương	H. Quỳnh Lưu					19° 15' 05"	105° 42' 30"	19° 07' 17"	105° 42' 37"	E-48-20-C-b
Sông Hậu	TV	xã Quỳnh Lương	H. Quỳnh Lưu					19° 10' 03"	105° 42' 10"	19° 05' 53"	105° 42' 47"	E-48-20-C-b
xóm 1	DC	xã Quỳnh Minh	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 39"	105° 43' 03"							E-48-20-C-b
xóm 2	DC	xã Quỳnh Minh	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 29"	105° 43' 11"							E-48-20-C-b
xóm 3	DC	xã Quỳnh Minh	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 18"	105° 42' 59"							E-48-20-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)			
xóm 4	DC	xã Quỳnh Minh	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 29"	105° 42' 54"						E-48-20-C-b	
xóm 5	DC	xã Quỳnh Minh	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 26"	105° 42' 42"						E-48-20-C-b	
xóm 6	DC	xã Quỳnh Minh	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 34"	105° 42' 41"						E-48-20-C-b	
xóm 7	DC	xã Quỳnh Minh	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 41"	105° 42' 41"						E-48-20-C-b	
xóm 8	DC	xã Quỳnh Minh	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 27"	105° 42' 19"						E-48-20-C-b	
xóm 9	DC	xã Quỳnh Minh	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 18"	105° 42' 11"						E-48-20-C-b	
đường tỉnh 537B	KX	xã Quỳnh Minh	H. Quỳnh Lưu			19° 15' 05"	105° 42' 30"	19° 07' 17"	105° 42' 37"		E-48-20-C-b	
Sông Hậu	TV	xã Quỳnh Minh	H. Quỳnh Lưu			19° 10' 03"	105° 42' 10"	19° 05' 53"	105° 42' 47"		E-48-20-C-b	
thôn 1	DC	xã Quỳnh Mỹ	H. Quỳnh Lưu	9° 11' 08"	105° 36' 56"						E-48-20-C-a	
thôn 2	DC	xã Quỳnh Mỹ	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 01"	105° 36' 44"						E-48-20-C-b	
thôn 3	DC	xã Quỳnh Mỹ	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 39"	105° 36' 50"						E-48-20-C-a	
thôn 4	DC	xã Quỳnh Mỹ	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 54"	105° 37' 37"						E-48-20-C-b	
thôn 5	DC	xã Quỳnh Mỹ	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 57"	105° 37' 03"						E-48-20-C-a	
thôn 6	DC	xã Quỳnh Mỹ	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 31"	105° 36' 45"						E-48-20-C-a	
thôn 7	DC	xã Quỳnh Mỹ	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 59"	105° 36' 36"						E-48-20-C-a	
thôn 8	DC	xã Quỳnh Mỹ	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 44"	105° 36' 22"						E-48-20-C-a	
thôn 9	DC	xã Quỳnh Mỹ	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 55"	105° 36' 37"						E-48-20-C-a	
quốc lộ 48B	KX	xã Quỳnh Mỹ	H. Quỳnh Lưu			19° 08' 02"	105° 39' 11"	19° 12' 50"	105° 32' 21"		E-48-20-C-a	
kênh N2	TV	xã Quỳnh Mỹ	H. Quỳnh Lưu			19° 11' 42"	105° 38' 12"	18° 56' 25"	105° 25' 03"		E-48-20-C-a E-48-20-C-b	
Sông Thái	TV	xã Quỳnh Mỹ	H. Quỳnh Lưu			19° 09' 59"	105° 37' 26"	19° 05' 54"	105° 40' 22"		E-48-20-C-a	
núi Trường Thọ	SV	xã Quỳnh Mỹ	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 10"	105° 37' 00"						E-48-20-C-a	
thôn 1	DC	xã Quỳnh Nghĩa	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 09"	105° 42' 46"						E-48-20-C-b	
xóm 2	DC	xã Quỳnh Nghĩa	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 43"	105° 43' 04"						E-48-20-C-b	
thôn 3	DC	xã Quỳnh Nghĩa	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 24"	105° 43' 17"						E-48-20-C-d	
thôn 4	DC	xã Quỳnh Nghĩa	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 50"	105° 42' 35"						E-48-20-C-b	
thôn 5	DC	xã Quỳnh Nghĩa	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 36"	105° 42' 44"						E-48-20-C-b	
thôn 6	DC	xã Quỳnh Nghĩa	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 28"	105° 42' 39"						E-48-20-C-b	
thôn 7	DC	xã Quỳnh Nghĩa	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 38"	105° 42' 39"						E-48-20-C-b	
đường tỉnh 537B	KX	xã Quỳnh Nghĩa	H. Quỳnh Lưu			19° 15' 05"	105° 42' 30"	19° 07' 17"	105° 42' 37"		E-48-20-C-b	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Sông Hàu	TV	xã Quỳnh Nghĩa	H. Quỳnh Lưu			19° 10' 03"	105°42' 10"	19° 05' 53"	105°42' 47"	E-48-20-C-b E-48-20-C-d
thôn Hoà Bình	DC	xã Quỳnh Nghĩa	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 27"	105° 42' 21"					E-48-20-C-b
thôn Hoà Đông	DC	xã Quỳnh Nghĩa	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 27"	105° 42' 31"					E-48-20-C-b
xóm Nghĩa Bắc	DC	xã Quỳnh Nghĩa	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 05"	105° 42' 04"					E-48-20-C-b
thôn Nghĩa Phú	DC	xã Quỳnh Nghĩa	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 46"	105° 42' 16"					E-48-20-C-b
Núi Rồng	SV	xã Quỳnh Nghĩa	H. Quỳnh Lưu	19° 06' 33"	105° 43' 42"					E-48-20-C-d
mũi Rồng Quên	TV	xã Quỳnh Nghĩa	H. Quỳnh Lưu	19° 06' 19"	105° 44' 12"					E-48-20-C-d
thôn 1	DC	xã Quỳnh Ngoc	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 48"	105° 40' 16"					E-48-20-C-b
thôn 2	DC	xã Quỳnh Ngoc	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 44"	105° 39' 55"					E-48-20-C-b
thôn 3	DC	xã Quỳnh Ngoc	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 26"	105° 39' 46"					E-48-20-C-b
thôn 4	DC	xã Quỳnh Ngoc	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 15"	105° 39' 46"					E-48-20-C-b
thôn 5	DC	xã Quỳnh Ngoc	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 17"	105° 39' 39"					E-48-20-C-b
thôn 6	DC	xã Quỳnh Ngoc	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 04"	105° 39' 47"					E-48-20-C-b
thôn 7	DC	xã Quỳnh Ngoc	H. Quỳnh Lưu	19° 06' 48"	105° 39' 46"					E-48-20-C-b
thôn 8	DC	xã Quỳnh Ngoc	H. Quỳnh Lưu	19° 06' 57"	105° 39' 35"					E-48-20-C-b
thôn 9	DC	xã Quỳnh Ngoc	H. Quỳnh Lưu	19° 06' 46"	105° 39' 39"					E-48-20-C-b
thôn 10	DC	xã Quỳnh Ngoc	H. Quỳnh Lưu	19° 06' 52"	105° 39' 31"					E-48-20-C-b
thôn 11	DC	xã Quỳnh Ngoc	H. Quỳnh Lưu	19° 06' 37"	105° 39' 26"					E-48-20-C-b
thôn 12	DC	xã Quỳnh Ngoc	H. Quỳnh Lưu	19° 06' 43"	105° 39' 45"					E-48-20-C-b
thôn 13	DC	xã Quỳnh Ngoc	H. Quỳnh Lưu	19° 06' 38"	105° 39' 53"					E-48-20-C-b
quốc lộ 48B	KX	xã Quỳnh Ngoc	H. Quỳnh Lưu			19° 08' 02"	105° 39' 11"	19° 12' 50"	105° 32' 21"	E-48-20-C-a
đường tỉnh 537B	KX	xã Quỳnh Ngoc	H. Quỳnh Lưu			19° 15' 05"	105° 42' 30"	19° 07' 17"	105° 42' 37"	E-48-20-C-b
xóm Ngoc Đoài	DC	xã Quỳnh Ngoc	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 19"	105° 39' 45"					E-48-20-C-d
xóm Ngoc Thanh	DC	xã Quỳnh Ngoc	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 04"	105° 39' 47"					E-48-20-C-d
Sông Thái	TV	xã Quỳnh Ngoc	H. Quỳnh Lưu			19° 09' 59"	105° 37' 26"	19° 05' 54"	105° 40' 22"	E-48-20-C-d
Xóm Trị	DC	xã Quỳnh Ngoc	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 44"	105° 39' 55"					E-48-20-C-b
đường tỉnh 537B	KX	xã Quỳnh Phương	H. Quỳnh Lưu			19° 15' 05"	105° 42' 30"	19° 07' 17"	105° 42' 37"	E-48-20-C-b
thôn Ái Quốc	DC	xã Quỳnh Phương	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 49"	105° 44' 13"					E-48-20-C-b
Lạch Cờn	TV	xã Quỳnh Phương	H. Quỳnh Lưu	19° 14' 00"	105° 45' 17"					E-48-20-B-c E-48-20-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)			
đền Cờ Ngoài	KX	xã Quỳnh Phương	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 23"	105° 44' 22"						E-48-20-C-b	
đền Cờ Trong	KX	xã Quỳnh Phương	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 55"	105° 44' 07"						E-48-20-C-b	
cầu Đền Cờ	KX	xã Quỳnh Phương	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 55"	105° 44' 03"						E-48-20-C-b	
sông Hoàng Mai	TV	xã Quỳnh Phương	H. Quỳnh Lưu			19° 16' 40"	105°38' 38"	19° 14' 00"	105°45' 17"		E-48-20-C-b E-48-20-B-c E-48-20-D-a	
thôn Hồng Hải	DC	xã Quỳnh Phương	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 58"	105° 44' 53"						E-48-20-C-b	
thôn Hồng Phong	DC	xã Quỳnh Phương	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 48"	105° 44' 03"						E-48-20-C-b	
thôn Hồng Thái	DC	xã Quỳnh Phương	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 56"	105° 44' 44"						E-48-20-C-b	
xóm Phương Hồng	DC	xã Quỳnh Phương	H. Quỳnh Lưu	19° 14' 02"	105° 44' 43"						E-48-20-C-b	
thôn Quang Trung	DC	xã Quỳnh Phương	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 34"	105° 44' 09"						E-48-20-C-b	
thôn Quyết Tiến	DC	xã Quỳnh Phương	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 41"	105° 44' 34"						E-48-20-C-b	
thôn Tân Hải	DC	xã Quỳnh Phương	H. Quỳnh Lưu	19° 14' 06"	105° 44' 35"						E-48-20-C-b	
thôn Tân Phong	DC	xã Quỳnh Phương	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 34"	105° 43' 53"						E-48-20-C-b	
thôn Tân Tiến	DC	xã Quỳnh Phương	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 48"	105° 44' 43"						E-48-20-C-b	
thôn Thán Ái	DC	xã Quỳnh Phương	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 44"	105° 44' 20"						E-48-20-C-b	
thôn 1	DC	xã Quỳnh Tam	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 11"	105° 31' 06"						E-48-20-C-a	
thôn 2	DC	xã Quỳnh Tam	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 58"	105° 30' 51"						E-48-20-C-a	
thôn 3A	DC	xã Quỳnh Tam	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 34"	105° 30' 34"						E-48-20-C-a	
thôn 3B	DC	xã Quỳnh Tam	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 28"	105° 31' 01"						E-48-20-C-a	
thôn 4	DC	xã Quỳnh Tam	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 01"	105° 31' 37"						E-48-20-C-a	
thôn 5	DC	xã Quỳnh Tam	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 03"	105° 31' 02"						E-48-20-C-a	
thôn 6	DC	xã Quỳnh Tam	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 18"	105° 30' 28"						E-48-20-C-a	
thôn 7	DC	xã Quỳnh Tam	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 55"	105° 29' 52"						E-48-19-D-b	
thôn 8	DC	xã Quỳnh Tam	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 24"	105° 29' 04"						E-48-19-D-b	
thôn 9	DC	xã Quỳnh Tam	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 59"	105° 28' 56"						E-48-19-D-b	
thôn 10	DC	xã Quỳnh Tam	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 50"	105° 29' 14"						E-48-20-C-a	
thôn 11	DC	xã Quỳnh Tam	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 40"	105° 32' 10"						E-48-20-C-a	
quốc lộ 48	KX	xã Quỳnh Tam	H. Quỳnh Lưu			19° 51' 31"	104° 50' 04"	19° 05' 04"	105° 35' 10"		E-48-20-C-a	
đập 1/5	TV	xã Quỳnh Tam	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 13"	105° 28' 34"						E-48-19-D-b	
đập 3/2	TV	xã Quỳnh Tam	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 10"	105° 29' 00"						E-48-19-D-b	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)			
hồ Đông Hồng	TV	xã Quỳnh Tam	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 03"	105° 31' 54"						E-48-20-C-a	
khe Hang Lớn	TV	xã Quỳnh Tam	H. Quỳnh Lưu			19° 09' 27"	105°28' 32"	19° 10' 42"	105°30' 14"		E-48-20-C-a E-48-19-D-b	
suối Mã Tổ	TV	xã Quỳnh Tam	H. Quỳnh Lưu				105°30' 18"	19° 08' 57"	105°30' 41"		E-48-20-C-a	
núi Truong Trảng	SV	xã Quỳnh Tam	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 38"	105° 29' 40"						E-48-19-D-b	
dốc Truong Yên	KX	xã Quỳnh Tam	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 45"	105° 32' 01"						E-48-20-C-a	
thôn 1	DC	xã Quỳnh Tân	H. Quỳnh Lưu	19° 15' 21"	105° 38' 36"						E-48-20-C-b	
thôn 2	DC	xã Quỳnh Tân	H. Quỳnh Lưu	19° 15' 02"	105° 39' 50"						E-48-20-C-b	
thôn 3	DC	xã Quỳnh Tân	H. Quỳnh Lưu	19° 14' 09"	105° 38' 33"						E-48-20-C-b	
thôn 4	DC	xã Quỳnh Tân	H. Quỳnh Lưu	19° 14' 23"	105° 37' 13"						E-48-20-C-a	
xóm 5	DC	xã Quỳnh Tân	H. Quỳnh Lưu	19° 14' 07"	105° 38' 13"						E-48-20-C-b	
thôn 6	DC	xã Quỳnh Tân	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 35"	105° 38' 23"						E-48-20-C-b	
xóm 7	DC	xã Quỳnh Tân	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 19"	105° 38' 22"						E-48-20-C-b	
xóm 8	DC	xã Quỳnh Tân	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 37"	105° 38' 45"						E-48-20-C-b	
xóm 9	DC	xã Quỳnh Tân	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 53"	105° 39' 22"						E-48-20-C-b	
thôn 10	DC	xã Quỳnh Tân	H. Quỳnh Lưu	19° 14' 19"	105° 40' 31"						E-48-20-C-b	
xóm 11	DC	xã Quỳnh Tân	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 43"	105° 37' 54"						E-48-20-C-b	
thôn 12	DC	xã Quỳnh Tân	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 43"	105° 39' 51"						E-48-20-C-b	
thôn 13	DC	xã Quỳnh Tân	H. Quỳnh Lưu	19° 14' 20"	105° 40' 12"						E-48-20-C-b	
thôn 14	DC	xã Quỳnh Tân	H. Quỳnh Lưu	19° 14' 11"	105° 38' 41"						E-48-20-C-b	
xóm 15	DC	xã Quỳnh Tân	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 25"	105° 39' 14"						E-48-20-C-b	
thôn 16	DC	xã Quỳnh Tân	H. Quỳnh Lưu	19° 14' 57"	105° 39' 08"						E-48-20-C-b	
đập An Ngải	TV	xã Quỳnh Tân	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 17"	105° 37' 33"						E-48-20-C-b	
núi Ba Chóp	SV	xã Quỳnh Tân	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 19"	105° 38' 00"						E-48-20-C-b	
xóm Bà Đa	DC	xã Quỳnh Tân	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 53"	105° 39' 22"						E-48-20-C-b	
kênh Chính Vực Máu	TV	xã Quỳnh Tân	H. Quỳnh Lưu			19° 16' 16"	105° 38' 33"	19° 12' 12"	105° 39' 19"		E-48-20-C-b	
xóm Cồn Cồn	DC	xã Quỳnh Tân	H. Quỳnh Lưu	19° 14' 12"	105° 38' 02"						E-48-20-C-b	
đập Khe Mây	TV	xã Quỳnh Tân	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 45"	105° 38' 15"						E-48-20-C-b	
Núi Lớn	SV	xã Quỳnh Tân	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 01"	105° 39' 07"						E-48-20-C-b	
núi Thung Buồng	SV	xã Quỳnh Tân	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 45"	105° 37' 56"						E-48-20-C-b	
hồ Vực Máu	TV	xã Quỳnh Tân	H. Quỳnh Lưu	19° 16' 22"	105° 37' 36"						E-48-20-A-d	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)			
quốc lộ 1	KX	xã Quỳnh Thạch	H. Quỳnh Lưu			19° 18' 42"	105° 43' 15"	18° 38' 51"	105° 42' 24"	E-48-20-C-b		
xóm 1	DC	xã Quỳnh Thạch	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 50"	105° 40' 17"					E-48-20-C-b		
xóm 2	DC	xã Quỳnh Thạch	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 38"	105° 40' 07"					E-48-20-C-b		
xóm 3	DC	xã Quỳnh Thạch	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 21"	105° 39' 46"					E-48-20-C-b		
xóm 4	DC	xã Quỳnh Thạch	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 14"	105° 39' 39"					E-48-20-C-b		
xóm 5	DC	xã Quỳnh Thạch	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 03"	105° 39' 36"					E-48-20-C-b		
xóm 6	DC	xã Quỳnh Thạch	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 10"	105° 39' 38"					E-48-20-C-b		
xóm 7	DC	xã Quỳnh Thạch	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 54"	105° 39' 38"					E-48-20-C-b		
xóm 8	DC	xã Quỳnh Thạch	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 14"	105° 39' 33"					E-48-20-C-b		
xóm 9	DC	xã Quỳnh Thạch	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 09"	105° 39' 47"					E-48-20-C-b		
xóm 10	DC	xã Quỳnh Thạch	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 06"	105° 39' 22"					E-48-20-C-b		
xóm 11	DC	xã Quỳnh Thạch	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 55"	105° 39' 14"					E-48-20-C-b		
xóm 12	DC	xã Quỳnh Thạch	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 41"	105° 39' 02"					E-48-20-C-b		
xóm 13	DC	xã Quỳnh Thạch	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 30"	105° 39' 14"					E-48-20-C-b		
kênh Vách Bắc	TV	xã Quỳnh Thạch	H. Quỳnh Lưu			19° 00' 31"	105° 28' 46"	19° 10' 54"	105° 41' 33"	E-48-20-C-b		
đường tỉnh 531	KX	xã Quỳnh Thạch	H. Quỳnh Lưu			19° 13' 30"	105° 31' 36"	19° 13' 44"	105° 23' 57"	E-48-20-A-c		
xóm 1 Đồng Tâm	DC	xã Quỳnh Thạch	H. Quỳnh Lưu	19° 17' 29"	105° 33' 29"					E-48-20-A-c		
xóm 1 Tiến Thành	DC	xã Quỳnh Thạch	H. Quỳnh Lưu	19° 14' 32"	105° 35' 40"					E-48-20-A-c		
xóm 2 Đồng Tâm	DC	xã Quỳnh Thạch	H. Quỳnh Lưu	19° 17' 05"	105° 33' 51"					E-48-20-A-c		
xóm 2 Tiến Thành	DC	xã Quỳnh Thạch	H. Quỳnh Lưu	19° 15' 09"	105° 35' 47"					E-48-20-A-c		
xóm 3 Đồng Tâm	DC	xã Quỳnh Thạch	H. Quỳnh Lưu	19° 17' 24"	105° 33' 44"					E-48-20-A-c		
xóm 3 Tiến Thành	DC	xã Quỳnh Thạch	H. Quỳnh Lưu	19° 15' 38"	105° 35' 16"					E-48-20-A-c		
xóm 4 Đồng Tâm	DC	xã Quỳnh Thạch	H. Quỳnh Lưu	19° 17' 49"	105° 33' 57"					E-48-20-A-c		
xóm 4 Tiến Thành	DC	xã Quỳnh Thạch	H. Quỳnh Lưu	19° 16' 44"	105° 35' 20"					E-48-20-A-c		
xóm 5 Đồng Tâm	DC	xã Quỳnh Thạch	H. Quỳnh Lưu	19° 18' 15"	105° 34' 06"					E-48-20-A-c		
xóm 5 Tiến Thành	DC	xã Quỳnh Thạch	H. Quỳnh Lưu	19° 16' 39"	105° 35' 15"					E-48-20-A-c		
xóm 6 Đồng Tâm	DC	xã Quỳnh Thạch	H. Quỳnh Lưu	19° 17' 41"	105° 33' 39"					E-48-20-A-c		
xóm 6 Tiến Thành	DC	xã Quỳnh Thạch	H. Quỳnh Lưu	19° 15' 55"	105° 34' 32"					E-48-20-A-c		
xóm 7 Đồng Tâm	DC	xã Quỳnh Thạch	H. Quỳnh Lưu	19° 17' 53"	105° 32' 58"					E-48-20-A-c		
xóm 7 Tiến Thành	DC	xã Quỳnh Thạch	H. Quỳnh Lưu	19° 15' 37"	105° 34' 09"					E-48-20-A-c		
xóm 8 Đồng Tâm	DC	xã Quỳnh Thạch	H. Quỳnh Lưu	19° 17' 44"	105° 32' 42"					E-48-20-A-c		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình	
				Toạ độ trung tâm			Toạ độ điểm đầu			Toạ độ điểm cuối			
				Vĩ độ	Kinh độ	(Độ,phút,giây)	Vĩ độ	Kinh độ	(Độ,phút,giây)	Vĩ độ	Kinh độ		(Độ,phút,giây)
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)		(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)		(Độ,phút,giây)			
xóm 8 Tiến Thành	DC	xã Quỳnh Thắng	H. Quỳnh Lưu	19° 16' 04"	105° 34' 06"							E-48-20-A-c	
xóm 9 Tiến Thành	DC	xã Quỳnh Thắng	H. Quỳnh Lưu	19° 16' 22"	105° 34' 06"							E-48-20-A-c	
xóm 10 Tiến Thành	DC	xã Quỳnh Thắng	H. Quỳnh Lưu	19° 16' 41"	105° 34' 28"							E-48-20-A-c	
xóm 11 Tiến Thành	DC	xã Quỳnh Thắng	H. Quỳnh Lưu	19° 16' 10"	105° 34' 58"							E-48-20-A-c	
xóm 12 Tiến Thành	DC	xã Quỳnh Thắng	H. Quỳnh Lưu	19° 17' 09"	105° 34' 17"							E-48-20-A-c	
xóm 13 Tiến Thành	DC	xã Quỳnh Thắng	H. Quỳnh Lưu	19° 14' 43"	105° 35' 27"							E-48-20-C-a	
Khe Cái	TV	xã Quỳnh Thắng	H. Quỳnh Lưu				19° 20' 38"	105° 33' 48"	19° 17' 21"	105° 34' 21"		E-48-20-A-c	
khe Đá Hàn	TV	xã Quỳnh Thắng	H. Quỳnh Lưu				19° 18' 16"	105° 32' 20"	19° 18' 32"	105° 33' 49"		E-48-20-A-c	
Khe Độc	TV	xã Quỳnh Thắng	H. Quỳnh Lưu				19° 13' 46"	105° 33' 07"	19° 15' 27"	105° 34' 52"		E-48-20-C-a E-	
xóm Đông Xuân	DC	xã Quỳnh Thắng	H. Quỳnh Lưu	19° 15' 15"	105° 33' 21"							E-48-20-A-c	
núi Hốc Ráy	SV	xã Quỳnh Thắng	H. Quỳnh Lưu	19° 16' 04"	105° 33' 01"							E-48-20-A-c	
núi K/6	SV	xã Quỳnh Thắng	H. Quỳnh Lưu	19° 17' 14"	105° 32' 14"							E-48-20-A-c	
núi K/7	SV	xã Quỳnh Thắng	H. Quỳnh Lưu	19° 17' 32"	105° 31' 44"							E-48-20-A-c	
hồ Khe Bãi	TV	xã Quỳnh Thắng	H. Quỳnh Lưu	19° 17' 54"	105° 32' 00"							E-48-20-A-c	
hồ Khe Sáu	TV	xã Quỳnh Thắng	H. Quỳnh Lưu	19° 15' 45"	105° 33' 40"							E-48-20-A-c	
Sông Lại	TV	xã Quỳnh Thắng	H. Quỳnh Lưu				19° 17' 21"	105° 34' 21"	19° 16' 54"	105° 35' 10"		E-48-20-A-c	
Núi Ngàn	SV	xã Quỳnh Thắng	H. Quỳnh Lưu	19° 16' 01"	105° 36' 23"							E-48-20-A-c	
xóm Quỳnh Long	DC	xã Quỳnh Thắng	H. Quỳnh Lưu	19° 15' 17"	105° 34' 06"							E-48-20-A-c	
hồ Tây Nguyên	TV	xã Quỳnh Thắng	H. Quỳnh Lưu	19° 17' 17"	105° 33' 15"							E-48-20-A-c	
xóm Trung Tiến	DC	xã Quỳnh Thắng	H. Quỳnh Lưu	19° 16' 51"	105° 33' 31"							E-48-20-A-c	
hồ Vực Máu	TV	xã Quỳnh Thắng	H. Quỳnh Lưu	19° 16' 22"	105° 37' 36"							E-48-20-A-d	
thôn 1	DC	xã Quỳnh Thanh	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 05"	105° 40' 45"							E-48-20-C-b	
thôn 2	DC	xã Quỳnh Thanh	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 19"	105° 41' 00"							E-48-20-C-b	
thôn 3	DC	xã Quỳnh Thanh	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 07"	105° 40' 29"							E-48-20-C-b	
thôn 4	DC	xã Quỳnh Thanh	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 20"	105° 40' 48"							E-48-20-C-b	
thôn 5	DC	xã Quỳnh Thanh	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 35"	105° 40' 51"							E-48-20-C-b	
thôn 6	DC	xã Quỳnh Thanh	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 34"	105° 40' 59"							E-48-20-C-b	
thôn 7	DC	xã Quỳnh Thanh	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 04"	105° 41' 01"							E-48-20-C-b	
xóm 8	DC	xã Quỳnh Thanh	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 54"	105° 41' 06"							E-48-20-C-b	
thôn 9	DC	xã Quỳnh Thanh	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 50"	105° 41' 02"							E-48-20-C-b	
thôn 10	DC	xã Quỳnh Thanh	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 41"	105° 40' 59"							E-48-20-C-b	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)			
thôn 11	DC	xã Quỳnh Thanh	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 41"	105° 41' 20"							E-48-20-C-b
thôn 12	DC	xã Quỳnh Thanh	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 26"	105° 41' 36"							E-48-20-C-b
thôn 13	DC	xã Quỳnh Thanh	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 15"	105° 41' 13"							E-48-20-C-b
thôn 14	DC	xã Quỳnh Thanh	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 06"	105° 41' 24"							E-48-20-C-b
xóm Cồn Sáy	DC	xã Quỳnh Thanh	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 28"	105° 41' 19"							E-48-20-C-b
Sông Hàu	TV	xã Quỳnh Thanh	H. Quỳnh Lưu					19° 10' 03"	105° 42' 10"	19° 05' 53"	105° 42' 47"	E-48-20-C-b
kênh Nhà Lê	TV	xã Quỳnh Thọ	H. Quỳnh Lưu					18° 50' 52"	105° 38' 50"	18° 58' 35"	105° 34' 23"	E-48-20-C-b
Sông Thái	TV	xã Quỳnh Thọ	H. Quỳnh Lưu					19° 09' 59"	105° 37' 26"	19° 05' 54"	105° 40' 22"	E-48-20-C-d
Núi Thè	SV	xã Quỳnh Thọ	H. Quỳnh Lưu	19° 06' 19"	105° 38' 31"							E-48-20-C-d
thôn Thọ Đồng	DC	xã Quỳnh Thọ	H. Quỳnh Lưu	19° 06' 06"	105° 39' 52"							E-48-20-C-d
thôn Thọ Nhân	DC	xã Quỳnh Thọ	H. Quỳnh Lưu	19° 06' 11"	105° 39' 02"							E-48-20-C-d
thôn Thọ Phú	DC	xã Quỳnh Thọ	H. Quỳnh Lưu	19° 05' 56"	105° 39' 05"							E-48-20-C-d
thôn Thọ Thắng	DC	xã Quỳnh Thọ	H. Quỳnh Lưu	19° 05' 32"	105° 39' 25"							E-48-20-C-d
thôn Thọ Thành	DC	xã Quỳnh Thọ	H. Quỳnh Lưu	19° 06' 25"	105° 39' 43"							E-48-20-C-d
thôn Thọ Tiến	DC	xã Quỳnh Thọ	H. Quỳnh Lưu	19° 05' 55"	105° 39' 39"							E-48-20-C-d
Cửa Thời	TV	xã Quỳnh Thọ	H. Quỳnh Lưu	19° 05' 54"	105° 40' 22"			19° 08' 02"	105° 39' 11"	19° 12' 50"	105° 32' 21"	E-48-20-C-a
quốc lộ 48B	KX	xã Quỳnh Thuận	H. Quỳnh Lưu									E-48-20-C-d
thôn Đức Long	DC	xã Quỳnh Thuận	H. Quỳnh Lưu	19° 06' 20"	105° 42' 32"							E-48-20-C-d
Sông Hàu	TV	xã Quỳnh Thuận	H. Quỳnh Lưu									E-48-20-C-d
thôn Hoà Thuận	DC	xã Quỳnh Thuận	H. Quỳnh Lưu	19° 05' 42"	105° 41' 48"							E-48-20-C-d
cửa Lạch Quên	TV	xã Quỳnh Thuận	H. Quỳnh Lưu	19° 05' 53"	105° 42' 47"							E-48-20-C-d
thôn Phú Yên	DC	xã Quỳnh Thuận	H. Quỳnh Lưu	19° 05' 45"	105° 41' 26"							E-48-20-C-d
Đồn Biên phòng Quỳnh Thuận	KT	xã Quỳnh Thuận	H. Quỳnh Lưu	19° 06' 14"	105° 42' 35"							E-48-20-C-d
thôn Tân Xuân	DC	xã Quỳnh Thuận	H. Quỳnh Lưu	19° 05' 54"	105° 40' 46"							E-48-20-C-d
thôn Thanh Đoài	DC	xã Quỳnh Thuận	H. Quỳnh Lưu	19° 05' 58"	105° 40' 56"							E-48-20-C-d
thôn Thuận Lợi	DC	xã Quỳnh Thuận	H. Quỳnh Lưu	19° 05' 57"	105° 41' 42"							E-48-20-C-d
thôn Trường Tân	DC	xã Quỳnh Thuận	H. Quỳnh Lưu	19° 05' 46"	105° 41' 16"							E-48-20-C-d
thôn Trường Thịnh	DC	xã Quỳnh Thuận	H. Quỳnh Lưu	19° 05' 51"	105° 41' 09"							E-48-20-C-d
thôn Yên Thọ	DC	xã Quỳnh Thuận	H. Quỳnh Lưu	19° 05' 46"	105° 41' 02"							E-48-20-C-d
thôn 1	DC	xã Quỳnh Trang	H. Quỳnh Lưu	19° 16' 00"	105° 40' 07"							E-48-20-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu			Toạ độ điểm cuối			
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)			
thôn 2	DC	xã Quỳnh Trang	H. Quỳnh Lưu	19° 16' 05"	105° 40' 11"						E-48-20-A-d	
thôn 3	DC	xã Quỳnh Trang	H. Quỳnh Lưu	19° 16' 10"	105° 40' 23"						E-48-20-A-d	
thôn 4	DC	xã Quỳnh Trang	H. Quỳnh Lưu	19° 16' 07"	105° 40' 42"						E-48-20-A-d	
thôn 5	DC	xã Quỳnh Trang	H. Quỳnh Lưu	19° 15' 51"	105° 41' 41"						E-48-20-A-d	
thôn 5	DC	xã Quỳnh Trang	H. Quỳnh Lưu	19° 15' 43"	105° 39' 59"						E-48-20-A-d	
thôn 6	DC	xã Quỳnh Trang	H. Quỳnh Lưu	19° 15' 37"	105° 40' 44"						E-48-20-A-d	
thôn 7	DC	xã Quỳnh Trang	H. Quỳnh Lưu	19° 15' 16"	105° 40' 24"						E-48-20-A-d	
thôn 8	DC	xã Quỳnh Trang	H. Quỳnh Lưu	19° 15' 47"	105° 40' 13"						E-48-20-A-d	
thôn 9	DC	xã Quỳnh Trang	H. Quỳnh Lưu	19° 15' 16"	105° 39' 57"						E-48-20-A-d	
thôn 10	DC	xã Quỳnh Trang	H. Quỳnh Lưu	19° 16' 06"	105° 39' 30"						E-48-20-A-d	
thôn 11	DC	xã Quỳnh Trang	H. Quỳnh Lưu	19° 16' 32"	105° 39' 39"						E-48-20-A-d	
thôn 12	DC	xã Quỳnh Trang	H. Quỳnh Lưu	19° 14' 43"	105° 38' 56"						E-48-20-C-b	
thôn 13	DC	xã Quỳnh Trang	H. Quỳnh Lưu	19° 14' 28"	105° 38' 57"						E-48-20-C-b	
kênh Chính Vực Máu	TV	xã Quỳnh Trang	H. Quỳnh Lưu			19° 16' 16"	105° 38' 33"	19° 12' 12"	105° 39' 19"		E-48-20-C-b	
đập Đồi Tương	TV	xã Quỳnh Trang	H. Quỳnh Lưu	19° 17' 32"	105° 39' 34"						E-48-20-A-d	
sông Hoàng Mai	TV	xã Quỳnh Trang	H. Quỳnh Lưu			19° 16' 40"	105° 38' 38"	19° 14' 00"	105° 45' 17"		E-48-20-A-d	
hồ Vực Máu	TV	xã Quỳnh Trang	H. Quỳnh Lưu	19° 16' 22"	105° 37' 36"			19° 18' 42"	105° 43' 15"	18° 38' 51"	E-48-20-A-d	
quốc lộ 1	KX	xã Quỳnh Văn	H. Quỳnh Lưu								E-48-20-C-b	
thôn 1	DC	xã Quỳnh Văn	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 02"	105° 38' 08"						E-48-20-C-b	
thôn 2	DC	xã Quỳnh Văn	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 55"	105° 38' 34"						E-48-20-C-b	
thôn 3	DC	xã Quỳnh Văn	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 05"	105° 38' 51"						E-48-20-C-b	
thôn 4	DC	xã Quỳnh Văn	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 15"	105° 39' 08"						E-48-20-C-b	
thôn 5	DC	xã Quỳnh Văn	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 58"	105° 39' 39"						E-48-20-C-b	
thôn 6	DC	xã Quỳnh Văn	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 28"	105° 39' 56"						E-48-20-C-b	
thôn 7	DC	xã Quỳnh Văn	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 36"	105° 40' 05"						E-48-20-C-b	
thôn 8	DC	xã Quỳnh Văn	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 43"	105° 40' 09"						E-48-20-C-b	
thôn 9	DC	xã Quỳnh Văn	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 23"	105° 40' 31"						E-48-20-C-b	
thôn 10	DC	xã Quỳnh Văn	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 08"	105° 40' 21"						E-48-20-C-b	
thôn 11	DC	xã Quỳnh Văn	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 32"	105° 39' 17"						E-48-20-C-b	
thôn 12	DC	xã Quỳnh Văn	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 23"	105° 39' 40"						E-48-20-C-b	
thôn 13	DC	xã Quỳnh Văn	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 24"	105° 39' 51"						E-48-20-C-b	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn 14	DC	xã Quỳnh Văn	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 32"	105° 39' 56"					E-48-20-C-b
thôn 15	DC	xã Quỳnh Văn	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 17"	105° 40' 23"					E-48-20-C-b
thôn 16	DC	xã Quỳnh Văn	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 12"	105° 40' 36"					E-48-20-C-b
thôn 17	DC	xã Quỳnh Văn	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 22"	105° 40' 36"					E-48-20-C-b
thôn 18	DC	xã Quỳnh Văn	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 44"	105° 40' 52"					E-48-20-C-b
thôn 19	DC	xã Quỳnh Văn	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 36"	105° 40' 59"					E-48-20-C-b
thôn 20	DC	xã Quỳnh Văn	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 48"	105° 40' 59"					E-48-20-C-b
núi Ba Chóp	SV	xã Quỳnh Văn	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 19"	105° 38' 00"					E-48-20-C-b
đập Đồng Lâm	TV	xã Quỳnh Văn	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 10"	105° 38' 26"	19° 16' 16"	105° 38' 33"	19° 12' 12"	105° 39' 19"	E-48-20-C-b
kênh Nam Vực Máu	TV	xã Quỳnh Văn	H. Quỳnh Lưu							E-48-20-C-b
Chợ Văn	KX	xã Quỳnh Văn	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 29"	105° 40' 03"					E-48-20-A-d
quốc lộ 1	KX	xã Quỳnh Vinh	H. Quỳnh Lưu			19° 18' 42"	105° 43' 15"	18° 38' 51"	105° 42' 24"	E-48-20-A-d
thôn 1	DC	xã Quỳnh Vinh	H. Quỳnh Lưu	19° 17' 03"	105° 40' 04"					E-48-20-A-d
thôn 2	DC	xã Quỳnh Vinh	H. Quỳnh Lưu	19° 17' 02"	105° 40' 15"					E-48-20-A-d
thôn 3	DC	xã Quỳnh Vinh	H. Quỳnh Lưu	19° 16' 53"	105° 40' 30"					E-48-20-A-d
thôn 4	DC	xã Quỳnh Vinh	H. Quỳnh Lưu	19° 16' 34"	105° 40' 26"					E-48-20-A-d
thôn 5	DC	xã Quỳnh Vinh	H. Quỳnh Lưu	19° 16' 42"	105° 40' 43"					E-48-20-A-d
thôn 6	DC	xã Quỳnh Vinh	H. Quỳnh Lưu	19° 16' 27"	105° 40' 52"					E-48-20-A-d
thôn 7	DC	xã Quỳnh Vinh	H. Quỳnh Lưu	19° 16' 38"	105° 41' 24"					E-48-20-A-d
thôn 8	DC	xã Quỳnh Vinh	H. Quỳnh Lưu	19° 16' 56"	105° 41' 28"					E-48-20-A-d
thôn 9	DC	xã Quỳnh Vinh	H. Quỳnh Lưu	19° 17' 20"	105° 41' 23"					E-48-20-A-d
thôn 10	DC	xã Quỳnh Vinh	H. Quỳnh Lưu	19° 17' 37"	105° 41' 39"					E-48-20-A-d
thôn 11	DC	xã Quỳnh Vinh	H. Quỳnh Lưu	19° 17' 31"	105° 41' 50"					E-48-20-A-d
thôn 12	DC	xã Quỳnh Vinh	H. Quỳnh Lưu	19° 17' 25"	105° 41' 58"					E-48-20-A-d
thôn 13	DC	xã Quỳnh Vinh	H. Quỳnh Lưu	19° 17' 12"	105° 41' 59"					E-48-20-A-d
thôn 14	DC	xã Quỳnh Vinh	H. Quỳnh Lưu	19° 16' 51"	105° 42' 08"					E-48-20-A-d
thôn 15	DC	xã Quỳnh Vinh	H. Quỳnh Lưu	19° 15' 52"	105° 42' 21"					E-48-20-A-d
thôn 16	DC	xã Quỳnh Vinh	H. Quỳnh Lưu	19° 15' 53"	105° 42' 10"					E-48-20-A-d
thôn 17	DC	xã Quỳnh Vinh	H. Quỳnh Lưu	19° 15' 45"	105° 42' 09"					E-48-20-A-d
thôn 18	DC	xã Quỳnh Vinh	H. Quỳnh Lưu	19° 15' 35"	105° 41' 59"					E-48-20-A-d
thôn 19	DC	xã Quỳnh Vinh	H. Quỳnh Lưu	19° 15' 41"	105° 42' 21"					E-48-20-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn 20	DC	xã Quỳnh Vinh	H. Quỳnh Lưu	19° 15' 36"	105° 42' 23"					E-48-20-A-d
thôn 21	DC	xã Quỳnh Vinh	H. Quỳnh Lưu	19° 16' 01"	105° 41' 39"					E-48-20-A-d
thôn 22	DC	xã Quỳnh Vinh	H. Quỳnh Lưu	19° 18' 12"	105° 39' 22"					E-48-20-A-d
núi Đẳng Đẳng	SV	xã Quỳnh Vinh	H. Quỳnh Lưu	19° 20' 13"	105° 39' 25"					E-48-20-A-d
đập Đồi Tương	TV	xã Quỳnh Vinh	H. Quỳnh Lưu	19° 17' 32"	105° 39' 34"					E-48-20-A-d
ga Hoàng Mai	KX	xã Quỳnh Vinh	H. Quỳnh Lưu	19° 16' 08"	105° 41' 37"					E-48-20-A-d
Nhà máy Xi măng Hoàng Mai	KX	xã Quỳnh Vinh	H. Quỳnh Lưu	19° 16' 35"	105° 42' 16"					E-48-20-A-d
sông Hoàng Mai	TV	xã Quỳnh Vinh	H. Quỳnh Lưu			19° 16' 40"	105° 38' 38"	19° 14' 00"	105° 45' 17"	E-48-20-A-d
núi Hòn Voi	SV	xã Quỳnh Vinh	H. Quỳnh Lưu	19° 18' 12"	105° 37' 52"					E-48-20-A-d
núi Kim Giao	SV	xã Quỳnh Vinh	H. Quỳnh Lưu	19° 20' 45"	105° 38' 53"					E-48-20-A-d
Núi Len	SV	xã Quỳnh Vinh	H. Quỳnh Lưu	19° 20' 23"	105° 38' 58"					E-48-20-A-d
núi Mông Gà	SV	xã Quỳnh Vinh	H. Quỳnh Lưu	19° 18' 10"	105° 40' 44"					E-48-20-A-d
sông Quỳnh Vinh	TV	xã Quỳnh Vinh	H. Quỳnh Lưu			19° 18' 43"	105° 40' 24"	19° 17' 35"	105° 39' 52"	E-48-20-A-d
quốc lộ 1	KX	xã Quỳnh Xuân	H. Quỳnh Lưu			19° 18' 42"	105° 43' 15"	18° 38' 51"	105° 42' 24"	E-48-20-C-b
thôn 1	DC	xã Quỳnh Xuân	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 02"	105° 42' 20"					E-48-20-C-b
thôn 2	DC	xã Quỳnh Xuân	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 43"	105° 42' 07"					E-48-20-C-b
thôn 3	DC	xã Quỳnh Xuân	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 38"	105° 42' 06"					E-48-20-C-b
thôn 4	DC	xã Quỳnh Xuân	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 42"	105° 41' 49"					E-48-20-C-b
thôn 5	DC	xã Quỳnh Xuân	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 45"	105° 41' 33"					E-48-20-C-b
thôn 6	DC	xã Quỳnh Xuân	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 00"	105° 41' 58"					E-48-20-C-b
thôn 7	DC	xã Quỳnh Xuân	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 22"	105° 41' 59"					E-48-20-C-b
thôn 8	DC	xã Quỳnh Xuân	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 56"	105° 41' 11"					E-48-20-C-b
thôn 9	DC	xã Quỳnh Xuân	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 40"	105° 41' 22"					E-48-20-C-b
thôn 10	DC	xã Quỳnh Xuân	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 38"	105° 41' 10"					E-48-20-C-b
thôn 11	DC	xã Quỳnh Xuân	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 31"	105° 41' 01"					E-48-20-C-b
thôn 12	DC	xã Quỳnh Xuân	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 56"	105° 41' 16"					E-48-20-C-b
thôn 13	DC	xã Quỳnh Xuân	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 21"	105° 41' 13"					E-48-20-C-b
thôn 14	DC	xã Quỳnh Xuân	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 57"	105° 40' 50"					E-48-20-C-b
thôn 15	DC	xã Quỳnh Xuân	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 57"	105° 40' 31"					E-48-20-C-b
thôn 16	DC	xã Quỳnh Xuân	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 51"	105° 41' 07"					E-48-20-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình		
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)			
xóm Đại Liên	DC	xã Quỳnh Xuân	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 59"	105° 41' 05"					E-48-20-C-b		
núi Động Kiều	SV	xã Quỳnh Xuân	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 25"	105° 42' 12"					E-48-20-C-b		
xóm Khe Ngang	DC	xã Quỳnh Xuân	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 26"	105° 41' 51"					E-48-20-C-b		
sông Mai Giang	TV	xã Quỳnh Xuân	H. Quỳnh Lưu			19° 13' 46"	105° 43' 12"	19° 10' 03"	105° 42' 10"	E-48-20-C-b		
kênh Vực Mầu	TV	xã Quỳnh Xuân	H. Quỳnh Lưu			19° 16' 16"	105° 38' 33"	19° 12' 12"	105° 39' 19"	E-48-20-C-b		
xóm Xuân Hoà	DC	xã Quỳnh Xuân	H. Quỳnh Lưu			19° 12' 42"	105° 41' 49"			E-48-20-C-b		
thôn 1	DC	xã Quỳnh Xuân	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 46"	105° 40' 39"					E-48-20-C-b		
thôn 2	DC	xã Quỳnh Yên	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 38"	105° 40' 40"					E-48-20-C-b		
thôn 3	DC	xã Quỳnh Yên	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 37"	105° 40' 29"					E-48-20-C-b		
thôn 4	DC	xã Quỳnh Yên	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 32"	105° 40' 39"					E-48-20-C-b		
thôn 5	DC	xã Quỳnh Yên	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 04"	105° 40' 22"					E-48-20-C-b		
thôn 6	DC	xã Quỳnh Yên	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 56"	105° 40' 27"					E-48-20-C-b		
thôn 7	DC	xã Quỳnh Yên	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 52"	105° 40' 19"					E-48-20-C-b		
thôn 8	DC	xã Quỳnh Yên	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 53"	105° 39' 59"					E-48-20-C-b		
thôn 9	DC	xã Quỳnh Yên	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 03"	105° 40' 11"					E-48-20-C-b		
thôn 10	DC	xã Quỳnh Yên	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 31"	105° 40' 29"					E-48-20-C-b		
thôn 11	DC	xã Quỳnh Yên	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 36"	105° 40' 48"					E-48-20-C-b		
xóm 12	DC	xã Quỳnh Yên	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 58"	105° 41' 08"					E-48-20-C-b		
xóm Cẩm Trường	DC	xã Quỳnh Yên	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 03"	105° 40' 05"			19° 10' 03"	105° 42' 10"	19° 05' 53"	105° 42' 47"	E-48-20-C-b
Sông Hàu	TV	xã Quỳnh Yên	H. Quỳnh Lưu								E-48-20-C-b	
xóm Nam Yên	DC	xã Quỳnh Yên	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 57"	105° 40' 23"						E-48-20-C-b	
xóm Thượng Yên	DC	xã Quỳnh Yên	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 36"	105° 40' 42"						E-48-20-C-b	
thôn 1	DC	xã Sơn Hải	H. Quỳnh Lưu	19° 05' 58"	105° 40' 35"						E-48-20-C-d	
thôn 2	DC	xã Sơn Hải	H. Quỳnh Lưu	19° 06' 03"	105° 40' 38"						E-48-20-C-d	
thôn 3	DC	xã Sơn Hải	H. Quỳnh Lưu	19° 06' 11"	105° 40' 36"						E-48-20-C-d	
thôn 4	DC	xã Sơn Hải	H. Quỳnh Lưu	19° 06' 14"	105° 40' 30"						E-48-20-C-d	
thôn 5	DC	xã Sơn Hải	H. Quỳnh Lưu	19° 06' 16"	105° 40' 24"						E-48-20-C-d	
thôn 6	DC	xã Sơn Hải	H. Quỳnh Lưu	19° 06' 10"	105° 40' 20"						E-48-20-C-d	
thôn 7	DC	xã Sơn Hải	H. Quỳnh Lưu	19° 06' 14"	105° 40' 19"						E-48-20-C-d	
thôn 8	DC	xã Sơn Hải	H. Quỳnh Lưu	19° 06' 16"	105° 40' 14"						E-48-20-C-d	
thôn 9	DC	xã Sơn Hải	H. Quỳnh Lưu	19° 06' 19"	105° 40' 09"						E-48-20-C-d	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)			
thôn 10	DC	xã Sơn Hải	H. Quỳnh Lưu	19° 06' 29"	105° 40' 20"						E-48-20-C-d	
thôn 11	DC	xã Sơn Hải	H. Quỳnh Lưu	19° 06' 22"	105° 39' 56"						E-48-20-C-d	
thôn 12	DC	xã Sơn Hải	H. Quỳnh Lưu	19° 06' 23"	105° 40' 02"						E-48-20-C-d	
thôn 13	DC	xã Sơn Hải	H. Quỳnh Lưu	19° 06' 37"	105° 40' 16"						E-48-20-C-d	
quốc lộ 48B	KX	xã Sơn Hải	H. Quỳnh Lưu			19° 08' 02"	105° 39' 11"	19° 12' 50"	105° 32' 21"		E-48-20-C-a	
xóm Đức Nam	DC	xã Sơn Hải	H. Quỳnh Lưu	19° 06' 34"	105° 40' 04"						E-48-20-C-d	
xóm Hải thắng	DC	xã Sơn Hải	H. Quỳnh Lưu	19° 06' 21"	105° 40' 30"						E-48-20-C-d	
Sông Thái	TV	xã Sơn Hải	H. Quỳnh Lưu			19° 09' 59"	105° 37' 26"	19° 05' 54"	105° 40' 22"		E-48-20-C-d	
Cửa Thờ	TV	xã Sơn Hải	H. Quỳnh Lưu	19° 05' 54"	105° 40' 22"						E-48-20-C-d	
thôn 1	DC	xã Tân Sơn	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 52"	105° 30' 32"						E-48-19-D-b	
thôn 2A	DC	xã Tân Sơn	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 48"	105° 30' 14"						E-48-20-C-a	
thôn 2B	DC	xã Tân Sơn	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 31"	105° 29' 42"						E-48-19-D-b	
thôn 3	DC	xã Tân Sơn	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 15"	105° 29' 55"						E-48-19-D-b	
thôn 4	DC	xã Tân Sơn	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 56"	105° 29' 40"						E-48-19-D-b	
thôn 5	DC	xã Tân Sơn	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 03"	105° 29' 29"						E-48-19-D-b	
thôn 6	DC	xã Tân Sơn	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 36"	105° 29' 24"						E-48-19-D-b	
thôn 7	DC	xã Tân Sơn	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 11"	105° 27' 56"						E-48-19-D-b	
thôn 8	DC	xã Tân Sơn	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 25"	105° 27' 35"						E-48-19-D-b	
đập 3/2	TV	xã Tân Sơn	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 10"	105° 29' 00"			19° 09' 27"	105° 28' 32"	105° 30' 14"	E-48-19-D-b	
suối Hang Lòn	TV	xã Tân Sơn	H. Quỳnh Lưu								E-48-19-D-b	
hồ Khe Gỗ	TV	xã Tân Sơn	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 09"	105° 28' 54"						E-48-19-D-b	
Núi Sương	SV	xã Tân Sơn	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 24"	105° 30' 08"						E-48-20-C-a	
thôn Tiến Sơn	DC	xã Tân Sơn	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 30"	105° 27' 56"						E-48-19-D-b	
xóm 3/2	DC	xã Tân Thắng	H. Quỳnh Lưu	19° 17' 53"	105° 36' 28"						E-48-20-A-c	
xóm 26/3	DC	xã Tân Thắng	H. Quỳnh Lưu	19° 17' 52"	105° 35' 43"						E-48-20-A-c	
xóm 1/5	DC	xã Tân Thắng	H. Quỳnh Lưu	19° 17' 12"	105° 37' 47"						E-48-20-A-c	
xóm 19/8	DC	xã Tân Thắng	H. Quỳnh Lưu	19° 17' 11"	105° 35' 38"						E-48-20-A-c	
xóm 2/9	DC	xã Tân Thắng	H. Quỳnh Lưu	19° 17' 20"	105° 35' 40"						E-48-20-A-c	
xóm 12/9	DC	xã Tân Thắng	H. Quỳnh Lưu	19° 17' 27"	105° 34' 59"						E-48-20-A-c	
xóm Bắc Thắng	DC	xã Tân Thắng	H. Quỳnh Lưu	19° 21' 02"	105° 37' 15"			19° 14' 56"	105° 28' 16"	19° 13' 02"	E-48-20-A-c	
Suối Cái	TV	xã Tân Thắng	H. Quỳnh Lưu							105° 24' 36"	E-48-19-D-b	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)			
suối Đá Bạc	TV	xã Tân Thắng	H. Quỳnh Lưu			19° 22' 39"	105° 36' 51"	19° 20' 39"	105° 36' 16"	E-48-20-A-a, E-48-20-A-c		
núi Hòn Mang	SV	xã Tân Thắng	H. Quỳnh Lưu	19° 18' 46"	105° 36' 49"					E-48-20-A-c		
núi Hòn Voi	SV	xã Tân Thắng	H. Quỳnh Lưu	19° 18' 12"	105° 37' 52"					E-48-20-A-d		
núi Kim Giao	SV	xã Tân Thắng	H. Quỳnh Lưu	19° 20' 45"	105° 38' 53"					E-48-20-A-d		
Sông Lại	TV	xã Tân Thắng	H. Quỳnh Lưu			19° 17' 21"	105° 34' 21"	19° 16' 54"	105° 35' 10"	E-48-20-A-c		
xóm Nam Việt	DC	xã Tân Thắng	H. Quỳnh Lưu	19° 18' 44"	105° 34' 49"					E-48-20-A-c		
suối Ô	TV	xã Tân Thắng	H. Quỳnh Lưu			19° 19' 43"	105° 37' 03"	19° 18' 30"	105° 34' 07"	E-48-20-A-c		
xóm Tân Thành	DC	xã Tân Thắng	H. Quỳnh Lưu	19° 18' 50"	105° 33' 57"					E-48-20-A-c		
xóm Tân Tiến	DC	xã Tân Thắng	H. Quỳnh Lưu	19° 18' 17"	105° 35' 16"					E-48-20-A-c		
hồ Vực Máu	TV	xã Tân Thắng	H. Quỳnh Lưu	19° 16' 22"	105° 37' 36"					E-48-20-A-d, E-48-20-A-c		
thôn Đức Xuân	DC	xã Tiến Thủy	H. Quỳnh Lưu	19° 06' 51"	105° 42' 40"					E-48-20-C-d		
Sông Hàu	TV	xã Tiến Thủy	H. Quỳnh Lưu			19° 10' 03"	105° 42' 10"	19° 05' 53"	105° 42' 47"	E-48-20-C-d		
cửa Lạch Quên	TV	xã Tiến Thủy	H. Quỳnh Lưu	19° 05' 53"	105° 42' 47"					E-48-20-C-d		
thôn Minh Sơn	DC	xã Tiến Thủy	H. Quỳnh Lưu	19° 06' 52"	105° 42' 57"					E-48-20-C-d		
thôn Phong Thái	DC	xã Tiến Thủy	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 18"	105° 42' 20"					E-48-20-C-d		
thôn Phong Thắng	DC	xã Tiến Thủy	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 04"	105° 42' 19"					E-48-20-C-d		
thôn Phong Tiến	DC	xã Tiến Thủy	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 02"	105° 42' 25"					E-48-20-C-d		
thôn Phúc Thành	DC	xã Tiến Thủy	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 02"	105° 42' 33"					E-48-20-C-d		
Núi Rồng	SV	xã Tiến Thủy	H. Quỳnh Lưu	19° 06' 33"	105° 43' 42"					E-48-20-C-d		
thôn Sơn Hải	DC	xã Tiến Thủy	H. Quỳnh Lưu	19° 06' 24"	105° 43' 04"					E-48-20-C-d		
thôn Thành Tiến	DC	xã Tiến Thủy	H. Quỳnh Lưu	19° 06' 57"	105° 42' 33"					E-48-20-C-d		
thôn Tiến Mỹ	DC	xã Tiến Thủy	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 09"	105° 42' 34"					E-48-20-C-d		
khối 1	DC	T.T. Tân Kỳ	H. Tân Kỳ	19° 01' 59"	105°15' 57"					E-48-19-D-c		
khối 2	DC	T.T. Tân Kỳ	H. Tân Kỳ	19° 02' 40"	105° 16' 02"					E-48-19-D-c		
khối 3	DC	T.T. Tân Kỳ	H. Tân Kỳ	19° 03' 04"	105° 16' 08"					E-48-19-D-c		
khối 4	DC	T.T. Tân Kỳ	H. Tân Kỳ	19° 03' 29"	105° 16' 19"					E-48-19-D-c		
khối 5	DC	T.T. Tân Kỳ	H. Tân Kỳ	19° 03' 28"	105° 15' 32"					E-48-19-D-c		
khối 6	DC	T.T. Tân Kỳ	H. Tân Kỳ	19° 02' 52"	105° 15' 47"					E-48-19-D-c		
khối 7	DC	T.T. Tân Kỳ	H. Tân Kỳ	19° 03' 07"	105° 15' 43"					E-48-19-D-c		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)			
khối 8	DC	TT. Tân Kỳ	H. Tân Kỳ	19° 02' 54"	105° 16' 16"						E-48-19-D-c	
khối 9	DC	TT. Tân Kỳ	H. Tân Kỳ	19° 03' 14"	105° 15' 40"						E-48-19-D-c	
khối 10	DC	TT. Tân Kỳ	H. Tân Kỳ	19° 03' 13"	105° 16' 30"						E-48-19-D-c	
quốc lộ 15	KX	TT. Tân Kỳ	H. Tân Kỳ			19° 26' 37"	105° 26' 54"	18° 33' 35"	105° 33' 24"		E-48-19-D-c	
đường tỉnh 545	KX	TT. Tân Kỳ	H. Tân Kỳ			19° 19' 30"	105° 25' 06"	19° 03' 01"	105° 16' 20"		E-48-19-D-c	
Sông Con	TV	TT. Tân Kỳ	H. Tân Kỳ			19° 15' 32"	105° 25' 09"	19° 02' 14"	104° 58' 20"		E-48-18-D	
đường Hồ Chí Minh	KX	TT. Tân Kỳ	H. Tân Kỳ			19° 26' 38"	105° 26' 56"	18° 35' 45"	105° 26' 04"		E-48-19-D-c; E-48-19-D-d	
Cầu Rời	KX	TT. Tân Kỳ	H. Tân Kỳ	19° 03' 49"	105° 15' 40"						E-48-19-D-c	
Nhà máy Đường Sông Con	KX	TT. Tân Kỳ	H. Tân Kỳ	19° 03' 39"	105° 15' 31"						E-48-19-D-c	
Núi Bục	SV	xã Đồng Văn	H. Tân Kỳ	19° 07' 42"	105° 08' 30"						E-48-19-C	
Xóm Bục	DC	xã Đồng Văn	H. Tân Kỳ	19° 07' 19"	105° 08' 51"						E-48-19-C	
xóm Châu Thành	DC	xã Đồng Văn	H. Tân Kỳ	19° 06' 31"	105° 05' 45"						E-48-19-C	
Suối Chiềng	TV	xã Đồng Văn	H. Tân Kỳ			19° 11' 22"	105° 12' 31"	19° 08' 26"	105° 08' 08"		E-48-19-C	
Suối Đá	TV	xã Đồng Văn	H. Tân Kỳ			19° 24' 14"	105° 24' 16"	19° 22' 56"	105° 24' 11"		E-48-19-B-b	
Suối Diêm	TV	xã Đồng Văn	H. Tân Kỳ			19° 06' 43"	105° 09' 20"	19° 04' 32"	105° 03' 56"		E-48-19-C	
núi Đồng Chẹt	SV	xã Đồng Văn	H. Tân Kỳ	19° 05' 49"	105° 08' 57"						E-48-19-C	
đập Đồng Kho	TV	xã Đồng Văn	H. Tân Kỳ	19° 06' 43"	105° 09' 20"						E-48-19-C	
xóm Đồng Kho	DC	xã Đồng Văn	H. Tân Kỳ	19° 07' 24"	105° 09' 08"						E-48-19-C	
xóm Đồng Lau	DC	xã Đồng Văn	H. Tân Kỳ	19° 05' 24"	105° 07' 28"						E-48-19-C	
xóm Đồng Mỹ	DC	xã Đồng Văn	H. Tân Kỳ	19° 05' 28"	105° 08' 09"						E-48-19-C	
Suối Giáp	TV	xã Đồng Văn	H. Tân Kỳ			19° 09' 52"	105° 07' 25"	19° 06' 43"	105° 06' 19"		E-48-19-C	
Núi Hiếu	SV	xã Đồng Văn	H. Tân Kỳ	19° 10' 09"	105° 07' 46"						E-48-19-C	
xóm Khe Chiềng	DC	xã Đồng Văn	H. Tân Kỳ	19° 07' 10"	105° 06' 13"						E-48-19-C	
Núi Khùa	SV	xã Đồng Văn	H. Tân Kỳ	19° 10' 44"	105° 07' 04"						E-48-19-C	
xóm Nhà Tra	DC	xã Đồng Văn	H. Tân Kỳ	19° 07' 08"	105° 07' 57"						E-48-19-C	
xóm Tân Bình	DC	xã Đồng Văn	H. Tân Kỳ	19° 06' 27"	105° 06' 29"						E-48-19-C	
xóm Tân Diên	DC	xã Đồng Văn	H. Tân Kỳ	19° 07' 16"	105° 07' 08"						E-48-19-C	
xóm Tân Lập	DC	xã Đồng Văn	H. Tân Kỳ	19° 06' 02"	105° 07' 08"						E-48-19-C	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)			
xóm Trung Môn	DC	xã Đồng Văn	H. Tân Kỳ	19° 08' 24"	105° 07' 54"						E-48-19-C	
xóm Tiến Đồng	DC	xã Đồng Văn	H. Tân Kỳ	19° 08' 06"	105° 07' 42"						E-48-19-C	
xóm Văn Sơn	DC	xã Đồng Văn	H. Tân Kỳ	19° 08' 47"	105° 06' 33"						E-48-19-C	
xóm Vĩnh Đồng	DC	xã Đồng Văn	H. Tân Kỳ	19° 07' 08"	105° 06' 44"						E-48-19-C	
xóm Vĩnh Thành	DC	xã Đồng Văn	H. Tân Kỳ	19° 07' 01"	105° 08' 25"						E-48-19-C	
xóm Bầu Khe	DC	xã Giai Xuân	H. Tân Kỳ	19° 08' 35"	105° 14' 29"						E-48-19-C	
núi Con Trâu	SV	xã Giai Xuân	H. Tân Kỳ	19° 11' 41"	105° 16' 03"						E-48-19-D-a	
xóm Đồi Chè	DC	xã Giai Xuân	H. Tân Kỳ	19° 09' 41"	105° 13' 52"						E-48-19-C	
xóm Kẽ Mui	DC	xã Giai Xuân	H. Tân Kỳ	19° 09' 01"	105° 14' 19"						E-48-19-C	
Suối Lỏi	TV	xã Giai Xuân	H. Tân Kỳ			19° 11' 17"	105° 15' 00"	19° 10' 26"	105° 16' 50"		E-48-19-D-a	
xóm Long Thọ	DC	xã Giai Xuân	H. Tân Kỳ	19° 09' 26"	105° 15' 04"						E-48-19-D-a	
Núi Mạt	SV	xã Giai Xuân	H. Tân Kỳ	19° 09' 05"	105° 13' 08"						E-48-19-C	
núi Mỏ Điều	SV	xã Giai Xuân	H. Tân Kỳ	19° 07' 59"	105° 10' 53"						E-48-19-C	
núi Mỏ Lãng	SV	xã Giai Xuân	H. Tân Kỳ	19° 09' 41"	105° 13' 35"						E-48-19-C	
Núi Nghánh	SV	xã Giai Xuân	H. Tân Kỳ	19° 08' 26"	105° 13' 42"						E-48-19-C	
xóm Nước Xanh	DC	xã Giai Xuân	H. Tân Kỳ	19° 08' 44"	105° 12' 57"						E-48-19-C	
xóm Quyết Tâm	DC	xã Giai Xuân	H. Tân Kỳ	19° 08' 37"	105° 13' 56"						E-48-19-C	
xóm Tân Mừng	DC	xã Giai Xuân	H. Tân Kỳ	19° 08' 43"	105° 13' 20"						E-48-19-C	
xóm Vạn Long	DC	xã Giai Xuân	H. Tân Kỳ	19° 09' 43"	105° 15' 32"						E-48-19-D-a	
xóm Vạn Xuân	DC	xã Giai Xuân	H. Tân Kỳ	19° 09' 43"	105° 15' 54"						E-48-19-D-a	
xóm Xuân Tiến	DC	xã Giai Xuân	H. Tân Kỳ	19° 09' 32"	105° 13' 18"						E-48-19-C	
xóm 1 Tân Thanh Hồng	DC	xã Hương Sơn	H. Tân Kỳ	19° 01' 59"	105° 09' 56"						E-48-19-C	
xóm 2 Tân Thanh Hồng	DC	xã Hương Sơn	H. Tân Kỳ	19° 01' 55"	105° 09' 09"						E-48-19-C	
xóm 3 Tân Thanh Hồng	DC	xã Hương Sơn	H. Tân Kỳ	19° 01' 24"	105° 09' 01"						E-48-19-C	
xóm 4 Tân Thanh Hồng	DC	xã Hương Sơn	H. Tân Kỳ	19° 01' 44"	105° 08' 35"						E-48-19-C	
xóm 5 Tân Thanh Hồng	DC	xã Hương Sơn	H. Tân Kỳ	19° 02' 59"	105° 09' 36"						E-48-19-C	
Sông Con	TV	xã Hương Sơn	H. Tân Kỳ			19° 15' 32"	105° 25' 09"	19° 02' 14"	104° 58' 20"		E-48-19-D-d, E-48-18-D	
đập Khe Vành	TV	xã Hương Sơn	H. Tân Kỳ	19° 03' 55"	105° 10' 12"						E-48-19-C	
suối Khe Vành	TV	xã Hương Sơn	H. Tân Kỳ			19° 04' 59"	105° 10' 13"	19° 02' 50"	105° 11' 30"		E-48-19-C	
xóm Nam Hồng	DC	xã Hương Sơn	H. Tân Kỳ	19° 01' 26"	105° 09' 36"						E-48-19-C	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)			
xóm Tân Lập	DC	xã Hương Sơn	H. Tân Kỳ	19° 04' 14"	105° 09' 12"						E-48-19-C	
xóm Tân Quang	DC	xã Hương Sơn	H. Tân Kỳ	19° 03' 40"	105° 10' 14"						E-48-19-C	
xóm Tân Sơn 1	DC	xã Hương Sơn	H. Tân Kỳ	19° 03' 59"	105° 09' 08"						E-48-19-C	
xóm Tân Sơn 2	DC	xã Hương Sơn	H. Tân Kỳ	19° 04' 02"	105° 07' 56"						E-48-19-C	
xóm Tân Thành	DC	xã Hương Sơn	H. Tân Kỳ	19° 04' 35"	105° 08' 33"						E-48-19-C	
xóm Tân Xuân	DC	xã Hương Sơn	H. Tân Kỳ	19° 02' 58"	105° 10' 33"						E-48-19-C	
xóm Trung Mỹ	DC	xã Hương Sơn	H. Tân Kỳ	19° 03' 12"	105° 10' 59"						E-48-19-C	
xóm Xuân Hương	DC	xã Hương Sơn	H. Tân Kỳ	19° 03' 37"	105° 11' 28"						E-48-19-D-c E-48-19-C	
đường tỉnh 545	KX	xã Kỳ Sơn	H. Tân Kỳ			19° 19' 30"	105° 25' 06"	19° 03' 01"	105° 16' 20"		E-48-19-C	
xóm Cầu Trôi	DC	xã Kỳ Sơn	H. Tân Kỳ	19° 02' 40"	105° 13' 29"						E-48-19-C	
Sông Con	SV	xã Kỳ Sơn	H. Tân Kỳ			19° 15' 32"	105° 25' 09"	19° 02' 14"	104° 58' 20"		E-48-19-D-d, E-48-18-D	
xóm Điện Lực	DC	xã Kỳ Sơn	H. Tân Kỳ	19° 01' 46"	105° 13' 35"						E-48-19-C	
xóm Dốc Sư	DC	xã Kỳ Sơn	H. Tân Kỳ	19° 01' 57"	105° 14' 11"						E-48-19-C	
đập Đội Cung	TV	xã Kỳ Sơn	H. Tân Kỳ	19° 02' 50"	105° 14' 10"						E-48-19-C	
xóm Đội Cung 1	DC	xã Kỳ Sơn	H. Tân Kỳ	19° 03' 03"	105° 14' 13"						E-48-19-C	
xóm Đội Cung 2	DC	xã Kỳ Sơn	H. Tân Kỳ	19° 02' 51"	105° 13' 37"						E-48-19-C	
xóm Đồng Nảy	DC	xã Kỳ Sơn	H. Tân Kỳ	19° 01' 13"	105° 14' 21"						E-48-19-C	
xóm Đồng Thịnh	DC	xã Kỳ Sơn	H. Tân Kỳ	19° 02' 30"	105° 14' 23"						E-48-19-C	
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Kỳ Sơn	H. Tân Kỳ			19° 26' 38"	105° 26' 56"	18° 35' 45"	105° 26' 04"		E-48-19-D-c, E-48-19-D-d	
xóm Hùng Cường 1	DC	xã Kỳ Sơn	H. Tân Kỳ	19° 04' 13"	105° 13' 09"						E-48-19-C	
xóm Hùng Cường 2	DC	xã Kỳ Sơn	H. Tân Kỳ	19° 04' 22"	105° 13' 00"						E-48-19-C	
xóm Kỳ Minh	DC	xã Kỳ Sơn	H. Tân Kỳ	19° 02' 35"	105° 14' 55"						E-48-19-C	
xóm Phước Kỳ 1	DC	xã Kỳ Sơn	H. Tân Kỳ	19° 03' 08"	105° 15' 26"						E-48-19-D-c	
xóm Phước Kỳ 2	DC	xã Kỳ Sơn	H. Tân Kỳ	19° 02' 49"	105° 15' 18"						E-48-19-D-c	
xóm Phước Minh	DC	xã Kỳ Sơn	H. Tân Kỳ	19° 02' 44"	105° 14' 36"						E-48-19-C	
Núi Rời	SV	xã Kỳ Sơn	H. Tân Kỳ	19° 04' 33"	105° 13' 58"						E-48-19-C	
xóm Tiên Phong 1	DC	xã Kỳ Sơn	H. Tân Kỳ	19° 03' 25"	105° 14' 42"						E-48-19-C	
xóm Tiên Phong 2	DC	xã Kỳ Sơn	H. Tân Kỳ	19° 03' 16"	105° 15' 10"						E-48-19-D-c	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
quốc lộ 15	KX	xã Kỳ Tân	H. Tân Kỳ					19° 26' 37"	105° 26' 54"	18° 33' 35"	105° 33' 24"	E-48-19-D-c
đường tỉnh 545	KX	xã Kỳ Tân	H. Tân Kỳ					19° 19' 30"	105° 25' 06"	19° 03' 01"	105° 16' 20"	E-48-19-D-c
xóm 1 Diên Nam	DC	xã Kỳ Tân	H. Tân Kỳ	19° 04' 37"	105° 16' 10"							E-48-19-D-c
xóm 1 Tân Sơn	DC	xã Kỳ Tân	H. Tân Kỳ	105° 18' 11"	19° 04' 21"							E-48-19-D-c
xóm 1 Thanh Tân	DC	xã Kỳ Tân	H. Tân Kỳ	19° 03' 29"	105° 16' 04"							E-48-19-D-c
xóm 2 Diên Lam	DC	xã Kỳ Tân	H. Tân Kỳ	19° 04' 23"	105° 15' 47"							E-48-19-D-c
xóm 2 Tân Sơn	DC	xã Kỳ Tân	H. Tân Kỳ	19° 04' 03"	105° 17' 20"							E-48-19-D-c
xóm 2 Thanh Tân	DC	xã Kỳ Tân	H. Tân Kỳ	19° 03' 37"	105° 15' 50"							E-48-19-D-c
xóm 3 Tân Sơn	DC	xã Kỳ Tân	H. Tân Kỳ	19° 04' 14"	105° 16' 56"							E-48-19-D-c
xóm 3 Tân Sơn	DC	xã Kỳ Tân	H. Tân Kỳ	19° 04' 14"	105° 16' 56"							E-48-19-D-c
xóm 4 Tân Sơn	DC	xã Kỳ Tân	H. Tân Kỳ	19° 04' 22"	105° 17' 33"							E-48-19-D-c
xóm 5 Tân Sơn	DC	xã Kỳ Tân	H. Tân Kỳ	19° 03' 50"	105° 16' 53"							E-48-19-D-c
xóm 6 Tân Sơn	DC	xã Kỳ Tân	H. Tân Kỳ	19° 03' 33"	105° 16' 53"							E-48-19-D-c
Sông Con	TV	xã Kỳ Tân	H. Tân Kỳ			19° 15' 32"	105° 25' 09"	19° 02' 14"	104° 58' 20"			E-48-19-D-d, E-48-18-D
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Kỳ Tân	H. Tân Kỳ					19° 26' 38"	105° 26' 56"	18° 35' 45"	105° 26' 04"	E-48-19-D-c, E-48-19-D-d
suối Khe Su	TV	xã Kỳ Tân	H. Tân Kỳ					19° 04' 33"	105° 20' 19"	19° 04' 20"	105° 17' 10"	E-48-19-D-c
núi Khu Gàu	SV	xã Kỳ Tân	H. Tân Kỳ	19° 03' 06"	105° 17' 56"							E-48-19-D-c
xóm Lưu Xuân	DC	xã Kỳ Tân	H. Tân Kỳ	19° 03' 48"	105° 16' 09"							E-48-19-D-c
Cầu Rời	KX	xã Kỳ Tân	H. Tân Kỳ	19° 03' 49"	105° 15' 40"							E-48-19-D-c
xóm 1	DC	xã Nghĩa Bình	H. Tân Kỳ	19° 11' 13"	105° 23' 35"							E-48-19-D-b
xóm 2	DC	xã Nghĩa Bình	H. Tân Kỳ	19° 11' 20"	105° 23' 01"							E-48-19-D-b
xóm 3	DC	xã Nghĩa Bình	H. Tân Kỳ	19° 11' 40"	105° 22' 18"							E-48-19-D-a
xóm 4	DC	xã Nghĩa Bình	H. Tân Kỳ	19° 11' 22"	105° 22' 03"							E-48-19-D-a
xóm 5	DC	xã Nghĩa Bình	H. Tân Kỳ	19° 11' 18"	105° 22' 31"							E-48-19-D-b
xóm 6	DC	xã Nghĩa Bình	H. Tân Kỳ	19° 10' 50"	105° 22' 42"							E-48-19-D-b
xóm 7	DC	xã Nghĩa Bình	H. Tân Kỳ	19° 10' 49"	105° 23' 21"							E-48-19-D-b
xóm 8	DC	xã Nghĩa Bình	H. Tân Kỳ	19° 10' 31"	105° 22' 55"							E-48-19-D-b
xóm 9	DC	xã Nghĩa Bình	H. Tân Kỳ	19° 09' 22"	105° 22' 01"							E-48-19-D-b
xóm 10	DC	xã Nghĩa Bình	H. Tân Kỳ	19° 08' 59"	105° 22' 48"							E-48-19-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)			
xóm 11	DC	xã Nghĩa Bình	H. Tân Kỳ	19° 08' 44"	105° 23' 02"						E-48-19-D-b	
xóm 12	DC	xã Nghĩa Bình	H. Tân Kỳ	19° 08' 57"	105° 21' 51"						E-48-19-D-b	
Sông Con	TV	xã Nghĩa Bình	H. Tân Kỳ			19° 15' 32"	105° 25' 09"	19° 02' 14"	104° 58' 20"		E-48-19-D-d, E-48-18-D	
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Nghĩa Bình	H. Tân Kỳ			19° 26' 38"	105° 26' 56"	18° 35' 45"	105° 26' 04"		E-48-19-D-c, E-48-19-D-d	
suối Hòn Rô	TV	xã Nghĩa Bình	H. Tân Kỳ			19° 10' 57"	105° 22' 28"	19° 10' 46"	105° 22' 13"		E-48-19-D-a	
đập Khe Vang	TV	xã Nghĩa Bình	H. Tân Kỳ	19° 11' 07"	105° 23' 47"						E-48-19-D-b	
Suối Long	TV	xã Nghĩa Bình	H. Tân Kỳ			19° 09' 47"	105° 23' 57"	19° 10' 19"	105° 22' 17"		E-48-19-D-b, E-48-19-D-a E-48-19-D-b	
Hòn Rô	DC	xã Nghĩa Bình	H. Tân Kỳ	19° 10' 39"	105° 22' 21"						E-48-19-D-a E-48-19-D-b	
Suối Thán	TV	xã Nghĩa Bình	H. Tân Kỳ			19° 09' 30"	105° 24' 34"	19° 09' 13"	105° 22' 00"		E-48-19-D-b, E-48-19-D-a, E-48-19-D-a	
xóm 1	DC	xã Nghĩa Bình	H. Tân Kỳ	19° 11' 29"	105° 21' 15"						E-48-19-D-a	
xóm 2	DC	xã Nghĩa Bình	H. Tân Kỳ	19° 11' 15"	105° 21' 00"						E-48-19-D-a	
xóm 3	DC	xã Nghĩa Bình	H. Tân Kỳ	19° 10' 45"	105° 21' 11"						E-48-19-D-a	
xóm 4A	DC	xã Nghĩa Bình	H. Tân Kỳ	19° 10' 46"	105° 20' 24"						E-48-19-D-a	
xóm 4B	DC	xã Nghĩa Bình	H. Tân Kỳ	19° 10' 34"	105° 20' 17"						E-48-19-D-a	
xóm 5A	DC	xã Nghĩa Bình	H. Tân Kỳ	19° 10' 54"	105° 20' 44"						E-48-19-D-a	
xóm 5B	DC	xã Nghĩa Bình	H. Tân Kỳ	19° 10' 58"	105° 20' 29"						E-48-19-D-a	
xóm 6A	DC	xã Nghĩa Bình	H. Tân Kỳ	19° 10' 18"	105° 21' 02"						E-48-19-D-a	
xóm 6B	DC	xã Nghĩa Bình	H. Tân Kỳ	19° 10' 25"	105° 20' 48"						E-48-19-D-a	
xóm 7	DC	xã Nghĩa Bình	H. Tân Kỳ	19° 10' 10"	105° 20' 59"						E-48-19-D-a	
xóm 8	DC	xã Nghĩa Bình	H. Tân Kỳ	19° 10' 02"	105° 20' 50"						E-48-19-D-a	
xóm 9	DC	xã Nghĩa Bình	H. Tân Kỳ	19° 10' 19"	105° 20' 32"						E-48-19-D-a	
xóm 10	DC	xã Nghĩa Bình	H. Tân Kỳ	19° 10' 02"	105° 20' 36"						E-48-19-D-a	
xóm 11	DC	xã Nghĩa Bình	H. Tân Kỳ	19° 10' 13"	105° 20' 10"						E-48-19-D-a	
đường tỉnh 545	KX	xã Nghĩa Bình	H. Tân Kỳ			19° 19' 30"	105° 25' 06"	19° 03' 01"	105° 16' 20"		E-48-19-D-a E-48-19-D-d, E-48-18-D	
Sông Con	TV	xã Nghĩa Bình	H. Tân Kỳ			19° 15' 32"	105° 25' 09"	19° 02' 14"	104° 58' 20"		E-48-18-D	
Suối Mai	TV	xã Nghĩa Bình	H. Tân Kỳ			19° 09' 24"	105° 19' 22"	19° 11' 53"	105° 21' 04"		E-48-19-D-a	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm Sa Nam	DC	xã Nghĩa Đồng	H. Tân Kỳ	19° 10' 42"	105° 20' 50"						E-48-19-D-a	
Đò Sen	KX	xã Nghĩa Đồng	H. Tân Kỳ	19° 08' 49"	105° 20' 59"						E-48-19-D-a	
Xóm Bàu	DC	xã Nghĩa Dũng	H. Tân Kỳ	19° 07' 55"	105° 18' 24"						E-48-19-D-a	
Sông Con	TV	xã Nghĩa Dũng	H. Tân Kỳ			19° 15' 32"	105° 25' 09"	19° 02' 14"	104° 58' 20"		E-48-19-D-d, E-48-18-D	
núi Công Nhân	SV	xã Nghĩa Dũng	H. Tân Kỳ	19° 07' 15"	105° 20' 00"						E-48-19-D-c	
núi Cột Cờ	SV	xã Nghĩa Dũng	H. Tân Kỳ	19° 18' 31"	105° 30' 41"						E-48-20-A-c	
xóm Cột Cờ	DC	xã Nghĩa Dũng	H. Tân Kỳ	19° 07' 55"	105° 18' 55"						E-48-19-D-a	
xóm Cự Đà	DC	xã Nghĩa Dũng	H. Tân Kỳ	19° 05' 09"	105° 17' 26"						E-48-19-D-c	
xóm Đào Nguyên	DC	xã Nghĩa Dũng	H. Tân Kỳ	19° 06' 06"	105° 17' 56"						E-48-19-D-c	
Xóm Đình	DC	xã Nghĩa Dũng	H. Tân Kỳ	19° 07' 49"	105° 18' 29"						E-48-19-D-a	
xóm Đồng Kho	DC	xã Nghĩa Dũng	H. Tân Kỳ	19° 06' 16"	105° 19' 57"						E-48-19-D-c	
xóm Đồng Thờ	DC	xã Nghĩa Dũng	H. Tân Kỳ	19° 06' 54"	105° 20' 26"						E-48-19-D-c	
xóm Dương Lễ	DC	xã Nghĩa Dũng	H. Tân Kỳ	19° 06' 18"	105° 20' 16"						E-48-19-D-c	
xóm Gia Đề	DC	xã Nghĩa Dũng	H. Tân Kỳ	19° 06' 32"	105° 18' 24"						E-48-19-D-c	
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Nghĩa Dũng	H. Tân Kỳ			19° 26' 38"	105° 26' 56"	18° 35' 45"	105° 26' 04"		E-48-19-D-c, E-48-19-D-d	
Phân trại K1T3	KX	xã Nghĩa Dũng	H. Tân Kỳ	19° 07' 35"	105° 18' 46"						E-48-19-D-a	
Phân trại K2T3	KX	xã Nghĩa Dũng	H. Tân Kỳ	19° 06' 50"	105° 20' 51"						E-48-19-D-c	
suối Khe Lá	TV	xã Nghĩa Dũng	H. Tân Kỳ			19° 05' 24"	105° 22' 47"	19° 06' 40"	105° 20' 03"		E-48-19-D-c E-48-19-D-d	
suối Khe Mít	TV	xã Nghĩa Dũng	H. Tân Kỳ			19° 06' 49"	105° 22' 30"	19° 06' 40"	105° 20' 03"		E-48-19-D-c	
suối Khe Su	TV	xã Nghĩa Dũng	H. Tân Kỳ			19° 04' 33"	105° 20' 19"	19° 04' 20"	105° 17' 10"		E-48-19-D-c	
xóm Tân Mỹ	DC	xã Nghĩa Dũng	H. Tân Kỳ	19° 04' 51"	105° 17' 24"						E-48-19-D-c	
xóm Tân Thọ	DC	xã Nghĩa Dũng	H. Tân Kỳ	19° 07' 00"	105° 19' 22"						E-48-19-D-c	
Suối Thiềm	TV	xã Nghĩa Dũng	H. Tân Kỳ			19° 06' 40"	105° 20' 03"	19° 07' 06"	105° 18' 41"		E-48-19-D-c	
xóm Thuận Yên	DC	xã Nghĩa Dũng	H. Tân Kỳ	19° 05' 39"	105° 17' 44"						E-48-19-D-c	
xóm Văn Sơn	DC	xã Nghĩa Dũng	H. Tân Kỳ	19° 07' 25"	105° 19' 36"						E-48-19-D-c	
núi Vàng Tâm	SV	xã Nghĩa Dũng	H. Tân Kỳ	19° 05' 10"	105° 19' 55"						E-48-19-D-c	
xóm 1	DC	xã Nghĩa Hành	H. Tân Kỳ	19° 01' 18"	105° 07' 28"						E-48-19-C	
xóm 2	DC	xã Nghĩa Hành	H. Tân Kỳ	19° 00' 59"	105° 07' 09"						E-48-19-C	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm 3	DC	xã Nghĩa Hành	H. Tân Kỳ	19° 01' 01"	105° 08' 06"							E-48-19-C
xóm 4	DC	xã Nghĩa Hành	H. Tân Kỳ	19° 00' 14"	105° 08' 07"							E-48-19-C, E-48-31-A
xóm 5	DC	xã Nghĩa Hành	H. Tân Kỳ	19° 00' 06"	105° 08' 45"							E-48-19-C
xóm 6	DC	xã Nghĩa Hành	H. Tân Kỳ	19° 00' 41"	105° 09' 43"							E-48-19-C
xóm 7	DC	xã Nghĩa Hành	H. Tân Kỳ	19° 00' 27"	105° 10' 15"							E-48-19-C, E-48-31-A
xóm 8	DC	xã Nghĩa Hành	H. Tân Kỳ	18° 59' 58"	105° 10' 21"							E-48-19-C, E-48-31-A
xóm 9	DC	xã Nghĩa Hành	H. Tân Kỳ	19° 00' 16"	105° 10' 59"							E-48-19-C
xóm 10	DC	xã Nghĩa Hành	H. Tân Kỳ	19° 00' 32"	105° 11' 39"							E-48-19-C
xóm 11	DC	xã Nghĩa Hành	H. Tân Kỳ	18° 59' 33"	105° 09' 58"							E-48-31-A
xóm 12	DC	xã Nghĩa Hành	H. Tân Kỳ	18° 59' 57"	105° 08' 51"							E-48-31-A
xóm 13	DC	xã Nghĩa Hành	H. Tân Kỳ	18° 59' 13"	105° 10' 27"							E-48-31-A
xóm 14	DC	xã Nghĩa Hành	H. Tân Kỳ	18° 59' 19"	105° 08' 57"			18° 59' 27"	105° 07' 23"	18° 59' 43"	105° 08' 17"	E-48-31-A
Suối Cơi	TV	xã Nghĩa Hành	H. Tân Kỳ					19° 15' 32"	105° 25' 09"	19° 02' 14"	104° 58' 20"	E-48-19-D-d, E-48-18-D
Sông Con	TV	xã Nghĩa Hành	H. Tân Kỳ									E-48-31-A
núi Đá Bạc	SV	xã Nghĩa Hành	H. Tân Kỳ	18° 59' 51"	105° 06' 55"			19° 00' 10"	105° 12' 19"	19° 01' 17"	105° 10' 00"	E-48-19-C
Khe Du	TV	xã Nghĩa Hành	H. Tân Kỳ									E-48-31-A
đường mòn Hồ Chí Minh	KX	xã Nghĩa Hành	H. Tân Kỳ					19° 26' 38"	105° 26' 56"	18° 35' 45"	105° 26' 04"	E-48-19-C, E-48-31-A
núi Khe Táy	SV	xã Nghĩa Hành	H. Tân Kỳ	18° 59' 56"	105° 06' 31"							E-48-31-A
núi Táo Sơn	SV	xã Nghĩa Hành	H. Tân Kỳ	18° 59' 06"	105° 11' 55"							E-48-31-A
đường tỉnh 545	KX	xã Nghĩa Hoàn	H. Tân Kỳ					19° 19' 30"	105° 25' 06"	19° 03' 01"	105° 16' 20"	E-48-19-D-a
Sông Con	TV	xã Nghĩa Hoàn	H. Tân Kỳ					19° 15' 32"	105° 25' 09"	19° 02' 14"	104° 58' 20"	E-48-19-D-d, E-48-18-D
Xóm Cửa	DC	xã Nghĩa Hoàn	H. Tân Kỳ	19° 08' 27"	105° 16' 38"							E-48-19-D-a
xóm Đồng Tâm	DC	xã Nghĩa Hoàn	H. Tân Kỳ	19° 08' 38"	105° 15' 40"							E-48-19-D-a
xóm Đồng Tiến	DC	xã Nghĩa Hoàn	H. Tân Kỳ	19° 08' 38"	105° 16' 13"							E-48-19-D-a
Sông Giang	TV	xã Nghĩa Hoàn	H. Tân Kỳ					19° 09' 29"	105° 17' 50"	19° 08' 34"	105° 17' 41"	E-48-19-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)			
xóm Hạnh Phong	DC	xã Nghĩa Hoàn	H. Tân Kỳ	19° 09' 18"	105° 17' 44"						E-48-19-D-a	
xóm Lâm Xuân	DC	xã Nghĩa Hoàn	H. Tân Kỳ	19° 08' 01"	105° 15' 53"						E-48-19-D-a	
xóm Mai Tân	DC	xã Nghĩa Hoàn	H. Tân Kỳ	19° 08' 05"	105° 15' 13"						E-48-19-D-a	
Núi Thảm	SV	xã Nghĩa Hoàn	H. Tân Kỳ	19° 07' 41"	105° 16' 46"						E-48-19-D-c	
Xóm Thảm	DC	xã Nghĩa Hoàn	H. Tân Kỳ	19° 08' 03"	105° 16' 13"						E-48-19-D-a	
xóm Thuận Hoà	DC	xã Nghĩa Hoàn	H. Tân Kỳ	19° 09' 06"	105° 17' 05"						E-48-19-D-a	
xóm Thuận Yên	DC	xã Nghĩa Hoàn	H. Tân Kỳ	19° 08' 46"	105° 16' 47"						E-48-19-D-a	
xóm Tiến Thành	DC	xã Nghĩa Hoàn	H. Tân Kỳ	19° 08' 17"	105° 16' 18"						E-48-19-D-a	
xóm Việt Thắng	DC	xã Nghĩa Hoàn	H. Tân Kỳ	19° 08' 36"	105° 16' 33"						E-48-19-D-a	
xóm Vĩnh Tân	DC	xã Nghĩa Hoàn	H. Tân Kỳ	19° 07' 54"	105° 15' 04"						E-48-19-D-a	
xóm Xuân Sơn	DC	xã Nghĩa Hoàn	H. Tân Kỳ	19° 07' 47"	105° 15' 45"						E-48-19-D-a	
xóm Yên Phúc	DC	xã Nghĩa Hoàn	H. Tân Kỳ	19° 09' 16"	105° 17' 15"						E-48-19-D-a	
xóm 1A	DC	xã Nghĩa Hợp	H. Tân Kỳ	19° 08' 31"	105° 20' 58"						E-48-19-D-a	
xóm 1B	DC	xã Nghĩa Hợp	H. Tân Kỳ	19° 08' 09"	105° 20' 52"						E-48-19-D-a	
xóm 2	DC	xã Nghĩa Hợp	H. Tân Kỳ	19° 08' 13"	105° 20' 20"						E-48-19-D-a	
xóm 3	DC	xã Nghĩa Hợp	H. Tân Kỳ	19° 08' 29"	105° 19' 58"						E-48-19-D-a	
xóm 4	DC	xã Nghĩa Hợp	H. Tân Kỳ	19° 08' 15"	105° 19' 20"						E-48-19-D-a	
xóm 5	DC	xã Nghĩa Hợp	H. Tân Kỳ	19° 08' 01"	105° 19' 04"						E-48-19-D-a	
xóm 6	DC	xã Nghĩa Hợp	H. Tân Kỳ	19° 07' 38"	105° 19' 45"						E-48-19-D-d, E-48-18-D	
Sông Con	TV	xã Nghĩa Hợp	H. Tân Kỳ			19° 15' 32"	105° 25' 09"	19° 02' 14"	104° 58' 20"		E-48-19-D-c	
núi Công Nhân	SV	xã Nghĩa Hợp	H. Tân Kỳ	19° 07' 15"	105° 20' 00"						E-48-20-A-c	
núi Cột Cờ	SV	xã Nghĩa Hợp	H. Tân Kỳ	19° 18' 31"	105° 30' 41"						E-48-19-D-c, E-48-19-D-d	
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Nghĩa Hợp	H. Tân Kỳ			19° 26' 38"	105° 26' 56"	18° 35' 45"	105° 26' 04"		E-48-19-D-a	
Đò Sen	KX	xã Nghĩa Hợp	H. Tân Kỳ	19° 08' 49"	105° 20' 59"						E-48-19-C	
xóm Bắc Sơn	DC	xã Nghĩa Phúc	H. Tân Kỳ	19° 06' 04"	105° 11' 15"						E-48-19-C	
xóm Đà sơn	DC	xã Nghĩa Phúc	H. Tân Kỳ	19° 06' 43"	105° 13' 17"						E-48-19-C	
xóm Hoa Mù	DC	xã Nghĩa Phúc	H. Tân Kỳ	19° 07' 02"	105° 11' 32"						E-48-19-C	
xóm Hoà Phúc	DC	xã Nghĩa Phúc	H. Tân Kỳ	19° 06' 46"	105° 12' 22"						E-48-19-C	
xóm Hồng Kỳ	DC	xã Nghĩa Phúc	H. Tân Kỳ	19° 07' 51"	105° 13' 07"						E-48-19-C	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)			
xóm Hồng Phúc	DC	xã Nghĩa Phúc	H. Tân Kỳ	19° 07' 51"	105° 13' 31"						E-48-19-C	
xóm Kê Nang	DC	xã Nghĩa Phúc	H. Tân Kỳ	19° 07' 06"	105° 10' 46"						E-48-19-C	
Xóm Kèo	DC	xã Nghĩa Phúc	H. Tân Kỳ	19° 06' 57"	105° 13' 35"						E-48-19-C	
đập Khe Dừa	TV	xã Nghĩa Phúc	H. Tân Kỳ	19° 06' 51"	105° 11' 55"						E-48-19-C	
suối Khe Sanh	TV	xã Nghĩa Phúc	H. Tân Kỳ			19° 06' 38"	105° 10' 55"	19° 06' 31"	105° 12' 39"		E-48-19-C	
núi Mỏ Điều	SV	xã Nghĩa Phúc	H. Tân Kỳ	19° 07' 59"	105° 10' 53"						E-48-19-C	
xóm Nam Sơn	DC	xã Nghĩa Phúc	H. Tân Kỳ	19° 05' 23"	105° 10' 44"						E-48-19-C	
xóm Nam Tiến	DC	xã Nghĩa Phúc	H. Tân Kỳ	19° 06' 37"	105° 11' 33"						E-48-19-C	
Núi Ngánh	SV	xã Nghĩa Phúc	H. Tân Kỳ	19° 08' 26"	105° 13' 42"						E-48-19-C	
xóm Nghĩa Hồng	DC	xã Nghĩa Phúc	H. Tân Kỳ	19° 07' 17"	105° 13' 44"						E-48-19-C	
xóm Nghĩa Liên	DC	xã Nghĩa Phúc	H. Tân Kỳ	19° 07' 52"	105° 12' 33"						E-48-19-C	
xóm Nghĩa Thắng	DC	xã Nghĩa Phúc	H. Tân Kỳ	19° 07' 00"	105° 11' 12"						E-48-19-C	
xóm Phúc Thành	DC	xã Nghĩa Phúc	H. Tân Kỳ	19° 06' 19"	105° 11' 25"						E-48-19-C	
xóm Sào Nam	DC	xã Nghĩa Phúc	H. Tân Kỳ	19° 07' 20"	105° 12' 38"						E-48-19-C	
xóm Tân Hoa	DC	xã Nghĩa Phúc	H. Tân Kỳ	19° 05' 52"	105° 13' 00"						E-48-19-C	
xóm Tân Hoàn	DC	xã Nghĩa Phúc	H. Tân Kỳ	19° 05' 45"	105° 12' 41"						E-48-19-C	
xóm Tân Hồng	DC	xã Nghĩa Phúc	H. Tân Kỳ	19° 06' 21"	105° 12' 59"						E-48-19-C	
xóm Tập Mả	DC	xã Nghĩa Phúc	H. Tân Kỳ	19° 06' 32"	105° 11' 09"						E-48-19-C	
xóm Trung Tâm	DC	xã Nghĩa Phúc	H. Tân Kỳ	19° 06' 19"	105° 12' 20"						E-48-19-C	
đường tỉnh 545	KX	xã Nghĩa Thái	H. Tân Kỳ			19° 19' 30"	105° 25' 06"	19° 03' 01"	105° 16' 20"		E-48-19-D-a	
xóm Bãi Đá	DC	xã Nghĩa Thái	H. Tân Kỳ	19° 09' 04"	105° 18' 32"						E-48-19-D-a	
xóm Bích Thái 1	DC	xã Nghĩa Thái	H. Tân Kỳ	19° 10' 19"	105° 19' 47"						E-48-19-D-a	
xóm Bích Thái 2	DC	xã Nghĩa Thái	H. Tân Kỳ	19° 10' 08"	105° 19' 38"						E-48-19-D-a	
Sông Con	TV	xã Nghĩa Thái	H. Tân Kỳ			19° 15' 32"	105° 25' 09"	19° 02' 14"	104° 58' 20"		E-48-19-D-d, E-48-18-D	
Sông Giang	TV	xã Nghĩa Thái	H. Tân Kỳ			19° 09' 29"	105° 17' 50"	19° 08' 34"	105° 17' 41"		E-48-19-D-a	
Xóm Giang	DC	xã Nghĩa Thái	H. Tân Kỳ	19° 08' 57"	105° 18' 08"						E-48-19-D-a	
Khe Mai	TV	xã Nghĩa Thái	H. Tân Kỳ			19° 11' 53"	105° 21' 04"	19° 09' 23"	105° 19' 21"		E-48-19-D-a	
xóm Tân Thành	DC	xã Nghĩa Thái	H. Tân Kỳ	19° 10' 07"	105° 19' 15"						E-48-19-D-a	
xóm Thái Sơn	DC	xã Nghĩa Thái	H. Tân Kỳ	19° 09' 26"	105° 18' 23"						E-48-19-D-a	
xóm Viên Thái	DC	xã Nghĩa Thái	H. Tân Kỳ	19° 09' 38"	105° 18' 46"						E-48-19-D-a	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm Vĩnh Lộc	DC	xã Nghĩa Thái	H. Tân Kỳ	19° 10' 05"	105° 18' 22"							E-48-19-D-a
xóm Bắc Sơn	DC	xã Phú Sơn	H. Tân Kỳ	19° 02' 27"	105° 06' 37"							E-48-19-C
núi Bù A	SV	xã Phú Sơn	H. Tân Kỳ	19° 04' 02"	105° 06' 09"							E-48-19-C
núi Bù Chải	SV	xã Phú Sơn	H. Tân Kỳ	19° 04' 04"	105° 05' 35"							E-48-19-C
Sông Con	TV	xã Phú Sơn	H. Tân Kỳ			19° 15' 32"	105° 25' 09"	19° 02' 14"	104° 58' 20"			E-48-19-D-d, E-48-18-D
xóm Cồn Phới	DC	xã Phú Sơn	H. Tân Kỳ	19° 02' 03"	105° 05' 21"							E-48-19-C
suối Gia Gầm	TV	xã Phú Sơn	H. Tân Kỳ			19° 01' 45"	105° 06' 16"	19° 02' 20"	105° 05' 40"			E-48-19-C
xóm Hoà Sơn	DC	xã Phú Sơn	H. Tân Kỳ	19° 02' 55"	105° 05' 01"							E-48-19-C
xóm Hùng Sơn	DC	xã Phú Sơn	H. Tân Kỳ	19° 02' 50"	105° 05' 27"							E-48-19-C
xóm Hùng Thịnh	DC	xã Phú Sơn	H. Tân Kỳ	19° 02' 34"	105° 05' 02"							E-48-19-C
đập Khe Sắn	TV	xã Phú Sơn	H. Tân Kỳ	19° 03' 25"	105° 04' 59"							E-48-19-C
núi Khe Táy	SV	xã Phú Sơn	H. Tân Kỳ	18° 59' 56"	105° 06' 31"							E-48-31-A
xóm Môn Sơn	DC	xã Phú Sơn	H. Tân Kỳ	19° 02' 24"	105° 06' 16"							E-48-19-C
xóm Nam Sơn	DC	xã Phú Sơn	H. Tân Kỳ	19° 01' 57"	105° 06' 11"							E-48-19-C
xóm Quyết Thắng	DC	xã Phú Sơn	H. Tân Kỳ	19° 02' 51"	105° 07' 14"							E-48-19-C
xóm Tân Lâm	DC	xã Phú Sơn	H. Tân Kỳ	19° 01' 33"	105° 05' 19"							E-48-19-C
xóm Thái Sơn	DC	xã Phú Sơn	H. Tân Kỳ	19° 02' 33"	105° 04' 35"							E-48-19-C
núi Thung Dầu	SV	xã Phú Sơn	H. Tân Kỳ	19° 02' 51"	105° 07' 59"							E-48-19-C
xóm Trung Sơn	DC	xã Phú Sơn	H. Tân Kỳ	19° 01' 59"	105° 06' 33"							E-48-19-C
đường tỉnh 545	KX	xã Tân An	H. Tân Kỳ			19° 19' 30"	105° 25' 06"	19° 03' 01"	105° 16' 20"			E-48-19-D-a
Sông Con	TV	xã Tân An	H. Tân Kỳ			19° 15' 32"	105° 25' 09"	19° 02' 14"	104° 58' 20"			E-48-19-D-d, E-48-18-D
xóm Diễn Châu	DC	xã Tân An	H. Tân Kỳ	19° 05' 13"	105° 12' 44"							E-48-19-C
xóm Đồ Lương	DC	xã Tân An	H. Tân Kỳ	19° 04' 15"	105° 11' 22"							E-48-19-C
núi Đồng Chẹt	SV	xã Tân An	H. Tân Kỳ	19° 05' 49"	105° 08' 57"							E-48-19-C
xóm Đồng Lực	DC	xã Tân An	H. Tân Kỳ	19° 04' 31"	105° 10' 33"							E-48-19-C
xóm Hưng Nguyên	DC	xã Tân An	H. Tân Kỳ	19° 04' 43"	105° 11' 18"							E-48-19-C
suối Khe Sanh	TV	xã Tân An	H. Tân Kỳ			19° 06' 38"	105° 10' 55"	19° 06' 31"	105° 12' 39"			E-48-19-C
suối Khe Vành	TV	xã Tân An	H. Tân Kỳ			19° 04' 59"	105° 10' 13"	19° 02' 50"	105° 11' 30"			E-48-19-C
xóm Nam Đàn	DC	xã Tân An	H. Tân Kỳ	19° 04' 45"	105° 12' 21"							E-48-19-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)			
xóm Nghi Lộc	DC	xã Tân An	H. Tân Kỳ	19° 05' 28"	105° 11' 34"						E-48-19-C	
xóm Quyết Thắng	DC	xã Tân An	H. Tân Kỳ	19° 05' 07"	105° 08' 57"						E-48-19-C	
xóm Quỳnh Lưu	DC	xã Tân An	H. Tân Kỳ	19° 05' 35"	105° 12' 17"						E-48-19-C	
xóm Tân Sơn	DC	xã Tân An	H. Tân Kỳ	19° 04' 58"	105° 11' 30"						E-48-19-C	
xóm Tân Thành	DC	xã Tân An	H. Tân Kỳ	19° 04' 38"	105° 11' 32"						E-48-19-C	
xóm Thanh An	DC	xã Tân An	H. Tân Kỳ	19° 05' 14"	105° 09' 45"						E-48-19-C	
xóm Thanh Chương	DC	xã Tân An	H. Tân Kỳ	19° 07' 24"	105° 09' 55"						E-48-19-C	
xóm Thanh Phúc	DC	xã Tân An	H. Tân Kỳ	19° 05' 06"	105° 10' 29"						E-48-19-C	
xóm Yên Thành	DC	xã Tân An	H. Tân Kỳ	19° 06' 20"	105° 10' 42"						E-48-19-C	
Núi Bục	SV	xã Tân Hợp	H. Tân Kỳ	19° 07' 42"	105° 08' 30"						E-48-19-C	
Núi Chang	SV	xã Tân Hợp	H. Tân Kỳ	19° 12' 00"	105° 07' 44"						E-48-19-C	
Suối Chiềng	TV	xã Tân Hợp	H. Tân Kỳ			19° 11' 22"	105° 12' 31"	19° 08' 26"	105° 08' 08"		E-48-19-C	
xóm Đồng Hạ	DC	xã Tân Hợp	H. Tân Kỳ	19° 08' 41"	105° 09' 18"						E-48-19-C	
Núi Hiếu	SV	xã Tân Hợp	H. Tân Kỳ	19° 10' 09"	105° 07' 46"						E-48-19-C	
Suối Hoà	TV	xã Tân Hợp	H. Tân Kỳ			19° 11' 20"	105° 11' 07"	19° 09' 57"	105° 10' 50"		E-48-19-C	
xóm Hồng Sơn	DC	xã Tân Hợp	H. Tân Kỳ	19° 09' 48"	105° 10' 20"						E-48-19-C	
Núi Khùa	SV	xã Tân Hợp	H. Tân Kỳ	19° 10' 44"	105° 07' 04"						E-48-19-C	
xóm Nghĩa Thành	DC	xã Tân Hợp	H. Tân Kỳ	19° 11' 38"	105° 08' 31"						E-48-19-C	
Suối Ngục	TV	xã Tân Hợp	H. Tân Kỳ			19° 11' 16"	105° 08' 07"	19° 11' 20"	105° 11' 07"		E-48-19-C	
xóm Tân Hương	DC	xã Tân Hợp	H. Tân Kỳ	19° 12' 18"	105° 12' 56"						E-48-19-C	
xóm Tân Lập	DC	xã Tân Hợp	H. Tân Kỳ	19° 10' 53"	105° 11' 48"						E-48-19-C	
xóm Tân Thành	DC	xã Tân Hợp	H. Tân Kỳ	19° 11' 31"	105° 10' 25"						E-48-19-C	
xóm Trung Độ	DC	xã Tân Hợp	H. Tân Kỳ	19° 12' 21"	105° 09' 30"						E-48-19-C	
xóm Yên Hoà	DC	xã Tân Hợp	H. Tân Kỳ	19° 11' 07"	105° 10' 55"						E-48-19-C	
xóm 1	DC	xã Tân Hương	H. Tân Kỳ	19° 01' 38"	105° 10' 49"						E-48-19-C	
xóm 2	DC	xã Tân Hương	H. Tân Kỳ	19° 02' 04"	105° 11' 23"						E-48-19-C	
xóm 3	DC	xã Tân Hương	H. Tân Kỳ	19° 00' 51"	105° 11' 15"						E-48-19-C	
xóm 4	DC	xã Tân Hương	H. Tân Kỳ	19° 00' 41"	105° 12' 07"						E-48-19-C	
xóm 5	DC	xã Tân Hương	H. Tân Kỳ	19° 01' 03"	105° 11' 33"						E-48-19-C	
xóm 6	DC	xã Tân Hương	H. Tân Kỳ	19° 01' 40"	105° 12' 10"						E-48-19-C	
xóm 7	DC	xã Tân Hương	H. Tân Kỳ	19° 01' 57"	105° 12' 54"						E-48-19-C	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm 8	DC	xã Tân Hương	H. Tân Kỳ	19° 02' 43"	105° 12' 43"					E-48-19-C
xóm 9	DC	xã Tân Hương	H. Tân Kỳ	19° 02' 40"	105° 12' 11"					E-48-19-C
xóm 10	DC	xã Tân Hương	H. Tân Kỳ	19° 03' 33"	105° 12' 29"					E-48-19-C
xóm 11	DC	xã Tân Hương	H. Tân Kỳ	19° 03' 46"	105° 12' 12"					E-48-19-C
xóm 12	DC	xã Tân Hương	H. Tân Kỳ	19° 03' 48"	105° 12' 00"					E-48-19-C
xóm 13	DC	xã Tân Hương	H. Tân Kỳ	19° 03' 59"	105° 12' 13"					E-48-19-C
xóm 14	DC	xã Tân Hương	H. Tân Kỳ	19° 02' 20"	105° 13' 06"					E-48-19-C
xóm 15	DC	xã Tân Hương	H. Tân Kỳ	19° 00' 54"	105° 12' 38"					E-48-19-C
xóm 16	DC	xã Tân Hương	H. Tân Kỳ	19° 03' 12"	105° 12' 04"					E-48-19-C
Sông Con	TV	xã Tân Hương	H. Tân Kỳ			19° 15' 32"	105° 25' 09"	19° 02' 14"	104° 58' 20"	E-48-19-D-d, E-48-18-D
Khe Dền	TV	xã Tân Hương	H. Tân Kỳ			19° 01' 22"	105° 10' 35"	19° 01' 32"	105° 10' 05"	E-48-19-C
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Tân Hương	H. Tân Kỳ			19° 26' 38"	105° 26' 56"	18° 35' 45"	105° 26' 04"	E-48-19-C
đường tỉnh 545	KX	xã Tân Long	H. Tân Kỳ			19° 19' 30"	105° 25' 06"	19° 03' 01"	105° 16' 20"	E-48-19-D-c
Sông Con	TV	xã Tân Long	H. Tân Kỳ			19° 15' 32"	105° 25' 09"	19° 02' 14"	104° 58' 20"	E-48-19-D-d, E-48-18-D
xóm Tân Hồ	DC	xã Tân Long	H. Tân Kỳ	19° 06' 16"	105° 16' 33"					E-48-19-D-c
xóm Tân Lập	DC	xã Tân Long	H. Tân Kỳ	19° 06' 55"	105° 16' 51"					E-48-19-D-c
xóm Tân Long	DC	xã Tân Long	H. Tân Kỳ	19° 07' 11"	105° 17' 02"					E-48-19-D-c
xóm Tân Minh	DC	xã Tân Long	H. Tân Kỳ	19° 07' 32"	105° 15' 22"					E-48-19-D-c
xóm Tân Phúc	DC	xã Tân Long	H. Tân Kỳ	19° 07' 12"	105° 14' 13"					E-48-19-D-c
xóm Tân Thắng	DC	xã Tân Long	H. Tân Kỳ	19° 06' 34"	105° 16' 37"					E-48-19-D-c
xóm Tân Thành	DC	xã Tân Long	H. Tân Kỳ	19° 05' 43"	105° 16' 23"					E-48-19-D-c
Núi Thắm	SV	xã Tân Long	H. Tân Kỳ	19° 07' 41"	105° 16' 46"					E-48-19-D-c
đường tỉnh 545	KX	xã Tân Phú	H. Tân Kỳ			19° 19' 30"	105° 25' 06"	19° 03' 01"	105° 16' 20"	E-48-19-D-a
Núi Doan	SV	xã Tân Phú	H. Tân Kỳ	19° 12' 41"	105° 19' 25"					E-48-19-D-a
hồ Đức Thịnh	TV	xã Tân Phú	H. Tân Kỳ	19° 12' 15"	105° 20' 51"					E-48-19-D-a
xóm Đức Thịnh	DC	xã Tân Phú	H. Tân Kỳ	19° 12' 37"	105° 20' 56"					E-48-19-D-a
xóm Hạ Sưu	DC	xã Tân Phú	H. Tân Kỳ	19° 11' 29"	105° 20' 38"					E-48-19-D-a
Suối Lỏi	TV	xã Tân Phú	H. Tân Kỳ			19° 11' 17"	105° 15' 00"	19° 10' 26"	105° 16' 50"	E-48-19-D-a
Suối Mai	TV	xã Tân Phú	H. Tân Kỳ			19° 09' 24"	105° 19' 22"	19° 11' 53"	105° 21' 04"	E-48-19-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm Tân Đồng	DC	xã Tân Phú	H. Tân Kỳ	19° 10' 36"	105° 19' 57"					E-48-19-D-a
xóm Tân Lương	DC	xã Tân Phú	H. Tân Kỳ	19° 11' 45"	105° 20' 01"					E-48-19-D-a
xóm Tân Lý	DC	xã Tân Phú	H. Tân Kỳ	19° 08' 45"	105° 15' 06"					E-48-19-D-a
xóm Tân Phong	DC	xã Tân Phú	H. Tân Kỳ	19° 09' 55"	105° 16' 30"					E-48-19-D-a
xóm Tân Phú	DC	xã Tân Phú	H. Tân Kỳ	19° 09' 42"	105° 17' 51"					E-48-19-D-a
xóm Tân Thái	DC	xã Tân Phú	H. Tân Kỳ	19° 09' 56"	105° 17' 56"					E-48-19-D-a
xóm Tân Xuân	DC	xã Tân Phú	H. Tân Kỳ	19° 08' 51"	105° 16' 06"					E-48-19-D-a
xóm Tân Yên	DC	xã Tân Phú	H. Tân Kỳ	19° 09' 19"	105° 17' 11"					E-48-19-D-a
xóm Thống Nhất	DC	xã Tân Phú	H. Tân Kỳ	19° 10' 46"	105° 18' 55"					E-48-19-D-a
xóm Vật Tư	DC	xã Tân Phú	H. Tân Kỳ	19° 09' 33"	105° 17' 20"					E-48-19-D-a
Núi Voi	SV	xã Tân Phú	H. Tân Kỳ	18° 41' 09"	105° 28' 53"					E-48-31-D
núi Con Trâu	SV	xã Tân Xuân	H. Tân Kỳ	19° 11' 41"	105° 16' 03"					E-48-19-D-a
Núi Doan	SV	xã Tân Xuân	H. Tân Kỳ	19° 12' 41"	105° 19' 25"					E-48-19-D-a
Khe Hao	TV	xã Tân Xuân	H. Tân Kỳ			19° 14' 07"	105° 15' 41"	19° 10' 50"	105° 17' 07"	E-48-19-D-a
xóm Hoàng Trang	DC	xã Tân Xuân	H. Tân Kỳ	19° 11' 06"	105° 17' 07"					E-48-19-D-a
xóm Hoàng Xuân	DC	xã Tân Xuân	H. Tân Kỳ	19° 10' 37"	105° 15' 54"					E-48-19-D-a
núi Kê Bút	SV	xã Tân Xuân	H. Tân Kỳ	19° 11' 03"	105° 16' 10"					E-48-19-D-a
Đồi Khương	SV	xã Tân Xuân	H. Tân Kỳ	19° 11' 49"	105° 17' 18"					E-48-19-D-a
Đồi Lê	SV	xã Tân Xuân	H. Tân Kỳ	19° 13' 02"	105° 18' 13"					E-48-19-D-a
Suối Lỏi	TV	xã Tân Xuân	H. Tân Kỳ			19° 11' 17"	105° 15' 00"	19° 10' 26"	105° 16' 50"	E-48-19-D-a
xóm Thanh Trà	DC	xã Tân Xuân	H. Tân Kỳ	19° 11' 15"	105° 18' 13"					E-48-19-D-a
xóm Trung Lương	DC	xã Tân Xuân	H. Tân Kỳ	19° 11' 36"	105° 19' 13"					E-48-19-D-a
xóm Vĩnh Đồng	DC	xã Tân Xuân	H. Tân Kỳ	19° 11' 03"	105° 17' 38"					E-48-19-D-a
xóm Xuân Dương	DC	xã Tân Xuân	H. Tân Kỳ	19° 10' 18"	105° 17' 22"					E-48-19-D-a
xóm Xuân Yên	DC	xã Tân Xuân	H. Tân Kỳ	19° 10' 41"	105° 16' 17"					E-48-19-D-a
núi Bù A	SV	xã Tiên Kỳ	H. Tân Kỳ	19° 04' 02"	105° 06' 09"					E-48-19-C
xóm Bù Chải	DC	xã Tiên Kỳ	H. Tân Kỳ	19° 04' 59"	105° 04' 19"					E-48-19-C
đập Đồng Éch	TV	xã Tiên Kỳ	H. Tân Kỳ	19° 05' 03"	105° 02' 50"					E-48-19-C
núi Hang Trâu	SV	xã Tiên Kỳ	H. Tân Kỳ	19° 07' 56"	105° 03' 06"					E-48-19-C
đập Kê Diện	TV	xã Tiên Kỳ	H. Tân Kỳ	19° 06' 04"	105° 05' 16"					E-48-19-C
xóm Kê Diện	DC	xã Tiên Kỳ	H. Tân Kỳ	19° 05' 46"	105° 05' 16"					E-48-19-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	
xóm Kê Giếng	DC	xã Tiên Kỳ	H. Tân Kỳ	19° 05' 21"	105° 04' 02"							E-48-19-C
xóm Kê Ôn	DC	xã Tiên Kỳ	H. Tân Kỳ	19° 05' 36"	105° 04' 45"							E-48-19-C
xóm Kê Phầy	DC	xã Tiên Kỳ	H. Tân Kỳ	19° 04' 51"	105° 03' 38"							E-48-19-C
suối Khe Lòa	TV	xã Tiên Kỳ	H. Tân Kỳ			19° 06' 15"	105° 06' 01"	19° 03' 05"	105° 03' 02"			E-48-19-C
xóm Kỳ Thịnh	DC	xã Tiên Kỳ	H. Tân Kỳ	19° 04' 01"	105° 03' 42"							E-48-19-C
xóm Mo Học	DC	xã Tiên Kỳ	H. Tân Kỳ	19° 04' 42"	105° 03' 10"							E-48-19-C
xóm Nam Cường	DC	xã Tiên Kỳ	H. Tân Kỳ	19° 04' 28"	105° 04' 51"							E-48-19-C
xóm Nam Kỳ	DC	xã Tiên Kỳ	H. Tân Kỳ	19° 05' 09"	105° 05' 34"							E-48-19-C
núi Pa Lò	SV	xã Tiên Kỳ	H. Tân Kỳ	19° 05' 51"	105° 02' 43"							E-48-19-C
xóm Tân Đồng	DC	xã Tiên Kỳ	H. Tân Kỳ	19° 05' 35"	105° 04' 03"							E-48-19-C
xóm Thái Minh	DC	xã Tiên Kỳ	H. Tân Kỳ	19° 05' 25"	105° 03' 30"							E-48-19-C
đập Thiên Hữu	TV	xã Tiên Kỳ	H. Tân Kỳ	19° 04' 50"	105° 06' 16"							E-48-19-C
đập Trung Mét	TV	xã Tiên Kỳ	H. Tân Kỳ	19° 04' 55"	105° 05' 10"							E-48-19-C
khối 1	DC	TT. Thanh Chương	H. Thanh Chương	18° 47' 29"	105° 20' 10"							E-48-31-B-c
khối 2	DC	TT. Thanh Chương	H. Thanh Chương	18° 47' 11"	105° 20' 21"							E-48-31-B-c
khối 3	DC	TT. Thanh Chương	H. Thanh Chương	18° 46' 51"	105° 19' 43"							E-48-31-B-c
khối 4	DC	TT. Thanh Chương	H. Thanh Chương	18° 46' 56"	105° 19' 52"							E-48-31-B-c
khối 5	DC	TT. Thanh Chương	H. Thanh Chương	18° 46' 53"	105° 20' 24"							E-48-31-B-c
khối 6	DC	TT. Thanh Chương	H. Thanh Chương	18° 47' 03"	105° 19' 44"							E-48-31-B-c
khối 7	DC	TT. Thanh Chương	H. Thanh Chương	18° 47' 04"	105° 20' 04"							E-48-31-B-c
khối 8	DC	TT. Thanh Chương	H. Thanh Chương	18° 46' 56"	105° 20' 13"							E-48-31-B-c
khối 9	DC	TT. Thanh Chương	H. Thanh Chương	18° 46' 24"	105° 19' 56"							E-48-31-B-c
khối 10	DC	TT. Thanh Chương	H. Thanh Chương	18° 47' 21"	105° 19' 53"							E-48-31-B-c
khối 11	DC	TT. Thanh Chương	H. Thanh Chương	18° 47' 55"	105° 20' 22"							E-48-31-B-c
khối 12	DC	TT. Thanh Chương	H. Thanh Chương	18° 46' 33"	105° 20' 04"							E-48-31-B-c
khối 13	DC	TT. Thanh Chương	H. Thanh Chương	18° 46' 03"	105° 20' 33"							E-48-31-B-c
khối 14	DC	TT. Thanh Chương	H. Thanh Chương	18° 46' 48"	105° 21' 00"							E-48-31-B-c
khối 15	DC	TT. Thanh Chương	H. Thanh Chương	18° 46' 59"	105° 21' 21"							E-48-31-B-c
Sông Lam	TV	TT. Thanh Chương	H. Thanh Chương			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"			E-48-31-B-c
xóm 1	DC	xã Cát Văn	H. Thanh Chương	18° 53' 07"	105° 15' 16"							E-48-31-B-a
xóm 2	DC	xã Cát Văn	H. Thanh Chương	18° 53' 04"	105° 15' 49"							E-48-31-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm 3	DC	xã Cát Ván	H. Thanh Chương	18° 53' 03"	105° 16' 15"					E-48-31-B-a
xóm 4	DC	xã Cát Ván	H. Thanh Chương	18° 52' 49"	105° 16' 18"					E-48-31-B-a
xóm 5A	DC	xã Cát Ván	H. Thanh Chương	18° 52' 53"	105° 16' 51"					E-48-31-B-a
xóm 5B	DC	xã Cát Ván	H. Thanh Chương	18° 52' 47"	105° 17' 00"					E-48-31-B-a
xóm 6A	DC	xã Cát Ván	H. Thanh Chương	18° 52' 32"	105° 17' 03"					E-48-31-B-a
xóm 6B	DC	xã Cát Ván	H. Thanh Chương	18° 52' 27"	105° 16' 53"					E-48-31-B-c
xóm 7	DC	xã Cát Ván	H. Thanh Chương	18° 52' 14"	105° 17' 14"					E-48-31-B-c
xóm 8	DC	xã Cát Ván	H. Thanh Chương	18° 51' 53"	105° 16' 32"					E-48-31-B-c
xóm 9A	DC	xã Cát Ván	H. Thanh Chương	18° 52' 25"	105° 16' 21"					E-48-31-B-c
xóm 9B	DC	xã Cát Ván	H. Thanh Chương	18° 52' 05"	105° 16' 03"					E-48-31-B-c
xóm 10	DC	xã Cát Ván	H. Thanh Chương	18° 52' 17"	105° 16' 28"					E-48-31-B-c
xóm 11	DC	xã Cát Ván	H. Thanh Chương	18° 52' 24"	105° 16' 08"					E-48-31-B-c
xóm 12	DC	xã Cát Ván	H. Thanh Chương	18° 52' 34"	105° 15' 40"					E-48-31-B-a, E-48-31-B-c
Sông Lam	TV	xã Cát Ván	H. Thanh Chương			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-31-B-a, E-48-31-B-c
Núi Nhòn	SV	xã Cát Ván	H. Thanh Chương	18° 52' 08"	105° 15' 40"					E-48-31-B-c
quốc lộ 46B	KX	xã Đồng Văn	H. Thanh Chương			18° 53' 20"	105° 18' 32"	18° 44' 07"	105° 22' 18"	E-48-31-B-c
xóm Đông Thượng	DC	xã Đồng Văn	H. Thanh Chương	18° 45' 52"	105° 20' 25"					E-48-31-B-c
Sông Lam	TV	xã Đồng Văn	H. Thanh Chương			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-31-B-c
xóm Luán Hoà	DC	xã Đồng Văn	H. Thanh Chương	18° 45' 34"	105° 19' 07"					E-48-31-B-c
xóm Luán Hồng	DC	xã Đồng Văn	H. Thanh Chương	18° 46' 01"	105° 19' 06"					E-48-31-B-c
xóm Luán Phú	DC	xã Đồng Văn	H. Thanh Chương	18° 46' 25"	105° 19' 53"					E-48-31-B-c
xóm Luán Phương	DC	xã Đồng Văn	H. Thanh Chương	18° 46' 20"	105° 19' 41"					E-48-31-B-c
xóm Luán Sơn	DC	xã Đồng Văn	H. Thanh Chương	18° 46' 37"	105° 19' 34"					E-48-31-B-c
xóm Phú Xuân	DC	xã Đồng Văn	H. Thanh Chương	18° 46' 38"	105° 19' 54"					E-48-31-B-c
xóm Phương Đình	DC	xã Đồng Văn	H. Thanh Chương	18° 45' 40"	105° 19' 56"					E-48-31-B-c
xóm Thạch Sơn	DC	xã Đồng Văn	H. Thanh Chương	18° 45' 58"	105° 19' 59"					E-48-31-B-c
xóm Thượng Quánh	DC	xã Đồng Văn	H. Thanh Chương	18° 45' 13"	105° 19' 24"					E-48-31-B-c
xóm Tiên Kiều	DC	xã Đồng Văn	H. Thanh Chương	18° 45' 27"	105° 19' 37"					E-48-31-B-c
xóm 1	DC	xã Hạnh Lâm	H. Thanh Chương	18° 48' 44"	105° 09' 23"					E-48-31-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)			
xóm 2	DC	xã Hạnh Lâm	H. Thanh Chương	18° 48' 58"	105° 09' 56"						E-48-31-A	
xóm 3	DC	xã Hạnh Lâm	H. Thanh Chương	18° 48' 49"	105° 10' 13"						E-48-31-A	
xóm 4	DC	xã Hạnh Lâm	H. Thanh Chương	18° 48' 53"	105° 10' 29"						E-48-31-A	
xóm 5A	DC	xã Hạnh Lâm	H. Thanh Chương	18° 48' 53"	105° 10' 56"						E-48-31-A	
xóm 5B	DC	xã Hạnh Lâm	H. Thanh Chương	18° 48' 46"	105° 11' 33"						E-48-31-A	
xóm 6	DC	xã Hạnh Lâm	H. Thanh Chương	18° 49' 39"	105° 11' 19"						E-48-31-A	
xóm 7	DC	xã Hạnh Lâm	H. Thanh Chương	18° 50' 05"	105° 11' 23"						E-48-31-A	
xóm 8	DC	xã Hạnh Lâm	H. Thanh Chương	18° 50' 10"	105° 11' 41"						E-48-31-A	
xóm 9	DC	xã Hạnh Lâm	H. Thanh Chương	18° 50' 37"	105° 11' 52"						E-48-31-A	
núi Ba Sườn	SV	xã Hạnh Lâm	H. Thanh Chương	18° 49' 25"	105° 09' 23"	18° 47' 35"	105° 06' 48"	18° 47' 47"	105° 08' 45"		E-48-31-A	
suối Cây Cam	TV	xã Hạnh Lâm	H. Thanh Chương	18° 48' 23"	105° 09' 52"						E-48-31-A	
Xóm Chuyên	DC	xã Hạnh Lâm	H. Thanh Chương			19° 15' 32"	105° 25' 09"	19° 02' 14"	104° 58' 20"		E-48-19-D-d, E-48-18-D	
Sông Con	TV	xã Hạnh Lâm	H. Thanh Chương			19° 24' 13"	105° 25' 17"	19° 22' 56"	105° 24' 11"		E-48-19-B-b	
Suối Con	TV	xã Hạnh Lâm	H. Thanh Chương								E-48-31-A	
núi Con Bò	SV	xã Hạnh Lâm	H. Thanh Chương	18° 47' 20"	105° 09' 46"						E-48-31-A	
xóm Điện Biên	DC	xã Hạnh Lâm	H. Thanh Chương	18° 48' 33"	105° 10' 17"						E-48-31-A	
Sông Giảng	TV	xã Hạnh Lâm	H. Thanh Chương			18° 52' 29"	104° 50' 11"	18° 50' 07"	105° 16' 38"		E-48-31-A	
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Hạnh Lâm	H. Thanh Chương			19° 26' 38"	105° 26' 56"	18° 35' 45"	105° 26' 04"		E-48-31-A	
Suối Mết	TV	xã Hạnh Lâm	H. Thanh Chương			18° 46' 34"	105° 12' 02"	18° 49' 13"	105° 12' 24"		E-48-31-A	
Suối Mước	TV	xã Hạnh Lâm	H. Thanh Chương			18° 51' 03"	105° 07' 07"	18° 49' 37"	105° 06' 36"		E-48-31-A	
núi Rú Thác Muối	SV	xã Hạnh Lâm	H. Thanh Chương	18° 48' 18"	105° 08' 50"						E-48-31-A	
Suối Sườn	TV	xã Hạnh Lâm	H. Thanh Chương			18° 46' 46"	105° 02' 10"	18° 49' 44"	105° 05' 30"		E-48-31-A	
cầu Thanh Đức	KX	xã Hạnh Lâm	H. Thanh Chương	18° 49' 06"	105° 10' 03"						E-48-31-A	
dãy Trường Sơn	SV	xã Hạnh Lâm	H. Thanh Chương	16° 28' 51"	106° 54' 56"						E-48-24-C	
bản Chà Luán	DC	xã Ngọc Lâm	H. Thanh Chương	18° 43' 53"	105° 11' 13"						E-48-31-C-b	
núi Đại Cán	SV	xã Ngọc Lâm	H. Thanh Chương	18° 46' 07"	105° 12' 10"						E-48-31-A	
Bản Hiến	DC	xã Ngọc Lâm	H. Thanh Chương	18° 42' 33"	105° 11' 43"						E-48-31-C-b	
Suối Khai	TV	xã Ngọc Lâm	H. Thanh Chương			18° 41' 14"	105° 10' 28"	18° 44' 48"	105° 13' 36"		E-48-31-A	
bản Kim Hồng	DC	xã Ngọc Lâm	H. Thanh Chương	18° 44' 59"	105° 12' 48"						E-48-31-C-b	
bản Kim Liên	DC	xã Ngọc Lâm	H. Thanh Chương	18° 44' 23"	105° 11' 40"						E-48-31-C-b	
Suối Láng	TV	xã Ngọc Lâm	H. Thanh Chương			18° 42' 17"	105° 08' 36"	18° 44' 48"	105° 13' 36"		E-48-31-A	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)			
Bản Lạp	DC	xã Ngọc Lâm	H. Thanh Chương	18° 44' 06"	105° 12' 58"						E-48-31-C-b	
Bản Mả	DC	xã Ngọc Lâm	H. Thanh Chương	18° 45' 00"	105° 12' 28"						E-48-31-C-b	
suối Mạn Tác	TV	xã Ngọc Lâm	H. Thanh Chương			18° 40' 20"	105° 12' 13"	18° 44' 59"	105° 14' 08"		E-48-31-C	
Bản Muộng	DC	xã Ngọc Lâm	H. Thanh Chương	18° 43' 29"	105° 13' 47"						E-48-31-C-b	
bản Nhạn Mai	DC	xã Ngọc Lâm	H. Thanh Chương	18° 43' 55"	105° 12' 57"						E-48-31-C-b	
bản Nhạn Ninh	DC	xã Ngọc Lâm	H. Thanh Chương	18° 44' 07"	105° 13' 15"						E-48-31-C-b	
bản Nhạn Pá	DC	xã Ngọc Lâm	H. Thanh Chương	18° 42' 32"	105° 13' 35"						E-48-31-C-b	
Bản Nồng	DC	xã Ngọc Lâm	H. Thanh Chương	18° 44' 24"	105° 13' 06"						E-48-31-C-b	
bản Tạ Xiêng	DC	xã Ngọc Lâm	H. Thanh Chương	18° 45' 05"	105° 12' 40"						E-48-31-C	
núi Thác Lụa	SV	xã Ngọc Lâm	H. Thanh Chương	18° 40' 16"	105° 11' 54"						E-48-31-C	
núi Tóc Hao	SV	xã Ngọc Lâm	H. Thanh Chương	18° 39' 34"	105° 10' 34"						E-48-31-C	
núi Truyền	SV	xã Ngọc Lâm	H. Thanh Chương	18° 42' 54"	105° 07' 56"						E-48-31-C	
dãy Trường Sơn	SV	xã Ngọc Lâm	H. Thanh Chương	16° 28' 51"	106° 54' 56"						E-48-31-C	
núi Vũ Trụ	SV	xã Ngọc Lâm	H. Thanh Chương	18° 42' 09"	105° 08' 37"						E-48-31-C	
bản Xiêng Lằm	DC	xã Ngọc Lâm	H. Thanh Chương	18° 42' 27"	105° 12' 08"						E-48-31-C-b	
bản Xốp Pe	DC	xã Ngọc Lâm	H. Thanh Chương	18° 44' 17"	105° 11' 15"						E-48-31-B-c,	
											E-48-31-B-d	
xóm 1	DC	xã Ngọc Sơn	H. Thanh Chương	18° 46' 14"	105° 22' 37"						E-48-31-B-c	
xóm 2A	DC	xã Ngọc Sơn	H. Thanh Chương	18° 45' 30"	105° 22' 05"						E-48-31-B-c	
xóm 2B	DC	xã Ngọc Sơn	H. Thanh Chương	18° 45' 14"	105° 22' 03"						E-48-31-B-c	
xóm 3	DC	xã Ngọc Sơn	H. Thanh Chương	18° 45' 04"	105° 21' 42"						E-48-31-B-c	
xóm 4	DC	xã Ngọc Sơn	H. Thanh Chương	18° 44' 45"	105° 21' 36"						E-48-31-D	
xóm 5	DC	xã Ngọc Sơn	H. Thanh Chương	18° 44' 55"	105° 21' 52"						E-48-31-D	
xóm 6	DC	xã Ngọc Sơn	H. Thanh Chương	18° 44' 45"	105° 22' 16"						E-48-31-D	
xóm 7	DC	xã Ngọc Sơn	H. Thanh Chương	18° 44' 33"	105° 21' 54"						E-48-31-D	
xóm 8	DC	xã Ngọc Sơn	H. Thanh Chương	18° 44' 50"	105° 22' 36"						E-48-31-D	
xóm 9	DC	xã Ngọc Sơn	H. Thanh Chương	18° 44' 24"	105° 22' 49"						E-48-31-D	
xóm 10	DC	xã Ngọc Sơn	H. Thanh Chương	18° 44' 11"	105° 22' 55"						E-48-31-D	
xóm 11	DC	xã Ngọc Sơn	H. Thanh Chương	18° 45' 45"	105° 23' 34"						E-48-31-B-d	
xóm 12	DC	xã Ngọc Sơn	H. Thanh Chương	18° 45' 44"	105° 24' 03"						E-48-31-B-d	
xóm 13	DC	xã Ngọc Sơn	H. Thanh Chương	18° 45' 13"	105° 24' 05"						E-48-31-B-d	
quốc lộ 46B	KX	xã Ngọc Sơn	H. Thanh Chương			18° 53' 20"	105° 18' 32"	18° 44' 07"	105° 22' 18"		E-48-31-B-c	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	
Núi Cấm	SV	xã Ngọc Sơn	H. Thanh Chương	18° 44' 28"	105° 22' 09"							E-48-31-D
núi Côn Ngơu	SV	xã Ngọc Sơn	H. Thanh Chương	18° 46' 26"	105° 22' 55"							E-48-31-B-d
Sông Gang	TV	xã Ngọc Sơn	H. Thanh Chương			18° 51' 44"	105° 24' 55"	18° 41' 54"	105° 27' 23"			E-48-31-B-c, E-48-31-B-d,
núi Khe Vang	SV	xã Ngọc Sơn	H. Thanh Chương	18° 46' 50"	105° 24' 00"							E-48-31-B-d
Sông Lam	TV	xã Ngọc Sơn	H. Thanh Chương			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"			E-48-31-B-c, E-48-31-D
Núi Ngục	SV	xã Ngọc Sơn	H. Thanh Chương	18° 45' 01"	105° 21' 24"							E-48-31-B-c
đường tỉnh 533	KX	xã Phong Thịnh	H. Thanh Chương			18° 54' 45"	105° 15' 14"	18° 38' 32"	105° 30' 37"			E-48-31-B-c
Chợ Chùa	KX	xã Phong Thịnh	H. Thanh Chương	18° 50' 13"	105° 15' 02"							E-48-31-B-c
Sông Giảng	TV	xã Phong Thịnh	H. Thanh Chương			18° 52' 29"	104° 50' 11"	18° 50' 07"	105° 16' 38"			E-48-31-A, E-48-31-B-c
thôn Hoà Thịnh	DC	xã Phong Thịnh	H. Thanh Chương	18° 50' 22"	105° 15' 29"							E-48-31-B-c
thôn Khánh Thành	DC	xã Phong Thịnh	H. Thanh Chương	18° 50' 53"	105° 15' 53"							E-48-31-B-c
Sông Lam	TV	xã Phong Thịnh	H. Thanh Chương			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"			E-48-31-B-c
thôn Làng Hoa	DC	xã Phong Thịnh	H. Thanh Chương	18° 50' 01"	105° 15' 58"							E-48-31-B-c
thôn Liên Chung	DC	xã Phong Thịnh	H. Thanh Chương	18° 50' 25"	105° 14' 41"							E-48-31-B-c
thôn Liên Giáp	DC	xã Phong Thịnh	H. Thanh Chương	18° 51' 32"	105° 16' 02"							E-48-31-B-c
thôn Liên Trung	DC	xã Phong Thịnh	H. Thanh Chương	18° 51' 37"	105° 15' 47"							E-48-31-B-c
suối Na Ca	TV	xã Phong Thịnh	H. Thanh Chương			18° 51' 55"	105° 13' 26"	18° 50' 13"	105° 14' 43"			E-48-31-A
Núi Nhón	SV	xã Phong Thịnh	H. Thanh Chương	18° 52' 08"	105° 15' 40"							E-48-31-B-c
thôn Sơn Thịnh	DC	xã Phong Thịnh	H. Thanh Chương	18° 50' 26"	105° 16' 11"							E-48-31-B-c
thôn Thanh Nam	DC	xã Phong Thịnh	H. Thanh Chương	18° 51' 17"	105° 15' 53"							E-48-31-B-c
thôn Trung Sơn	DC	xã Phong Thịnh	H. Thanh Chương	18° 51' 01"	105° 15' 09"							E-48-31-B-c
thôn Trung Thành	DC	xã Phong Thịnh	H. Thanh Chương	18° 50' 40"	105° 15' 17"							E-48-31-B-c
thôn Trung Thọ	DC	xã Phong Thịnh	H. Thanh Chương	18° 51' 30"	105° 15' 09"							E-48-31-B-c
thôn Trường Sơn	DC	xã Phong Thịnh	H. Thanh Chương	18° 51' 09"	105° 15' 55"							E-48-31-B-c
thôn Trường Xuân	DC	xã Phong Thịnh	H. Thanh Chương	18° 50' 39"	105° 15' 58"							E-48-31-B-c
thôn 1	DC	xã Thanh An	H. Thanh Chương	18° 44' 36"	105° 17' 53"							E-48-31-D
thôn 2	DC	xã Thanh An	H. Thanh Chương	18° 44' 41"	105° 18' 10"							E-48-31-D
thôn 3	DC	xã Thanh An	H. Thanh Chương	18° 44' 30"	105° 18' 15"							E-48-31-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)			
thôn 4	DC	xã Thanh An	H. Thanh Chương	18° 44' 40"	105° 18' 24"					E-48-31-D		
thôn 5	DC	xã Thanh An	H. Thanh Chương	18° 45' 09"	105° 18' 29"					E-48-31-B-c		
thôn 6	DC	xã Thanh An	H. Thanh Chương	18° 45' 19"	105° 18' 36"					E-48-31-B-c		
thôn 7	DC	xã Thanh An	H. Thanh Chương	18° 45' 11"	105° 18' 52"					E-48-31-B-c		
thôn 8	DC	xã Thanh An	H. Thanh Chương	18° 44' 20"	105° 17' 20"					E-48-31-D		
thôn 9	DC	xã Thanh An	H. Thanh Chương	18° 44' 52"	105° 19' 04"					E-48-31-D		
thôn 10	DC	xã Thanh An	H. Thanh Chương	18° 44' 42"	105° 19' 36"					E-48-31-D		
thôn 11	DC	xã Thanh An	H. Thanh Chương	18° 44' 25"	105° 19' 12"					E-48-31-D		
thôn 12	DC	xã Thanh An	H. Thanh Chương	18° 44' 25"	105° 18' 59"					E-48-31-D		
thôn 13	DC	xã Thanh An	H. Thanh Chương	18° 44' 09"	105° 18' 49"					E-48-31-D		
thôn 14	DC	xã Thanh An	H. Thanh Chương	18° 43' 59"	105° 18' 58"					E-48-31-D		
đường tỉnh 533	KX	xã Thanh An	H. Thanh Chương			18° 54' 45"	105° 15' 14"	18° 38' 32"	105° 30' 37"	E-48-31-B-c, E-48-31-D		
hồ Cẩu Cau	TV	xã Thanh An	H. Thanh Chương	18° 44' 07"	105° 16' 48"					E-48-31-D		
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Thanh An	H. Thanh Chương			19° 26' 38"	105° 26' 56"	18° 35' 45"	105° 26' 04"	E-48-31-B-c, E-48-31-D		
Sông Lam	TV	xã Thanh An	H. Thanh Chương			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-31-B-c, E-48-31-D		
suối Mạn Tắc	TV	xã Thanh An	H. Thanh Chương				105° 12' 13"	18° 44' 59"	105° 14' 08"	E-48-31-C		
núi Mo Nu	SV	xã Thanh An	H. Thanh Chương	18° 44' 17"	105° 15' 16"					E-48-31-D		
thôn Thượng Lâm	DC	xã Thanh An	H. Thanh Chương	18° 44' 00"	105° 15' 21"					E-48-31-D		
đường tỉnh 533	KX	xã Thanh Chi	H. Thanh Chương			18° 54' 45"	105° 15' 14"	18° 38' 32"	105° 30' 37"	E-48-31-D		
thôn Chi Lam	DC	xã Thanh Chi	H. Thanh Chương	18° 44' 46"	105° 20' 47"					E-48-31-D		
Núi Chọi	SV	xã Thanh Chi	H. Thanh Chương	18° 44' 51"	105° 19' 37"					E-48-31-D		
suối Hồi Trừng	TV	xã Thanh Chi	H. Thanh Chương							E-48-31-D		
thôn Hợp Hoà	DC	xã Thanh Chi	H. Thanh Chương	18° 44' 23"	105° 19' 54"					E-48-31-D		
thôn Kim Liên	DC	xã Thanh Chi	H. Thanh Chương	18° 44' 57"	105° 19' 54"					E-48-31-B-c		
thôn Kim Thịnh	DC	xã Thanh Chi	H. Thanh Chương	18° 44' 09"	105° 19' 43"					E-48-31-D		
thôn Kim Thượng	DC	xã Thanh Chi	H. Thanh Chương	18° 44' 44"	105° 19' 33"					E-48-31-D		
thôn Kỳ Chu	DC	xã Thanh Chi	H. Thanh Chương	18° 44' 59"	105° 20' 46"					E-48-31-B-c		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Sông Lam	TV	xã Thanh Chi	H. Thanh Chương			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-31-B-c, E-48-31-D
thôn Liên Sơn	DC	xã Thanh Chi	H. Thanh Chương	18° 44' 50"	105° 20' 12"					E-48-31-B-c
thôn Ngọc Tĩnh	DC	xã Thanh Chi	H. Thanh Chương	18° 44' 41"	105° 20' 30"					E-48-31-D
Núi Ói	SV	xã Thanh Chi	H. Thanh Chương	18° 44' 57"	105° 20' 42"					E-48-31-D
Sông Rô	TV	xã Thanh Chi	H. Thanh Chương			18° 41' 38"	105° 18' 16"	18° 43' 47"	105° 21' 55"	E-48-31-D
thôn Thịnh Lạc	DC	xã Thanh Chi	H. Thanh Chương	18° 44' 01"	105° 19' 28"					E-48-31-D
núi Thung Lều	SV	xã Thanh Chi	H. Thanh Chương	18° 44' 34"	105° 19' 41"					E-48-31-D
thôn Thượng Hoà	DC	xã Thanh Chi	H. Thanh Chương	18° 43' 48"	105° 20' 39"					E-48-31-D
thôn Trường Niên	DC	xã Thanh Chi	H. Thanh Chương	18° 45' 16"	105° 20' 31"					E-48-31-D
thôn Văn Đồng	DC	xã Thanh Chi	H. Thanh Chương	18° 43' 53"	105° 21' 42"					E-48-31-B-c
thôn Văn Phú	DC	xã Thanh Chi	H. Thanh Chương	18° 44' 03"	105° 21' 16"					E-48-31-D
Núi Vát	SV	xã Thanh Chi	H. Thanh Chương	18° 44' 52"	105° 20' 23"					E-48-31-D
thôn Xuân Long	DC	xã Thanh Chi	H. Thanh Chương	18° 44' 07"	105° 20' 37"					E-48-31-D
thôn 1	DC	xã Thanh Đồng	H. Thanh Chương	18° 48' 04"	105° 19' 07"					E-48-31-B-c
thôn 2	DC	xã Thanh Đồng	H. Thanh Chương	18° 48' 17"	105° 19' 14"					E-48-31-B-c
thôn 3	DC	xã Thanh Đồng	H. Thanh Chương	18° 48' 00"	105° 20' 04"					E-48-31-B-c
thôn 4	DC	xã Thanh Đồng	H. Thanh Chương	18° 48' 13"	105° 20' 01"					E-48-31-B-c
thôn 5	DC	xã Thanh Đồng	H. Thanh Chương	18° 48' 15"	105° 20' 13"					E-48-31-B-c
thôn 6	DC	xã Thanh Đồng	H. Thanh Chương	18° 48' 10"	105° 20' 29"					E-48-31-B-c
thôn 7	DC	xã Thanh Đồng	H. Thanh Chương	18° 48' 09"	105° 21' 00"					E-48-31-B-c
thôn 8	DC	xã Thanh Đồng	H. Thanh Chương	18° 47' 51"	105° 20' 39"					E-48-31-B-c
thôn 9	DC	xã Thanh Đồng	H. Thanh Chương	18° 47' 32"	105° 20' 44"					E-48-31-B-c
thôn 10	DC	xã Thanh Đồng	H. Thanh Chương	18° 47' 32"	105° 20' 30"					E-48-31-B-c
quốc lộ 46B	KX	xã Thanh Đồng	H. Thanh Chương			18° 53' 20"	105° 18' 32"	18° 44' 07"	105° 22' 18"	E-48-31-B-c
Chợ Dừng	KX	xã Thanh Đồng	H. Thanh Chương	18° 47' 51"	105° 20' 02"					E-48-31-B-c
Sông Gang	TV	xã Thanh Đồng	H. Thanh Chương			18° 51' 44"	105° 24' 55"	18° 41' 54"	105° 27' 23"	E-48-31-B-c
Sông Lam	TV	xã Thanh Đồng	H. Thanh Chương			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-31-B-c
xóm 12/9	DC	xã Thanh Đức	H. Thanh Chương	18° 50' 21"	105° 07' 10"					E-48-31-A
xóm 19/5	DC	xã Thanh Đức	H. Thanh Chương	18° 49' 57"	105° 05' 38"					E-48-31-A
hồ 19/8	TV	xã Thanh Đức	H. Thanh Chương	18° 51' 02"	105° 09' 49"					E-48-31-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)			
xóm 1 Đức Dương	DC	xã Thanh Đức	H. Thanh Chương	18° 49' 44"	105° 10' 01"						E-48-31-A	
xóm 15/7 Thanh Đức	DC	xã Thanh Đức	H. Thanh Chương	18° 51' 11"	105° 05' 08"						E-48-31-A	
xóm 2 Đức Sơn	DC	xã Thanh Đức	H. Thanh Chương	18° 50' 17"	105° 10' 46"						E-48-31-A	
xóm 2 Xí nghiệp Chè	DC	xã Thanh Đức	H. Thanh Chương	18° 50' 16"	105° 09' 17"						E-48-31-A	
xóm 26/3 Thanh Đức	DC	xã Thanh Đức	H. Thanh Chương	18° 50' 13"	105° 07' 04"						E-48-31-A	
xóm 3 Đức Hà	DC	xã Thanh Đức	H. Thanh Chương	18° 50' 22"	105° 10' 53"						E-48-31-A	
xóm 3 Xí nghiệp Chè	DC	xã Thanh Đức	H. Thanh Chương	18° 49' 57"	105° 09' 32"						E-48-31-A	
xóm 3/2 Thanh Đức	DC	xã Thanh Đức	H. Thanh Chương	18° 50' 51"	105° 05' 13"						E-48-31-A	
xóm 4 Đức Long	DC	xã Thanh Đức	H. Thanh Chương	18° 50' 50"	105° 11' 04"						E-48-31-A	
xóm 4 Xí nghiệp Chè	DC	xã Thanh Đức	H. Thanh Chương	18° 50' 48"	105° 09' 33"						E-48-31-A	
xóm 5 Đức Hoà	DC	xã Thanh Đức	H. Thanh Chương	18° 50' 47"	105° 11' 11"						E-48-31-A	
xóm 6 Đức Lâm	DC	xã Thanh Đức	H. Thanh Chương	18° 51' 45"	105° 11' 03"						E-48-31-A	
xóm 7 Đức Thánh	DC	xã Thanh Đức	H. Thanh Chương	18° 52' 15"	105° 10' 27"						E-48-31-A	
xóm 7 Xí nghiệp Chè	DC	xã Thanh Đức	H. Thanh Chương	18° 52' 29"	105° 10' 06"						E-48-31-A	
núi Ba Sườn	SV	xã Thanh Đức	H. Thanh Chương	18° 49' 25"	105° 09' 23"						E-48-31-A	
hồ Cây Mít	TV	xã Thanh Đức	H. Thanh Chương	18° 50' 13"	105° 09' 45"						E-48-31-A	
xóm Chè Biến	DC	xã Thanh Đức	H. Thanh Chương	18° 49' 44"	105° 09' 45"						E-48-31-A	
Sông Giảng	TV	xã Thanh Đức	H. Thanh Chương			18° 52' 29"	104° 50' 11"	18° 50' 07"	105° 16' 38"		E-48-31-A	
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Thanh Đức	H. Thanh Chương			19° 26' 38"	105° 26' 56"	18° 35' 45"	105° 26' 04"		E-48-31-A	
khe Lộp Óp	TV	xã Thanh Đức	H. Thanh Chương			18° 47' 16"	105° 01' 38"	18° 49' 53"	105° 04' 58"		E-48-31-A	
Khe Mước	TV	xã Thanh Đức	H. Thanh Chương			18° 51' 03"	105° 07' 07"	18° 49' 37"	105° 06' 36"		E-48-31-A	
Suối Sườn	TV	xã Thanh Đức	H. Thanh Chương			18° 46' 46"	105° 02' 10"	18° 49' 44"	105° 05' 30"		E-48-31-A	
Xóm Sườn	DC	xã Thanh Đức	H. Thanh Chương	18° 50' 30"	105° 06' 43"						E-48-31-A	
xóm Tân Tiến	DC	xã Thanh Đức	H. Thanh Chương	18° 49' 57"	105° 08' 34"						E-48-31-A	
xóm Thanh Công	DC	xã Thanh Đức	H. Thanh Chương	18° 49' 54"	105° 08' 52"						E-48-31-A	
cầu Thanh Đức	KX	xã Thanh Đức	H. Thanh Chương	18° 49' 06"	105° 10' 03"						E-48-31-A	
dãy Trường Sơn	SV	xã Thanh Đức	H. Thanh Chương	16° 28' 51"	106° 54' 56"						E-48-31-A	
Suối Vèo	TV	xã Thanh Đức	H. Thanh Chương			18° 44' 47"	104° 57' 02"	18° 51' 38"	105° 01' 17"		30-D, E-48-31-A	
xóm 2	DC	xã Thanh Dương	H. Thanh Chương	18° 43' 29"	105° 24' 32"						E-48-31-A	
xóm 3	DC	xã Thanh Dương	H. Thanh Chương	18° 43' 01"	105° 24' 37"						E-48-31-D	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)			
xóm 4	DC	xã Thanh Dương	H. Thanh Chương	18° 42' 45"	105° 24' 27"						E-48-31-D	
xóm 5	DC	xã Thanh Dương	H. Thanh Chương	18° 42' 43"	105° 24' 16"						E-48-31-D	
xóm 6	DC	xã Thanh Dương	H. Thanh Chương	18° 42' 23"	105° 24' 32"						E-48-31-D	
xóm 7	DC	xã Thanh Dương	H. Thanh Chương	18° 42' 32"	105° 24' 43"						E-48-31-D	
xóm 8	DC	xã Thanh Dương	H. Thanh Chương	18° 42' 30"	105° 24' 56"						E-48-31-D	
xóm 9	DC	xã Thanh Dương	H. Thanh Chương	18° 42' 15"	105° 24' 41"						E-48-31-D	
xóm 10	DC	xã Thanh Dương	H. Thanh Chương	18° 42' 12"	105° 24' 49"						E-48-31-D	
xóm 11	DC	xã Thanh Dương	H. Thanh Chương	18° 42' 08"	105° 24' 58"						E-48-31-D	
xóm 12	DC	xã Thanh Dương	H. Thanh Chương	18° 42' 08"	105° 25' 08"						E-48-31-D	
xóm 13	DC	xã Thanh Dương	H. Thanh Chương	18° 42' 04"	105° 25' 03"			18° 36' 19"	105° 11' 23"	18° 49' 41"	105° 42' 18"	E-48-31-D
quốc lộ 46	KX	xã Thanh Dương	H. Thanh Chương									E-48-31-D
xóm 1 Bại Biên	DC	xã Thanh Dương	H. Thanh Chương	18° 44' 06"	105° 25' 00"							E-48-31-D
núi Đồng Kiềng	SV	xã Thanh Dương	H. Thanh Chương	18° 43' 27"	105° 23' 53"							E-48-31-D
Sông Gang	TV	xã Thanh Dương	H. Thanh Chương					18° 51' 44"	105° 24' 55"	18° 41' 54"	105° 27' 23"	E-48-31-D
Sông Lam	TV	xã Thanh Dương	H. Thanh Chương					19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-31-D
đường tỉnh 533	KX	xã Thanh Giang	H. Thanh Chương					18° 54' 45"	105° 15' 14"	18° 38' 32"	105° 30' 37"	E-48-31-D
xóm Ba Nghé	DC	xã Thanh Giang	H. Thanh Chương	18° 40' 53"	105° 24' 22"							E-48-31-D
xóm Bàu Sen	DC	xã Thanh Giang	H. Thanh Chương	18° 40' 20"	105° 24' 44"							E-48-31-D
xóm Bích Thi	DC	xã Thanh Giang	H. Thanh Chương	18° 40' 33"	105° 25' 06"							E-48-31-D
xóm Biên Quán	DC	xã Thanh Giang	H. Thanh Chương	18° 40' 35"	105° 24' 51"							E-48-31-D
xóm Bình Ngõ	DC	xã Thanh Giang	H. Thanh Chương	18° 40' 27"	105° 25' 03"							E-48-31-D
suối Cầu Nậy	TV	xã Thanh Giang	H. Thanh Chương					18° 39' 47"	105° 20' 30"	18° 40' 30"	105° 24' 02"	E-48-31-D
xóm Giang Thuỷ	DC	xã Thanh Giang	H. Thanh Chương	18° 41' 17"	105° 23' 55"							E-48-31-D
Sông Lam	TV	xã Thanh Giang	H. Thanh Chương					19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-31-D
xóm Lam Đình	DC	xã Thanh Giang	H. Thanh Chương	18° 40' 26"	105° 25' 15"							E-48-31-D
xóm Tiên Cầu	DC	xã Thanh Giang	H. Thanh Chương	18° 41' 04"	105° 24' 07"							E-48-31-D
xóm 1	DC	xã Thanh Hà	H. Thanh Chương	18° 41' 15"	105° 23' 51"							E-48-31-D
xóm 2	DC	xã Thanh Hà	H. Thanh Chương	18° 41' 54"	105° 23' 17"							E-48-31-D
xóm 3	DC	xã Thanh Hà	H. Thanh Chương	18° 42' 00"	105° 23' 12"							E-48-31-D
xóm 4	DC	xã Thanh Hà	H. Thanh Chương	18° 41' 44"	105° 23' 11"							E-48-31-D
xóm 5	DC	xã Thanh Hà	H. Thanh Chương	18° 41' 42"	105° 22' 48"							E-48-31-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Toạ độ		Kinh độ		Vĩ độ		Kinh độ		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
xóm 6	DC	xã Thanh Hà	H. Thanh Chương	18° 41' 49"	105° 22' 37"							E-48-31-D
xóm 7	DC	xã Thanh Hà	H. Thanh Chương	18° 41' 43"	105° 22' 22"							E-48-31-D
xóm 8A	DC	xã Thanh Hà	H. Thanh Chương	18° 41' 41"	105° 22' 11"							E-48-31-D
xóm 8B	DC	xã Thanh Hà	H. Thanh Chương	18° 41' 39"	105° 21' 36"							E-48-31-D
xóm 9	DC	xã Thanh Hà	H. Thanh Chương	18° 41' 15"	105° 21' 42"							E-48-31-D
xóm 10	DC	xã Thanh Hà	H. Thanh Chương	18° 40' 48"	105° 21' 27"							E-48-31-D
xóm 11	DC	xã Thanh Hà	H. Thanh Chương	18° 40' 27"	105° 21' 07"							E-48-31-D
xóm 12	DC	xã Thanh Hà	H. Thanh Chương	18° 40' 58"	105° 22' 15"							E-48-31-D
xóm 13	DC	xã Thanh Hà	H. Thanh Chương	18° 41' 03"	105° 22' 27"							E-48-31-D
xóm 14	DC	xã Thanh Hà	H. Thanh Chương	18° 39' 49"	105° 19' 48"							E-48-31-D
xóm 15	DC	xã Thanh Hà	H. Thanh Chương	18° 39' 26"	105° 20' 04"			18° 54' 45"	105° 15' 14"	18° 38' 32"	105° 30' 37"	E-48-31-D
đường tỉnh 533	KX	xã Thanh Hà	H. Thanh Chương	18° 36' 52"	105° 18' 10"							E-48-31-D
núi Ba Đông	SV	xã Thanh Hà	H. Thanh Chương					18° 39' 47"	105° 20' 30"	18° 40' 30"	105° 24' 02"	E-48-31-D
suối Cầu Này	TV	xã Thanh Hà	H. Thanh Chương					18° 36' 39"	105° 18' 37"	18° 39' 47"	105° 20' 30"	E-48-31-D
suối Con Voi	TV	xã Thanh Hà	H. Thanh Chương									E-48-31-D
núi Giăng Mòn	SV	xã Thanh Hà	H. Thanh Chương	18° 37' 35"	105° 20' 13"							E-48-31-D
xóm Hà Long	DC	xã Thanh Hà	H. Thanh Chương	18° 41' 28"	105° 23' 44"			19° 26' 38"	105° 26' 56"	18° 35' 45"	105° 26' 04"	E-48-31-D
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Thanh Hà	H. Thanh Chương					19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-31-D
Sông Lam	TV	xã Thanh Hà	H. Thanh Chương					18° 52' 29"	104° 50' 11"	18° 50' 07"	105° 16' 38"	E-48-31-A
Sông Giảng	TV	xã Thanh Hoà	H. Thanh Chương	18° 50' 37"	105° 14' 32"							E-48-31-A
xóm Hoà Bình	DC	xã Thanh Hoà	H. Thanh Chương	18° 51' 33"	105° 14' 29"							E-48-31-A
xóm Hoà Hợp	DC	xã Thanh Hoà	H. Thanh Chương	18° 51' 10"	105° 13' 54"							E-48-31-A
xóm Hoà Liên	DC	xã Thanh Hoà	H. Thanh Chương	18° 50' 38"	105° 14' 12"							E-48-31-A
xóm Hoà Nam	DC	xã Thanh Hoà	H. Thanh Chương	18° 51' 04"	105° 14' 09"							E-48-31-A
xóm Hoà Sơn	DC	xã Thanh Hoà	H. Thanh Chương	18° 51' 11"	105° 14' 27"							E-48-31-A
xóm Hoà Thịnh	DC	xã Thanh Hoà	H. Thanh Chương	18° 51' 33"	105° 13' 53"							E-48-31-A
xóm Hoà Tiến	DC	xã Thanh Hoà	H. Thanh Chương	18° 50' 22"	105° 13' 55"							E-48-31-A
xóm Hoà Trung	DC	xã Thanh Hoà	H. Thanh Chương					18° 51' 55"	105° 13' 26"	18° 50' 13"	105° 14' 43"	E-48-31-A
suối Na Ca	TV	xã Thanh Hoà	H. Thanh Chương					18° 53' 20"	105° 18' 32"	18° 44' 07"	105° 22' 18"	E-48-31-B-c
quốc lộ 46B	KX	xã Thanh Hưng	H. Thanh Chương					19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-31-B-c
Sông Lam	TV	xã Thanh Hưng	H. Thanh Chương									E-48-31-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm			Toạ độ điểm đầu			Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Toạ độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ	Kinh độ	Toạ độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)		(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)				
xóm Liên Sơn	DC	xã Thanh Hưng	H. Thanh Chương	18° 48' 48"	105° 18' 38"							E-48-31-B-c
xóm Lộc Sơn	DC	xã Thanh Hưng	H. Thanh Chương	18° 49' 01"	105° 18' 32"							E-48-31-B-c
xóm Nghĩa Sơn	DC	xã Thanh Hưng	H. Thanh Chương	18° 49' 15"	105° 18' 27"							E-48-31-B-c
xóm Quỳnh Sơn	DC	xã Thanh Hưng	H. Thanh Chương	18° 49' 34"	105° 18' 41"							E-48-31-B-c
xóm Thanh Hồ	DC	xã Thanh Hưng	H. Thanh Chương	18° 49' 52"	105° 19' 09"							E-48-31-B-c
xóm Thanh Quang	DC	xã Thanh Hưng	H. Thanh Chương	18° 49' 43"	105° 18' 55"							E-48-31-B-c
xóm Thanh Tân	DC	xã Thanh Hưng	H. Thanh Chương	18° 49' 50"	105° 19' 32"							E-48-31-B-c
xóm Thanh Yên	DC	xã Thanh Hưng	H. Thanh Chương	18° 49' 45"	105° 19' 20"							E-48-31-B-c
xóm Thượng Sơn	DC	xã Thanh Hưng	H. Thanh Chương	18° 50' 03"	105° 18' 52"							E-48-31-B-c
xóm Trung Đường	DC	xã Thanh Hưng	H. Thanh Chương	18° 49' 14"	105° 18' 45"							E-48-31-B-c
xóm Trung Sơn	DC	xã Thanh Hưng	H. Thanh Chương	18° 49' 53"	105° 18' 50"							E-48-31-B-c
xóm Trường Minh	DC	xã Thanh Hưng	H. Thanh Chương	105° 18' 16"	105° 18' 16"							E-48-31-B-c
xóm 1	DC	xã Thanh Hưng	H. Thanh Chương	18° 47' 03"	105° 17' 19"							E-48-31-B-c
xóm 2	DC	xã Thanh Hưng	H. Thanh Chương	18° 46' 27"	105° 17' 18"							E-48-31-B-c
xóm 3	DC	xã Thanh Hưng	H. Thanh Chương	18° 46' 48"	105° 16' 54"							E-48-31-B-c
xóm 4	DC	xã Thanh Hưng	H. Thanh Chương	18° 46' 27"	105° 16' 35"							E-48-31-B-c
xóm 5	DC	xã Thanh Hưng	H. Thanh Chương	18° 45' 56"	105° 16' 29"							E-48-31-B-c
xóm 6	DC	xã Thanh Hưng	H. Thanh Chương	18° 46' 26"	105° 16' 02"							E-48-31-B-c
xóm 7	DC	xã Thanh Hưng	H. Thanh Chương	18° 46' 40"	105° 16' 17"							E-48-31-B-c
xóm 8	DC	xã Thanh Hưng	H. Thanh Chương	18° 46' 32"	105° 15' 51"							E-48-31-B-c
xóm 9	DC	xã Thanh Hưng	H. Thanh Chương	18° 46' 22"	105° 15' 31"							E-48-31-B-c
xóm 10	DC	xã Thanh Hưng	H. Thanh Chương	18° 46' 07"	105° 15' 28"							E-48-31-B-c
xóm 11	DC	xã Thanh Hưng	H. Thanh Chương	18° 45' 41"	105° 14' 58"							E-48-31-B-c
xóm 12	DC	xã Thanh Hưng	H. Thanh Chương	18° 46' 05"	105° 14' 29"							E-48-31-B-c
xóm 13	DC	xã Thanh Hưng	H. Thanh Chương	18° 45' 11"	105° 14' 00"							E-48-31-B-c
Rào Cây	TV	xã Thanh Hưng	H. Thanh Chương			18° 41' 14"	105° 10' 28"	18° 44' 48"	105° 13' 36"			E-48-31-A
núi Cô Xó	SV	xã Thanh Hưng	H. Thanh Chương	18° 45' 31"	105° 15' 26"							E-48-31-B-c
đập Đá Đen	TV	xã Thanh Hưng	H. Thanh Chương	18° 45' 54"	105° 15' 51"							E-48-31-B-c
núi Đại Cán	SV	xã Thanh Hưng	H. Thanh Chương	18° 46' 07"	105° 12' 10"							E-48-31-A
núi Đại Điền	SV	xã Thanh Hưng	H. Thanh Chương	18° 47' 41"	105° 16' 20"							E-48-31-B-c
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Thanh Hưng	H. Thanh Chương			19° 26' 38"	105° 26' 56"	18° 35' 45"	105° 26' 04"			E-48-31-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
Suối Láng	TV	xã Thanh Hương	H. Thanh Chương			18° 42' 17"	105° 08' 36"	18° 44' 48"	105° 13' 36"	E-48-31-A
suối Mạn Tác	TV	xã Thanh Hương	H. Thanh Chương			18° 40' 20"	105° 12' 13"	18° 44' 59"	105° 14' 08"	E-48-31-C
Suối Mọ	TV	xã Thanh Hương	H. Thanh Chương			18° 45' 08"	105° 15' 25"	18° 46' 45"	105° 18' 06"	E-48-31-B-c
núi Tháp Bút	SV	xã Thanh Hương	H. Thanh Chương	18° 46' 56"	105° 15' 01"					E-48-31-B-c
Sông Trai	TV	xã Thanh Hương	H. Thanh Chương					18° 45' 59"	105° 14' 51"	E-48-31-A
quốc lộ 46	KX	xã Thanh Khai	H. Thanh Chương					18° 36' 19"	105° 11' 23"	E-48-31-D
Xóm Chùa	DC	xã Thanh Khai	H. Thanh Chương	18° 41' 50"	105° 26' 04"					E-48-31-D
xóm Đông Sơn	DC	xã Thanh Khai	H. Thanh Chương	18° 42' 53"	105° 26' 03"					E-48-31-D
Núi Đụn	SV	xã Thanh Khai	H. Thanh Chương	18° 42' 07"	105° 28' 04"					E-48-31-D
Sông Gang	TV	xã Thanh Khai	H. Thanh Chương	18° 42' 11"	105° 26' 03"	18° 51' 44"	105° 24' 55"	18° 41' 54"	105° 27' 23"	E-48-31-D
xóm Hùng Thịnh	DC	xã Thanh Khai	H. Thanh Chương							E-48-31-D
Sông Lam	TV	xã Thanh Khai	H. Thanh Chương			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-31-D
xóm Nam Sơn	DC	xã Thanh Khai	H. Thanh Chương	18° 42' 35"	105° 25' 51"					E-48-31-D
xóm Tân Phong	DC	xã Thanh Khai	H. Thanh Chương	18° 42' 25"	105° 27' 03"					E-48-31-D
xóm Văn Ngọc	DC	xã Thanh Khai	H. Thanh Chương	18° 41' 57"	105° 26' 10"					E-48-31-D
xóm Văn Phạm	DC	xã Thanh Khai	H. Thanh Chương	18° 42' 12"	105° 26' 14"					E-48-31-D
xóm Bảo Đức	DC	xã Thanh Khê	H. Thanh Chương	18° 43' 52"	105° 20' 02"					E-48-31-D
xóm Kim Sơn	DC	xã Thanh Khê	H. Thanh Chương	18° 42' 55"	105° 18' 36"					E-48-31-D
xóm Lai Nhả	DC	xã Thanh Khê	H. Thanh Chương	18° 42' 55"	105° 20' 12"					E-48-31-D
xóm Lương Điền	DC	xã Thanh Khê	H. Thanh Chương	18° 43' 35"	105° 18' 39"					E-48-31-D
xóm Nam Lĩnh	DC	xã Thanh Khê	H. Thanh Chương	18° 43' 50"	105° 19' 31"					E-48-31-D
núi Ngọc Lâm	SV	xã Thanh Khê	H. Thanh Chương	18° 42' 52"	105° 18' 02"	18° 41' 38"	105° 18' 16"	18° 43' 47"	105° 21' 55"	E-48-31-D
Sông Rộ	TV	xã Thanh Khê	H. Thanh Chương							E-48-31-D
xóm Thanh Quả	DC	xã Thanh Khê	H. Thanh Chương	18° 43' 25"	105° 20' 19"					E-48-31-D
xóm Thịnh Đại	DC	xã Thanh Khê	H. Thanh Chương	18° 43' 20"	105° 18' 55"					E-48-31-D
xóm Thuỷ Trường	DC	xã Thanh Khê	H. Thanh Chương	18° 43' 01"	105° 18' 50"					E-48-31-D
xóm Vĩnh Long	DC	xã Thanh Khê	H. Thanh Chương	18° 43' 22"	105° 20' 38"					E-48-31-D
xóm Yên Lạc	DC	xã Thanh Khê	H. Thanh Chương	18° 43' 37"	105° 19' 12"					E-48-31-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
đường tỉnh 533	KX	xã Thanh Lâm	H. Thanh Chương			18° 54' 45"	105° 15' 14"	18° 38' 32"	105° 30' 37"	E-48-31-B-a, E-48-31-B-c, E-48-32-C-a, E-48-31-D		
suối Bàu Rò	TV	xã Thanh Lâm	H. Thanh Chương			18° 37' 18"	105° 28' 48"	18° 38' 06"	105° 27' 20"	E-48-31-D		
núi Chân Tiên	SV	xã Thanh Lâm	H. Thanh Chương	18° 39' 51"	105° 28' 01"					E-48-31-D		
thôn Eo Sơn	DC	xã Thanh Lâm	H. Thanh Chương	18° 39' 37"	105° 25' 46"					E-48-31-D		
núi Kim Nghè	SV	xã Thanh Lâm	H. Thanh Chương	18° 38' 07"	105° 25' 55"					E-48-31-D		
Sông Lam	TV	xã Thanh Lâm	H. Thanh Chương			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-31-D		
thôn Lâm Trang	DC	xã Thanh Lâm	H. Thanh Chương	18° 37' 00"	105° 27' 37"					E-48-31-D		
thôn Làng Mới	DC	xã Thanh Lâm	H. Thanh Chương	18° 38' 32"	105° 28' 53"					E-48-31-D		
thôn Minh Đức	DC	xã Thanh Lâm	H. Thanh Chương	18° 38' 57"	105° 26' 27"					E-48-31-D		
thôn Minh Lân	DC	xã Thanh Lâm	H. Thanh Chương	18° 38' 06"	105° 26' 41"					E-48-31-D		
thôn Minh Sơn	DC	xã Thanh Lâm	H. Thanh Chương	18° 38' 47"	105° 26' 43"					E-48-31-D		
xóm Mỹ Hoà	DC	xã Thanh Lâm	H. Thanh Chương	18° 39' 52"	105° 25' 14"					E-48-31-D		
thôn Nghi Ván	DC	xã Thanh Lâm	H. Thanh Chương	18° 39' 24"	105° 26' 14"					E-48-31-D		
thôn Nghi Xuân	DC	xã Thanh Lâm	H. Thanh Chương	18° 39' 16"	105° 25' 53"					E-48-31-D		
đập Ông Thụ	TV	xã Thanh Lâm	H. Thanh Chương	18° 36' 56"	105° 27' 57"					E-48-31-D		
núi Phượng Hoàng	SV	xã Thanh Lâm	H. Thanh Chương	18° 43' 29"	105° 26' 09"					E-48-31-D		
thôn Phượng Hoàng	DC	xã Thanh Lâm	H. Thanh Chương	18° 37' 21"	105° 27' 51"					E-48-31-D		
thôn Quán Hội	DC	xã Thanh Lâm	H. Thanh Chương	18° 39' 36"	105° 26' 16"					E-48-31-D		
Suối Quanh	TV	xã Thanh Lâm	H. Thanh Chương			18° 40' 02"	105° 27' 33"	18° 40' 01"	105° 25' 51"	E-48-31-D		
thôn Sơn Lĩnh 1	DC	xã Thanh Lâm	H. Thanh Chương	18° 40' 22"	105° 26' 30"					E-48-31-D		
thôn Sơn Lĩnh 2	DC	xã Thanh Lâm	H. Thanh Chương	18° 40' 08"	105° 26' 37"					E-48-31-D		
núi Tam Thai	SV	xã Thanh Lâm	H. Thanh Chương	18° 37' 10"	105° 26' 45"					E-48-31-D		
thôn Tân Hoà 1	DC	xã Thanh Lâm	H. Thanh Chương	18° 37' 40"	105° 27' 05"					E-48-31-D		
thôn Tân Hoà 2	DC	xã Thanh Lâm	H. Thanh Chương	18° 37' 53"	105° 27' 28"					E-48-31-D		
thôn Tân Lâm	DC	xã Thanh Lâm	H. Thanh Chương	18° 38' 25"	105° 27' 18"					E-48-31-D		
thôn Tân Mỹ	DC	xã Thanh Lâm	H. Thanh Chương	18° 38' 39"	105° 26' 59"					E-48-31-D		
thôn Tân Phượng 1	DC	xã Thanh Lâm	H. Thanh Chương	18° 37' 59"	105° 27' 43"					E-48-31-D		
thôn Tân Phượng 2	DC	xã Thanh Lâm	H. Thanh Chương	18° 37' 51"	105° 28' 02"					E-48-31-D		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Tân Sơn	DC	xã Thanh Lâm	H. Thanh Chương	18° 38' 06"	105° 28' 11"							E-48-31-D
Suối Thấp	TV	xã Thanh Lâm	H. Thanh Chương					18° 36' 56"	105° 27' 57"	18° 39' 24"	105° 25' 28"	E-48-31-D
Núi Trám	SV	xã Thanh Lâm	H. Thanh Chương	18° 40' 19"	105° 26' 52"							E-48-31-D
thôn Triều Long 1	DC	xã Thanh Lâm	H. Thanh Chương	18° 39' 46"	105° 26' 42"							E-48-31-D
thôn Triều Long 2	DC	xã Thanh Lâm	H. Thanh Chương	18° 39' 40"	105° 26' 32"							E-48-31-D
đường tỉnh 533	KX	xã Thanh Liên	H. Thanh Chương					18° 54' 45"	105° 15' 14"	18° 38' 32"	105° 30' 37"	E-48-31-A, E-48-31-B-c
núi Chạng Nặng	SV	xã Thanh Liên	H. Thanh Chương	18° 47' 52"	105° 15' 31"							E-48-31-A
Sông Giảng	TV	xã Thanh Liên	H. Thanh Chương					18° 52' 29"	104° 50' 11"	18° 50' 07"	105° 16' 36"	E-48-31-A, E-48-31-B-c
xóm Liên Bang	DC	xã Thanh Liên	H. Thanh Chương	18° 48' 57"	105° 14' 55"							E-48-31-B-c
xóm Liên Châu	DC	xã Thanh Liên	H. Thanh Chương	18° 49' 44"	105° 15' 24"							E-48-31-B-c
xóm Liên Đình	DC	xã Thanh Liên	H. Thanh Chương	18° 48' 47"	105° 15' 53"							E-48-31-B-c
xóm Liên Đồng	DC	xã Thanh Liên	H. Thanh Chương	18° 49' 16"	105° 14' 38"							E-48-31-A
xóm Liên Đức	DC	xã Thanh Liên	H. Thanh Chương	18° 48' 42"	105° 15' 06"							E-48-31-B-c
xóm Liên Hoà	DC	xã Thanh Liên	H. Thanh Chương	18° 49' 58"	105° 14' 59"							E-48-31-A
xóm Liên Hồng	DC	xã Thanh Liên	H. Thanh Chương	18° 49' 01"	105° 14' 24"							E-48-31-A
xóm Liên Hương	DC	xã Thanh Liên	H. Thanh Chương	18° 50' 07"	105° 14' 49"							E-48-31-B-c
xóm Liên Minh	DC	xã Thanh Liên	H. Thanh Chương	18° 48' 28"	105° 15' 53"							E-48-31-B-c
xóm Liên Phúc	DC	xã Thanh Liên	H. Thanh Chương	18° 48' 44"	105° 16' 21"							E-48-31-A
xóm Liên Sơn	DC	xã Thanh Liên	H. Thanh Chương	18° 49' 03"	105° 14' 12"							E-48-31-B-c
xóm Liên Tân	DC	xã Thanh Liên	H. Thanh Chương	18° 49' 15"	105° 16' 43"							E-48-31-A
xóm Liên Thành	DC	xã Thanh Liên	H. Thanh Chương	18° 49' 16"	105° 14' 10"							E-48-31-A
xóm Liên Thượng	DC	xã Thanh Liên	H. Thanh Chương	18° 49' 07"	105° 13' 47"							E-48-31-B-c
xóm Liên Trung	DC	xã Thanh Liên	H. Thanh Chương	18° 48' 32"	105° 15' 36"							E-48-31-B-c
xóm Liên Yên	DC	xã Thanh Liên	H. Thanh Chương	18° 49' 04"	105° 16' 31"			18° 54' 45"	105° 15' 14"	18° 38' 32"	105° 30' 37"	E-48-31-B-c
đường tỉnh 533	KX	xã Thanh Lĩnh	H. Thanh Chương									E-48-31-B-c
núi Đại Điền	SV	xã Thanh Lĩnh	H. Thanh Chương	18° 47' 41"	105° 16' 20"							E-48-31-B-c
Thôn Đồng	DC	xã Thanh Lĩnh	H. Thanh Chương	18° 47' 21"	105° 17' 59"							E-48-31-B-c
Thôn Hạ	DC	xã Thanh Lĩnh	H. Thanh Chương	18° 46' 40"	105° 18' 43"							E-48-31-B-c
Thôn Hồng	DC	xã Thanh Lĩnh	H. Thanh Chương	18° 47' 22"	105° 19' 32"							E-48-31-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Sông Lam	TV	xã Thanh Lĩnh	H. Thanh Chương			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-31-B-c		
Thôn Long	DC	xã Thanh Lĩnh	H. Thanh Chương	18° 47' 05"	105° 18' 26"					E-48-31-B-c		
Thôn Sơn	DC	xã Thanh Lĩnh	H. Thanh Chương	18° 46' 55"	105° 18' 38"					E-48-31-B-c		
Thôn Thành	DC	xã Thanh Lĩnh	H. Thanh Chương	18° 47' 23"	105° 18' 39"					E-48-31-B-c		
thôn Thị Tú	DC	xã Thanh Lĩnh	H. Thanh Chương	18° 47' 28"	105° 18' 08"					E-48-31-B-c		
thôn Thượng	DC	xã Thanh Lĩnh	H. Thanh Chương	18° 47' 39"	105° 17' 10"					E-48-31-B-c		
Thôn Thủy	DC	xã Thanh Lĩnh	H. Thanh Chương	18° 47' 09"	105° 18' 57"					E-48-31-B-c		
Sông Trại	TV	xã Thanh Lĩnh	H. Thanh Chương			18° 45' 59"	105° 14' 51"	18° 46' 17"	105° 18' 47"	E-48-31-B-c		
Thôn Trung	DC	xã Thanh Lĩnh	H. Thanh Chương	18° 47' 12"	105° 18' 08"					E-48-31-B-c		
Thôn Trường	DC	xã Thanh Lĩnh	H. Thanh Chương	18° 47' 35"	105° 18' 58"					E-48-31-B-c		
xóm 1	DC	xã Thanh Long	H. Thanh Chương	18° 43' 06"	105° 22' 34"					E-48-31-D		
xóm 2	DC	xã Thanh Long	H. Thanh Chương	18° 42' 51"	105° 22' 43"					E-48-31-D		
xóm 3	DC	xã Thanh Long	H. Thanh Chương	18° 42' 41"	105° 22' 48"					E-48-31-D		
xóm 4	DC	xã Thanh Long	H. Thanh Chương	18° 42' 34"	105° 22' 51"					E-48-31-D		
xóm 5	DC	xã Thanh Long	H. Thanh Chương	18° 42' 25"	105° 22' 53"					E-48-31-D		
xóm 6	DC	xã Thanh Long	H. Thanh Chương	18° 42' 14"	18° 42' 10"					E-48-31-D		
xóm 7	DC	xã Thanh Long	H. Thanh Chương	18° 42' 10"	105° 23' 10"					E-48-31-D		
xóm 8	DC	xã Thanh Long	H. Thanh Chương	18° 42' 01"	105° 22' 17"					E-48-31-D		
xóm 9	DC	xã Thanh Long	H. Thanh Chương	18° 42' 01"	105° 22' 01"					E-48-31-D		
xóm 10	DC	xã Thanh Long	H. Thanh Chương	18° 42' 08"	105° 21' 45"					E-48-31-D		
xóm 11	DC	xã Thanh Long	H. Thanh Chương	18° 42' 23"	105° 21' 46"					E-48-31-D		
xóm 12	DC	xã Thanh Long	H. Thanh Chương	18° 42' 41"	105° 21' 44"					E-48-31-D		
xóm 13	DC	xã Thanh Long	H. Thanh Chương	18° 42' 22"	105° 21' 38"					E-48-31-D		
đường tỉnh 533	KX	xã Thanh Long	H. Thanh Chương			18° 54' 45"	105° 15' 14"	18° 38' 32"	105° 30' 37"	E-48-31-D		
Sông Lam	TV	xã Thanh Long	H. Thanh Chương			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-31-D		
xóm 1	DC	xã Thanh Lương	H. Thanh Chương	18° 42' 03"	105° 25' 14"					E-48-31-D		
xóm 2	DC	xã Thanh Lương	H. Thanh Chương	18° 41' 57"	105° 25' 08"					E-48-31-D		
xóm 3	DC	xã Thanh Lương	H. Thanh Chương	18° 41' 53"	105° 25' 15"					E-48-31-D		
xóm 4	DC	xã Thanh Lương	H. Thanh Chương	18° 41' 47"	105° 25' 16"					E-48-31-D		
xóm 5	DC	xã Thanh Lương	H. Thanh Chương	18° 41' 55"	105° 25' 22"					E-48-31-D		
xóm 6	DC	xã Thanh Lương	H. Thanh Chương	18° 41' 55"	105° 25' 36"					E-48-31-D		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu			Toạ độ điểm cuối			
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	
xóm 7	DC	xã Thanh Lương	H. Thanh Chương	18° 43' 06"	105° 25' 30"							E-48-31-D
xóm 8	DC	xã Thanh Lương	H. Thanh Chương	18° 43' 22"	105° 25' 11"							E-48-31-D
xóm 9	DC	xã Thanh Lương	H. Thanh Chương	18° 43' 26"	105° 25' 39"							E-48-31-D
xóm 10	DC	xã Thanh Lương	H. Thanh Chương	18° 43' 48"	105° 26' 06"							E-48-31-D
xóm 11	DC	xã Thanh Lương	H. Thanh Chương	18° 43' 08"	105° 25' 43"							E-48-31-D
xóm 13	DC	xã Thanh Lương	H. Thanh Chương	18° 42' 44"	105° 25' 44"							E-48-31-D
quốc lộ 46	KX	xã Thanh Lương	H. Thanh Chương			18° 36' 19"	105° 11' 23"	18° 49' 41"	105° 42' 18"			E-48-31-D
Xóm Chùa	DC	xã Thanh Lương	H. Thanh Chương	18° 41' 50"	105° 26' 04"							E-48-31-D
núi Cồn Hội	SV	xã Thanh Lương	H. Thanh Chương	18° 43' 39"	105° 25' 33"							E-48-31-D
Sông Gang	TV	xã Thanh Lương	H. Thanh Chương			18° 51' 44"	105° 24' 55"	18° 41' 54"	105° 27' 23"			E-48-31-D
Sông Lam	TV	xã Thanh Lương	H. Thanh Chương			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"			E-48-31-D
núi Phụng Hoàng	SV	xã Thanh Lương	H. Thanh Chương	18° 43' 29"	105° 26' 09"							E-48-31-D
xóm 1	DC	xã Thanh Mai	H. Thanh Chương	18° 39' 54"	105° 24' 35"							E-48-31-D
xóm 2	DC	xã Thanh Mai	H. Thanh Chương	18° 40' 02"	105° 24' 21"							E-48-31-D
xóm 3	DC	xã Thanh Mai	H. Thanh Chương	18° 39' 28"	105° 23' 51"							E-48-31-D
xóm 4	DC	xã Thanh Mai	H. Thanh Chương	18° 39' 10"	105° 23' 05"							E-48-31-D
xóm 5	DC	xã Thanh Mai	H. Thanh Chương	18° 39' 11"	105° 23' 30"							E-48-31-D
xóm 6	DC	xã Thanh Mai	H. Thanh Chương	18° 38' 53"	105° 23' 37"							E-48-31-D
xóm 7A	DC	xã Thanh Mai	H. Thanh Chương	18° 38' 59"	105° 24' 12"							E-48-31-D
xóm 7B	DC	xã Thanh Mai	H. Thanh Chương	18° 39' 09"	105° 24' 38"							E-48-31-D
xóm 8A	DC	xã Thanh Mai	H. Thanh Chương	18° 39' 14"	105° 24' 27"							E-48-31-D
xóm 8B	DC	xã Thanh Mai	H. Thanh Chương	18° 39' 24"	105° 24' 16"							E-48-31-D
xóm Bắc Sơn	DC	xã Thanh Mai	H. Thanh Chương	18° 38' 22"	105° 22' 31"							E-48-31-D
đập Cửa Ông	TV	xã Thanh Mai	H. Thanh Chương	18° 38' 59"	105° 22' 16"							E-48-31-D
hồ Cửa Ông	TV	xã Thanh Mai	H. Thanh Chương	18° 38' 44"	105° 22' 13"			18° 35' 22"	105° 23' 02"	18° 37' 50"	105° 22' 09"	E-48-31-D
suối Đá Bia	TV	xã Thanh Mai	H. Thanh Chương									E-48-31-D
xóm Đá Bia	DC	xã Thanh Mai	H. Thanh Chương	18° 36' 35"	105° 21' 54"							E-48-31-D
Xí nghiệp Dịch vụ Chế biến chè Thanh Mai	KX	xã Thanh Mai	H. Thanh Chương	18° 37' 48"	105° 22' 45"							E-48-31-D
núi Giảng Môn	SV	xã Thanh Mai	H. Thanh Chương	18° 37' 35"	105° 20' 13"							E-48-31-D
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Thanh Mai	H. Thanh Chương			19° 26' 38"	105° 26' 56"	18° 35' 45"	105° 26' 04"			E-48-31-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Núi Môn	SV	xã Thanh Mai	H. Thanh Chương	18° 38' 46"	105° 22' 44"							E-48-31-D
xóm Nam Sơn	DC	xã Thanh Mai	H. Thanh Chương	18° 38' 03"	105° 21' 42"							E-48-31-D
Sông Tiền	TV	xã Thanh Mai	H. Thanh Chương			18° 36' 06"	105° 19' 49"	18° 37' 50"	105° 22' 09"			E-48-31-D
Xóm Trần	DC	xã Thanh Mai	H. Thanh Chương	18° 38' 31"	105° 23' 00"							E-48-31-D
xóm Trung Sơn	DC	xã Thanh Mai	H. Thanh Chương	18° 38' 29"	105° 22' 01"							E-48-31-D
xóm 1	DC	xã Thanh Mỹ	H. Thanh Chương	18° 49' 51"	105° 12' 07"							E-48-31-A
xóm 2	DC	xã Thanh Mỹ	H. Thanh Chương	18° 49' 41"	105° 12' 17"							E-48-31-A
xóm 3	DC	xã Thanh Mỹ	H. Thanh Chương	18° 50' 07"	105° 12' 07"							E-48-31-A
xóm 4	DC	xã Thanh Mỹ	H. Thanh Chương	18° 49' 50"	105° 12' 41"							E-48-31-A
xóm 5	DC	xã Thanh Mỹ	H. Thanh Chương	18° 49' 21"	105° 12' 52"							E-48-31-A
xóm 6	DC	xã Thanh Mỹ	H. Thanh Chương	18° 49' 12"	105° 13' 30"							E-48-31-A
xóm 7	DC	xã Thanh Mỹ	H. Thanh Chương	18° 49' 05"	105° 12' 53"							E-48-31-A
xóm 8	DC	xã Thanh Mỹ	H. Thanh Chương	18° 49' 18"	105° 12' 06"							E-48-31-A
xóm 9	DC	xã Thanh Mỹ	H. Thanh Chương	18° 48' 35"	105° 12' 54"							E-48-31-A
xóm 10	DC	xã Thanh Mỹ	H. Thanh Chương	18° 48' 04"	105° 13' 20"							E-48-31-A
xóm 11	DC	xã Thanh Mỹ	H. Thanh Chương	18° 47' 13"	105° 13' 09"							E-48-31-A
xóm 12	DC	xã Thanh Mỹ	H. Thanh Chương	18° 47' 41"	105° 12' 34"							E-48-31-A
xóm 13	DC	xã Thanh Mỹ	H. Thanh Chương	18° 48' 07"	105° 12' 45"							E-48-31-A
xóm 14	DC	xã Thanh Mỹ	H. Thanh Chương	18° 48' 19"	105° 12' 10"							E-48-31-A
xóm 15	DC	xã Thanh Mỹ	H. Thanh Chương	18° 48' 35"	105° 11' 57"							E-48-31-A
núi Đại Cản	SV	xã Thanh Mỹ	H. Thanh Chương	18° 46' 07"	105° 12' 10"							E-48-31-A
Sông Giảng	TV	xã Thanh Mỹ	H. Thanh Chương			18° 52' 29"	104° 50' 11"	18° 50' 07"	105° 16' 38"			E-48-31-A
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Thanh Mỹ	H. Thanh Chương			19° 26' 38"	105° 26' 56"	18° 35' 45"	105° 26' 04"			E-48-31-A
Suối Lèn	TV	xã Thanh Mỹ	H. Thanh Chương			18° 48' 52"	105° 11' 37"	18° 49' 29"	105° 13' 40"			E-48-31-A
Suối Mết	TV	xã Thanh Mỹ	H. Thanh Chương			18° 46' 34"	105° 12' 02"	18° 49' 13"	105° 12' 24"			E-48-31-A
núi Tháp Bút	SV	xã Thanh Mỹ	H. Thanh Chương	18° 46' 56"	105° 15' 01"							E-48-31-B-c
đập Vực Sủ	TV	xã Thanh Mỹ	H. Thanh Chương	18° 47' 38"	105° 13' 09"							E-48-31-A
quốc lộ 46B	KX	xã Thanh Ngọc	H. Thanh Chương			18° 53' 20"	105° 18' 32"	18° 44' 07"	105° 22' 18"			E-48-31-B-c
đập Bang Nhượng	TV	xã Thanh Ngọc	H. Thanh Chương	18° 47' 36"	105° 21' 44"							E-48-31-B-d
núi Côn Ngơ	SV	xã Thanh Ngọc	H. Thanh Chương	18° 46' 26"	105° 22' 55"							E-48-31-B-d
Sông Gang	TV	xã Thanh Ngọc	H. Thanh Chương			18° 51' 44"	105° 24' 55"	18° 41' 54"	105° 27' 23"			E-48-31-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu			Toạ độ điểm cuối			
				Kinh độ		Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ		
				Vĩ độ	(Độ,phút,giây)							
		(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)			
Sông Lam	TV	xã Thanh Ngọc	H. Thanh Chương				19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-31-B-c	
xóm Minh Thuận	DC	xã Thanh Ngọc	H. Thanh Chương	18° 45' 53"	105° 21' 33"						E-48-31-B-c	
xóm Ngọc Đình	DC	xã Thanh Ngọc	H. Thanh Chương	18° 45' 56"	105° 20' 48"						E-48-31-B-c	
xóm Ngọc Hạ	DC	xã Thanh Ngọc	H. Thanh Chương	18° 46' 34"	105° 21' 44"						E-48-31-B-c	
xóm Ngọc Khánh	DC	xã Thanh Ngọc	H. Thanh Chương	18° 46' 27"	105° 21' 08"						E-48-31-B-c	
xóm Ngọc Minh	DC	xã Thanh Ngọc	H. Thanh Chương	18° 45' 29"	105° 21' 07"						E-48-31-B-c	
xóm Ngọc Quang	DC	xã Thanh Ngọc	H. Thanh Chương	18° 47' 02"	105° 22' 14"						E-48-31-B-c	
xóm Ngọc Thượng	DC	xã Thanh Ngọc	H. Thanh Chương	18° 47' 12"	105° 21' 32"						E-48-31-B-c	
xóm Ngọc Xuân 1	DC	xã Thanh Ngọc	H. Thanh Chương	18° 47' 41"	105° 22' 04"						E-48-31-B-c	
xóm Ngọc Xuân 2	DC	xã Thanh Ngọc	H. Thanh Chương	18° 47' 30"	105° 22' 04"						E-48-31-B-c	
xóm Phú Nhuận 1	DC	xã Thanh Ngọc	H. Thanh Chương	18° 47' 38"	105° 23' 28"						E-48-31-B-d	
xóm Phú Nhuận 2	DC	xã Thanh Ngọc	H. Thanh Chương	18° 47' 12"	105° 23' 05"						E-48-31-B-d	
xóm 1A	DC	xã Thanh Nho	H. Thanh Chương	18° 50' 44"	105° 13' 40"						E-48-31-A	
xóm 1B	DC	xã Thanh Nho	H. Thanh Chương	18° 51' 05"	105° 13' 28"						E-48-31-A	
xóm 2	DC	xã Thanh Nho	H. Thanh Chương	18° 51' 17"	105° 13' 14"						E-48-31-A	
xóm 3	DC	xã Thanh Nho	H. Thanh Chương	18° 50' 59"	105° 13' 10"						E-48-31-A	
xóm 4	DC	xã Thanh Nho	H. Thanh Chương	18° 51' 06"	105° 12' 58"						E-48-31-A	
xóm 5	DC	xã Thanh Nho	H. Thanh Chương	18° 50' 55"	105° 12' 37"						E-48-31-A	
xóm 6	DC	xã Thanh Nho	H. Thanh Chương	18° 51' 05"	105° 12' 13"						E-48-31-A	
xóm 7	DC	xã Thanh Nho	H. Thanh Chương	18° 52' 30"	105° 12' 41"						E-48-31-A	
xóm 8	DC	xã Thanh Nho	H. Thanh Chương	18° 52' 11"	105° 11' 49"						E-48-31-A	
xóm 9	DC	xã Thanh Nho	H. Thanh Chương	18° 51' 35"	105° 11' 38"						E-48-31-A	
xóm 10	DC	xã Thanh Nho	H. Thanh Chương	18° 52' 17"	105° 11' 18"						E-48-31-A	
núi Cồn Diễn	SV	xã Thanh Nho	H. Thanh Chương	18° 53' 16"	105° 12' 36"			18° 52' 29"	104° 50' 11"	18° 50' 07"	105° 16' 38"	E-48-31-A
Sông Giảng	TV	xã Thanh Nho	H. Thanh Chương									E-48-31-A
Xóm Mới	DC	xã Thanh Nho	H. Thanh Chương	18° 50' 36"	105° 13' 08"							E-48-31-A
núi Ông Búng	SV	xã Thanh Nho	H. Thanh Chương	18° 51' 21"	105° 12' 08"							E-48-31-A
xóm 1A	DC	xã Thanh Phong	H. Thanh Chương	18° 49' 45"	105° 19' 53"							E-48-31-B-c
xóm 1B	DC	xã Thanh Phong	H. Thanh Chương	18° 48' 33"	105° 20' 16"							E-48-31-B-c
xóm 2A	DC	xã Thanh Phong	H. Thanh Chương	18° 49' 57"	105° 19' 59"							E-48-31-B-c
xóm 2B	DC	xã Thanh Phong	H. Thanh Chương	18° 48' 45"	105° 20' 30"							E-48-31-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm 3A	DC	xã Thanh Phong	H. Thanh Chương	18° 50' 02"	105° 20' 06"							E-48-31-B-c
xóm 3B	DC	xã Thanh Phong	H. Thanh Chương	18° 48' 53"	105° 20' 41"							E-48-31-B-c
xóm 4A	DC	xã Thanh Phong	H. Thanh Chương	18° 50' 03"	105° 20' 15"							E-48-31-B-c
xóm 4B	DC	xã Thanh Phong	H. Thanh Chương	18° 49' 10"	105° 20' 33"							E-48-31-B-c
xóm 5A	DC	xã Thanh Phong	H. Thanh Chương	18° 50' 35"	105° 20' 58"							E-48-31-B-c
xóm 5B	DC	xã Thanh Phong	H. Thanh Chương	18° 49' 20"	105° 20' 39"							E-48-31-B-c
xóm 6A	DC	xã Thanh Phong	H. Thanh Chương	18° 50' 29"	105° 21' 22"							E-48-31-B-c
xóm 6B	DC	xã Thanh Phong	H. Thanh Chương	18° 49' 24"	105° 20' 59"							E-48-31-B-c
xóm 7A	DC	xã Thanh Phong	H. Thanh Chương	18° 50' 21"	105° 21' 07"							E-48-31-B-c
xóm 7B	DC	xã Thanh Phong	H. Thanh Chương	18° 49' 04"	105° 21' 04"							E-48-31-B-c
xóm 8A	DC	xã Thanh Phong	H. Thanh Chương	18° 50' 10"	105° 21' 06"							E-48-31-B-c
xóm 8B	DC	xã Thanh Phong	H. Thanh Chương	18° 49' 38"	105° 21' 17"							E-48-31-B-c
xóm 9A	DC	xã Thanh Phong	H. Thanh Chương	105° 20' 57"	105° 20' 57"	18° 51' 44"	105° 24' 55"	18° 41' 54"	105° 27' 23"			E-48-31-B-c
Sông Gang	TV	xã Thanh Phong	H. Thanh Chương									E-48-31-A
bản Cao Sơn	DC	xã Thanh Sơn	H. Thanh Chương	18° 46' 31"	105° 11' 25"			18° 47' 35"	105° 06' 48"	18° 47' 47"	105° 08' 45"	E-48-31-A
suối Cây Cam	TV	xã Thanh Sơn	H. Thanh Chương									E-48-31-A
bản Chà Coong 1	DC	xã Thanh Sơn	H. Thanh Chương	18° 47' 14"	105° 08' 46"							E-48-31-A
bản Chà Coong 2	DC	xã Thanh Sơn	H. Thanh Chương	18° 47' 36"	105° 08' 30"							E-48-31-A
Sông Con	TV	xã Thanh Sơn	H. Thanh Chương					19° 15' 32"	105° 25' 09"	19° 02' 14"	104° 58' 20"	E-48-19-D-d, E-48-18-D
Suối Con	TV	xã Thanh Sơn	H. Thanh Chương					19° 24' 13"	105° 25' 17"	19° 22' 56"	105° 24' 11"	E-48-19-B-b
núi Con Bò	SV	xã Thanh Sơn	H. Thanh Chương	18° 47' 20"	105° 09' 46"							E-48-31-A
bản Đại Sơn	DC	xã Thanh Sơn	H. Thanh Chương	18° 46' 01"	105° 07' 40"							E-48-31-A
Suối Dưới	TV	xã Thanh Sơn	H. Thanh Chương					18° 42' 58"	105° 06' 29"	18° 44' 35"	105° 06' 03"	E-48-31-C
bản Hạnh Tiến	DC	xã Thanh Sơn	H. Thanh Chương	18° 46' 53"	105° 10' 33"							E-48-31-A
bản Hoà Sơn	DC	xã Thanh Sơn	H. Thanh Chương	18° 46' 53"	105° 10' 48"							E-48-31-A
bản Kim Chương	DC	xã Thanh Sơn	H. Thanh Chương	18° 45' 32"	105° 09' 08"							E-48-31-A
bản Kim Hạnh	DC	xã Thanh Sơn	H. Thanh Chương	18° 45' 36"	105° 07' 43"							E-48-31-A
bản Kim Lâm	DC	xã Thanh Sơn	H. Thanh Chương	18° 46' 31"	105° 09' 59"							E-48-31-A
bản Kim Thanh	DC	xã Thanh Sơn	H. Thanh Chương	18° 46' 48"	105° 09' 28"							E-48-31-A
bản Nhạn Cán	DC	xã Thanh Sơn	H. Thanh Chương	18° 46' 19"	105° 07' 33"							E-48-31-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)			
bản Tân Lập	DC	xã Thanh Sơn	H. Thanh Chương	18° 46' 38"	105° 08' 24"						E-48-31-A	
bản Thái Lâm	DC	xã Thanh Sơn	H. Thanh Chương	18° 46' 40"	105° 08' 13"						E-48-31-A	
bản Thanh Bình	DC	xã Thanh Sơn	H. Thanh Chương	18° 47' 47"	105° 07' 40"						E-48-31-A	
bản Thanh Hoà	DC	xã Thanh Sơn	H. Thanh Chương	18° 46' 45"	105° 08' 40"						E-48-31-A	
Suối Tràn	TV	xã Thanh Sơn	H. Thanh Chương			18° 43' 16"	105° 07' 27"	18° 44' 58"	105° 06' 21"		E-48-31-C	
Suối Truyền	TV	xã Thanh Sơn	H. Thanh Chương			18° 43' 11"	105° 07' 45"	18° 47' 09"	105° 09' 11"		E-48-31-C	
dãy Trường Sơn	SV	xã Thanh Sơn	H. Thanh Chương	16° 28' 51"	106° 54' 56"						E-48-31-A	
bản Xốp Lắm	DC	xã Thanh Sơn	H. Thanh Chương	18° 47' 11"	105° 09' 05"						E-48-31-B-c	
thôn 1A	DC	xã Thanh Thịnh	H. Thanh Chương	18° 45' 02"	105° 15' 37"						E-48-31-B-c	
thôn 1B	DC	xã Thanh Thịnh	H. Thanh Chương	18° 45' 17"	105° 15' 42"						E-48-31-B-c	
thôn 2	DC	xã Thanh Thịnh	H. Thanh Chương	18° 45' 06"	105° 16' 14"						E-48-31-B-c	
thôn 3	DC	xã Thanh Thịnh	H. Thanh Chương	18° 45' 04"	105° 16' 52"						E-48-31-B-c	
thôn 4	DC	xã Thanh Thịnh	H. Thanh Chương	18° 45' 21"	105° 18' 03"						E-48-31-B-c	
thôn 5	DC	xã Thanh Thịnh	H. Thanh Chương	18° 45' 44"	105° 18' 29"						E-48-31-B-c	
thôn 6	DC	xã Thanh Thịnh	H. Thanh Chương	18° 45' 42"	105° 18' 02"						E-48-31-B-c	
thôn 7	DC	xã Thanh Thịnh	H. Thanh Chương	18° 45' 48"	105° 17' 43"						E-48-31-B-c	
thôn 8	DC	xã Thanh Thịnh	H. Thanh Chương	18° 46' 02"	105° 18' 11"						E-48-31-B-c	
thôn 9	DC	xã Thanh Thịnh	H. Thanh Chương	18° 46' 34"	105° 17' 56"						E-48-31-B-c	
thôn 10	DC	xã Thanh Thịnh	H. Thanh Chương	18° 46' 22"	105° 17' 58"						E-48-31-B-c	
đường tỉnh 533	KX	xã Thanh Thịnh	H. Thanh Chương			18° 54' 45"	105° 15' 14"	18° 38' 32"	105° 30' 37"		E-48-31-B-c	
núi Cỏ Xỏ	SV	xã Thanh Thịnh	H. Thanh Chương	18° 45' 31"	105° 15' 26"						E-48-31-B-c	
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Thanh Thịnh	H. Thanh Chương			19° 26' 38"	105° 26' 56"	18° 35' 45"	105° 26' 04"		E-48-31-C	
Suối Khai	TV	xã Thanh Thịnh	H. Thanh Chương			18° 41' 14"	105° 10' 28"	18° 44' 48"	105° 13' 36"		E-48-31-A	
Sông Lam	TV	xã Thanh Thịnh	H. Thanh Chương			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"		E-48-31-B-c	
suối Mạn Tác	TV	xã Thanh Thịnh	H. Thanh Chương			18° 40' 20"	105° 12' 13"	18° 44' 59"	105° 14' 08"		E-48-31-C	
Suối Mọ	TV	xã Thanh Thịnh	H. Thanh Chương			18° 45' 08"	105° 15' 25"	18° 46' 45"	105° 18' 06"		E-48-31-B-c	
núi Mo Nu	SV	xã Thanh Thịnh	H. Thanh Chương	18° 44' 17"	105° 15' 16"						E-48-31-D	
Sông Trai	TV	xã Thanh Thịnh	H. Thanh Chương			18° 45' 59"	105° 14' 51"	18° 46' 17"	105° 18' 47"		E-48-31-B-c	
thôn 1	DC	xã Thanh Thủy	H. Thanh Chương	18° 41' 37"	105° 19' 18"						E-48-31-D	
thôn 2	DC	xã Thanh Thủy	H. Thanh Chương	18° 41' 42"	105° 18' 41"						E-48-31-D	
thôn 3	DC	xã Thanh Thủy	H. Thanh Chương	18° 41' 05"	105° 17' 36"						E-48-31-D	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)			
thôn 4	DC	xã Thanh Thủy	H. Thanh Chương	18° 41' 37"	105° 17' 57"						E-48-31-D	
thôn 5	DC	xã Thanh Thủy	H. Thanh Chương	18° 42' 04"	105° 18' 13"						E-48-31-D	
thôn 6	DC	xã Thanh Thủy	H. Thanh Chương	18° 42' 21"	105° 17' 46"						E-48-31-D	
thôn 7	DC	xã Thanh Thủy	H. Thanh Chương	18° 42' 38"	105° 18' 08"						E-48-31-D	
thôn 8	DC	xã Thanh Thủy	H. Thanh Chương	18° 42' 30"	105° 18' 53"						E-48-31-D	
quốc lộ 46	KX	xã Thanh Thủy	H. Thanh Chương				18° 36' 19"	105° 11' 23"	18° 49' 41"	105° 42' 18"	E-48-31-D	
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Thanh Thủy	H. Thanh Chương				19° 26' 38"	105° 26' 56"	18° 35' 45"	105° 26' 04"	E-48-31-D	
suối Hồi Lâm	TV	xã Thanh Thủy	H. Thanh Chương				18° 40' 25"	105° 13' 41"	18° 41' 28"	105° 15' 18"	E-48-31-D	
thôn Khe Mù	DC	xã Thanh Thủy	H. Thanh Chương	18° 42' 05"	105° 16' 24"						E-48-31-D	
hồ Lái Lò	TV	xã Thanh Thủy	H. Thanh Chương	18° 42' 49"	105° 17' 21"						E-48-31-D	
Làng Mới	DC	xã Thanh Thủy	H. Thanh Chương	18° 40' 51"	105° 14' 43"						E-48-31-D	
Suối Mù	TV	xã Thanh Thủy	H. Thanh Chương				18° 41' 28"	105° 15' 18"	18° 43' 03"	105° 17' 10"	E-48-31-D	
núi Mù Dừng	SV	xã Thanh Thủy	H. Thanh Chương	18° 38' 37"	105° 16' 48"						E-48-31-D	
Nông trường Ngọc Lâm	KX	xã Thanh Thủy	H. Thanh Chương	18° 43' 04"	105° 16' 34"						E-48-31-D	
núi Ngọc Lâm	SV	xã Thanh Thủy	H. Thanh Chương	18° 42' 52"	105° 18' 02"						E-48-31-D	
Sông Rô	TV	xã Thanh Thủy	H. Thanh Chương				18° 41' 38"	105° 18' 16"	18° 43' 47"	105° 21' 55"	E-48-31-D	
thôn Thị Tứ	DC	xã Thanh Thủy	H. Thanh Chương	18° 41' 58"	105° 18' 35"						E-48-31-D	
dãy Trường Sơn	SV	xã Thanh Thủy	H. Thanh Chương	16° 28' 51"	106° 54' 56"						E-48-31-C	
sông Vô Liệt	TV	xã Thanh Thủy	H. Thanh Chương				18° 39' 21"	105° 11' 41"	18° 43' 47"	105° 21' 55"	E-48-31-C	
suối Vô Liệt	TV	xã Thanh Thủy	H. Thanh Chương				18° 36' 57"	105° 12' 04"	18° 37' 58"	105° 15' 11"	E-48-31-C	
xóm 1	DC	xã Thanh Tiên	H. Thanh Chương	18° 49' 56"	105° 17' 14"						E-48-31-B-c	
xóm 2	DC	xã Thanh Tiên	H. Thanh Chương	18° 49' 39"	105° 17' 18"						E-48-31-B-c	
xóm 3	DC	xã Thanh Tiên	H. Thanh Chương	18° 49' 43"	105° 17' 05"						E-48-31-B-c	
xóm 4	DC	xã Thanh Tiên	H. Thanh Chương	18° 49' 29"	105° 16' 57"						E-48-31-B-c	
xóm 5	DC	xã Thanh Tiên	H. Thanh Chương	18° 49' 08"	105° 16' 54"						E-48-31-B-c	
xóm 6	DC	xã Thanh Tiên	H. Thanh Chương	18° 48' 50"	105° 16' 53"						E-48-31-B-c	
xóm 7	DC	xã Thanh Tiên	H. Thanh Chương	18° 48' 37"	105° 16' 25"						E-48-31-B-c	
xóm 8	DC	xã Thanh Tiên	H. Thanh Chương	18° 48' 21"	105° 16' 31"						E-48-31-B-c	
xóm 9	DC	xã Thanh Tiên	H. Thanh Chương	18° 48' 35"	105° 17' 13"						E-48-31-B-c	
xóm 10	DC	xã Thanh Tiên	H. Thanh Chương	18° 48' 28"	105° 16' 46"						E-48-31-B-c	
xóm 11	DC	xã Thanh Tiên	H. Thanh Chương	18° 48' 21"	105° 17' 07"						E-48-31-B-c	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm 12	DC	xã Thanh Tiên	H. Thanh Chương	18° 47' 58"	105° 17' 08"							E-48-31-B-c
xóm 13	DC	xã Thanh Tiên	H. Thanh Chương	18° 49' 19"	105° 16' 52"							E-48-31-B-c
đường tỉnh 533	KX	xã Thanh Tiên	H. Thanh Chương			18° 54' 45"	105° 15' 14"	18° 38' 32"	105° 30' 37"			E-48-31-B-c
núi Đại Điền	SV	xã Thanh Tiên	H. Thanh Chương	18° 47' 41"	105° 16' 20"							E-48-31-B-c
Sông Giảng	TV	xã Thanh Tiên	H. Thanh Chương					18° 52' 29"	104° 50' 11"	18° 50' 07"	105° 16' 38"	E-48-31-B-c
Sông Lam	TV	xã Thanh Tiên	H. Thanh Chương					19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-31-B-c
sông Cầu Nảy	TV	xã Thanh Tùng	H. Thanh Chương					18° 39' 47"	105° 20' 30"	18° 40' 30"	105° 24' 02"	E-48-31-D
xóm Cồn Sông	DC	xã Thanh Tùng	H. Thanh Chương	18° 39' 53"	105° 22' 56"							E-48-31-D
sông Con Voi	TV	xã Thanh Tùng	H. Thanh Chương					18° 36' 39"	105° 18' 37"	18° 39' 47"	105° 20' 30"	E-48-31-D
đập Cửa Ông	TV	xã Thanh Tùng	H. Thanh Chương	18° 38' 59"	105° 22' 16"							E-48-31-D
hồ Cửa Ông	TV	xã Thanh Tùng	H. Thanh Chương	18° 38' 44"	105° 22' 13"							E-48-31-D
núi Động Am	SV	xã Thanh Tùng	H. Thanh Chương	18° 39' 16"	105° 21' 44"							E-48-31-D
núi Đồng Kê	SV	xã Thanh Tùng	H. Thanh Chương	18° 40' 47"	105° 22' 54"							E-48-31-D
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Thanh Tùng	H. Thanh Chương					19° 26' 38"	105° 26' 56"	18° 35' 45"	105° 26' 04"	E-48-31-D
xóm Kim Long	DC	xã Thanh Tùng	H. Thanh Chương	18° 40' 12"	105° 23' 50"							E-48-31-D
xóm Minh Đường	DC	xã Thanh Tùng	H. Thanh Chương	18° 41' 03"	105° 23' 33"							E-48-31-D
xóm Minh Sơn	DC	xã Thanh Tùng	H. Thanh Chương	18° 41' 07"	105° 23' 19"							E-48-31-D
xóm Phượng Hoàng	DC	xã Thanh Tùng	H. Thanh Chương	18° 40' 01"	105° 22' 33"							E-48-31-D
xóm Phượng Lộc	DC	xã Thanh Tùng	H. Thanh Chương	18° 40' 22"	105° 22' 15"							E-48-31-D
xóm Tân Phượng	DC	xã Thanh Tùng	H. Thanh Chương	18° 40' 35"	105° 22' 21"							E-48-31-D
xóm Thuận Trung	DC	xã Thanh Tùng	H. Thanh Chương	18° 40' 58"	105° 23' 48"							E-48-31-D
xóm Trường Long	DC	xã Thanh Tùng	H. Thanh Chương	18° 40' 28"	105° 23' 02"							E-48-31-D
xóm Tùng Tân	DC	xã Thanh Tùng	H. Thanh Chương	18° 40' 18"	105° 23' 35"							E-48-31-D
xóm Yên Thành	DC	xã Thanh Tùng	H. Thanh Chương	18° 41' 13"	105° 22' 50"							E-48-31-D
xóm 1	DC	xã Thanh Tường	H. Thanh Chương	18° 47' 52"	105° 18' 40"							E-48-31-B-c
xóm 2	DC	xã Thanh Tường	H. Thanh Chương	18° 47' 55"	105° 18' 47"							E-48-31-B-c
xóm 3	DC	xã Thanh Tường	H. Thanh Chương	18° 47' 59"	105° 18' 54"							E-48-31-B-c
xóm 4	DC	xã Thanh Tường	H. Thanh Chương	18° 48' 02"	105° 19' 00"							E-48-31-B-c
xóm 5	DC	xã Thanh Tường	H. Thanh Chương	18° 48' 14"	105° 19' 07"							E-48-31-B-c
xóm 6	DC	xã Thanh Tường	H. Thanh Chương	18° 48' 29"	105° 19' 21"							E-48-31-B-c
xóm 7	DC	xã Thanh Tường	H. Thanh Chương	18° 48' 36"	105° 19' 28"							E-48-31-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm 8	DC	xã Thanh Tường	H. Thanh Chương	18° 48' 37"	105° 19' 22"							E-48-31-B-c
quốc lộ 46	KX	xã Thanh Tường	H. Thanh Chương			18° 36' 19"	105° 11' 23"	18° 49' 41"	105° 42' 18"			E-48-31-B-c
Sông Lam	TV	xã Thanh Tường	H. Thanh Chương			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"			E-48-31-B-c
xóm 1	DC	xã Thanh Văn	H. Thanh Chương	18° 48' 46"	105° 18' 25"							E-48-31-B-c
xóm 2	DC	xã Thanh Văn	H. Thanh Chương	18° 48' 27"	105° 18' 30"							E-48-31-B-c
xóm 3	DC	xã Thanh Văn	H. Thanh Chương	18° 48' 32"	105° 18' 07"							E-48-31-B-c
xóm 4	DC	xã Thanh Văn	H. Thanh Chương	18° 48' 44"	105° 18' 04"							E-48-31-B-c
xóm 5	DC	xã Thanh Văn	H. Thanh Chương	18° 49' 14"	105° 18' 05"							E-48-31-B-c
xóm 6	DC	xã Thanh Văn	H. Thanh Chương	18° 48' 28"	105° 17' 47"							E-48-31-B-c
xóm 7	DC	xã Thanh Văn	H. Thanh Chương	18° 48' 14"	105° 17' 40"							E-48-31-B-c
xóm 8	DC	xã Thanh Văn	H. Thanh Chương	18° 47' 43"	105° 18' 07"							E-48-31-B-c
xóm 9	DC	xã Thanh Văn	H. Thanh Chương	18° 47' 46"	105° 18' 21"							E-48-31-B-c
quốc lộ 46B	KX	xã Thanh Văn	H. Thanh Chương			18° 53' 20"	105° 18' 32"	18° 44' 07"	105° 22' 18"			E-48-31-B-c
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Thanh Xuân	H. Thanh Chương			19° 26' 38"	105° 26' 56"	18° 35' 45"	105° 26' 04"			E-48-31-D
hồ Hưu Sỹ	TV	xã Thanh Xuân	H. Thanh Chương	18° 37' 29"	105° 23' 31"							E-48-31-D
núi Kim Ngê	SV	xã Thanh Xuân	H. Thanh Chương	18° 38' 07"	105° 25' 55"							E-48-31-D
Suối Ngây	TV	xã Thanh Xuân	H. Thanh Chương			18° 35' 19"	105° 24' 03"	18° 39' 25"	105° 25' 28"			E-48-31-D
núi Tam Thai	SV	xã Thanh Xuân	H. Thanh Chương	18° 37' 10"	105° 26' 45"							E-48-31-D
Suối Tháp	TV	xã Thanh Xuân	H. Thanh Chương			18° 36' 56"	105° 27' 57"	18° 39' 24"	105° 25' 28"			E-48-31-D
xóm Xuân Điền	DC	xã Thanh Xuân	H. Thanh Chương	18° 38' 30"	105° 25' 17"							E-48-31-D
xóm Xuân Đồng	DC	xã Thanh Xuân	H. Thanh Chương	18° 38' 33"	105° 25' 54"							E-48-31-D
xóm Xuân Dũng 1	DC	xã Thanh Xuân	H. Thanh Chương	18° 37' 45"	105° 24' 52"							E-48-31-D
xóm Xuân Dũng 2	DC	xã Thanh Xuân	H. Thanh Chương	18° 37' 19"	105° 25' 00"							E-48-31-D
xóm Xuân Hiền	DC	xã Thanh Xuân	H. Thanh Chương	18° 36' 46"	105° 24' 01"							E-48-31-D
xóm Xuân Hoa	DC	xã Thanh Xuân	H. Thanh Chương	18° 37' 26"	105° 25' 11"							E-48-31-D
xóm Xuân Hoà	DC	xã Thanh Xuân	H. Thanh Chương	18° 39' 21"	105° 25' 06"							E-48-31-D
xóm Xuân Hồng	DC	xã Thanh Xuân	H. Thanh Chương	18° 39' 14"	105° 24' 47"							E-48-31-D
xóm Xuân Liên	DC	xã Thanh Xuân	H. Thanh Chương	18° 37' 37"	105° 25' 09"							E-48-31-D
xóm Xuân Nam	DC	xã Thanh Xuân	H. Thanh Chương	18° 38' 44"	105° 25' 25"							E-48-31-D
xóm Xuân Ngọc	DC	xã Thanh Xuân	H. Thanh Chương	18° 37' 37"	105° 24' 38"							E-48-31-D
xóm Xuân Quỳnh	DC	xã Thanh Xuân	H. Thanh Chương	18° 37' 07"	105° 23' 23"							E-48-31-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm Xuân Sơn 1	DC	xã Thanh Xuân	H. Thanh Chương	18° 36' 46"	105° 26' 43"							E-48-31-D
xóm Xuân Sơn 2	DC	xã Thanh Xuân	H. Thanh Chương	18° 37' 01"	105° 26' 37"							E-48-31-D
xóm Xuân Thảo	DC	xã Thanh Xuân	H. Thanh Chương	18° 36' 29"	105° 25' 46"							E-48-31-D
xóm Xuân Thuỷ	DC	xã Thanh Xuân	H. Thanh Chương	18° 38' 39"	105° 24' 42"							E-48-31-D
xóm Xuân Trung	DC	xã Thanh Xuân	H. Thanh Chương	18° 37' 19"	105° 24' 46"			18° 36' 19"	105° 11' 23"	18° 49' 41"	105° 42' 18"	E-48-31-D
quốc lộ 46	KX	xã Thanh Yên	H. Thanh Chương									E-48-31-D
Núi Đờng	SV	xã Thanh Yên	H. Thanh Chương	18° 41' 33"	105° 26' 03"			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-31-D
Sông Lam	TV	xã Thanh Yên	H. Thanh Chương									E-48-31-D
xóm Yên Bình	DC	xã Thanh Yên	H. Thanh Chương	18° 41' 11"	105° 25' 55"							E-48-31-D
xóm Yên Định	DC	xã Thanh Yên	H. Thanh Chương	18° 42' 17"	105° 25' 59"							E-48-31-D
xóm Yên Hồng	DC	xã Thanh Yên	H. Thanh Chương	18° 41' 13"	105° 25' 33"							E-48-31-D
xóm Yên Long	DC	xã Thanh Yên	H. Thanh Chương	18° 41' 36"	105° 25' 22"							E-48-31-D
xóm Yên Mỹ	DC	xã Thanh Yên	H. Thanh Chương	18° 41' 42"	105° 25' 33"							E-48-31-D
xóm Yên Phú	DC	xã Thanh Yên	H. Thanh Chương	18° 41' 23"	105° 26' 04"							E-48-31-D
xóm Yên Quang	DC	xã Thanh Yên	H. Thanh Chương	18° 41' 55"	105° 25' 47"							E-48-31-D
xóm Yên Sơn	DC	xã Thanh Yên	H. Thanh Chương	18° 41' 33"	105° 25' 46"							E-48-31-D
xóm Yên Thắng	DC	xã Thanh Yên	H. Thanh Chương	18° 41' 34"	105° 26' 11"							E-48-31-D
xóm Yên Trung	DC	xã Thanh Yên	H. Thanh Chương	18° 41' 32"	105° 25' 38"							E-48-31-D
quốc lộ 46	KX	xã Võ Liệt	H. Thanh Chương					18° 36' 19"	105° 11' 23"	18° 49' 41"	105° 42' 18"	E-48-31-D
đường tỉnh 533	KX	xã Võ Liệt	H. Thanh Chương					18° 54' 45"	105° 15' 14"	18° 38' 32"	105° 30' 37"	E-48-31-D
núi Cồn Cao	SV	xã Võ Liệt	H. Thanh Chương	18° 42' 35"	105° 19' 37"							E-48-31-D
thôn Hoà Hợp	DC	xã Võ Liệt	H. Thanh Chương	18° 43' 26"	105° 20' 49"							E-48-31-D
thôn Khai Tiến	DC	xã Võ Liệt	H. Thanh Chương	18° 43' 15"	105° 22' 24"							E-48-31-D
thôn Kim Hoà	DC	xã Võ Liệt	H. Thanh Chương	18° 42' 28"	105° 20' 45"							E-48-31-D
thôn Kim Lương	DC	xã Võ Liệt	H. Thanh Chương	18° 42' 46"	105° 20' 29"							E-48-31-D
thôn Kim Sơn	DC	xã Võ Liệt	H. Thanh Chương	18° 42' 31"	105° 21' 05"							E-48-31-D
thôn Kim Thanh	DC	xã Võ Liệt	H. Thanh Chương	18° 42' 46"	105° 20' 09"							E-48-31-D
thôn Kim Tiến	DC	xã Võ Liệt	H. Thanh Chương	18° 42' 24"	105° 20' 20"							E-48-31-D
Sông Lam	TV	xã Võ Liệt	H. Thanh Chương					19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-31-D
thôn Lam Giang	DC	xã Võ Liệt	H. Thanh Chương	18° 43' 26"	105° 22' 11"							E-48-31-D
thôn Liên Kỳ	DC	xã Võ Liệt	H. Thanh Chương	18° 43' 07"	105° 21' 42"							E-48-31-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Sông Rộ	TV	xã Võ Liệt	H. Thanh Chương			18° 41' 38"	105° 18' 16"	18° 43' 47"	105° 21' 55"	E-48-31-D
thôn Tân Hà	DC	xã Võ Liệt	H. Thanh Chương	18° 42' 55"	105° 20' 49"					E-48-31-D
thôn Thượng Đức	DC	xã Võ Liệt	H. Thanh Chương	18° 43' 44"	105° 21' 36"					E-48-31-D
thôn Tiên Chính	DC	xã Võ Liệt	H. Thanh Chương	18° 42' 32"	105° 21' 27"					E-48-31-D
thôn Tiên Thanh	DC	xã Võ Liệt	H. Thanh Chương	18° 42' 50"	105° 21' 27"					E-48-31-D
thôn Trung Đức	DC	xã Võ Liệt	H. Thanh Chương	18° 43' 38"	105° 21' 53"					E-48-31-D
thôn Trường Yên	DC	xã Võ Liệt	H. Thanh Chương	18° 43' 10"	105° 21' 22"					E-48-31-D
thôn Vạn Tải	DC	xã Võ Liệt	H. Thanh Chương	18° 43' 39"	105° 21' 59"					E-48-31-D
thôn Yên Xuân	DC	xã Võ Liệt	H. Thanh Chương	18° 43' 59"	105° 21' 01"					E-48-31-D
xóm 1	DC	xã Xuân Trường	H. Thanh Chương	18° 44' 25"	105° 24' 33"					E-48-31-D
xóm 2	DC	xã Xuân Trường	H. Thanh Chương	18° 44' 09"	105° 23' 57"					E-48-31-D
xóm 3	DC	xã Xuân Trường	H. Thanh Chương	18° 43' 44"	105° 23' 38"					E-48-31-D
xóm 4	DC	xã Xuân Trường	H. Thanh Chương	18° 43' 44"	105° 23' 00"					E-48-31-D
xóm 5	DC	xã Xuân Trường	H. Thanh Chương	18° 43' 32"	105° 23' 21"					E-48-31-D
xóm 6	DC	xã Xuân Trường	H. Thanh Chương	18° 43' 21"	105° 23' 34"					E-48-31-D
xóm 7	DC	xã Xuân Trường	H. Thanh Chương	18° 43' 08"	105° 23' 53"					E-48-31-D
xóm 8	DC	xã Xuân Trường	H. Thanh Chương	18° 42' 54"	105° 23' 51"					E-48-31-D
xóm 9	DC	xã Xuân Trường	H. Thanh Chương	18° 42' 57"	105° 24' 03"					E-48-31-D
xóm 10	DC	xã Xuân Trường	H. Thanh Chương	18° 42' 44"	105° 24' 07"	18° 53' 20"	105° 18' 32"	18° 44' 07"	105° 22' 18"	E-48-31-D
quốc lộ 46B	KX	xã Xuân Trường	H. Thanh Chương							E-48-31-D
núi Cửa Trại	SV	xã Xuân Trường	H. Thanh Chương	18° 44' 37"	105° 24' 35"					E-48-31-D
núi Đồng Kiếng	SV	xã Xuân Trường	H. Thanh Chương	18° 43' 27"	105° 23' 53"					E-48-31-D
Sông Gang	TV	xã Xuân Trường	H. Thanh Chương			18° 51' 44"	105° 24' 55"	18° 41' 54"	105° 27' 23"	E-48-31-D
Sông Lam	TV	xã Xuân Trường	H. Thanh Chương			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-31-D
quốc lộ 7	KX	TT. Hoà Bình	H. Tương Dương			19° 28' 15"	104° 05' 04"	18° 58' 42"	105° 35' 55"	E-48-17-B
khối Hoà Bắc	DC	TT. Hoà Bình	H. Tương Dương	19° 15' 56"	104° 28' 06"					E-48-17-B
khối Hoà Đông	DC	TT. Hoà Bình	H. Tương Dương	19° 15' 32"	104° 28' 45"					E-48-17-B
khối Hoà Nam	DC	TT. Hoà Bình	H. Tương Dương	19° 15' 39"	104° 28' 05"					E-48-17-B
khối Hoà Tân	DC	TT. Hoà Bình	H. Tương Dương	19° 15' 52"	104° 28' 22"					E-48-17-B
khối Hoà Tây	DC	TT. Hoà Bình	H. Tương Dương	19° 15' 55"	104° 27' 52"					E-48-17-B
khối Hoà Trung	DC	TT. Hoà Bình	H. Tương Dương	19° 15' 47"	104° 28' 13"					E-48-17-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)			
Sông Lam	TV	TT. Hoà Bình	H. Tương Dương			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-17-B		
núi Bùm Sưa	SV	xã Hữu Khuông	H. Tương Dương	19° 28' 33"	104° 34' 52"					E-48-18-A		
núi Cà Mong	SV	xã Hữu Khuông	H. Tương Dương	19° 25' 17"	104° 38' 03"					E-48-18-A		
suối Cà Mong	TV	xã Hữu Khuông	H. Tương Dương			19° 24' 28"	104° 38' 14"	19° 26' 43"	104° 35' 28"	E-48-18-A		
suối Cà Múc	TV	xã Hữu Khuông	H. Tương Dương			19° 25' 50"	104° 40' 17"	19° 27' 21"	104° 36' 19"	E-48-18-A		
Suối Cán	TV	xã Hữu Khuông	H. Tương Dương			19° 31' 29"	104° 32' 59"	19° 30' 20"	104° 32' 31"	E-48-6-A, E-48-6-C		
suối Cha La	TV	xã Hữu Khuông	H. Tương Dương			19° 34' 41"	104° 36' 44"	19° 33' 20"	104° 38' 26"	E-48-6-A, E-48-6-C		
suối Cha Lai	TV	xã Hữu Khuông	H. Tương Dương			19° 33' 25"	104° 40' 06"	19° 30' 31"	104° 37' 31"	E-48-6-A, E-48-6-C		
bản Chà Láng	DC	xã Hữu Khuông	H. Tương Dương	19° 34' 06"	104° 37' 52"					E-48-6-A, E-48-6-C		
khe Chà Lát	TV	xã Hữu Khuông	H. Tương Dương			19° 33' 12"	104° 38' 22"	19° 31' 30"	104° 38' 30"	E-48-6-A, E-48-6-C		
núi Chà Lát	SV	xã Hữu Khuông	H. Tương Dương	19° 33' 43"	104° 40' 17"					E-48-6-A, E-48-6-C		
suối Chà Lau	TV	xã Hữu Khuông	H. Tương Dương			19° 25' 20"	104° 35' 21"	19° 25' 24"	104° 34' 06"	E-48-18-A		
núi Chà Lòng	SV	xã Hữu Khuông	H. Tương Dương	19° 28' 09"	104° 35' 51"					E-48-6-A, E-48-6-C		
Suối Chan	TV	xã Hữu Khuông	H. Tương Dương			19° 27' 22"	104° 38' 14"	19° 28' 00"	104° 36' 41"	E-48-18-A		
núi Chò Lát	SV	xã Hữu Khuông	H. Tương Dương	19° 30' 00"	104° 41' 33"					E-48-18-A		
Suối Cọ	TV	xã Hữu Khuông	H. Tương Dương			19° 26' 26"	104° 40' 50"	19° 28' 11"	104° 39' 04"	E-48-18-A		
bản Con Phen	DC	xã Hữu Khuông	H. Tương Dương	19° 32' 05"	104° 38' 28"					E-48-6-A, E-48-6-C		
Núi Đinh	SV	xã Hữu Khuông	H. Tương Dương	19° 30' 39"	104° 41' 44"					E-48-6-A, E-48-6-C		
Suối Hốc	TV	xã Hữu Khuông	H. Tương Dương			19° 17' 36"	104° 12' 11"	19° 18' 49"	104° 13' 15"	E-48-17-C		
suối Hồng Lam	TV	xã Hữu Khuông	H. Tương Dương			19° 32' 37"	104° 35' 57"	19° 30' 56"	104° 36' 44"	E-48-6-A, E-48-6-C		
bản Huồi Cọ	DC	xã Hữu Khuông	H. Tương Dương	19° 27' 19"	104° 40' 16"					E-48-18-A		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	
suối Huồi Nam	TV	xã Hữu Khuông	H. Tương Dương			19° 33' 39"	104° 35' 01"	19° 32' 37"	104° 35' 57"	E-48-6-A, E-48-6-C		
bản Huồi Púng	DC	xã Hữu Khuông	H. Tương Dương	19° 32' 36"	104° 36' 00"					E-48-6-A, E-48-6-C		
Suối Kẹp	TV	xã Hữu Khuông	H. Tương Dương			19° 29' 55"	104° 41' 54"	19° 29' 01"	104° 37' 01"	E-48-18-A		
Sông Lam	TV	xã Hữu Khuông	H. Tương Dương			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-18-A		
Suối Lo	TV	xã Hữu Khuông	H. Tương Dương			19° 27' 26"	104° 42' 11"	19° 26' 57"	104° 40' 35"	E-48-18-A		
Núi Lọ	SV	xã Hữu Khuông	H. Tương Dương	19° 27' 16"	104° 41' 52"					E-48-18-A		
Núi Mả	SV	xã Hữu Khuông	H. Tương Dương	19° 28' 09"	104° 35' 21"					E-48-6-A, E-48-6-C		
Núi Man	SV	xã Hữu Khuông	H. Tương Dương	19° 32' 10"	104° 35' 18"					E-48-6-A, E-48-6-C		
Núi Muống	SV	xã Hữu Khuông	H. Tương Dương	19° 28' 47"	104° 38' 20"					E-48-18-A		
suối Nam	TV	xã Hữu Khuông	H. Tương Dương			19° 34' 00"	104° 37' 00"	19° 32' 57"	104° 36' 15"	E-48-6-A, E-48-6-C		
Nậm Nơn	TV	xã Hữu Khuông	H. Tương Dương			19° 40' 58"	104° 04' 07"	19° 26' 44"	104° 35' 28"	E-48-6-A, E-48-6-C		
Suối Pha	TV	xã Hữu Khuông	H. Tương Dương			19° 28' 13"	104° 41' 51"	19° 27' 38"	104° 39' 58"	E-48-18-A		
núi Phá Cờ	SV	xã Hữu Khuông	H. Tương Dương	19° 21' 57"	104° 35' 23"					E-48-18-A		
núi Phá Mọt	SV	xã Hữu Khuông	H. Tương Dương	19° 35' 10"	104° 38' 04"					E-48-6-A, E-48-6-C		
núi Phú Mai	SV	xã Hữu Khuông	H. Tương Dương	19° 26' 15"	104° 40' 37"					E-48-18-A		
bản Púng Bón	DC	xã Hữu Khuông	H. Tương Dương	19° 31' 42"	104° 40' 14"					E-48-6-A, E-48-6-C		
Suối Sang	TV	xã Hữu Khuông	H. Tương Dương			19° 23' 25"	104° 37' 49"	19° 25' 05"	104° 33' 36"	E-48-18-A		
suối Sốt Nai	TV	xã Hữu Khuông	H. Tương Dương			19° 28' 37"	104° 32' 54"	19° 29' 53"	104° 33' 30"	E-48-18-A		
bản Tùng Hóc	DC	xã Hữu Khuông	H. Tương Dương	19° 33' 01"	104° 38' 21"					E-48-6-A, E-48-6-C		
Bản Xán	DC	xã Hữu Khuông	H. Tương Dương	19° 28' 50"	104° 39' 40"					E-48-18-A		
núi Búm Sứa	SV	xã Lượng Minh	H. Tương Dương	19° 28' 33"	104° 34' 52"					E-48-18-A		
bản Cà Mong	DC	xã Lượng Minh	H. Tương Dương	19° 23' 28"	104° 26' 30"					E-48-17-B		
Suối Cắt	TV	xã Lượng Minh	H. Tương Dương			19° 26' 41"	104° 24' 19"	19° 23' 56"	104° 31' 21"	E-48-17-B		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
suối Chà Ca	TV	xã Lương Minh	H. Tương Dương			19° 26' 05"	104° 31' 06"	19° 25' 07"	104° 33' 35"	E-48-18-A
núi Chà Lông	SV	xã Lương Minh	H. Tương Dương	19° 28' 09"	104° 35' 51"					E-48-18-A
bản Châm Puông	DC	xã Lương Minh	H. Tương Dương	19° 21' 42"	104° 21' 52"					E-48-17-B
Bản Còi	DC	xã Lương Minh	H. Tương Dương	19° 20' 40"	104° 26' 40"					E-48-17-B
Bản Cóm	DC	xã Lương Minh	H. Tương Dương	19° 24' 03"	104° 31' 20"					E-48-18-A
bản Còn Tọc	DC	xã Lương Minh	H. Tương Dương	19° 28' 41"	104° 26' 39"					E-48-17-B
Bản Đừa	DC	xã Lương Minh	H. Tương Dương	19° 20' 22"	104° 24' 25"					E-48-17-B
núi Kéo Ca	SV	xã Lương Minh	H. Tương Dương	19° 22' 30"	104° 21' 11"					E-48-17-B
Bản Lả	DC	xã Lương Minh	H. Tương Dương	19° 18' 44"	104° 24' 38"					E-48-17-B
Suối Lác	TV	xã Lương Minh	H. Tương Dương			19° 22' 18"	104° 21' 23"	19° 19' 46"	104° 26' 09"	E-48-17-B
Sông Lam	TV	xã Lương Minh	H. Tương Dương			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-17-B
Núi Mả	SV	xã Lương Minh	H. Tương Dương	19° 28' 09"	104° 35' 21"					E-48-18-A
Suối Mả	TV	xã Lương Minh	H. Tương Dương			19° 28' 05"	104° 35' 11"	19° 26' 46"	104° 34' 40"	E-48-18-A
bản Minh Phương	DC	xã Lương Minh	H. Tương Dương	19° 19' 39"	104° 26' 04"					E-48-17-B
bản Minh Thành	DC	xã Lương Minh	H. Tương Dương	19° 21' 20"	104° 23' 12"					E-48-17-B
bản Minh Tiến	DC	xã Lương Minh	H. Tương Dương	19° 21' 00"	104° 23' 44"					E-48-17-B
núi Nậm Nòn	SV	xã Lương Minh	H. Tương Dương	19° 22' 52"	104° 27' 53"					E-48-17-B
bản Pa Ca	DC	xã Lương Minh	H. Tương Dương	19° 24' 33"	104° 21' 22"					E-48-17-B
Suối Thiù	TV	xã Lương Minh	H. Tương Dương			19° 27' 08"	104° 26' 32"	19° 24' 55"	104° 27' 40"	E-48-17-B
Suối Vi	TV	xã Lương Minh	H. Tương Dương			19° 28' 27"	104° 26' 25"	19° 26' 02"	104° 29' 18"	E-48-17-B
Suối Vi	TV	xã Lương Minh	H. Tương Dương			19° 28' 53"	104° 27' 47"	19° 27' 58"	104° 28' 23"	E-48-17-B
núi Xa Khao	SV	xã Lương Minh	H. Tương Dương	19° 24' 13"	104° 21' 45"					E-48-17-B
bản Xốp Cháo	DC	xã Lương Minh	H. Tương Dương	19° 26' 06"	104° 29' 31"					E-48-17-B
bản Xốp Mạt	DC	xã Lương Minh	H. Tương Dương	19° 19' 44"	104° 26' 06"					E-48-17-B
bản Xốp Pọt	DC	xã Lương Minh	H. Tương Dương	19° 24' 25"	104° 30' 04"					E-48-18-A, E-48-17-B
Suối Xuông	TV	xã Lương Minh	H. Tương Dương			19° 28' 10"	104° 32' 46"	19° 26' 59"	104° 34' 09"	E-48-18-A
quốc lộ 7	KX	xã Lưu Kiên	H. Tương Dương			19° 28' 15"	104° 05' 04"	18° 58' 42"	105° 35' 55"	E-48-17-B
Suối Chan	TV	xã Lưu Kiên	H. Tương Dương			19° 27' 22"	104° 38' 14"	19° 28' 00"	104° 36' 41"	E-48-18-A
bản Con Mương	DC	xã Lưu Kiên	H. Tương Dương	19° 16' 22"	104° 20' 57"					E-48-17-B
Suối Cui	TV	xã Lưu Kiên	H. Tương Dương			19° 17' 54"	104° 21' 48"	19° 17' 40"	104° 20' 10"	E-48-17-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu			Toạ độ điểm cuối			
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)			
núi Độc Mây	SV	xã Lưu Kiền	H. Tương Dương	19° 07' 37"	104° 19' 18"						E-48-18-C	
bản Khe Kiền	DC	xã Lưu Kiền	H. Tương Dương	19° 16' 29"	104° 21' 11"						E-48-17-B	
suối Khia Pa	TV	xã Lưu Kiền	H. Tương Dương			19° 15' 22"	104° 15' 51"	19° 14' 14"	104° 17' 10"		E-48-17-D, E-48-29-B	
suối Khuru Pan	TV	xã Lưu Kiền	H. Tương Dương			19° 14' 58"	104° 13' 29"	19° 14' 14"	104° 17' 10"		E-48-17-D, E-48-29-B	
Nậm Kiền	TV	xã Lưu Kiền	H. Tương Dương			19° 15' 12"	104° 18' 57"	19° 16' 33"	104° 21' 19"		E-48-17-D, E-48-29-B	
bản Lưu Phong	DC	xã Lưu Kiền	H. Tương Dương	19° 14' 11"	104° 17' 39"						E-48-17-D, E-48-29-B	
bản Lưu Thông	DC	xã Lưu Kiền	H. Tương Dương	19° 17' 23"	104° 18' 47"						E-48-17-B	
suối Nậm Khiên	TV	xã Lưu Kiền	H. Tương Dương			19° 12' 23"	104° 17' 44"	19° 15' 12"	104° 18' 57"		E-48-17-D, E-48-29-B	
sông Nậm Mộ	TV	xã Lưu Kiền	H. Tương Dương			19° 18' 07"	103° 52' 56"	19° 17' 11"	104° 25' 36"		E-48-17-B	
Suối Niéc	TV	xã Lưu Kiền	H. Tương Dương			19° 07' 41"	104° 19' 12"	19° 12' 23"	104° 17' 44"		E-48-17-B	
Núi Niêm	SV	xã Lưu Kiền	H. Tương Dương	19° 17' 17"	104° 21' 29"						E-48-17-B	
Nậm Púng	TV	xã Lưu Kiền	H. Tương Dương			19° 13' 28"	104° 14' 31"	19° 14' 05"	104° 16' 44"		E-48-17-B	
Bản Púng	DC	xã Lưu Kiền	H. Tương Dương	19° 17' 52"	104° 19' 54"						E-48-17-B	
Núi Sơn	SV	xã Lưu Kiền	H. Tương Dương	19° 15' 56"	104° 17' 11"						E-48-17-B	
suối Tân Xà	TV	xã Lưu Kiền	H. Tương Dương			19° 16' 37"	104° 17' 17"	19° 17' 50"	104° 20' 01"		E-48-17-B	
Suối Thủ	TV	xã Lưu Kiền	H. Tương Dương			19° 14' 14"	104° 17' 10"	19° 15' 12"	104° 18' 57"		E-48-17-B	
bản Xoóng Con	DC	xã Lưu Kiền	H. Tương Dương	19° 15' 06"	104° 18' 52"						E-48-17-B	
Suối Bén	TV	xã Mai Sơn	H. Tương Dương			19° 38' 48"	104° 28' 11"	19° 35' 00"	104° 23' 54"		E-48-5-D	
bản Chà Lò 1	DC	xã Mai Sơn	H. Tương Dương	19° 34' 39"	104° 27' 20"						E-48-5-D	
bản Chà Lò 2	DC	xã Mai Sơn	H. Tương Dương	19° 34' 36"	104° 27' 32"						E-48-5-D	
Núi Cò	SV	xã Mai Sơn	H. Tương Dương	19° 36' 22"	104° 25' 28"						E-48-5-D	
Suối Cối	TV	xã Mai Sơn	H. Tương Dương			19° 36' 26"	104° 23' 45"	19° 36' 25"	104° 24' 40"		E-48-5-D	
Khe Cùm	TV	xã Mai Sơn	H. Tương Dương			19° 34' 11"	104° 27' 46"	19° 33' 36"	104° 26' 52"		E-48-5-D	
Suối Hang	TV	xã Mai Sơn	H. Tương Dương			19° 37' 38"	104° 25' 04"	19° 36' 41"	104° 24' 32"		E-48-5-D	
bản Huồi Tó 1	DC	xã Mai Sơn	H. Tương Dương	19° 35' 39"	104° 25' 49"						E-48-5-D	
bản Huồi Tó 2	DC	xã Mai Sơn	H. Tương Dương	19° 36' 00"	104° 26' 10"						E-48-5-D	
bản Huồi Xá	DC	xã Mai Sơn	H. Tương Dương	19° 35' 57"	104° 24' 48"						E-48-5-D	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm			Toạ độ điểm đầu			Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	(Độ,phút,giây)	Vĩ độ	Kinh độ	(Độ,phút,giây)	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)		(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)				
Khe Khiêng	TV	xã Mai Sơn	H. Tương Dương				19° 38' 58"	104° 27' 08"	19° 36' 43"	104° 24' 47"	E-48-5-D	
núi Long Quảng	SV	xã Mai Sơn	H. Tương Dương	19° 38' 36"	104° 28' 00"						E-48-5-D	
Núi Luồn	SV	xã Mai Sơn	H. Tương Dương	19° 36' 02"	104° 27' 52"						E-48-5-D	
bản Na Hang	DC	xã Mai Sơn	H. Tương Dương	19° 36' 42"	104° 24' 36"						E-48-5-D	
bản Na Kha	DC	xã Mai Sơn	H. Tương Dương	19° 36' 48"	104° 26' 56"						E-48-5-D	
Nậm Nơn	TV	xã Mai Sơn	H. Tương Dương				19° 40' 58"	104° 04' 07"	19° 26' 44"	104° 35' 28"	E-48-5-D	
Khe Pe	TV	xã Mai Sơn	H. Tương Dương				19° 34' 22"	104° 28' 42"	19° 32' 21"	104° 28' 21"	E-48-5-D	
núi Phá Bén	SV	xã Mai Sơn	H. Tương Dương	19° 38' 34"	104° 29' 43"						E-48-5-D	
bản Phá Kháo	DC	xã Mai Sơn	H. Tương Dương	19° 38' 15"	104° 26' 18"						E-48-5-D	
bản Piêng Cọc	DC	xã Mai Sơn	H. Tương Dương	19° 37' 28"	104° 28' 14"						E-48-5-D	
bản Piêng Mụn	DC	xã Mai Sơn	H. Tương Dương	19° 35' 10"	104° 24' 04"						E-48-5-D	
Suối Tó	TV	xã Mai Sơn	H. Tương Dương				19° 36' 11"	104° 29' 09"	19° 35' 33"	104° 25' 48"	E-48-5-D	
dãy Trường Sơn	SV	xã Mai Sơn	H. Tương Dương	16° 28' 51"	106° 54' 56"						E-48-5-D	
Suối Xá	TV	xã Mai Sơn	H. Tương Dương				19° 39' 12"	104° 24' 57"	19° 36' 41"	104° 24' 32"	E-48-5-D	
quốc lộ 48C	KX	xã Nga My	H. Tương Dương				19° 08' 56"	104° 41' 13"	19° 21' 39"	105° 16' 45"	E-48-18-A, E-48-18-B	
Bản Bay	DC	xã Nga My	H. Tương Dương	19° 16' 36"	104° 47' 06"						E-48-18-B	
Bản Canh	DC	xã Nga My	H. Tương Dương	19° 17' 41"	104° 48' 59"						E-48-18-B	
Suối Chà	TV	xã Nga My	H. Tương Dương				19° 15' 48"	104° 53' 34"	19° 17' 12"	104° 44' 35"	E-48-18-B	
Khe Chun	TV	xã Nga My	H. Tương Dương				19° 21' 06"	104° 50' 23"	19° 18' 55"	104° 48' 46"	E-48-18-B	
Bản Đàng	DC	xã Nga My	H. Tương Dương	19° 17' 09"	104° 44' 50"						E-48-18-B	
Núi Đuôn	SV	xã Nga My	H. Tương Dương	19° 16' 39"	104° 44' 38"						E-48-18-A	
Suối Kho	TV	xã Nga My	H. Tương Dương				19° 21' 25"	104° 52' 06"	19° 18' 25"	104° 49' 29"	E-48-18-B	
bản Na Ca	DC	xã Nga My	H. Tương Dương	19° 16' 32"	104° 47' 49"						E-48-18-B	
bản Na Kho	DC	xã Nga My	H. Tương Dương	19° 20' 33"	104° 51' 22"						E-48-18-B	
bản Na Ngán	DC	xã Nga My	H. Tương Dương	19° 22' 13"	104° 46' 18"						E-48-18-B	
Nậm Ngán	TV	xã Nga My	H. Tương Dương								E-48-18-B	
Núi Phá	SV	xã Nga My	H. Tương Dương	19° 15' 41"	104° 44' 50"						E-48-18-A	
Bản Pốt	DC	xã Nga My	H. Tương Dương	19° 16' 57"	104° 46' 25"						E-48-18-B	
bản Váng Môn	DC	xã Nga My	H. Tương Dương	19° 16' 49"	104° 45' 38"						E-48-18-B	
bản Xốp Kho	DC	xã Nga My	H. Tương Dương	19° 18' 26"	104° 49' 26"						E-48-18-B	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	
Suối Cán	TV	xã Nhôn Mai	H. Tương Dương			19° 31' 29"	104° 32' 59"	19° 30' 20"	104° 32' 31"	E-48-6-A, E-48-6-C		
khe Chà Lầu	TV	xã Nhôn Mai	H. Tương Dương			19° 28' 45"	104° 31' 33"	19° 30' 11"	104° 31' 31"	E-48-18-A		
suối Chà Luán	TV	xã Nhôn Mai	H. Tương Dương			19° 31' 07"	104° 26' 48"	19° 32' 30"	104° 27' 43"	E-48-5-D		
bản Có Hạ	DC	xã Nhôn Mai	H. Tương Dương	19° 34' 09"	104° 34' 12"					E-48-6-A, E-48-6-C		
bản Huổi Cọ	DC	xã Nhôn Mai	H. Tương Dương	19° 36' 20"	104° 35' 05"					E-48-6-A, E-48-6-C		
bản Huổi Mận	DC	xã Nhôn Mai	H. Tương Dương	19° 36' 18"	104° 31' 57"					E-48-6-A, E-48-6-C		
Khe Hỷ	TV	xã Nhôn Mai	H. Tương Dương			19° 36' 54"	104° 34' 49"	19° 31' 26"	104° 29' 16"	E-48-6-A, E-48-6-C		
suối Khe Mận	TV	xã Nhôn Mai	H. Tương Dương			19° 36' 02"	104° 33' 03"	19° 33' 52"	104° 32' 10"	E-48-6-A, E-48-6-C		
suối Khe Poọc	TV	xã Nhôn Mai	H. Tương Dương			19° 36' 55"	104° 31' 15"	19° 33' 57"	104° 31' 47"	E-48-6-A, E-48-6-C		
Suối Muộng	TV	xã Nhôn Mai	H. Tương Dương			19° 31' 54"	104° 32' 05"	19° 30' 33"	104° 32' 16"	E-48-6-A, E-48-6-C		
bản Na Hỷ	DC	xã Nhôn Mai	H. Tương Dương	19° 33' 52"	104° 31' 58"					E-48-6-A, E-48-6-C		
bản Na Lọt	DC	xã Nhôn Mai	H. Tương Dương	19° 33' 46"	104° 33' 36"					E-48-6-A, E-48-6-C		
bản Nhôn Mai	DC	xã Nhôn Mai	H. Tương Dương	19° 32' 41"	104° 29' 49"					E-48-5-D		
Nậm Nơn	TV	xã Nhôn Mai	H. Tương Dương			19° 40' 58"	104° 04' 07"	19° 26' 44"	104° 35' 28"	E-48-6-A, E-48-6-C		
Khe Pe	TV	xã Nhôn Mai	H. Tương Dương			19° 34' 22"	104° 28' 42"	19° 32' 21"	104° 28' 21"	E-48-5-D		
bản Phá Mứt	DC	xã Nhôn Mai	H. Tương Dương	19° 35' 59"	104° 29' 41"					E-48-5-D		
huổi Pha Năng	TV	xã Nhôn Mai	H. Tương Dương			19° 33' 45"	104° 29' 40"	19° 32' 36"	104° 29' 30"	E-48-6-A, E-48-6-C		
bản Phía Ôi	DC	xã Nhôn Mai	H. Tương Dương	19° 31' 20"	104° 24' 56"					E-48-5-D		
bản Piêng Luổng	DC	xã Nhôn Mai	H. Tương Dương	19° 30' 46"	104° 25' 22"					E-48-5-D		
Núi Sánh	SV	xã Nhôn Mai	H. Tương Dương	19° 30' 45"	104° 26' 20"					E-48-5-D		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)			
Suối Sánh	TV	xã Nhôn Mai	H. Tương Dương			19° 30' 29"	104° 28' 31"	19° 31' 19"	104° 30' 09"	E-48-6-A, E-48-6-C		
bản Thảm Thảm	DC	xã Nhôn Mai	H. Tương Dương	19° 35' 47"	104° 36' 55"					E-48-6-A, E-48-6-C		
suối Toóng Chính	TV	xã Nhôn Mai	H. Tương Dương			19° 32' 43"	104° 32' 32"	19° 33' 09"	104° 31' 12"	E-48-6-A, E-48-6-C		
Suối Tuộc	TV	xã Nhôn Mai	H. Tương Dương			19° 29' 16"	104° 30' 02"	19° 30' 28"	104° 31' 16"	E-48-6-A, E-48-6-C		
dãy Trường Sơn	SV	xã Nhôn Mai	H. Tương Dương	16° 28' 51"	106° 54' 56"					E-48-6-A+C		
Suối Vụ	TV	xã Nhôn Mai	H. Tương Dương			19° 30' 38"	104° 25' 25"	19° 28' 53"	104° 27' 47"	E-48-5-D		
bản Xa Mát	DC	xã Nhôn Mai	H. Tương Dương	19° 34' 11"	104° 29' 47"					E-48-6-A, E-48-6-C		
suối Xa Mát	TV	xã Nhôn Mai	H. Tương Dương			19° 33' 44"	104° 30' 27"	19° 33' 03"	104° 30' 17"	E-48-6-A, E-48-6-C		
suối Xa Vang	TV	xã Nhôn Mai	H. Tương Dương			19° 34' 49"	104° 33' 18"	19° 34' 09"	104° 33' 58"	E-48-6-A, E-48-6-C		
bản Xôi Voi	DC	xã Nhôn Mai	H. Tương Dương	19° 35' 22"	104° 35' 36"					E-48-6-A, E-48-6-C		
quốc lộ 7	KX	xã Tam Đình	H. Tương Dương			19° 28' 15"	104° 05' 04"	18° 58' 42"	105° 35' 55"	E-48-18-C		
suối Chà Là	TV	xã Tam Đình	H. Tương Dương			19° 49' 32"	105° 00' 39"	19° 47' 02"	105° 00' 03"	E-48-7-A		
Suối Cờ	TV	xã Tam Đình	H. Tương Dương			19° 07' 04"	104° 32' 34"	19° 12' 45"	104° 38' 02"	E-48-18-C		
bản Đình Hương	DC	xã Tam Đình	H. Tương Dương	19° 13' 06"	104° 35' 38"					E-48-18-C		
bản Đình Phong	DC	xã Tam Đình	H. Tương Dương	19° 11' 49"	104° 36' 59"					E-48-18-C		
bản Đình Thắng	DC	xã Tam Đình	H. Tương Dương	19° 13' 24"	104° 36' 22"					E-48-18-C		
bản Đình Tiến	DC	xã Tam Đình	H. Tương Dương	19° 12' 47"	104° 40' 00"					E-48-18-C		
suối Huồi Hóc	TV	xã Tam Đình	H. Tương Dương			19° 12' 33"	104° 08' 01"	19° 14' 48"	104° 08' 35"	E-48-17-A		
Sông Lam	TV	xã Tam Đình	H. Tương Dương			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-18-C		
Núi Lớn	SV	xã Tam Đình	H. Tương Dương	19° 06' 45"	104° 34' 30"					E-48-18-C		
Núi Mai	SV	xã Tam Đình	H. Tương Dương	19° 17' 01"	104° 35' 52"					E-48-18-A		
Núi Mội	SV	xã Tam Đình	H. Tương Dương	19° 13' 40"	104° 39' 57"					E-48-18-C		
Núi Mun	SV	xã Tam Đình	H. Tương Dương	19° 09' 20"	104° 32' 30"					E-48-18-C		
Suối Muộng	TV	xã Tam Đình	H. Tương Dương			19° 31' 54"	104° 32' 05"	19° 30' 33"	104° 32' 16"	E-48-6-A, E-48-6-C		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	
suối Nước Sạch	TV	xã Tam Đình	H. Tương Dương			19° 14' 38"	104° 35' 29"	19° 13' 31"	104° 35' 57"	E-48-18-C		
núi Phả Lại	SV	xã Tam Đình	H. Tương Dương	19° 11' 26"	104° 38' 36"					E-48-18-C		
bản Quang Phúc	DC	xã Tam Đình	H. Tương Dương	19° 11' 17"	104° 34' 54"					E-48-18-C		
bản Quang Thịnh	DC	xã Tam Đình	H. Tương Dương	19° 10' 56"	104° 36' 26"					E-48-18-C		
bản Quang Yên	DC	xã Tam Đình	H. Tương Dương	19° 10' 54"	104° 35' 48"					E-48-18-C		
Suối Quyền	TV	xã Tam Đình	H. Tương Dương					19° 10' 42"	104° 33' 00"	19° 13' 36"	104° 32' 36"	E-48-18-C
Núi To	SV	xã Tam Đình	H. Tương Dương	19° 16' 19"	104° 35' 50"							E-48-18-A
Khe Vai	TV	xã Tam Đình	H. Tương Dương					19° 15' 36"	104° 33' 44"	19° 13' 40"	104° 33' 48"	E-48-18-C
Núi Vi	SV	xã Tam Đình	H. Tương Dương	19° 13' 59"	104° 37' 46"							E-48-18-C
Suối Vi	TV	xã Tam Đình	H. Tương Dương					19° 28' 53"	104° 27' 47"	19° 27' 58"	104° 28' 23"	E-48-17-B
Núi Xái	SV	xã Tam Đình	H. Tương Dương	19° 07' 38"	104° 34' 44"							E-48-18-C
Khe Xiết	TV	xã Tam Đình	H. Tương Dương					19° 11' 43"	104° 34' 42"	19° 12' 06"	104° 33' 40"	E-48-18-C
Suối Bùn	TV	xã Tam Hợp	H. Tương Dương					19° 03' 53"	104° 22' 52"	19° 05' 10"	104° 24' 48"	E-48-17-D, E-48-29-B
suối Chà Lạp	TV	xã Tam Hợp	H. Tương Dương					19° 10' 50"	104° 27' 40"	19° 12' 41"	104° 30' 51"	E-48-17-D, E-48-29-B
núi Độc Mạy	SV	xã Tam Hợp	H. Tương Dương	19° 07' 37"	104° 19' 18"							E-48-18-C
Suối Hạ	TV	xã Tam Hợp	H. Tương Dương					19° 04' 57	104° 28' 36"	19° 07' 28"	104° 27' 43"	E-48-17-D, E-48-29-B
bản Huồi Sơn	DC	xã Tam Hợp	H. Tương Dương	19° 08' 16"	104° 24' 23"							E-48-17-D, E-48-29-B
Suối Khảo	TV	xã Tam Hợp	H. Tương Dương					19° 07' 25"	104° 31' 55"	19° 07' 43"	104° 28' 49"	E-48-17-D, E-48-29-B
suối Khe Bùn	TV	xã Tam Hợp	H. Tương Dương					19° 05' 10"	104° 24' 48"	19° 06' 23"	104° 26' 55"	E-48-17-D, E-48-29-B
suối Khe Cật	TV	xã Tam Hợp	H. Tương Dương					19° 05' 36"	104° 31' 49"	19° 10' 03"	104° 26' 50"	E-48-17-
suối Lòng Cống	TV	xã Tam Hợp	H. Tương Dương					19° 07' 21"	104° 25' 34"	19° 08' 16"	104° 27' 01"	E-48-17-D, E-48-29-B
Suối Muống	TV	xã Tam Hợp	H. Tương Dương					19° 07' 46"	104° 25' 31"	19° 08' 42"	104° 26' 54"	E-48-17-D, E-48-29-B
núi Ó Lát	SV	xã Tam Hợp	H. Tương Dương	19° 05' 55"	104° 27' 49"							E-48-18-C
núi Pác Chà Lồm	SV	xã Tam Hợp	H. Tương Dương	19° 08' 05"	104° 31' 30"							E-48-18-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)			
bản Phá Lồm	DC	xã Tam Hợp	H. Tương Dương	19° 08' 44"	104° 22' 52"						E-48-17-D, E-48-29-B	
suối Phá Lồm	TV	xã Tam Hợp	H. Tương Dương			19° 09' 16"	104° 21' 42"	19° 08' 42"	104° 22' 52"		E-48-17-D, E-48-29-B	
Bản Phồng	DC	xã Tam Hợp	H. Tương Dương	19° 08' 26"	104° 27' 10"						E-48-17-D, E-48-29-B	
Suối Sến	TV	xã Tam Hợp	H. Tương Dương					19° 04' 47"	104° 22' 27"	19° 08' 50"	E-48-17-D, E-48-29-B	
Suối Tả	TV	xã Tam Hợp	H. Tương Dương					19° 11' 52"	104° 26' 08"	19° 10' 15"	E-48-17-D, E-48-29-B	
suối Thảm Poảng	TV	xã Tam Hợp	H. Tương Dương					19° 04' 26"	104° 21' 08"	19° 08' 42"	E-48-17-D, E-48-29-B	
dãy Trường Sơn	SV	xã Tam Hợp	H. Tương Dương	16° 28' 51"	106° 54' 56"						E-48-17-D+29-B	
bản Vắng Môn	DC	xã Tam Hợp	H. Tương Dương	19° 09' 57"	104° 25' 36"						E-48-17-D, E-48-29-B	
bản Xốp Nặm	DC	xã Tam Hợp	H. Tương Dương	19° 09' 57"	104° 26' 51"						E-48-17-D, E-48-29-B	
quốc lộ 7	KX	xã Tam Quang	H. Tương Dương					19° 28' 15"	104° 05' 04"	18° 58' 42"	E-48-18-C	
quốc lộ 48C	KX	xã Tam Quang	H. Tương Dương					19° 08' 56"	104° 41' 13"	19° 21' 39"	E-48-18-C	
bản Bãi Sờ	DC	xã Tam Quang	H. Tương Dương	19° 09' 23"	104° 41' 18"						E-48-18-C	
bản Bãi Xa	DC	xã Tam Quang	H. Tương Dương	19° 08' 28"	104° 42' 21"						E-48-18-C	
Khe Đá	TV	xã Tam Quang	H. Tương Dương					19° 06' 57"	104° 34' 49"	19° 05' 35"	E-48-17-D, E-48-29-B	
suối Đón Can	TV	xã Tam Quang	H. Tương Dương					19° 00' 29"	104° 29' 44"	19° 02' 52"	E-48-17-D, E-48-29-B	
núi Gam Nhanh	SV	xã Tam Quang	H. Tương Dương	19° 07' 04"	104° 38' 26"						E-48-18-C	
bản Khe Bó	DC	xã Tam Quang	H. Tương Dương	19° 09' 32"	104° 40' 28"						E-48-18-C	
mỏ than Khe Bó	KX	xã Tam Quang	H. Tương Dương	19° 11' 14"	104° 40' 29"						E-48-18-C	
suối Khe Bó	TV	xã Tam Quang	H. Tương Dương					19° 07' 28"	104° 38' 22"	19° 09' 27"	E-48-18-C	
núi Khe Do	SV	xã Tam Quang	H. Tương Dương	19° 10' 11"	104° 41' 21"						E-48-18-C	
núi Kim Già	SV	xã Tam Quang	H. Tương Dương	19° 10' 01"	104° 43' 04"						E-48-18-C	
Sông Lam	TV	xã Tam Quang	H. Tương Dương					19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	E-48-18-C	
bản Liên Hương	DC	xã Tam Quang	H. Tương Dương	19° 05' 15"	104° 39' 51"						E-48-18-C	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)			
Núi Lớn	SV	xã Tam Quang	H. Tương Dương	19° 06' 45"	104° 34' 30"						E-48-18-C	
Suối Lót	TV	xã Tam Quang	H. Tương Dương			19° 04' 12"	104° 36' 13"	19° 04' 46"	104° 36' 51"		E-48-18-C	
Phu Mat	SV	xã Tam Quang	H. Tương Dương	18° 58' 59"	104° 30' 36"						E-48-30-A	
Suối Mát	TV	xã Tam Quang	H. Tương Dương			18° 59' 45"	104° 39' 34"	19° 00' 42"	104° 38' 57"		E-48-18-C	
Làng Mỏ	DC	xã Tam Quang	H. Tương Dương	19° 09' 19"	104° 41' 41"						E-48-18-C	
Núi Mội	SV	xã Tam Quang	H. Tương Dương	19° 13' 40"	104° 39' 57"						E-48-18-C	
Suối Mội	TV	xã Tam Quang	H. Tương Dương			19° 12' 06"	104° 41' 12"	19° 12' 17"	104° 39' 58"		E-48-18-C	
Suối Mới	TV	xã Tam Quang	H. Tương Dương			19° 03' 44"	104° 30' 31"	19° 03' 37"	104° 32' 05"		E-48-18-C	
núi Mụ Nâu	SV	xã Tam Quang	H. Tương Dương	19° 06' 32"	104° 41' 48"						E-48-18-C	
suối Nậm Xóm	TV	xã Tam Quang	H. Tương Dương			19° 02' 12"	104° 24' 22"	19° 04' 08"	104° 29' 23"		E-48-17-D, E-48-29-B	
Làng Nhùng	DC	xã Tam Quang	H. Tương Dương	19° 09' 04"	104° 41' 02"						E-48-18-C	
núi Ô Lát	SV	xã Tam Quang	H. Tương Dương	19° 05' 55"	104° 27' 49"						E-48-18-C	
núi Phả Lai	SV	xã Tam Quang	H. Tương Dương	19° 11' 26"	104° 38' 36"						E-48-18-C	
bản Sơn Hà	DC	xã Tam Quang	H. Tương Dương	19° 09' 37"	104° 40' 18"						E-48-18-C	
bản Tam Bồng	DC	xã Tam Quang	H. Tương Dương	19° 10' 21"	104° 38' 32"						E-48-18-C	
suối Tam Bồng	TV	xã Tam Quang	H. Tương Dương			19° 07' 44"	104° 35' 14"	19° 10' 38"	104° 39' 47"		E-48-18-C	
bản Tam Hương	DC	xã Tam Quang	H. Tương Dương	19° 10' 37"	104° 40' 06"						E-48-18-C	
bản Tam Liên	DC	xã Tam Quang	H. Tương Dương	19° 08' 59"	104° 41' 55"						E-48-18-C	
bản Tân Hương	DC	xã Tam Quang	H. Tương Dương	19° 06' 13"	104° 40' 56"						E-48-18-C	
Suối Thơi	TV	xã Tam Quang	H. Tương Dương			19° 04' 08"	104° 29' 23"	19° 03' 52"	104° 29' 57"		E-48-17-D, E-48-29-B	
bản Tùng Hương	DC	xã Tam Quang	H. Tương Dương	19° 05' 24"	104° 39' 52"						E-48-18-C	
dãy Trường Sơn	SV	xã Tam Quang	H. Tương Dương	16° 28' 51"	106° 54' 56"						E-48-18-C	
Núi Van	SV	xã Tam Quang	H. Tương Dương	19° 01' 42"	104° 30' 20"						E-48-18-C	
Núi Xái	SV	xã Tam Quang	H. Tương Dương	19° 07' 38"	104° 34' 44"						E-48-17-D, E-48-29-B	
Nậm Xám	TV	xã Tam Quang	H. Tương Dương			19° 00' 29"	104° 25' 31"	19° 02' 56"	104° 27' 39"		E-48-18-C	
núi Xam Nga	SV	xã Tam Quang	H. Tương Dương	19° 02' 27"	104° 39' 59"						E-48-18-C	
núi Xanh Liềm	SV	xã Tam Quang	H. Tương Dương	19° 01' 37"	104° 33' 47"						E-48-18-C	
Suối Xen	TV	xã Tam Quang	H. Tương Dương			19° 03' 51"	104° 36' 42"	19° 04' 42"	104° 37' 13"		E-48-18-C	
núi Xo Le	SV	xã Tam Quang	H. Tương Dương	19° 11' 22"	104° 43' 22"						E-48-18-C	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	
quốc lộ 7	KX	xã Tam Thái	H. Tương Dương			19° 28' 15"	104° 05' 04"	18° 58' 42"	105° 35' 55"	E-48-18-C		
Bản Can	DC	xã Tam Thái	H. Tương Dương	19° 13' 00"	104° 31' 10"					E-48-18-C		
bản Cánh Tráp	DC	xã Tam Thái	H. Tương Dương	19° 13' 44"	104° 32' 02"					E-48-18-C		
suối Chà Lạp	TV	xã Tam Thái	H. Tương Dương			19° 10' 50"	104° 27' 40"	19° 12' 41"	104° 30' 51"	E-48-17-D, E-48-29-B		
bản Đuọc Búa	DC	xã Tam Thái	H. Tương Dương	19° 13' 00"	104° 30' 01"					E-48-18-C		
Núi Hóm	SV	xã Tam Thái	H. Tương Dương	19° 12' 27"	104° 32' 13"					E-48-18-C		
núi Kềm Púc	SV	xã Tam Thái	H. Tương Dương	19° 09' 49"	104° 28' 51"					E-48-17-D, E-48-29-B		
Khe Khảo	TV	xã Tam Thái	H. Tương Dương			19° 10' 13"	104° 30' 01"	19° 14' 05"	104° 32' 05"	E-48-18-C		
Bản Khổi	DC	xã Tam Thái	H. Tương Dương	19° 13' 13"	104° 29' 18"					E-48-17-D, E-48-29-B		
Sông Lam	TV	xã Tam Thái	H. Tương Dương			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-18-C		
Khe Lặng	TV	xã Tam Thái	H. Tương Dương			19° 12' 29"	104° 34' 23"	19° 13' 30"	104° 34' 36"	E-48-18-C		
Bản Lũng	DC	xã Tam Thái	H. Tương Dương	19° 13' 31"	104° 31' 21"					E-48-18-C		
Khe Mập	TV	xã Tam Thái	H. Tương Dương			19° 08' 55"	104° 31' 25"	19° 12' 36"	104° 31' 08"	E-48-18-C		
bản Na Tổng	DC	xã Tam Thái	H. Tương Dương	19° 13' 19"	104° 31' 54"					E-48-18-C		
Suối Quỳn	TV	xã Tam Thái	H. Tương Dương			19° 10' 42"	104° 33' 00"	19° 13' 36"	104° 32' 36"	E-48-18-C		
bản Tân Hợp	DC	xã Tam Thái	H. Tương Dương	19° 14' 11"	104° 31' 43"					E-48-18-C		
Khe Vai	TV	xã Tam Thái	H. Tương Dương			19° 15' 36"	104° 33' 44"	19° 13' 40"	104° 33' 48"	E-48-18-C		
Khe Xiết	TV	xã Tam Thái	H. Tương Dương			19° 11' 43"	104° 34' 42"	19° 12' 06"	104° 33' 40"	E-48-18-C		
bản Xoóng Con	DC	xã Tam Thái	H. Tương Dương	19° 12' 29"	104° 28' 37"					E-48-17-D, E-48-29-B		
núi Xoóng Lầy	SV	xã Tam Thái	H. Tương Dương	19° 17' 58"	104° 31' 44"					E-48-18-A		
quốc lộ 7	KX	xã Thạch Giám	H. Tương Dương			19° 28' 15"	104° 05' 04"	18° 58' 42"	105° 35' 55"	E-48-17-B		
Núi Cá	SV	xã Thạch Giám	H. Tương Dương	19° 17' 10"	104° 28' 34"					E-48-17-B		
Núi Can	SV	xã Thạch Giám	H. Tương Dương	19° 01' 59"	104° 46' 11"					E-48-18-D		
bản Cây Me	DC	xã Thạch Giám	H. Tương Dương	19° 14' 24"	104° 30' 48"					E-48-18-C		
suối Cây Me	TV	xã Thạch Giám	H. Tương Dương			19° 16' 04"	104° 31' 42"	19° 14' 41"	104° 30' 44"	E-48-18-C, E-48-18-A		
Bản Chấn	DC	xã Thạch Giám	H. Tương Dương	19° 15' 43"	104° 28' 43"					E-48-17-B		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
bản Khe Chi	DC	xã Thạch Giám	H. Tương Dương	19° 15' 10"	104° 29' 13"							E-48-17-B
Sông Lam	TV	xã Thạch Giám	H. Tương Dương			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"			E-48-17-B
Bản Lau	DC	xã Thạch Giám	H. Tương Dương	19° 15' 17"	104° 29' 47"							E-48-17-B
Bản Mác	DC	xã Thạch Giám	H. Tương Dương	19° 15' 43"	104° 29' 43"							E-48-17-B
Suối Mác	TV	xã Thạch Giám	H. Tương Dương			19° 17' 50"	104° 28' 15"	19° 15' 42"	104° 29' 41"			E-48-17-B
Bản Mon	DC	xã Thạch Giám	H. Tương Dương	19° 16' 23"	104° 27' 12"							E-48-17-B
Bản Nhãn	DC	xã Thạch Giám	H. Tương Dương	19° 14' 51"	104° 30' 23"							E-48-18-C
Bản Phòng	DC	xã Thạch Giám	H. Tương Dương	19° 15' 26"	104° 28' 22"							E-48-17-B
núi Sám Sùm	SV	xã Thạch Giám	H. Tương Dương	19° 16' 09"	104° 31' 15"							E-48-18-A
núi Sơn Lếch	SV	xã Thạch Giám	H. Tương Dương	19° 18' 05"	104° 30' 43"							E-48-18-A
bản Thạch Dương	DC	xã Thạch Giám	H. Tương Dương	19° 17' 00"	104° 26' 23"							E-48-17-B
xóm Thạch Hoà	DC	xã Thạch Giám	H. Tương Dương	19° 15' 41"	104° 29' 32"							E-48-17-B
núi Xoảng Láy	SV	xã Thạch Giám	H. Tương Dương	19° 17' 58"	104° 31' 44"							E-48-18-A
quốc lộ 7	KX	xã Xá Lượng	H. Tương Dương			19° 28' 15"	104° 05' 04"	18° 58' 42"	105° 35' 55"			E-48-17-B
Bản Ang	DC	xã Xá Lượng	H. Tương Dương	19° 15' 24"	104° 24' 04"			19° 09' 42"	104° 21' 54"	19° 15' 26"	104° 23' 59"	E-48-17-D, E-48-29-B
Khe Ang	TV	xã Xá Lượng	H. Tương Dương									E-48-17-B
bản Cửa Rào 1	DC	xã Xá Lượng	H. Tương Dương	19° 17' 25"	104° 25' 31"							E-48-17-B
bản Cửa Rào 2	DC	xã Xá Lượng	H. Tương Dương	19° 17' 09"	104° 25' 52"							E-48-17-B
Khe Dải	TV	xã Xá Lượng	H. Tương Dương			19° 18' 47"	104° 26' 57"	19° 17' 20"	104° 25' 24"			E-48-17-B
Khe Hối	TV	xã Xá Lượng	H. Tương Dương			19° 15' 05"	104° 22' 53"	19° 15' 32"	104° 23' 25"			E-48-17-B
bản Hợp Thành	DC	xã Xá Lượng	H. Tương Dương	19° 14' 57"	104° 25' 50"							E-48-17-B
Khe Kắm	TV	xã Xá Lượng	H. Tương Dương			19° 11' 01"	104° 23' 56"	19° 13' 55"	104° 23' 40"			E-48-17-D, E-48-29-B
bản Khe Ngậu	DC	xã Xá Lượng	H. Tương Dương	19° 16' 46"	104° 24' 50"							E-48-17-B
cầu Khe Ngậu	KX	xã Xá Lượng	H. Tương Dương	19° 16' 47"	104° 24' 58"							E-48-17-B
Sông Lam	TV	xã Xá Lượng	H. Tương Dương			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"			E-48-17-B
Bản Lờ	DC	xã Xá Lượng	H. Tương Dương	19° 16' 12"	104° 24' 28"							E-48-17-B
bản Na Bè	DC	xã Xá Lượng	H. Tương Dương	19° 14' 42"	104° 25' 49"							E-48-17-B
sông Nậm Mộ	TV	xã Xá Lượng	H. Tương Dương			19° 18' 07"	103° 52' 56"	19° 17' 11"	104° 25' 36"			E-48-17-B
Khe Ngậu	TV	xã Xá Lượng	H. Tương Dương			19° 18' 24"	104° 21' 55"	19° 16' 47"	104° 24' 56"			E-48-17-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
bản Xiêng Hương	DC	xã Xá Lượng	H. Tương Dương	19° 17' 34"	104° 25' 00"							E-48-17-B
quốc lộ 48C	KX	xã Xiêng My	H. Tương Dương			19° 08' 56"	104° 41' 13"	19° 21' 39"	105° 16' 45"			E-48-18-A, E-48-18-B
Suối Chà	TV	xã Xiêng My	H. Tương Dương									E-48-18-B
bản Chà Hia	DC	xã Xiêng My	H. Tương Dương	19° 14' 11"	104° 48' 52"							E-48-18-B
núi Chà Lôm	SV	xã Xiêng My	H. Tương Dương	19° 12' 33"	104° 46' 00"							E-48-18-D
Bản Chon	DC	xã Xiêng My	H. Tương Dương	19° 16' 01"	104° 48' 27"							E-48-18-B
Suối Chon	TV	xã Xiêng My	H. Tương Dương					19° 13' 55"	104° 54' 31"	19° 13' 13"	104° 42' 10"	E-48-18-D
bản Đình Tài	DC	xã Xiêng My	H. Tương Dương	19° 14' 49"	104° 46' 00"							E-48-18-B
Suối Hạng	TV	xã Xiêng My	H. Tương Dương					19° 18' 25"	104° 52' 52"	19° 15' 47"	104° 49' 54"	E-48-18-B
Núi Huột	SV	xã Xiêng My	H. Tương Dương	19° 14' 44"	104° 51' 44"							E-48-18-D
núi Kha Côn	SV	xã Xiêng My	H. Tương Dương	19° 12' 28"	104° 47' 43"							E-48-18-D
bản Khe Quỳnh	DC	xã Xiêng My	H. Tương Dương	19° 15' 25"	104° 51' 41"							E-48-18-B
Suối Kốc	TV	xã Xiêng My	H. Tương Dương					19° 12' 47"	104° 45' 03"	19° 13' 13"	104° 42' 10"	E-48-18-C, E-48-18-D
bản Noóng Mò	DC	xã Xiêng My	H. Tương Dương	19° 15' 59"	104° 49' 55"							E-48-18-B
Bản Pháy	DC	xã Xiêng My	H. Tương Dương	19° 14' 15"	104° 47' 26"							E-48-18-B
bản Piêng Ó	DC	xã Xiêng My	H. Tương Dương	19° 15' 47"	104° 50' 10"							E-48-18-B
quốc lộ 48C	KX	xã Yên Hoà	H. Tương Dương			19° 08' 56"	104° 41' 13"	19° 21' 39"	105° 16' 45"			E-48-18-A
núi Cà Mau	SV	xã Yên Hoà	H. Tương Dương	19° 17' 44"	104° 42' 53"							E-48-18-A
bản Cảnh Khin	DC	xã Yên Hoà	H. Tương Dương	19° 17' 13"	104° 40' 21"							E-48-18-A
nằm Chà Hạ	TV	xã Yên Hoà	H. Tương Dương			19° 17' 47"	104° 37' 33"	19° 17' 27"	104° 38' 59"			E-48-18-A
suối Chang Trong	TV	xã Yên Hoà	H. Tương Dương			19° 24' 15"	104° 46' 05"	19° 24' 20"	104° 42' 17"			E-48-18-A
Khe Cháo	TV	xã Yên Hoà	H. Tương Dương			19° 21' 32"	104° 44' 23"	19° 17' 09"	104° 41' 03"			E-48-18-A
Bản Coọc	DC	xã Yên Hoà	H. Tương Dương	19° 17' 23"	104° 39' 42"							E-48-18-A
bản Đình Yên	DC	xã Yên Hoà	H. Tương Dương	19° 16' 54"	104° 42' 18"							E-48-18-A
Bản Hào	DC	xã Yên Hoà	H. Tương Dương	19° 17' 41"	104° 37' 57"							E-48-18-A
Suối Kịt	TV	xã Yên Hoà	H. Tương Dương									E-48-18-A
Khe Líp	TV	xã Yên Hoà	H. Tương Dương			19° 20' 17"	104° 45' 31"	19° 17' 07"	104° 42' 54"			E-48-18-A
Nằm Ngán	TV	xã Yên Hoà	H. Tương Dương			19° 20' 37"	104° 38' 55"	19° 17' 27"	104° 38' 59"			E-48-18-A
Suối Ngậu	TV	xã Yên Hoà	H. Tương Dương			19° 17' 12"	104° 44' 35"	19° 17' 17"	104° 39' 35"			E-48-18-A
						19° 20' 27"	104° 42' 38"	19° 17' 09"	104° 40' 22"			E-48-18-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)			
Bản Ngon	DC	xã Yên Hoà	H. Tương Dương	19° 17' 05"	104° 39' 14"							E-48-18-A
Suối Nguyên	TV	xã Yên Hoà	H. Tương Dương					19° 15' 31"	104° 39' 49"	19° 12' 42"	104° 38' 30"	E-48-18-A
bản Váng Mòn	DC	xã Yên Hoà	H. Tương Dương	19° 17' 02"	104° 41' 11"							E-48-18-A
núi Xa Man	SV	xã Yên Hoà	H. Tương Dương	19° 19' 34"	104° 42' 25"							E-48-18-A
núi Xa Mau	SV	xã Yên Hoà	H. Tương Dương	19° 21' 33"	104° 41' 03"							E-48-18-A
bản Xiêng Líp	DC	xã Yên Hoà	H. Tương Dương	19° 17' 32"	104° 38' 46"							E-48-18-A
bản Xốp Chạng	DC	xã Yên Hoà	H. Tương Dương	19° 16' 55"	104° 43' 57"							E-48-18-A
bản Xốp Cháo	DC	xã Yên Hoà	H. Tương Dương	19° 17' 15"	104° 41' 04"							E-48-18-A
bản Xốp Kha	DC	xã Yên Hoà	H. Tương Dương	19° 18' 58"	104° 39' 24"							E-48-18-A
bản Xốp Kít	DC	xã Yên Hoà	H. Tương Dương	19° 17' 06"	104° 42' 58"							E-48-18-A
bản Yên Hương	DC	xã Yên Hoà	H. Tương Dương	19° 18' 07"	104° 42' 05"							E-48-18-A
Bản Bón	DC	xã Yên Na	H. Tương Dương	19° 18' 13"	104° 36' 04"							E-48-18-A
nằm Chà Hạ	TV	xã Yên Na	H. Tương Dương			19° 19' 58"	104° 35' 30"	19° 17' 48"	104° 37' 29"			E-48-18-A
bản Có Phảo	DC	xã Yên Na	H. Tương Dương	19° 19' 55"	104° 28' 55"							E-48-17-B
bản Huồi Cụt	DC	xã Yên Na	H. Tương Dương	19° 19' 25"	104° 32' 59"							E-48-18-A
bản Huồi Xén	DC	xã Yên Na	H. Tương Dương	19° 19' 40"	104° 30' 56"							E-48-18-A
Sông Lam	TV	xã Yên Na	H. Tương Dương			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"			E-48-17-B
Núi Mai	SV	xã Yên Na	H. Tương Dương	19° 17' 01"	104° 35' 52"							E-48-18-A
bản Na Khóm	DC	xã Yên Na	H. Tương Dương	19° 19' 36"	104° 30' 27"							E-48-18-A
bản Na Pu	DC	xã Yên Na	H. Tương Dương	19° 17' 55"	104° 37' 07"							E-48-18-A
Nằm Noi	TV	xã Yên Na	H. Tương Dương			19° 19' 10"	104° 33' 08"	19° 18' 28"	104° 35' 18"			E-48-18-A
núi Phá Cờ	SV	xã Yên Na	H. Tương Dương	19° 21' 57"	104° 35' 23"							E-48-18-A
Suối Pón	TV	xã Yên Na	H. Tương Dương			19° 22' 05"	104° 35' 08"	19° 24' 18"	104° 32' 50"			E-48-18-A
Suối Púng	TV	xã Yên Na	H. Tương Dương			19° 21' 34"	104° 34' 04"	19° 24' 18"	104° 32' 50"			E-48-18-A
núi Rô Bó	SV	xã Yên Na	H. Tương Dương	19° 21' 08"	104° 31' 17"							E-48-18-A
núi Sơn Lếch	SV	xã Yên Na	H. Tương Dương	19° 18' 05"	104° 30' 43"							E-48-18-A
Bản Vê	DC	xã Yên Na	H. Tương Dương	19° 20' 42"	104° 28' 13"							E-48-17-B
bản Xiêng Nửa	DC	xã Yên Na	H. Tương Dương	19° 18' 47"	104° 35' 19"							E-48-18-A
bản Xốp Pu	DC	xã Yên Na	H. Tương Dương	19° 19' 03"	104° 33' 39"							E-48-18-A
quốc lộ 48C	KX	xã Yên Thắng	H. Tương Dương			19° 08' 56"	104° 41' 13"	19° 21' 39"	105° 16' 45"			E-48-18-C
bản Cảnh Tạng	DC	xã Yên Thắng	H. Tương Dương	19° 14' 55"	104° 38' 22"							E-48-18-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)			
Suối Chon	TV	xã Yên Thắng	H. Tương Dương					19° 13' 55"	104° 54' 31"	19° 13' 13"	104° 42' 10"	E-48-18-D
Suối Cốc	TV	xã Yên Thắng	H. Tương Dương					19° 13' 55"	104° 54' 31"	19° 13' 13"	104° 42' 10"	E-48-18-A
Bản Lưôm	DC	xã Yên Thắng	H. Tương Dương	19° 14' 18"	104° 39' 36"			19° 13' 40"	104° 39' 57"			E-48-18-C
Núi Mội	SV	xã Yên Thắng	H. Tương Dương	19° 13' 40"	104° 39' 57"							E-48-18-C
Suối Nguyễn	TV	xã Yên Thắng	H. Tương Dương					19° 15' 31"	104° 39' 49"	19° 12' 42"	104° 38' 30"	E-48-18-A
Núi Phá	SV	xã Yên Thắng	H. Tương Dương	19° 15' 41"	104° 44' 50"							E-48-18-A
Bản Púng	DC	xã Yên Thắng	H. Tương Dương	19° 13' 26"	104° 39' 02"							E-48-18-C
Bản Tạt	DC	xã Yên Thắng	H. Tương Dương	19° 13' 36"	104° 42' 37"							E-48-18-C
bản Trung Thắng	DC	xã Yên Thắng	H. Tương Dương	19° 14' 58"	104° 39' 53"							E-48-18-C
bản Văng Lin	DC	xã Yên Thắng	H. Tương Dương	19° 14' 25"	104° 40' 40"							E-48-18-C
Núi Vi	SV	xã Yên Thắng	H. Tương Dương	19° 13' 59"	104° 37' 46"							E-48-18-C
bản Xốp Cốc	DC	xã Yên Thắng	H. Tương Dương	19° 13' 10"	104° 42' 19"							E-48-18-A
bản Xốp Khẩu	DC	xã Yên Thắng	H. Tương Dương	19° 16' 21"	104° 38' 54"							E-48-18-A
bản Cảnh Toong	DC	xã Yên Tĩnh	H. Tương Dương	19° 20' 50"	104° 36' 56"							E-48-18-A
bản Cap Chạng	DC	xã Yên Tĩnh	H. Tương Dương	19° 21' 46"	104° 37' 45"			19° 23' 59"	104° 42' 36"	19° 17' 48"	104° 37' 29"	E-48-18-A
nằm Chà Hạ	TV	xã Yên Tĩnh	H. Tương Dương									E-48-18-A
bản Chà Lúm	DC	xã Yên Tĩnh	H. Tương Dương	19° 24' 11"	104° 42' 16"							E-48-18-B
Suối Chấm	TV	xã Yên Tĩnh	H. Tương Dương					19° 26' 11"	104° 43' 19"	19° 24' 20"	104° 42' 17"	E-48-18-A
suối Chang Trong	TV	xã Yên Tĩnh	H. Tương Dương					19° 24' 15"	104° 46' 05"	19° 24' 20"	104° 42' 17"	E-48-18-A
Bản Hạt	DC	xã Yên Tĩnh	H. Tương Dương	19° 22' 20"	104° 38' 23"							E-48-18-A
bản Huồi Pài	DC	xã Yên Tĩnh	H. Tương Dương	19° 23' 18"	104° 41' 31"							E-48-18-B
Khe Lạp	TV	xã Yên Tĩnh	H. Tương Dương					19° 26' 16"	104° 45' 19"	19° 24' 45"	104° 44' 20"	E-48-18-A
Núi Mai	SV	xã Yên Tĩnh	H. Tương Dương	19° 26' 15"	104° 40' 37"							E-48-18-A
bản Na Cáng	DC	xã Yên Tĩnh	H. Tương Dương	19° 24' 34"	104° 43' 27"							E-48-18-A
bản Pả Khóm	DC	xã Yên Tĩnh	H. Tương Dương	19° 23' 09"	104° 40' 25"							E-48-18-A
bản Pa Tý	DC	xã Yên Tĩnh	H. Tương Dương	19° 20' 57"	104° 36' 22"							E-48-18-A
núi Phá Cờ	SV	xã Yên Tĩnh	H. Tương Dương	19° 21' 57"	104° 35' 23"							E-48-18-A
bản Văng Cuộm	DC	xã Yên Tĩnh	H. Tương Dương	19° 20' 07"	104° 34' 59"							E-48-18-A
núi Xa Mau	SV	xã Yên Tĩnh	H. Tương Dương	19° 21' 33"	104° 41' 03"							E-48-18-A
khối 3	DC	TT. Yên Thành	H. Yên Thành	18° 59' 58"	105° 27' 55"							E-48-19-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	
đường tỉnh 534	KX	TT. Yên Thành	H. Yên Thành			18° 47' 55"	105° 43' 41"	18° 59' 59"	105° 28' 38"	E-48-31-B-b,		
đường tỉnh 538	KX	TT. Yên Thành	H. Yên Thành			19° 00' 42"	105° 35' 09"	18° 55' 25"	105° 26' 30"	E-48-31-B-b, E-48-19-D-d		
xóm Bắc Phú	DC	TT. Yên Thành	H. Yên Thành	19° 00' 14"	105° 28' 50"					E-48-19-D-d		
Cầu Dinh	KX	TT. Yên Thành	H. Yên Thành	19° 00' 02"	105° 28' 49"					E-48-19-D-d		
kênh Nông Giang	TV	TT. Yên Thành	H. Yên Thành			18° 58' 04"	105° 25' 59"	19° 00' 31"	105° 28' 46"	E-48-31-B-b, E-48-19-D-d		
khối Phúc Hậu	DC	TT. Yên Thành	H. Yên Thành	18° 59' 58"	105° 27' 55"					E-48-19-D-d		
khối Phúc Tân	DC	TT. Yên Thành	H. Yên Thành	18° 59' 46"	105° 27' 45"					E-48-19-D-d		
xóm Phúc Thọ	DC	TT. Yên Thành	H. Yên Thành	18° 59' 57"	105° 27' 46"					E-48-19-D-d		
xóm Phúc Trung	DC	TT. Yên Thành	H. Yên Thành	18° 59' 59"	105° 27' 36"					E-48-19-D-d		
khối Trung Đình	DC	TT. Yên Thành	H. Yên Thành	19° 00' 00"	105° 28' 38"					E-48-19-D-d		
xóm Trung Phú	DC	TT. Yên Thành	H. Yên Thành	19° 00' 08"	105° 28' 57"					E-48-19-D-d		
đường tỉnh 538	KX	xã Bắc Thành	H. Yên Thành			18° 59' 10"	105° 26' 37"			E-48-31-B-b		
xóm Bắc Sơn 1	DC	xã Bắc Thành	H. Yên Thành	18° 59' 00"	105° 26' 35"					E-48-31-B-b		
xóm Bắc Sơn 2	DC	xã Bắc Thành	H. Yên Thành	18° 58' 27"	105° 25' 25"					E-48-31-B-b		
xóm Chợ Bưởi	DC	xã Bắc Thành	H. Yên Thành	18° 58' 35"	105° 25' 33"					E-48-31-B-b		
núi Cồn Găng	SV	xã Bắc Thành	H. Yên Thành	18° 58' 59"	105° 25' 58"					E-48-31-B-b		
núi Động Chùa	SV	xã Bắc Thành	H. Yên Thành	18° 58' 28"	105° 25' 57"					E-48-31-B-b		
núi Động Lăng Nồi	SV	xã Bắc Thành	H. Yên Thành	18° 58' 45"	105° 24' 18"					E-48-31-B-b		
xóm Khe Gao	DC	xã Bắc Thành	H. Yên Thành	18° 58' 21"	105° 26' 01"					E-48-31-B-b		
xóm Lăng Nồi	DC	xã Bắc Thành	H. Yên Thành	18° 58' 06"	105° 26' 12"					E-48-31-B-b		
xóm Lê Hồng Phong	DC	xã Bắc Thành	H. Yên Thành			18° 58' 04"	105° 25' 59"	19° 00' 31"	105° 28' 46"	E-48-31-B-b		
kênh Nông Giang	TV	xã Bắc Thành	H. Yên Thành							E-48-31-B-b		
xóm Phạm Hồng Thái	DC	xã Bắc Thành	H. Yên Thành	18° 58' 09"	105° 26' 24"					E-48-31-B-b		
xóm Trại Xanh	DC	xã Bắc Thành	H. Yên Thành	18° 58' 59"	105° 25' 40"					E-48-31-B-b		
xóm Trần Phú	DC	xã Bắc Thành	H. Yên Thành	18° 58' 08"	105° 26' 35"					E-48-31-B-b		
quốc lộ 7	KX	xã Bảo Thành	H. Yên Thành			19° 28' 15"	104° 05' 04"	18° 58' 42"	105° 35' 55"	E-48-31-B-b		
đường tỉnh 534	KX	xã Bảo Thành	H. Yên Thành			18° 47' 55"	105° 43' 41"	18° 59' 59"	105° 28' 38"	E-48-31-B-b		
xóm 10 Đông	DC	xã Bảo Thành	H. Yên Thành	18° 55' 44"	105° 28' 41"					E-48-31-B-b		
xóm 10 Tây	DC	xã Bảo Thành	H. Yên Thành	18° 55' 34"	105° 28' 24"					E-48-31-B-b		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm Bắc Sơn	DC	xã Bảo Thành	H. Yên Thành	18° 55' 54"	105° 28' 30"					E-48-31-B-b
xóm Bắc Thịnh	DC	xã Bảo Thành	H. Yên Thành	18° 55' 25"	105° 28' 14"					E-48-31-B-b
nhà thờ Bảo Nham	KX	xã Bảo Thành	H. Yên Thành	18° 55' 55"	105° 28' 22"					E-48-31-B-b
Chợ Bộng	KX	xã Bảo Thành	H. Yên Thành	18° 55' 37"	105° 28' 37"					E-48-31-B-b
xóm Cự Trường	DC	xã Bảo Thành	H. Yên Thành	18° 54' 09"	105° 27' 58"					E-48-31-B-b
xóm Đồng Mỹ	DC	xã Bảo Thành	H. Yên Thành	18° 55' 09"	105° 28' 02"					E-48-31-B-b
xóm Đồng Mỹ	DC	xã Bảo Thành	H. Yên Thành	18° 55' 15"	105° 28' 02"					E-48-31-B-b
xóm Đồng Sơn	DC	xã Bảo Thành	H. Yên Thành	18° 55' 45"	105° 28' 32"					E-48-31-B-b
Suối Hạc	TV	xã Bảo Thành	H. Yên Thành			18° 53' 36"	105° 27' 59"	18° 55' 23"	105° 27' 33"	E-48-31-B-b
núi Hòn Ngang	SV	xã Bảo Thành	H. Yên Thành	18° 53' 45"	105° 28' 23"					E-48-31-B-b
núi Hòn Vung	SV	xã Bảo Thành	H. Yên Thành	18° 53' 29"	105° 27' 20"					E-48-31-B-b
kênh Khe Cát	TV	xã Bảo Thành	H. Yên Thành			18° 55' 34"	105° 27' 40"	18° 57' 17"	105° 28' 55"	E-48-31-B-b
xóm Khe Hạc	DC	xã Bảo Thành	H. Yên Thành	18° 53' 47"	105° 28' 03"					E-48-31-B-b
xóm Làng Cũ	DC	xã Bảo Thành	H. Yên Thành	18° 54' 12"	105° 27' 42"					E-48-31-B-b
kênh N201	TV	xã Bảo Thành	H. Yên Thành			18° 56' 26"	105° 25' 04"	18° 57' 40"	105° 36' 17"	E-48-20-C-a
Xóm Quánh	DC	xã Bảo Thành	H. Yên Thành	18° 54' 44"	105° 28' 13"					E-48-31-B-b
xóm Tây Sơn	DC	xã Bảo Thành	H. Yên Thành	18° 55' 53"	105° 28' 24"					E-48-31-B-b
xóm Yên Vinh	DC	xã Bảo Thành	H. Yên Thành	18° 55' 34"	105° 28' 24"					E-48-31-B-b
quốc lộ 7	KX	xã Công Thành	H. Yên Thành			19° 28' 15"	104° 05' 04"	18° 58' 42"	105° 35' 55"	E-48-31-B-b
đường tỉnh 538	KX	xã Công Thành	H. Yên Thành			19° 00' 42"	105° 35' 09"	18° 55' 25"	105° 26' 30"	E-48-31-B-b
xóm Búi Búi	DC	xã Công Thành	H. Yên Thành	18° 54' 44"	105° 26' 32"					E-48-31-B-b
xóm Cao Sơn	DC	xã Công Thành	H. Yên Thành	18° 54' 11"	105° 27' 06"					E-48-31-B-b
xóm Cồn Chuối	DC	xã Công Thành	H. Yên Thành	18° 54' 32"	105° 27' 31"					E-48-31-B-b
xóm Công Luận	DC	xã Công Thành	H. Yên Thành	18° 54' 49"	105° 26' 00"					E-48-31-B-b
sông Đào Đạo Lý	TV	xã Công Thành	H. Yên Thành			18° 56' 12"	105° 24' 18"	18° 55' 36"	105° 27' 37"	E-48-31-B-b
xóm Đồng Châu	DC	xã Công Thành	H. Yên Thành	18° 54' 03"	105° 26' 48"					E-48-31-B-b
xóm Đồng Hiền	DC	xã Công Thành	H. Yên Thành	18° 55' 43"	105° 26' 42"					E-48-31-B-b
xóm Đồng Muồng	DC	xã Công Thành	H. Yên Thành	18° 55' 39"	105° 26' 25"					E-48-31-B-b
xóm Đồng Rào	DC	xã Công Thành	H. Yên Thành	18° 55' 03"	105° 25' 57"					E-48-31-B-b
xóm Đồng Sơn	DC	xã Công Thành	H. Yên Thành	18° 54' 56"	105° 27' 09"					E-48-31-B-b
Suối Hạc	TV	xã Công Thành	H. Yên Thành			18° 53' 36"	105° 27' 59"	18° 55' 23"	105° 27' 33"	E-48-31-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm Hồng Sơn	DC	xã Công Thành	H. Yên Thành	18° 54' 57"	105° 26' 57"						E-48-31-B-b	
xóm Long Tiến	DC	xã Công Thành	H. Yên Thành	18° 55' 25"	105° 25' 38"						E-48-31-B-b	
kênh N201	TV	xã Công Thành	H. Yên Thành			18° 56' 26"	105° 25' 04"	18° 57' 40"	105° 36' 17"		E-48-20-C-a	
xóm Nam Châu	DC	xã Công Thành	H. Yên Thành	18° 55' 33"	105° 24' 51"						E-48-31-B-b	
xóm Ngã Tư	DC	xã Công Thành	H. Yên Thành	18° 55' 24"	105° 26' 18"						E-48-31-B-b	
xóm Ngọc Hạ	DC	xã Công Thành	H. Yên Thành	18° 55' 19"	105° 26' 18"						E-48-31-B-b	
xóm Ngọc Sơn	DC	xã Công Thành	H. Yên Thành	18° 54' 24"	105° 26' 36"						E-48-31-B-b	
xóm Ngọc Thượng	DC	xã Công Thành	H. Yên Thành	18° 55' 16"	105° 26' 31"						E-48-31-B-b	
Xóm Rú	DC	xã Công Thành	H. Yên Thành	18° 54' 49"	105° 25' 26"						E-48-31-B-b	
xóm Sơn Long	DC	xã Công Thành	H. Yên Thành	18° 55' 55"	105° 24' 41"						E-48-31-B-b	
xóm Sơn Long	DC	xã Công Thành	H. Yên Thành	105° 26' 08"	105° 26' 08"						E-48-31-B-b	
xóm Tân Long	DC	xã Công Thành	H. Yên Thành	18° 54' 23"	105° 26' 12"						E-48-31-B-b	
xóm Thái Sơn	DC	xã Công Thành	H. Yên Thành	18° 55' 00"	105° 26' 48"						E-48-31-B-b	
xóm Trung Sơn	DC	xã Công Thành	H. Yên Thành	18° 54' 48"	105° 26' 59"						E-48-31-B-b	
núi Tú Líp	SV	xã Công Thành	H. Yên Thành	18° 53' 35"	105° 27' 10"						E-48-31-B-b	
núi Tú Và	SV	xã Công Thành	H. Yên Thành	18° 53' 53"	105° 26' 22"						E-48-31-B-b	
xóm 1	DC	xã Đại Thành	H. Yên Thành	18° 55' 24"	105° 23' 01"						E-48-31-B-b	
xóm 2	DC	xã Đại Thành	H. Yên Thành	18° 55' 32"	105° 23' 04"						E-48-31-B-b	
xóm 3	DC	xã Đại Thành	H. Yên Thành	18° 55' 49"	105° 23' 26"						E-48-31-B-b	
xóm 4	DC	xã Đại Thành	H. Yên Thành	18° 55' 56"	105° 23' 41"						E-48-31-B-b	
xóm 5	DC	xã Đại Thành	H. Yên Thành	18° 56' 16"	105° 22' 57"						E-48-31-B-b	
xóm 6	DC	xã Đại Thành	H. Yên Thành	18° 55' 58"	105° 22' 46"						E-48-31-B-b	
xóm 7	DC	xã Đại Thành	H. Yên Thành	18° 56' 13"	105° 22' 14"						E-48-31-B-b	
xóm Tân Thành	DC	xã Đại Thành	H. Yên Thành	18° 55' 56"	105° 22' 12"						E-48-31-B-a	
xóm Thuận Lạc	DC	xã Đại Thành	H. Yên Thành	18° 56' 16"	105° 22' 57"						E-48-31-B-b	
núi Tú Và	SV	xã Đại Thành	H. Yên Thành	18° 53' 53"	105° 26' 22"						E-48-31-B-b	
xóm Tuy Nén	DC	xã Đại Thành	H. Yên Thành	18° 55' 31"	105° 22' 21"			19° 00' 31"	105° 28' 46"	19° 10' 54"	E-48-31-B-a	
kênh Véch Bắc	TV	xã Đại Thành	H. Yên Thành							105° 41' 33"	E-48-31-B-a, E-48-31-B-b	
xóm Bắc Vực	DC	xã Đô Thành	H. Yên Thành	19° 03' 28"	105° 33' 54"						E-48-20-C-c	
xóm Da Sơn	DC	xã Đô Thành	H. Yên Thành	19° 04' 18"	105° 32' 47"						E-48-20-C-c	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)			
xóm Đồng Thị	DC	xã Đố Thành	H. Yên Thành	19° 04' 46"	105° 34' 10"						E-48-20-C-c	
xóm Gia Mỹ	DC	xã Đố Thành	H. Yên Thành	19° 03' 49"	105° 33' 22"						E-48-20-C-c	
xóm Hạc Linh	DC	xã Đố Thành	H. Yên Thành	19° 03' 20"	105° 34' 18"						E-48-20-C-c	
xóm Hoàng Lỗ	DC	xã Đố Thành	H. Yên Thành	19° 03' 25"	105° 33' 16"						E-48-20-C-c	
núi Hòn Rồng	SV	xã Đố Thành	H. Yên Thành	19° 05' 02"	105° 33' 39"						E-48-20-C-c	
xóm Kim Chi	DC	xã Đố Thành	H. Yên Thành	19° 03' 53"	105° 33' 58"						E-48-20-C-c	
xóm Nam Vực	DC	xã Đố Thành	H. Yên Thành	19° 03' 13"	105° 33' 52"						E-48-20-C-c	
xóm Ngọc Sơn	DC	xã Đố Thành	H. Yên Thành	19° 04' 37"	105° 33' 44"						E-48-20-C-c	
xóm Phú Vinh	DC	xã Đố Thành	H. Yên Thành	19° 04' 17"	105° 34' 04"						E-48-20-C-c	
xóm Phú Xuân	DC	xã Đố Thành	H. Yên Thành	19° 03' 33"	105° 34' 09"						E-48-20-C-c	
xóm Sung Yên	DC	xã Đố Thành	H. Yên Thành	19° 03' 43"	105° 34' 22"						E-48-20-C-c	
kênh Vách Bắc	TV	xã Đố Thành	H. Yên Thành			19° 00' 31"	105° 28' 46"	19° 10' 54"	105° 41' 33"		E-48-20-C-c	
xóm Xuân Lai	DC	xã Đố Thành	H. Yên Thành	19° 03' 58"	105° 33' 29"						E-48-20-C-c	
xóm Yên Hội	DC	xã Đố Thành	H. Yên Thành	19° 04' 15"	105° 34' 21"						E-48-20-C-c	
dãy Ba Khe	SV	xã Đồng Thành	H. Yên Thành			19° 0' 16"	105° 20' 47"	19° 02' 01"	105° 22' 37"		E-48-19-D-c, E-48-19-D-d	
núi Chấn Thủy	SV	xã Đồng Thành	H. Yên Thành	19° 00' 27"	105° 21' 44"						E-48-19-D-c	
Hòn Dài	SV	xã Đồng Thành	H. Yên Thành	19° 02' 46"	105° 24' 59"						E-48-19-D-d	
xóm Đồng Hoa	DC	xã Đồng Thành	H. Yên Thành	19° 01' 37"	105° 24' 41"						E-48-19-D-d	
xóm Đồng Long	DC	xã Đồng Thành	H. Yên Thành	19° 01' 40"	105° 25' 28"						E-48-19-D-d	
xóm Đồng Nhân	DC	xã Đồng Thành	H. Yên Thành	19° 01' 35"	105° 25' 17"						E-48-19-D-d	
xóm Đồng Phú	DC	xã Đồng Thành	H. Yên Thành	19° 02' 11"	105° 24' 49"						E-48-19-D-d	
xóm Đồng Phúc	DC	xã Đồng Thành	H. Yên Thành	19° 02' 51"	105° 25' 45"						E-48-19-D-d	
núi Động Quách	SV	xã Đồng Thành	H. Yên Thành	19° 01' 04"	105° 22' 59"						E-48-19-D-c	
xóm Đồng Trố	DC	xã Đồng Thành	H. Yên Thành	19° 00' 05"	105° 24' 19"						E-48-19-D-d	
xóm Đồng Trung	DC	xã Đồng Thành	H. Yên Thành	19° 00' 40"	105° 23' 12"						E-48-19-D-d	
xóm Đồng Xuân	DC	xã Đồng Thành	H. Yên Thành	19° 00' 49"	105° 24' 39"						E-48-19-D-d	
xóm Hồng Kỳ	DC	xã Đồng Thành	H. Yên Thành	19° 02' 18"	105° 25' 12"						E-48-19-D-d	
núi Lèn Cò	SV	xã Đồng Thành	H. Yên Thành	19° 01' 05"	105° 24' 13"						E-48-19-D-d	
xóm Nam Viên	DC	xã Đồng Thành	H. Yên Thành	19° 01' 40"	105° 26' 07"						E-48-19-D-d	
hồ Quân Hải	TV	xã Đồng Thành	H. Yên Thành	19° 03' 33"	105° 25' 55"						E-48-19-D-d	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)			
xóm Trần Phú	DC	xã Đồng Thành	H. Yên Thành	19° 00' 55"	105° 25' 08"							E-48-19-D-d
Suối Vầu	TV	xã Đồng Thành	H. Yên Thành			19° 01' 39"	105° 24' 02"	19° 00' 31"	105° 28' 46"			E-48-19-D-d
đập Vẹ Vừng	TV	xã Đồng Thành	H. Yên Thành			19° 02' 21"	105° 25' 30"					E-48-19-D-d
xóm Vú Kỳ	DC	xã Đồng Thành	H. Yên Thành			19° 05' 55"	105° 32' 12"					E-48-19-D-d
xóm Bắc Lĩnh	DC	xã Đức Thành	H. Yên Thành			19° 05' 35"	105° 32' 11"					E-48-20-C-c
xóm Bắc Sơn	DC	xã Đức Thành	H. Yên Thành			19° 05' 58"	105° 31' 23"					E-48-20-C-c
xóm Canh Sơn	DC	xã Đức Thành	H. Yên Thành			19° 04' 59"	105° 32' 06"					E-48-20-C-c
xóm Châu Lĩnh	DC	xã Đức Thành	H. Yên Thành			19° 06' 13"	105° 33' 31"					E-48-20-C-c
núi Chùa Đen	SV	xã Đức Thành	H. Yên Thành			19° 05' 09"	105° 31' 41"					E-48-20-C-c
xóm Dầu Sơn	DC	xã Đức Thành	H. Yên Thành			19° 05' 35"	105° 33' 23"					E-48-20-C-c
xóm Đức Liên	DC	xã Đức Thành	H. Yên Thành			19° 06' 40"	105° 32' 50"					E-48-20-C-c
xóm Đức Quảng	DC	xã Đức Thành	H. Yên Thành			19° 05' 38"	105° 33' 07"					E-48-20-C-c
xóm Hồng Lĩnh	DC	xã Đức Thành	H. Yên Thành			19° 05' 34"	105° 32' 58"					E-48-20-C-c
xóm Hồng Sơn	DC	xã Đức Thành	H. Yên Thành			19° 05' 09"	105° 32' 04"					E-48-20-C-c
xóm Linh Sơn	DC	xã Đức Thành	H. Yên Thành			19° 05' 42"	105° 32' 11"					E-48-20-C-c
xóm Nam Lĩnh	DC	xã Đức Thành	H. Yên Thành			19° 06' 12"	105° 31' 27"					E-48-20-C-c
xóm Phúc Thọ	DC	xã Đức Thành	H. Yên Thành			19° 06' 02"	105° 32' 09"					E-48-20-C-c
xóm Phúc Trường	DC	xã Đức Thành	H. Yên Thành			19° 04' 40"	105° 32' 12"	19° 07' 19"	105° 30' 57"	19° 03' 54"	105° 31' 29"	E-48-20-C-c
xóm Quyết Thắng	TV	xã Đức Thành	H. Yên Thành									E-48-20-C-c
Sông Sanh	DC	xã Đức Thành	H. Yên Thành			19° 05' 36"	105° 31' 19"					E-48-20-C-c
xóm Tây Canh	DC	xã Đức Thành	H. Yên Thành			19° 04' 49"	105° 31' 59"					E-48-20-C-c
xóm Thọ Bằng	DC	xã Đức Thành	H. Yên Thành			19° 05' 25"	105° 32' 09"					E-48-20-C-c
xóm Trung Nam	DC	xã Đức Thành	H. Yên Thành					19° 00' 31"	105° 28' 46"	19° 10' 54"	105° 41' 33"	E-48-20-C-c
kênh Vách Bắc	TV	xã Đức Thành	H. Yên Thành									E-48-20-C-c
xóm Yên Định	DC	xã Đức Thành	H. Yên Thành			19° 04' 21"	105° 32' 12"					E-48-19-D-d
đập Bàu Ganh	TV	xã Hậu Thành	H. Yên Thành			19° 02' 54"	105° 28' 01"					E-48-19-D-d
xóm Cầu Thượng	DC	xã Hậu Thành	H. Yên Thành			19° 02' 09"	105° 28' 34"					E-48-19-D-d
xóm Chợ Mỏ	DC	xã Hậu Thành	H. Yên Thành			19° 02' 35"	105° 28' 29"					E-48-19-D-d
xóm Đồng Phú	DC	xã Hậu Thành	H. Yên Thành			19° 02' 27"	105° 28' 48"					E-48-19-D-d
xóm Đồng Sơn	DC	xã Hậu Thành	H. Yên Thành			19° 03' 10"	105° 28' 35"					E-48-19-D-d
xóm Phú Thọ	DC	xã Hậu Thành	H. Yên Thành			19° 02' 43"	105° 28' 58"					E-48-19-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm Tân Sơn	DC	xã Hậu Thành	H. Yên Thành	19° 03' 43"	105° 28' 12"					E-48-19-D-d
xóm Thọ Trà	DC	xã Hậu Thành	H. Yên Thành	19° 02' 47"	105° 28' 18"					E-48-19-D-d
xóm Thượng Thọ	DC	xã Hậu Thành	H. Yên Thành	19° 02' 29"	105° 28' 37"					E-48-19-D-d
xóm Trần Phú	DC	xã Hậu Thành	H. Yên Thành	19° 02' 19"	105° 28' 23"					E-48-19-D-d
xóm Trung Nam	DC	xã Hậu Thành	H. Yên Thành	19° 02' 21"	105° 28' 42"					E-48-19-D-d
kênh Vách Bắc	TV	xã Hậu Thành	H. Yên Thành			19° 00' 31"	105° 28' 46"	19° 10' 54"	105° 41' 33"	E-48-19-D-d
xóm Yên Thịnh	DC	xã Hậu Thành	H. Yên Thành	19° 02' 49"	105° 29' 10"					E-48-19-D-d
xóm 3	DC	xã Hoa Thành	H. Yên Thành	19° 00' 07"	105° 29' 27"					E-48-19-D-d
xóm 4	DC	xã Hoa Thành	H. Yên Thành	19° 00' 02"	105° 29' 21"					E-48-19-D-d
xóm 6	DC	xã Hoa Thành	H. Yên Thành	18° 59' 40"	105° 29' 04"					E-48-19-D-d
đường tỉnh 538	KX	xã Hoa Thành	H. Yên Thành			19° 00' 42"	105° 35' 09"	18° 55' 25"	105° 26' 30"	E-48-19-D-d; E-48-31-B-b
xóm Chu Trạc	DC	xã Hoa Thành	H. Yên Thành	19° 00' 20"	105° 29' 24"					E-48-19-D-d
kênh Nông Giang	TV	xã Hoa Thành	H. Yên Thành			18° 58' 04"	105° 25' 59"	19° 00' 31"	105° 28' 46"	E-48-19-D-d
xóm Phan Đăng Lưu	DC	xã Hoa Thành	H. Yên Thành	18° 59' 58"	105° 29' 31"					E-48-31-B-b
xóm Phan Đình Phùng	DC	xã Hoa Thành	H. Yên Thành	19° 00' 11"	105° 29' 41"					E-48-19-D-d
xóm Tân Quang	DC	xã Hoa Thành	H. Yên Thành	19° 00' 19"	105° 29' 51"					E-48-19-D-d
kênh Vách Bắc	TV	xã Hoa Thành	H. Yên Thành			19° 00' 31"	105° 28' 46"	19° 10' 54"	105° 41' 33"	E-48-19-D-d
xóm Bắc Xuân	DC	xã Hồng Thành	H. Yên Thành	19° 02' 16"	105° 31' 07"					E-48-20-C-c
xóm Đa Cảnh	DC	xã Hồng Thành	H. Yên Thành	19° 02' 44"	105° 31' 02"					E-48-20-C-c
xóm Đông Ngò	DC	xã Hồng Thành	H. Yên Thành	19° 02' 19"	105° 32' 09"					E-48-20-C-c
xóm Đông Xuân	DC	xã Hồng Thành	H. Yên Thành	19° 02' 03"	105° 31' 08"					E-48-20-C-c
xóm Nam Xuân	DC	xã Hồng Thành	H. Yên Thành	19° 02' 07"	105° 31' 02"					E-48-20-C-c
xóm Phú Đa	DC	xã Hồng Thành	H. Yên Thành	19° 02' 42"	105° 30' 53"					E-48-20-C-c
xóm Tân Xuân	DC	xã Hồng Thành	H. Yên Thành	19° 02' 32"	105° 31' 23"					E-48-20-C-c
xóm Tây Xuân	DC	xã Hồng Thành	H. Yên Thành	19° 02' 15"	105° 31' 01"					E-48-20-C-c
xóm Thiện Lợi	DC	xã Hồng Thành	H. Yên Thành	19° 02' 34"	105° 30' 29"					E-48-20-C-c
xóm Thiện Tiến	DC	xã Hồng Thành	H. Yên Thành	19° 02' 30"	105° 30' 46"					E-48-20-C-c
xóm Triều Cảnh	DC	xã Hồng Thành	H. Yên Thành	19° 02' 50"	105° 31' 06"					E-48-20-C-c
kênh Vách Bắc	TV	xã Hồng Thành	H. Yên Thành			19° 00' 31"	105° 28' 46"	19° 10' 54"	105° 41' 33"	E-48-20-C-c
xóm Xuân An	DC	xã Hồng Thành	H. Yên Thành	19° 02' 35"	105° 31' 51"					E-48-20-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)			
xóm Xuân Yên	DC	xã Hồng Thành	H. Yên Thành	19° 02' 07"	105° 31' 58"						E-48-20-C-c	
đường tỉnh 538	KX	xã Hợp Thành	H. Yên Thành			19° 00' 42"	105° 35' 09"	18° 55' 25"	105° 26' 30"		E-48-19-D-d, E-48-20-C-c	
Xóm Chùa	DC	xã Hợp Thành	H. Yên Thành	19° 00' 20"	105° 30' 13"						E-48-20-C-c	
Xóm Định	DC	xã Hợp Thành	H. Yên Thành	19° 00' 44"	105° 30' 27"						E-48-20-C-c	
xóm Đình Phụng	DC	xã Hợp Thành	H. Yên Thành	19° 00' 21"	105° 30' 22"						E-48-20-C-c	
xóm Đồng An	DC	xã Hợp Thành	H. Yên Thành	19° 00' 12"	105° 30' 57"						E-48-20-C-c	
xóm Đồng Tiến	DC	xã Hợp Thành	H. Yên Thành	19° 00' 44"	105° 30' 27"						E-48-20-C-c	
Sông Hói	TV	xã Hợp Thành	H. Yên Thành			19° 01' 08"	105° 30' 16"	18° 58' 28"	105° 31' 24"		E-48-20-C-c, E-48-32-A-a	
xóm Hưng Lập	DC	xã Hợp Thành	H. Yên Thành	19° 00' 15"	105° 30' 18"						E-48-20-C-c	
xóm Lăng Phan	DC	xã Hợp Thành	H. Yên Thành	19° 00' 49"	105° 30' 13"						E-48-20-C-c	
xóm Lý Nhân	DC	xã Hợp Thành	H. Yên Thành	19° 00' 24"	105° 30' 14"						E-48-20-C-c	
Xóm Mới	DC	xã Hợp Thành	H. Yên Thành	19° 00' 49"	105° 30' 03"						E-48-20-C-c	
xóm Vĩnh Hoà	DC	xã Hợp Thành	H. Yên Thành	19° 00' 35"	105° 30' 50"						E-48-20-C-c	
xóm Xuân thượng	DC	xã Hợp Thành	H. Yên Thành	19° 00' 00"	105° 30' 07"						E-48-20-C-c	
xóm Xuân Tiều	DC	xã Hợp Thành	H. Yên Thành	18° 59' 42"	105° 30' 18"						E-48-20-C-c	
hồ Đồn Hùng	TV	xã Hùng Thành	H. Yên Thành	19° 05' 12"	105° 26' 55"						E-48-19-D-d	
xóm Đồng Trạch	DC	xã Hùng Thành	H. Yên Thành	19° 03' 41"	105° 27' 16"						E-48-19-D-d	
xóm Giai Thành	DC	xã Hùng Thành	H. Yên Thành	19° 04' 09"	105° 27' 47"						E-48-19-D-d	
xóm Hồng Lĩnh	DC	xã Hùng Thành	H. Yên Thành	19° 03' 22"	105° 27' 26"						E-48-19-D-d	
xóm Khe Rằm	DC	xã Hùng Thành	H. Yên Thành	19° 05' 15"	105° 26' 21"						E-48-19-D-d	
xóm Kim Thành	DC	xã Hùng Thành	H. Yên Thành	19° 04' 10"	105° 26' 17"						E-48-19-D-d	
xóm Lạc Thành	DC	xã Hùng Thành	H. Yên Thành	19° 03' 49"	105° 27' 43"						E-48-19-D-d	
xóm Ngọc Thành	DC	xã Hùng Thành	H. Yên Thành	19° 04' 42"	105° 26' 52"						E-48-19-D-d	
đập Quần Hải	TV	xã Hùng Thành	H. Yên Thành	19° 03' 37"	105° 26' 17"						E-48-19-D-d	
hồ Quần Hải	TV	xã Hùng Thành	H. Yên Thành	19° 03' 33"	105° 25' 55"						E-48-19-D-d	
xóm Sơn Thành	DC	xã Hùng Thành	H. Yên Thành	19° 04' 18"	105° 26' 02"						E-48-19-D-d	
xóm Tân Thành	DC	xã Hùng Thành	H. Yên Thành	19° 03' 46"	105° 27' 14"						E-48-19-D-d	
quốc lộ 7	KX	xã Khánh Thành	H. Yên Thành			19° 28' 15"	104° 05' 04"	18° 58' 42"	105° 35' 55"		E-48-31-B-b	
đường tỉnh 538	KX	xã Khánh Thành	H. Yên Thành			19° 00' 42"	105° 35' 09"	18° 55' 25"	105° 26' 30"		E-48-31-B-b	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	
sông Đào Đạo Lý	TV	xã Khánh Thành	H. Yên Thành			18° 56' 12"	105° 24' 18"	18° 55' 36"	105° 27' 37"	E-48-31-B-b
xóm Đồng Phú	DC	xã Khánh Thành	H. Yên Thành	18° 56' 10"	105° 27' 40"					E-48-31-B-b
Suối Hạc	TV	xã Khánh Thành	H. Yên Thành			18° 53' 36"	105° 27' 59"	18° 55' 23"	105° 27' 33"	E-48-31-B-b
xóm Khánh Hoà	DC	xã Khánh Thành	H. Yên Thành	18° 55' 55"	105° 27' 07"					E-48-31-B-b
kênh Khe Cát	TV	xã Khánh Thành	H. Yên Thành			18° 55' 34"	105° 27' 40"	18° 57' 17"	105° 28' 55"	E-48-31-B-b
xóm Phú An	DC	xã Khánh Thành	H. Yên Thành	18° 56' 17"	105° 27' 20"					E-48-31-B-b
xóm Phú Khánh	DC	xã Khánh Thành	H. Yên Thành	18° 56' 17"	105° 27' 33"					E-48-31-B-b
xóm Phú Tập	DC	xã Khánh Thành	H. Yên Thành	18° 55' 53"	105° 28' 01"					E-48-31-B-b
xóm Phú Văn	DC	xã Khánh Thành	H. Yên Thành	18° 56' 08"	105° 27' 32"					E-48-31-B-b
xóm Quan Trồng	DC	xã Khánh Thành	H. Yên Thành	18° 55' 12"	105° 28' 00"					E-48-31-B-b
xóm Quỳnh Khôi	DC	xã Khánh Thành	H. Yên Thành	18° 56' 02"	105° 27' 22"					E-48-31-B-b
xóm Tiên Khánh	DC	xã Khánh Thành	H. Yên Thành	18° 56' 03"	105° 26' 56"					E-48-31-B-b
xóm Văn Đình	DC	xã Khánh Thành	H. Yên Thành	18° 57' 00"	105° 27' 39"					E-48-31-B-b
xóm Văn Đồng	DC	xã Khánh Thành	H. Yên Thành	18° 56' 55"	105° 27' 28"					E-48-31-B-b
xóm Đồng Bản	DC	xã Kim Thành	H. Yên Thành	19° 03' 44"	105° 23' 32"					E-48-19-D-d
xóm Đồng Luốc	DC	xã Kim Thành	H. Yên Thành	19° 03' 31"	105° 24' 48"					E-48-19-D-d
núi Đồng Nhạn	SV	xã Kim Thành	H. Yên Thành	19° 04' 29"	105° 23' 17"					E-48-19-D-d
núi Hòn Dại	SV	xã Kim Thành	H. Yên Thành	19° 02' 40"	105° 24' 45"					E-48-19-D-d
xóm Hồng Liên	DC	xã Kim Thành	H. Yên Thành	19° 03' 17"	105° 23' 33"					E-48-19-D-d
xóm Hợp Khánh	DC	xã Kim Thành	H. Yên Thành	19° 03' 46"	105° 23' 47"					E-48-19-D-d
xóm Ngọc Liên	DC	xã Kim Thành	H. Yên Thành	19° 03' 04"	105° 23' 19"					E-48-19-D-d
xóm Nhà Đưa	DC	xã Kim Thành	H. Yên Thành	19° 05' 37"	105° 23' 59"					E-48-19-D-d
hồ Quẩn Hải	TV	xã Kim Thành	H. Yên Thành	19° 03' 33"	105° 25' 55"					E-48-19-D-d
xóm Sao Vàng	DC	xã Kim Thành	H. Yên Thành	19° 03' 34"	105° 24' 06"					E-48-19-D-d
xóm Trại Mát	DC	xã Kim Thành	H. Yên Thành	19° 02' 57"	105° 24' 11"					E-48-19-D-d
xóm 3	DC	xã Lăng Thành	H. Yên Thành	19° 02' 57"	105° 29' 28"					E-48-19-D-d
xóm 4	DC	xã Lăng Thành	H. Yên Thành	19° 03' 02"	105° 29' 36"					E-48-19-D-d
xóm 5	DC	xã Lăng Thành	H. Yên Thành	19° 03' 06"	105° 29' 43"					E-48-19-D-d
xóm 6	DC	xã Lăng Thành	H. Yên Thành	19° 03' 04"	105° 29' 52"					E-48-19-D-d
xóm 7	DC	xã Lăng Thành	H. Yên Thành	19° 03' 16"	105° 30' 03"					E-48-19-D-d
xóm 8	DC	xã Lăng Thành	H. Yên Thành	19° 03' 35"	105° 29' 59"					E-48-19-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm 9A	DC	xã Lăng Thành	H. Yên Thành	19° 03' 16"	105° 30' 18"					E-48-20-C-c
xóm 9B	DC	xã Lăng Thành	H. Yên Thành	19° 03' 31"	105° 30' 24"					E-48-20-C-c
xóm Cửa Trùng	DC	xã Lăng Thành	H. Yên Thành	19° 03' 21"	105° 28' 43"					E-48-19-D-d
Suối Dọc	TV	xã Lăng Thành	H. Yên Thành			19° 08' 52"	105° 23' 17"	19° 07' 37"	105° 26' 45"	E-48-19-D-d, E-48-19-D-b
hồ Đồn Hùng	TV	xã Lăng Thành	H. Yên Thành	19° 05' 12"	105° 26' 55"					E-48-19-D-d
xóm Động Cầu	DC	xã Lăng Thành	H. Yên Thành	19° 06' 00"	105° 24' 53"					E-48-19-D-d
xóm Hóc Nong	DC	xã Lăng Thành	H. Yên Thành	19° 03' 30"	105° 28' 55"					E-48-19-D-d
xóm Phú Sơn	DC	xã Lăng Thành	H. Yên Thành	19° 04' 59"	105° 27' 38"					E-48-19-D-d
xóm Tây Phú	DC	xã Lăng Thành	H. Yên Thành	19° 04' 36"	105° 27' 49"					E-48-19-D-d
kênh Vách Bắc	TV	xã Lăng Thành	H. Yên Thành			19° 00' 31"	105° 28' 46"	19° 10' 54"	105° 41' 33"	E-48-19-D-d
xóm 2	DC	xã Liên Thành	H. Yên Thành	18° 56' 33"	105° 26' 40"					E-48-31-B-b
xóm 3	DC	xã Liên Thành	H. Yên Thành	18° 56' 22"	105° 26' 38"					E-48-31-B-b
xóm 4	DC	xã Liên Thành	H. Yên Thành	18° 56' 08"	105° 27' 08"					E-48-31-B-b
xóm 5	DC	xã Liên Thành	H. Yên Thành	18° 56' 12"	105° 26' 27"					E-48-31-B-b
xóm 6	DC	xã Liên Thành	H. Yên Thành	18° 55' 58"	105° 25' 57"					E-48-31-B-b
xóm 7	DC	xã Liên Thành	H. Yên Thành	18° 55' 56"	105° 26' 36"					E-48-31-B-b
xóm 8	DC	xã Liên Thành	H. Yên Thành	18° 56' 23"	105° 25' 41"					E-48-31-B-b
xóm 9	DC	xã Liên Thành	H. Yên Thành	18° 56' 37"	105° 25' 39"					E-48-31-B-b
xóm 10	DC	xã Liên Thành	H. Yên Thành	18° 56' 13"	105° 25' 37"					E-48-31-B-b
xóm 22	DC	xã Liên Thành	H. Yên Thành	18° 56' 06"	105° 25' 10"					E-48-31-B-b
đường tỉnh 538	KX	xã Liên Thành	H. Yên Thành			19° 00' 42"	105° 35' 09"	18° 55' 25"	105° 26' 30"	E-48-31-B-b
xóm Bắc Phong	DC	xã Liên Thành	H. Yên Thành	18° 56' 03"	105° 25' 36"					E-48-31-B-b
sông Bàu Chén	TV	xã Liên Thành	H. Yên Thành			18° 56' 42"	105° 26' 41"	18° 56' 22"	105° 26' 07"	E-48-31-B-b
xóm Chùa Thàng	DC	xã Liên Thành	H. Yên Thành	18° 56' 57"	105° 26' 01"					E-48-31-B-b
xóm Liên Giang	DC	xã Liên Thành	H. Yên Thành	18° 56' 33"	105° 26' 18"					E-48-31-B-b
kênh N201	TV	xã Liên Thành	H. Yên Thành			18° 56' 26"	105° 25' 04"	18° 57' 40"	105° 36' 17"	E-48-20-C-a
kênh Vách Bắc	TV	xã Liên Thành	H. Yên Thành			19° 00' 31"	105° 28' 46"	19° 10' 54"	105° 41' 33"	E-48-31-B-b
sông Vũ Giang	TV	xã Liên Thành	H. Yên Thành			18° 56' 12"	105° 24' 18"	18° 55' 36"	105° 27' 37"	E-48-31-B-b
đường tỉnh 534	KX	xã Long Thành	H. Yên Thành			18° 47' 55"	105° 43' 41"	18° 59' 59"	105° 28' 38"	E-48-31-B-b
xóm Bắc Sơn	DC	xã Long Thành	H. Yên Thành	18° 57' 54"	105° 28' 13"					E-48-31-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	
xóm Bắc Yên	DC	xã Long Thành	H. Yên Thành	18° 57' 50"	105° 28' 15"					E-48-31-B-b
xóm Đông Sơn	DC	xã Long Thành	H. Yên Thành	18° 57' 08"	105° 28' 31"					E-48-31-B-b
xóm Đông Yên	DC	xã Long Thành	H. Yên Thành	18° 57' 42"	105° 28' 20"					E-48-31-B-b
xóm Giáp Bồn	DC	xã Long Thành	H. Yên Thành	18° 57' 58"	105° 28' 32"					E-48-31-B-b
xóm Giáp Ngồi	DC	xã Long Thành	H. Yên Thành	18° 57' 59"	105° 28' 26"					E-48-31-B-b
kênh N82A	TV	xã Long Thành	H. Yên Thành			18° 55' 34"	105° 27' 40"	18° 57' 17"	105° 28' 55"	E-48-31-B-b
xóm Nam Sơn	DC	xã Long Thành	H. Yên Thành	18° 57' 06"	105° 28' 23"					E-48-31-B-b
xóm Phan Thanh	DC	xã Long Thành	H. Yên Thành	18° 57' 30"	105° 28' 12"					E-48-31-B-b
xóm Phú Thọ	DC	xã Long Thành	H. Yên Thành	18° 58' 06"	105° 29' 29"					E-48-31-B-b
xóm Quang Trung	DC	xã Long Thành	H. Yên Thành	18° 57' 23"	105° 28' 00"					E-48-31-B-b
xóm Tây Yên	DC	xã Long Thành	H. Yên Thành	18° 57' 48"	105° 27' 59"					E-48-31-B-b
xóm Vạn Thành	DC	xã Long Thành	H. Yên Thành	18° 58' 20"	105° 28' 58"					E-48-31-B-b
xóm Văn Trai 6	DC	xã Long Thành	H. Yên Thành	18° 57' 33"	105° 28' 35"					E-48-31-B-b
xóm Văn Trai 7	DC	xã Long Thành	H. Yên Thành	18° 57' 31"	105° 28' 55"					E-48-31-B-b
xóm Văn Trảng	DC	xã Long Thành	H. Yên Thành	18° 58' 55"	105° 28' 53"					E-48-31-B-b
xóm Vạn Trảng	DC	xã Long Thành	H. Yên Thành	18° 58' 30"	105° 29' 07"					E-48-31-B-b
xóm Yên Mội	DC	xã Long Thành	H. Yên Thành	18° 57' 44"	105° 29' 14"					E-48-31-B-b
xóm 1	DC	xã Lý Thành	H. Yên Thành	18° 56' 30"	105° 24' 33"					E-48-31-B-b
xóm 2	DC	xã Lý Thành	H. Yên Thành	18° 56' 46"	105° 24' 28"					E-48-31-B-b
xóm 3	DC	xã Lý Thành	H. Yên Thành	18° 57' 06"	105° 24' 35"					E-48-31-B-b
xóm 4	DC	xã Lý Thành	H. Yên Thành	18° 56' 58"	105° 24' 52"					E-48-31-B-b
xóm 5	DC	xã Lý Thành	H. Yên Thành	18° 56' 35"	105° 25' 07"					E-48-31-B-b
xóm 6	DC	xã Lý Thành	H. Yên Thành	18° 57' 15"	105° 25' 44"					E-48-31-B-b
xóm 7	DC	xã Lý Thành	H. Yên Thành	18° 57' 27"	105° 25' 23"					E-48-31-B-b
xóm 8	DC	xã Lý Thành	H. Yên Thành	18° 57' 33"	105° 25' 09"					E-48-31-B-b
xóm 9	DC	xã Lý Thành	H. Yên Thành	18° 57' 38"	105° 24' 19"					E-48-31-B-b
xóm 10	DC	xã Lý Thành	H. Yên Thành	18° 56' 58"	105° 24' 29"					E-48-31-B-b
động Chùa Me	SV	xã Lý Thành	H. Yên Thành	18° 56' 40"	105° 24' 25"					E-48-31-B-b
động Ó Cuồng	SV	xã Lý Thành	H. Yên Thành	18° 57' 27"	105° 24' 14"					E-48-31-B-b
Suối Thai	TV	xã Lý Thành	H. Yên Thành			18° 56' 06"	105° 26' 33"	18° 56' 47"	105° 25' 34"	E-48-31-B-b
động Trượng Gió	SV	xã Lý Thành	H. Yên Thành	18° 57' 59"	105° 23' 38"					E-48-31-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)			
kênh Vách Bắc	TV	xã Lý Thành	H. Yên Thành			19° 00' 31"	105° 28' 46"	19° 10' 54"	105° 41' 33"	E-48-31-B-b		
Xóm Chùa	DC	xã Mã Thành	H. Yên Thành	19° 03' 55"	105° 31' 12"					E-48-20-C-c		
đập Chùa Lụi	TV	xã Mã Thành	H. Yên Thành	19° 04' 24"	105° 29' 30"					E-48-19-D-d		
xóm Chùa Sơn	DC	xã Mã Thành	H. Yên Thành	19° 03' 25"	105° 30' 56"					E-48-20-C-c		
xóm Đá Dựng	DC	xã Mã Thành	H. Yên Thành	19° 04' 47"	105° 29' 51"					E-48-19-D-d		
Xóm Đình	DC	xã Mã Thành	H. Yên Thành	19° 03' 41"	105° 30' 56"					E-48-20-C-c		
xóm Đồng Bàu 1	DC	xã Mã Thành	H. Yên Thành	19° 04' 25"	105° 29' 56"					E-48-20-C-c		
xóm Đồng Bàu 2	DC	xã Mã Thành	H. Yên Thành	19° 04' 19"	105° 29' 46"					E-48-19-D-d		
xóm Đồng Đức	DC	xã Mã Thành	H. Yên Thành	19° 04' 46"	105° 31' 16"					E-48-20-C-c		
núi Đồng Mông	SV	xã Mã Thành	H. Yên Thành	19° 04' 08"	105° 30' 54"					E-48-20-C-c		
xóm Đồng Nhân	DC	xã Mã Thành	H. Yên Thành	19° 04' 13"	105° 31' 04"					E-48-20-C-c		
xóm Hòn Nen	DC	xã Mã Thành	H. Yên Thành	19° 05' 01"	105° 30' 40"					E-48-20-C-c		
núi Hòn Riêng	SV	xã Mã Thành	H. Yên Thành	19° 04' 50"	105° 31' 04"					E-48-20-C-c		
đập Khe Bai	TV	xã Mã Thành	H. Yên Thành	19° 05' 19"	105° 30' 30"					E-48-20-C-c		
Xóm Lũy	DC	xã Mã Thành	H. Yên Thành	19° 03' 31"	105° 30' 45"					E-48-20-C-c		
Núi Ngục	SV	xã Mã Thành	H. Yên Thành	18° 45' 01"	105° 21' 24"	19° 07' 19"	105° 30' 57"	19° 03' 54"	105° 31' 29"	E-48-31-B-c		
Sông Sanh	TV	xã Mã Thành	H. Yên Thành			19° 00' 31"	105° 28' 46"	19° 10' 54"	105° 41' 33"	E-48-20-C-c		
xóm Thanh Đà	DC	xã Mã Thành	H. Yên Thành	19° 05' 29"	105° 30' 19"					E-48-20-C-c		
kênh Vách Bắc	TV	xã Mã Thành	H. Yên Thành							E-48-20-C-c		
xóm Yên Thịnh	DC	xã Mã Thành	H. Yên Thành	19° 05' 14"	105° 30' 07"					E-48-19-D-d		
xóm 1	DC	xã Minh Thành	H. Yên Thành	18° 56' 49"	105° 23' 17"					E-48-31-B-b		
xóm 2	DC	xã Minh Thành	H. Yên Thành	18° 57' 00"	105° 23' 17"					E-48-31-B-b		
xóm 3	DC	xã Minh Thành	H. Yên Thành	18° 57' 17"	105° 22' 13"					E-48-31-B-a		
xóm 4	DC	xã Minh Thành	H. Yên Thành	18° 56' 39"	105° 22' 01"					E-48-31-B-a		
xóm 5	DC	xã Minh Thành	H. Yên Thành	18° 56' 54"	105° 21' 44"					E-48-31-B-a		
xóm 6	DC	xã Minh Thành	H. Yên Thành	18° 57' 42"	105° 21' 27"					E-48-31-B-a		
xóm 7	DC	xã Minh Thành	H. Yên Thành	18° 58' 04"	105° 21' 22"					E-48-31-B-a		
xóm 8	DC	xã Minh Thành	H. Yên Thành	18° 57' 40"	105° 23' 15"					E-48-31-B-a		
xóm 9	DC	xã Minh Thành	H. Yên Thành	18° 56' 46"	105° 22' 34"					E-48-31-B-a		
xóm 10	DC	xã Minh Thành	H. Yên Thành	18° 57' 24"	105° 23' 02"					E-48-31-B-b		
xóm 11	DC	xã Minh Thành	H. Yên Thành	18° 58' 40"	105° 20' 42"					E-48-31-B-a		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)			
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)			
núi Gốc Lim	SV	xã Minh Thành	H. Yên Thành	18° 57' 42"	105° 21' 06"						E-48-31-B-a	
đập Hồ Cầu	TV	xã Minh Thành	H. Yên Thành	18° 57' 45"	105° 22' 36"						E-48-31-B-b	
núi Khe Dong	SV	xã Minh Thành	H. Yên Thành	18° 58' 23"	105° 21' 23"						E-48-31-B-a	
suối Khe Dong	TV	xã Minh Thành	H. Yên Thành			18° 57' 54"	105° 21' 24"	18° 56' 27"	105° 23' 17"		E-48-31-B-a	
núi Kon Cai	SV	xã Minh Thành	H. Yên Thành	18° 58' 57"	105° 21' 25"						E-48-31-B-a	
núi Lèn Dan	SV	xã Minh Thành	H. Yên Thành	18° 57' 50"	105° 23' 48"						E-48-31-B-b	
núi Ngọc Giai	SV	xã Minh Thành	H. Yên Thành	18° 58' 19"	105° 23' 18"						E-48-31-B-b	
Suối Thái	TV	xã Minh Thành	H. Yên Thành								E-48-31-B-b	
quốc lộ 7	KX	xã Mỹ Thành	H. Yên Thành								E-48-31-B-b	
làng Bắc Đình	DC	xã Mỹ Thành	H. Yên Thành	18° 54' 20"	105° 23' 49"						E-48-31-B-b	
làng Bực Trại	DC	xã Mỹ Thành	H. Yên Thành	18° 54' 03"	105° 25' 05"						E-48-31-B-b	
núi Cao Sơn	SV	xã Mỹ Thành	H. Yên Thành	18° 54' 14"	105° 23' 05"						E-48-31-B-b	
sông Đào Đạo Lý	TV	xã Mỹ Thành	H. Yên Thành			18° 56' 12"	105° 24' 18"	18° 55' 36"	105° 27' 37"		E-48-31-B-b	
làng Đông Sơn	DC	xã Mỹ Thành	H. Yên Thành	18° 54' 26"	105° 25' 36"						E-48-31-B-b	
làng Giáp Quán	DC	xã Mỹ Thành	H. Yên Thành	18° 54' 43"	105° 23' 54"						E-48-31-B-b	
làng Hậu Mỹ	DC	xã Mỹ Thành	H. Yên Thành	18° 54' 36"	105° 24' 38"						E-48-31-B-b	
làng Nam Đình	DC	xã Mỹ Thành	H. Yên Thành	18° 54' 12"	105° 24' 14"						E-48-31-B-b	
làng Niên Hoà	DC	xã Mỹ Thành	H. Yên Thành	18° 55' 15"	105° 24' 51"						E-48-31-B-b	
làng Phong Niên A	DC	xã Mỹ Thành	H. Yên Thành	18° 55' 05"	105° 23' 46"						E-48-31-B-b	
làng Phong Niên B	DC	xã Mỹ Thành	H. Yên Thành	18° 54' 47"	105° 23' 23"						E-48-31-B-b	
làng Quảng Đông 1/5	DC	xã Mỹ Thành	H. Yên Thành	18° 55' 13"	105° 24' 07"						E-48-31-B-b	
làng Quảng Đông 14B	DC	xã Mỹ Thành	H. Yên Thành	18° 55' 24"	105° 23' 53"						E-48-31-B-b	
làng Tân Mỹ	DC	xã Mỹ Thành	H. Yên Thành	18° 53' 49"	105° 25' 31"						E-48-31-B-b	
làng Tân Quảng	DC	xã Mỹ Thành	H. Yên Thành	18° 55' 33"	105° 24' 14"						E-48-31-B-b	
làng Thánh Từ	DC	xã Mỹ Thành	H. Yên Thành	18° 54' 32"	105° 25' 02"						E-48-31-B-b	
làng Thượng Lô	DC	xã Mỹ Thành	H. Yên Thành	18° 54' 33"	105° 24' 23"						E-48-31-B-b	
làng Tiền Mỹ	DC	xã Mỹ Thành	H. Yên Thành	18° 54' 28"	105° 24' 46"						E-48-31-B-b	
làng Trang Niên	DC	xã Mỹ Thành	H. Yên Thành	18° 55' 00"	105° 24' 29"						E-48-31-B-b	
làng Trung Lô	DC	xã Mỹ Thành	H. Yên Thành	18° 54' 45"	105° 24' 31"						E-48-31-B-b	
núi Tù Và	SV	xã Mỹ Thành	H. Yên Thành	18° 53' 53"	105° 26' 22"						E-48-31-B-b	
núi Tùng Tạo	SV	xã Mỹ Thành	H. Yên Thành	18° 53' 50"	105° 23' 32"						E-48-31-B-b	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)			
kênh Véch Bắc	TV	xã Mỹ Thành	H. Yên Thành			19° 00' 31"	105° 28' 46"	19° 10' 54"	105° 41' 33"	E-48-31-B-b		
đường tỉnh 538	KX	xã Nam Thành	H. Yên Thành			19° 00' 42"	105° 35' 09"	18° 55' 25"	105° 26' 30"	E-48-31-B-b		
xóm Bội Châu	DC	xã Nam Thành	H. Yên Thành	18° 57' 31"	105° 26' 25"					E-48-31-B-b		
xóm Đẳng Lưu	DC	xã Nam Thành	H. Yên Thành	18° 57' 18"	105° 26' 25"					E-48-31-B-b		
xóm Hợp Thành	DC	xã Nam Thành	H. Yên Thành	18° 57' 58"	105° 24' 46"					E-48-31-B-b		
xóm Lâm Thành	DC	xã Nam Thành	H. Yên Thành	18° 57' 41"	105° 27' 20"					E-48-31-B-b		
núi Lén Cờ	SV	xã Nam Thành	H. Yên Thành	18° 57' 30"	105° 25' 39"					E-48-31-B-b		
xóm Lộc Thành	DC	xã Nam Thành	H. Yên Thành	18° 57' 06"	105° 27' 02"					E-48-31-B-b		
xóm Sơn Thành	DC	xã Nam Thành	H. Yên Thành	18° 57' 28"	105° 25' 55"					E-48-31-B-b		
kênh Sông Đào	TV	xã Nam Thành	H. Yên Thành			18° 55' 25"	105° 22' 23"	18° 58' 04"	105° 25' 59"	E-48-31-B-b		
xóm Tân Hợp	DC	xã Nam Thành	H. Yên Thành	18° 57' 43"	105° 26' 29"					E-48-31-B-b		
xóm Trần Phú	DC	xã Nam Thành	H. Yên Thành	18° 57' 29"	105° 25' 48"					E-48-31-B-b		
xóm Vĩnh Thành	DC	xã Nam Thành	H. Yên Thành	18° 57' 18"	105° 26' 58"					E-48-31-B-b		
xóm Bắc An	DC	xã Nhân Thành	H. Yên Thành	18° 59' 28"	105° 30' 56"					E-48-31-B-b		
sông Cầu Bà	TV	xã Nhân Thành	H. Yên Thành			19° 01' 08"	105° 30' 16"	18° 58' 29"	105° 31' 24"	E-48-20-C-c, E-48-32-A-a		
xóm Đông Hà	DC	xã Nhân Thành	H. Yên Thành	18° 59' 24"	105° 29' 53"					E-48-31-B-b		
xóm Đông Yên 2	DC	xã Nhân Thành	H. Yên Thành	18° 59' 18"	105° 31' 25"					E-48-32-A-a		
xóm Đông Yên1	DC	xã Nhân Thành	H. Yên Thành	18° 59' 15"	105° 31' 41"					E-48-32-A-a		
xóm Hồng Lĩnh	DC	xã Nhân Thành	H. Yên Thành	18° 58' 42"	105° 30' 02"					E-48-32-A-a		
xóm Nhân Cao	DC	xã Nhân Thành	H. Yên Thành	18° 59' 21"	105° 30' 40"					E-48-32-A-a		
xóm Phú Điền	DC	xã Nhân Thành	H. Yên Thành	18° 58' 29"	105° 30' 27"					E-48-32-A-a		
xóm Thọ Vinh	DC	xã Nhân Thành	H. Yên Thành	18° 59' 27"	105° 30' 18"					E-48-32-A-a		
xóm Trung Hậu	DC	xã Nhân Thành	H. Yên Thành	18° 58' 33"	105° 30' 11"					E-48-32-A-a		
xóm Trung Thuận	DC	xã Nhân Thành	H. Yên Thành	18° 59' 11"	105° 31' 11"					E-48-32-A-a		
xóm Trung Xuân	DC	xã Nhân Thành	H. Yên Thành	18° 59' 16"	105° 30' 53"					E-48-32-A-a		
xóm Văn Bắc	DC	xã Nhân Thành	H. Yên Thành	18° 59' 20"	105° 29' 40"					E-48-31-B-b		
xóm Văn Nam	DC	xã Nhân Thành	H. Yên Thành	18° 59' 05"	105° 29' 39"					E-48-31-B-b		
xóm Văn Tây	DC	xã Nhân Thành	H. Yên Thành	18° 59' 22"	105° 29' 18"					E-48-32-A-a		
xóm Vĩnh Tiến	DC	xã Nhân Thành	H. Yên Thành	18° 59' 26"	105° 30' 46"					E-48-32-A-a		
xóm Xuân Miêu	DC	xã Nhân Thành	H. Yên Thành	18° 58' 59"	105° 30' 28"					E-48-32-A-a		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)			
xóm Bắc Lai	DC	xã Phú Thành	H. Yên Thành	19° 02' 03"	105° 30' 41"						E-48-20-C-c	
xóm Bắc Tiên	DC	xã Phú Thành	H. Yên Thành	19° 01' 52"	105° 30' 36"						E-48-20-C-c	
xóm Cồn Vòng	DC	xã Phú Thành	H. Yên Thành	19° 01' 43"	105° 31' 03"						E-48-20-C-c	
xóm Đồng Hồng	DC	xã Phú Thành	H. Yên Thành	19° 01' 27"	105° 31' 27"						E-48-20-C-c	
xóm Đồng Lai	DC	xã Phú Thành	H. Yên Thành	19° 01' 48"	105° 30' 19"						E-48-20-C-c	
xóm Đồng Tiên	DC	xã Phú Thành	H. Yên Thành	19° 01' 23"	105° 29' 50"						E-48-19-D-d	
xóm Nam Hồng	DC	xã Phú Thành	H. Yên Thành	19° 01' 35"	105° 31' 30"						E-48-20-C-c	
xóm Nam Lai	DC	xã Phú Thành	H. Yên Thành	19° 01' 32"	105° 31' 55"						E-48-20-C-c	
xóm Nam Tiên	DC	xã Phú Thành	H. Yên Thành	19° 01' 36"	105° 30' 45"						E-48-20-C-c	
xóm Tân Lai	DC	xã Phú Thành	H. Yên Thành	19° 01' 06"	105° 30' 14"						E-48-20-C-c	
xóm Tây Lai	DC	xã Phú Thành	H. Yên Thành	19° 01' 38"	105° 31' 27"						E-48-20-C-c	
xóm Thanh Sơn	DC	xã Phú Thành	H. Yên Thành	19° 01' 20"	105° 30' 24"						E-48-20-C-c	
xóm Thanh Tân	DC	xã Phú Thành	H. Yên Thành	19° 01' 49"	105° 30' 06"						E-48-20-C-c	
xóm Thanh Tân	DC	xã Phú Thành	H. Yên Thành	19° 01' 55"	105° 30' 53"						E-48-20-C-c	
xóm Thanh Thuỷ	DC	xã Phú Thành	H. Yên Thành	19° 01' 20"	105° 30' 16"						E-48-20-C-c	
xóm Trung Lai	DC	xã Phú Thành	H. Yên Thành	19° 01' 12"	105° 30' 21"						E-48-19-D-d	
xóm Bình Nguyên	DC	xã Phúc Thành	H. Yên Thành	19° 02' 51"	105° 26' 40"						E-48-19-D-d	
xóm Đông Nam	DC	xã Phúc Thành	H. Yên Thành	19° 01' 24"	105° 28' 28"						E-48-19-D-d	
xóm Đông Tây Hồ	DC	xã Phúc Thành	H. Yên Thành	19° 02' 43"	105° 27' 30"						E-48-19-D-d	
xóm Đông Thịnh	DC	xã Phúc Thành	H. Yên Thành	19° 01' 32"	105° 28' 47"						E-48-19-D-d	
xóm Đông Yên	DC	xã Phúc Thành	H. Yên Thành	19° 02' 32"	105° 28' 01"						E-48-19-D-d	
xóm Kỳ Sơn	DC	xã Phúc Thành	H. Yên Thành	19° 02' 14"	105° 26' 28"						E-48-19-D-d	
xóm Liên Sơn	DC	xã Phúc Thành	H. Yên Thành	19° 02' 21"	105° 27' 53"						E-48-19-D-d	
xóm Nam Chính	DC	xã Phúc Thành	H. Yên Thành	19° 02' 35"	105° 27' 56"						E-48-19-D-d	
xóm Nam Sơn	DC	xã Phúc Thành	H. Yên Thành	19° 01' 57"	105° 27' 40"						E-48-19-D-d	
xóm Nam Thịnh	DC	xã Phúc Thành	H. Yên Thành	19° 01' 35"	105° 28' 40"						E-48-19-D-d	
xóm Phúc Giang	DC	xã Phúc Thành	H. Yên Thành	19° 03' 16"	105° 26' 16"						E-48-19-D-d	
xóm Phương Tô	DC	xã Phúc Thành	H. Yên Thành	19° 01' 57"	105° 27' 05"						E-48-19-D-d	
đập Quán Hải	TV	xã Phúc Thành	H. Yên Thành	19° 03' 37"	105° 26' 17"						E-48-19-D-d	
hồ Quán Hải	TV	xã Phúc Thành	H. Yên Thành	19° 03' 33"	105° 25' 55"						E-48-19-D-d	
xóm Tây Nam	DC	xã Phúc Thành	H. Yên Thành	19° 01' 37"	105° 27' 52"						E-48-19-D-d	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
núi Thung Chè	SV	xã Phúc Thành	H. Yên Thành	19° 03' 27"	105° 26' 37"							E-48-19-D-d
xóm Trung Nam A	DC	xã Phúc Thành	H. Yên Thành	19° 01' 26"	105° 28' 14"							E-48-19-D-d
xóm Trung Nam B	DC	xã Phúc Thành	H. Yên Thành	19° 01' 25"	105° 28' 20"							E-48-19-D-d
kênh Vách Bắc	TV	xã Phúc Thành	H. Yên Thành			19° 00' 31"	105° 28' 46"	19° 10' 54"	105° 41' 33"			E-48-19-D-d
Suối Vầu	TV	xã Phúc Thành	H. Yên Thành			19° 01' 34"	105° 24' 20"	19° 00' 31"	105° 28' 46"			E-48-19-D-d
đập Vệ Vung	TV	xã Phúc Thành	H. Yên Thành	19° 03' 05"	105° 25' 50"							E-48-19-D-d
xóm Xuân Sơn	DC	xã Phúc Thành	H. Yên Thành	19° 01' 48"	105° 28' 13"							E-48-19-D-d
xóm Xuân Viên	DC	xã Phúc Thành	H. Yên Thành	19° 01' 43"	105° 28' 26"							E-48-19-D-d
xóm Yên Bang	DC	xã Phúc Thành	H. Yên Thành	19° 02' 03"	105° 28' 11"							E-48-19-D-d
xóm Yên Sơn	DC	xã Phúc Thành	H. Yên Thành	19° 01' 45"	105° 27' 02"							E-48-19-D-d
xóm Yên Trung	DC	xã Phúc Thành	H. Yên Thành	19° 03' 17"	105° 26' 45"							E-48-19-D-d
xóm Bắc Sơn	DC	xã Quang Thành	H. Yên Thành	19° 03' 21"	105° 21' 54"							E-48-19-D-c
xóm Đồng Thành	DC	xã Quang Thành	H. Yên Thành	19° 01' 57"	105° 22' 02"							E-48-19-D-c
xóm Hồng Nam	DC	xã Quang Thành	H. Yên Thành	19° 02' 00"	105° 21' 34"							E-48-19-D-c
xóm Quang Long	DC	xã Quang Thành	H. Yên Thành	19° 02' 15"	105° 21' 13"							E-48-19-D-d
xóm Quang Nhân	DC	xã Quang Thành	H. Yên Thành	19° 02' 35"	105° 22' 35"							E-48-19-D-c
xóm Sơn Thành	DC	xã Quang Thành	H. Yên Thành	19° 02' 31"	105° 22' 04"							E-48-19-D-d
xóm Tân Sơn	DC	xã Quang Thành	H. Yên Thành	19° 03' 13"	105° 22' 35"							E-48-19-D-c
xóm Thị Tứ	DC	xã Quang Thành	H. Yên Thành	19° 02' 34"	105° 20' 46"							E-48-19-D-c
xóm Tiên Long	DC	xã Quang Thành	H. Yên Thành	19° 02' 51"	105° 20' 55"							E-48-19-D-c
Núi Trọc	SV	xã Quang Thành	H. Yên Thành	19° 04' 18"	105° 21' 00"							E-48-19-D-c
xóm Trung Bắc	DC	xã Quang Thành	H. Yên Thành	19° 03' 04"	105° 21' 24"							E-48-19-D-c
xóm Trung Nam	DC	xã Quang Thành	H. Yên Thành	19° 02' 54"	105° 21' 42"							E-48-19-D-c
xóm 1	DC	xã Sơn Thành	H. Yên Thành	18° 53' 04"	105° 28' 48"							E-48-31-B-b
xóm 2	DC	xã Sơn Thành	H. Yên Thành	18° 53' 32"	105° 28' 36"							E-48-31-B-b
xóm 3	DC	xã Sơn Thành	H. Yên Thành	18° 53' 16"	105° 29' 25"							E-48-31-B-b
xóm 4	DC	xã Sơn Thành	H. Yên Thành	18° 53' 58"	105° 28' 46"							E-48-31-B-b
xóm 5	DC	xã Sơn Thành	H. Yên Thành	18° 54' 10"	105° 28' 37"							E-48-31-B-b
xóm 6	DC	xã Sơn Thành	H. Yên Thành	18° 54' 05"	105° 29' 15"							E-48-32-A-a
xóm 7	DC	xã Sơn Thành	H. Yên Thành	18° 54' 09"	105° 29' 38"							E-48-31-B-b
xóm 8	DC	xã Sơn Thành	H. Yên Thành	18° 54' 25"	105° 29' 56"							E-48-31-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)			
xóm 9	DC	xã Sơn Thành	H. Yên Thành	18° 54' 38"	105° 30' 02"						E-48-32-A-a	
xóm 10	DC	xã Sơn Thành	H. Yên Thành	18° 54' 29"	105° 29' 05"						E-48-31-B-b	
xóm 11	DC	xã Sơn Thành	H. Yên Thành	18° 54' 35"	105° 29' 03"						E-48-31-B-b	
xóm 12	DC	xã Sơn Thành	H. Yên Thành	18° 54' 34"	105° 28' 51"						E-48-31-B-b	
xóm 13	DC	xã Sơn Thành	H. Yên Thành	18° 54' 56"	105° 30' 04"						E-48-32-A-a	
xóm 14	DC	xã Sơn Thành	H. Yên Thành	18° 55' 27"	105° 29' 03"						E-48-31-B-b	
xóm 15	DC	xã Sơn Thành	H. Yên Thành	18° 55' 17"	105° 29' 03"						E-48-31-B-b	
xóm 16	DC	xã Sơn Thành	H. Yên Thành	18° 55' 10"	105° 28' 48"						E-48-31-B-b	
xóm 17	DC	xã Sơn Thành	H. Yên Thành	18° 55' 11"	105° 28' 40"						E-48-31-B-b	
xóm 18	DC	xã Sơn Thành	H. Yên Thành	18° 55' 08"	105° 28' 36"						E-48-31-B-b	
xóm 19	DC	xã Sơn Thành	H. Yên Thành	18° 55' 13"	105° 28' 32"						E-48-31-B-b	
đường tỉnh 534	KX	xã Sơn Thành	H. Yên Thành			18° 47' 55"	105° 43' 41"	18° 59' 59"	105° 28' 38"		E-48-31-B-b	
		xã Sơn Thành	H. Yên Thành			18° 54' 53"	105° 30' 26"	18° 55' 17"	105° 29' 09"		E-48-32-A-a	
Suối Cát	TV	xã Sơn Thành	H. Yên Thành								E-48-31-B-b	
núi Đông Hồ	SV	xã Sơn Thành	H. Yên Thành	18° 53' 45"	105° 28' 23"						E-48-31-B-b	
núi Đông Rẫy	SV	xã Sơn Thành	H. Yên Thành	18° 53' 45"	105° 29' 48"						E-48-31-B-b	
kênh N201	TV	xã Sơn Thành	H. Yên Thành			18° 56' 26"	105° 25' 04"	18° 57' 40"	105° 36' 17"		E-48-20-C-a	
núi Hòn Gai	SV	xã Tân Thành	H. Yên Thành	19° 06' 19"	105° 38' 30"						E-48-20-C-d	
núi Hòn Sường	SV	xã Tân Thành	H. Yên Thành	19° 07' 39"	105° 29' 33"						E-48-19-D-b	
đập Mả Tổ	TV	xã Tân Thành	H. Yên Thành	19° 07' 59"	105° 30' 45"						E-48-20-C-c	
đập Nhà Trò	TV	xã Tân Thành	H. Yên Thành	19° 08' 00"	105° 30' 08"						E-48-20-C-c	
Sông Sanh	TV	xã Tân Thành	H. Yên Thành			19° 07' 19"	105° 30' 57"	19° 03' 54"	105° 31' 29"		E-48-20-C-c	
xóm Tân Bình	DC	xã Tân Thành	H. Yên Thành	19° 07' 22"	105° 30' 37"						E-48-20-C-c	
xóm Tân Đông	DC	xã Tân Thành	H. Yên Thành	19° 07' 10"	105° 32' 15"						E-48-20-C-c	
xóm Tân Đức	DC	xã Tân Thành	H. Yên Thành	19° 07' 05"	105° 31' 44"						E-48-20-C-c	
xóm Tân Hoa	DC	xã Tân Thành	H. Yên Thành	19° 06' 00"	105° 30' 30"						E-48-20-C-c	
xóm Tân Hợp	DC	xã Tân Thành	H. Yên Thành	19° 07' 15"	105° 30' 36"						E-48-20-C-c	
xóm Tân Lộc	DC	xã Tân Thành	H. Yên Thành	19° 06' 33"	105° 31' 59"						E-48-20-C-c	
xóm Tân Nhân	DC	xã Tân Thành	H. Yên Thành	19° 07' 10"	105° 31' 24"						E-48-20-C-c	
xóm Tân Sơn	DC	xã Tân Thành	H. Yên Thành	19° 07' 39"	105° 29' 58"						E-48-19-D-b	
xóm Tân Thắng	DC	xã Tân Thành	H. Yên Thành	19° 06' 45"	105° 31' 20"						E-48-20-C-c	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)			
xóm Tân Triều	DC	xã Tân Thành	H. Yên Thành	19° 06' 50"	105° 30' 04"						E-48-20-C-c	
xóm Tân Triều	DC	xã Tân Thành	H. Yên Thành	19° 06' 43"	105° 30' 11"						E-48-20-C-c	
xóm Tân Trung	DC	xã Tân Thành	H. Yên Thành	19° 05' 58"	105° 30' 58"						E-48-20-C-c	
xóm Tân Vĩnh	DC	xã Tân Thành	H. Yên Thành	19° 07' 04"	105° 31' 14"						E-48-20-C-c	
xóm Thị Tứ	DC	xã Tân Thành	H. Yên Thành	19° 06' 34"	105° 31' 08"						E-48-20-C-c	
xóm 1	DC	xã Tăng Thành	H. Yên Thành	19° 01' 18"	105° 26' 12"						E-48-19-D-d	
xóm 2	DC	xã Tăng Thành	H. Yên Thành	19° 00' 51"	105° 26' 27"						E-48-19-D-d	
xóm 3A	DC	xã Tăng Thành	H. Yên Thành	19° 00' 22"	105° 26' 42"						E-48-19-D-d	
xóm 3B	DC	xã Tăng Thành	H. Yên Thành	19° 00' 12"	105° 26' 43"						E-48-19-D-d	
xóm 4	DC	xã Tăng Thành	H. Yên Thành	18° 59' 36"	105° 28' 02"						E-48-19-D-d	
xóm 5	DC	xã Tăng Thành	H. Yên Thành	18° 59' 28"	105° 27' 51"						E-48-19-D-d	
xóm 6	DC	xã Tăng Thành	H. Yên Thành	18° 59' 39"	105° 28' 34"						E-48-19-D-d	
xóm 7	DC	xã Tăng Thành	H. Yên Thành	18° 59' 18"	105° 28' 47"						E-48-19-D-d	
xóm 8	DC	xã Tăng Thành	H. Yên Thành	18° 59' 43"	105° 27' 31"						E-48-19-D-d	
đường tỉnh 538	KX	xã Tăng Thành	H. Yên Thành			19° 00' 42"	105° 35' 09"	18° 55' 25"	105° 26' 30"		E-48-19-D-d, E-48-31-B-b	
kênh Vách Bắc	TV	xã Tăng Thành	H. Yên Thành								E-48-19-D-d	
Suối Vầu	TV	xã Tăng Thành	H. Yên Thành			19° 00' 31"	105° 28' 46"	19° 10' 54"	105° 41' 33"		E-48-19-D-d	
xóm Ân Quang	DC	xã Tây Thành	H. Yên Thành	19° 02' 20"	105° 20' 28"	19° 01' 34"	105° 24' 20"	19° 00' 31"	105° 28' 46"		E-48-19-D-d	
xóm Ân Tiên	DC	xã Tây Thành	H. Yên Thành	19° 02' 36"	105° 19' 58"						E-48-19-D-c	
dãy Ba Khe	SV	xã Tây Thành	H. Yên Thành			19° 00' 16"	105° 20' 47"	19° 02' 01"	105° 22' 37"		E-48-19-D-c, E-48-19-D-d	
núi Chấn Thủy	SV	xã Tây Thành	H. Yên Thành	19° 00' 27"	105° 21' 44"						E-48-19-D-c	
xóm Châu Thành 1	DC	xã Tây Thành	H. Yên Thành	19° 00' 46"	105° 20' 32"						E-48-19-D-c	
xóm Châu Thành 2	DC	xã Tây Thành	H. Yên Thành	19° 01' 01"	105° 20' 40"						E-48-19-D-c	
xóm Đồn Kén	DC	xã Tây Thành	H. Yên Thành	19° 01' 45"	105° 19' 26"						E-48-19-D-c	
xóm Hậu Thành 1	DC	xã Tây Thành	H. Yên Thành	19° 01' 31"	105° 21' 10"						E-48-19-D-c	
xóm Hậu Thành 2	DC	xã Tây Thành	H. Yên Thành	19° 01' 16"	105° 21' 08"						E-48-19-D-c	
núi Hồ Du	SV	xã Tây Thành	H. Yên Thành	19° 01' 35"	105° 20' 03"						E-48-19-D-c	
xóm Khánh Thành	DC	xã Tây Thành	H. Yên Thành	19° 02' 38"	105° 19' 28"						E-48-19-D-c	
xóm Lê Lai	DC	xã Tây Thành	H. Yên Thành	19° 01' 32"	105° 19' 22"						E-48-19-D-c	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm Rạng Đông 1	DC	xã Tây Thành	H. Yên Thành	19° 02' 18"	105° 19' 02"					E-48-19-D-c
xóm Rạng Đông 2	DC	xã Tây Thành	H. Yên Thành	19° 01' 47"	105° 18' 38"					E-48-19-D-c
xóm Tân Thành	DC	xã Tây Thành	H. Yên Thành	19° 01' 24"	105° 20' 35"					E-48-19-D-c
xóm Thành Sơn	DC	xã Tây Thành	H. Yên Thành	19° 02' 00"	105° 20' 21"					E-48-19-D-c
xóm Tiên Quang	DC	xã Tây Thành	H. Yên Thành	19° 02' 30"	105° 19' 53"					E-48-19-D-c
Núi Trạch	SV	xã Tây Thành	H. Yên Thành	19° 01' 11"	105° 20' 07"					E-48-19-D-c
xóm Trung Phong	DC	xã Tây Thành	H. Yên Thành	19° 01' 55"	105° 20' 32"					E-48-19-D-c
xóm Trung Tâm	DC	xã Tây Thành	H. Yên Thành	19° 02' 25"	105° 20' 13"					E-48-19-D-c
hồ Vệ Riêng	TV	xã Tây Thành	H. Yên Thành	19° 00' 14"	105° 20' 40"					E-48-19-D-c, E-48-31-B-a
Đập Am	TV	xã Thịnh Thành	H. Yên Thành	18° 59' 20"	105° 21' 02"					E-48-31-B-a
đập Bầu Cừa	TV	xã Thịnh Thành	H. Yên Thành	18° 59' 50"	105° 20' 42"					E-48-31-B-a
núi Chấn Thủy	SV	xã Thịnh Thành	H. Yên Thành	19° 00' 27"	105° 21' 44"					E-48-19-D-c
xóm Công Thịnh	DC	xã Thịnh Thành	H. Yên Thành	19° 00' 02"	105° 18' 44"					E-48-19-D-c
xóm Diễn Thịnh	DC	xã Thịnh Thành	H. Yên Thành	19° 01' 06"	105° 19' 04"					E-48-19-D-c
xóm Đô Thịnh	DC	xã Thịnh Thành	H. Yên Thành	19° 00' 42"	105° 19' 17"					E-48-19-D-c
núi Đông Quan	SV	xã Thịnh Thành	H. Yên Thành	18° 58' 25"	105° 18' 48"					E-48-31-B-a
xóm Đông Thịnh	DC	xã Thịnh Thành	H. Yên Thành	18° 59' 24"	105° 20' 15"					E-48-31-B-a
núi Hồ Du	SV	xã Thịnh Thành	H. Yên Thành	19° 01' 35"	105° 20' 03"					E-48-19-D-c
xóm Hồng Thịnh	DC	xã Thịnh Thành	H. Yên Thành	18° 58' 59"	105° 19' 31"					E-48-31-B-a
xóm Hưng Thịnh	DC	xã Thịnh Thành	H. Yên Thành	18° 59' 45"	105° 19' 45"					E-48-31-B-a
xóm Khánh Thịnh	DC	xã Thịnh Thành	H. Yên Thành	18° 59' 03"	105° 20' 55"					E-48-31-B-a
suối Khe Ngang	TV	xã Thịnh Thành	H. Yên Thành			18° 58' 48"	105° 20' 28"	18° 59' 17"	105° 19' 43"	E-48-31-B-a
núi Kon Cai	SV	xã Thịnh Thành	H. Yên Thành	18° 58' 57"	105° 21' 25"					E-48-31-B-a
xóm Mỹ Thịnh	DC	xã Thịnh Thành	H. Yên Thành	19° 00' 32"	105° 19' 40"					E-48-31-B-a
xóm Nam Thịnh	DC	xã Thịnh Thành	H. Yên Thành	18° 58' 57"	105° 19' 56"					E-48-31-B-a
xóm Tam Thịnh	DC	xã Thịnh Thành	H. Yên Thành	18° 59' 58"	105° 20' 12"					E-48-19-D-c
xóm Tân Thịnh	DC	xã Thịnh Thành	H. Yên Thành	19° 01' 05"	105° 18' 24"					E-48-19-D-c
Núi Trạch	SV	xã Thịnh Thành	H. Yên Thành	19° 01' 11"	105° 20' 07"					E-48-19-D-c
núi Tráng Sinh	SV	xã Thịnh Thành	H. Yên Thành	18° 58' 20"	105° 19' 16"					E-48-31-B-a
xóm Tráng Thịnh	DC	xã Thịnh Thành	H. Yên Thành	19° 00' 06"	105° 19' 25"					E-48-31-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)			
xóm Trung Thịnh	DC	xã Thịnh Thành	H. Yên Thành	19° 01' 02"	105° 19' 41"						E-48-19-D-c	
xóm Trường Thịnh	DC	xã Thịnh Thành	H. Yên Thành	18° 59' 28"	105° 19' 02"						E-48-31-B-a	
xóm Văn Thịnh	DC	xã Thịnh Thành	H. Yên Thành	18° 59' 26"	105° 18' 20"						E-48-31-B-a	
hồ Vệ Riêng	TV	xã Thịnh Thành	H. Yên Thành	19° 00' 14"	105° 20' 40"						E-48-19-D-c, E-48-31-B-a	
xóm Vĩnh Thịnh	DC	xã Thịnh Thành	H. Yên Thành	18° 59' 41"	105° 19' 12"						E-48-31-B-a	
xóm Bắc Nhân Trạch	DC	xã Thọ Thành	H. Yên Thành	19° 03' 05"	105° 33' 00"						E-48-20-C-c	
xóm Bái Trạch	DC	xã Thọ Thành	H. Yên Thành	19° 03' 53"	105° 32' 44"						E-48-20-C-c	
xóm Đại Hữu	DC	xã Thọ Thành	H. Yên Thành	19° 03' 06"	105° 32' 11"						E-48-20-C-c	
xóm Dinh Khoa	DC	xã Thọ Thành	H. Yên Thành	19° 03' 10"	105° 32' 00"						E-48-20-C-c	
xóm Đồn Dừa	DC	xã Thọ Thành	H. Yên Thành	19° 03' 12"	105° 32' 20"						E-48-20-C-c	
xóm Đông Trung	DC	xã Thọ Thành	H. Yên Thành	19° 03' 43"	105° 31' 54"						E-48-20-C-c	
xóm Lạc Thổ	DC	xã Thọ Thành	H. Yên Thành	19° 03' 37"	105° 31' 27"						E-48-20-C-c	
xóm Nam Nhân Trạch	DC	xã Thọ Thành	H. Yên Thành	19° 03' 01"	105° 33' 01"						E-48-20-C-c	
xóm Tam Đa	DC	xã Thọ Thành	H. Yên Thành	19° 03' 37"	105° 32' 04"						E-48-20-C-c	
xóm Tam Hợp	DC	xã Thọ Thành	H. Yên Thành	19° 03' 16"	105° 32' 21"						E-48-20-C-c	
xóm Tây Trung	DC	xã Thọ Thành	H. Yên Thành	19° 03' 53"	105° 31' 47"						E-48-20-C-c	
xóm Trung Tâm	DC	xã Thọ Thành	H. Yên Thành	19° 03' 30"	105° 32' 20"						E-48-20-C-c	
kênh Vách Bắc	TV	xã Thọ Thành	H. Yên Thành			19° 00' 31"	105° 28' 46"	19° 10' 54"	105° 41' 33"		E-48-20-C-c	
xóm Bắc Tiến	DC	xã Tiến Thành	H. Yên Thành	19° 07' 00"	105° 28' 55"						E-48-19-D-d	
xóm Cầu Máng	DC	xã Tiến Thành	H. Yên Thành	19° 05' 24"	105° 29' 25"						E-48-19-D-d	
xóm Cự Thờ	DC	xã Tiến Thành	H. Yên Thành	19° 05' 42"	105° 29' 23"						E-48-19-D-d	
xóm Đồng Tròn	DC	xã Tiến Thành	H. Yên Thành	19° 04' 49"	105° 29' 20"						E-48-19-D-d	
núi Hóc Giác	SV	xã Tiến Thành	H. Yên Thành	19° 05' 25"	105° 29' 03"						E-48-19-D-d	
núi Hòn Sừng	SV	xã Tiến Thành	H. Yên Thành	19° 07' 39"	105° 29' 33"						E-48-19-D-b	
ke Kén Kén	TV	xã Tiến Thành	H. Yên Thành			19° 07' 10"	105° 26' 57"	19° 08' 53"	105° 23' 17"		E-48-19-D-b	
xóm Nhân Tiến	DC	xã Tiến Thành	H. Yên Thành	19° 05' 07"	105° 28' 14"						E-48-19-D-d	
xóm Rộc Lúa	DC	xã Tiến Thành	H. Yên Thành	19° 06' 23"	105° 30' 01"						E-48-20-C-c	
Đập Sắt	TV	xã Tiến Thành	H. Yên Thành	19° 06' 17"	105° 28' 23"						E-48-19-D-d	
xóm Tân Yên A	DC	xã Tiến Thành	H. Yên Thành	19° 05' 36"	105° 28' 14"						E-48-19-D-d	
xóm Tân Yên B	DC	xã Tiến Thành	H. Yên Thành	19° 06' 00"	105° 28' 02"						E-48-19-D-d	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu			Toạ độ điểm cuối			
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)			
xóm Tây Tiến	DC	xã Tiến Thành	H. Yên Thành	19° 06' 51"	105° 28' 00"						E-48-19-D-d	
xóm Yên Viên	DC	xã Tiến Thành	H. Yên Thành	19° 05' 44"	105° 29' 47"						E-48-19-D-d	
đường tỉnh 538	KX	xã Trung Thành	H. Yên Thành			19° 00' 42"	105° 35' 09"	18° 55' 25"	105° 26' 30"		E-48-31-B-b	
xóm Chợ Bưởi	DC	xã Trung Thành	H. Yên Thành	18° 58' 47"	105° 25' 14"						E-48-31-B-b	
xóm Đội Cung	DC	xã Trung Thành	H. Yên Thành	18° 57' 49"	105° 26' 38"						E-48-31-B-b	
xóm Đồng Lèn	DC	xã Trung Thành	H. Yên Thành	18° 58' 27"	105° 24' 13"						E-48-31-B-b	
xóm Hoa Thám	DC	xã Trung Thành	H. Yên Thành	18° 57' 54"	105° 27' 27"						E-48-31-B-b	
xóm Hoàng Diệu	DC	xã Trung Thành	H. Yên Thành	18° 57' 59"	105° 26' 36"						E-48-31-B-b	
xóm Trại Dầu	DC	xã Trung Thành	H. Yên Thành	18° 58' 16"	105° 25' 33"						E-48-31-B-b	
xóm Vệ Giá	DC	xã Trung Thành	H. Yên Thành	18° 58' 31"	105° 24' 53"						E-48-31-B-b	
đường tỉnh 538	KX	xã Văn Thành	H. Yên Thành			19° 00' 42"	105° 35' 09"	18° 55' 25"	105° 26' 30"		E-48-19-D-d	
xóm Công Trung	DC	xã Văn Thành	H. Yên Thành	19° 00' 44"	105° 29' 48"						E-48-19-D-d	
xóm Lạch Vằng	DC	xã Văn Thành	H. Yên Thành	19° 01' 14"	105° 26' 57"						E-48-19-D-d	
xóm Long Chu	DC	xã Văn Thành	H. Yên Thành	19° 01' 31"	105° 29' 27"						E-48-19-D-d	
xóm Minh Châu	DC	xã Văn Thành	H. Yên Thành	19° 00' 43"	105° 28' 33"						E-48-19-D-d	
xóm Nam Sơn	DC	xã Văn Thành	H. Yên Thành	19° 01' 15"	105° 28' 24"						E-48-19-D-d	
kênh Nông Giang	TV	xã Văn Thành	H. Yên Thành			18° 58' 04"	105° 25' 59"	19° 00' 31"	105° 28' 46"		E-48-19-D-d	
xóm Thạch Sơn	DC	xã Văn Thành	H. Yên Thành	19° 01' 32"	105° 27' 22"						E-48-19-D-d	
xóm Thượng Sơn	DC	xã Văn Thành	H. Yên Thành	19° 01' 26"	105° 27' 06"						E-48-19-D-d	
xóm Văn Mỹ	DC	xã Văn Thành	H. Yên Thành	19° 00' 41"	105° 27' 51"						E-48-19-D-d	
xóm Văn Yên	DC	xã Văn Thành	H. Yên Thành	19° 00' 37"	105° 29' 22"						E-48-19-D-d	
Suối Vầu	TV	xã Văn Thành	H. Yên Thành			19° 01' 34"	105° 24' 20"	19° 00' 31"	105° 28' 46"		E-48-19-D-d	
xóm Xuân Châu	DC	xã Văn Thành	H. Yên Thành	19° 01' 09"	105° 28' 02"						E-48-19-D-d	
xóm Yên Hoà	DC	xã Văn Thành	H. Yên Thành	19° 01' 04"	105° 28' 52"						E-48-19-D-d	
xóm Yên Phú	DC	xã Văn Thành	H. Yên Thành	19° 00' 33"	105° 29' 50"						E-48-19-D-d	
xóm Yên Thịnh	DC	xã Văn Thành	H. Yên Thành	19° 00' 42"	105° 29' 39"						E-48-19-D-d	
xóm Yên Vằng	DC	xã Văn Thành	H. Yên Thành	19° 00' 56"	105° 26' 48"						E-48-19-D-d	
xóm 1	DC	xã Văn Thành	H. Yên Thành	18° 56' 41"	105° 28' 42"						E-48-31-B-b	
xóm 2	DC	xã Văn Thành	H. Yên Thành	18° 56' 45"	105° 28' 58"						E-48-31-B-b	
xóm 3	DC	xã Văn Thành	H. Yên Thành	18° 56' 46"	105° 29' 05"						E-48-31-B-b	
xóm 4	DC	xã Văn Thành	H. Yên Thành	18° 56' 08"	105° 29' 26"						E-48-31-B-b	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)			
xóm 5	DC	xã Viên Thành	H. Yên Thành	18° 55' 57"	105° 29' 20"						E-48-31-B-b	
xóm 6	DC	xã Viên Thành	H. Yên Thành	18° 55' 42"	105° 29' 12"						E-48-31-B-b	
quốc lộ 7	KX	xã Viên Thành	H. Yên Thành			19° 28' 15"	104° 05' 04"	18° 58' 42"	105° 35' 55"		E-48-31-B-b, E-48-32-A-a	
xóm 7	DC	xã Viên Thành	H. Yên Thành	18° 55' 43"	105° 29' 13"						E-48-31-B-b	
xóm 8	DC	xã Viên Thành	H. Yên Thành	18° 55' 52"	105° 28' 58"						E-48-31-B-b	
xóm 9	DC	xã Viên Thành	H. Yên Thành	18° 55' 47"	105° 29' 40"						E-48-31-B-b	
xóm 10	DC	xã Viên Thành	H. Yên Thành	18° 55' 40"	105° 29' 58"						E-48-31-B-b	
xóm 11	DC	xã Viên Thành	H. Yên Thành	18° 55' 21"	105° 30' 07"						E-48-31-B-b	
Suối Cát	TV	xã Viên Thành	H. Yên Thành			18° 54' 53"	105° 30' 26"	18° 55' 17"	105° 29' 09"		E-48-32-A-a	
xóm Đình Hát	DC	xã Viên Thành	H. Yên Thành	18° 55' 39"	105° 28' 47"						E-48-31-B-b, E-48-32-A-a	
kênh Khe Cát	TV	xã Viên Thành	H. Yên Thành								E-48-32-A-a	
kênh N2	TV	xã Viên Thành	H. Yên Thành			18° 55' 34"	105° 27' 40"	18° 57' 17"	105° 28' 55"		E-48-31-B-b	
quốc lộ 7	KX	xã Vĩnh Thành	H. Yên Thành			19° 11' 42"	105° 38' 12"	18° 56' 25"	105° 25' 03"		E-48-20-C-a, E-48-20-C-b	
xóm Bắc Thấp	DC	xã Vĩnh Thành	H. Yên Thành	18° 56' 48"	105° 30' 04"						E-48-32-A-a	
xóm Cao Sơn	DC	xã Vĩnh Thành	H. Yên Thành	18° 56' 13"	105° 30' 05"						E-48-32-A-a	
Suối Cát	TV	xã Vĩnh Thành	H. Yên Thành			18° 54' 53"	105° 30' 26"	18° 55' 17"	105° 29' 09"		E-48-31-B-b, E-48-32-A-a	
sông Cầu Bùng	TV	xã Vĩnh Thành	H. Yên Thành			19° 00' 18"	105° 35' 24"	19° 01' 43"	105° 36' 04"		E-48-20-C-c	
xóm Đông Thành	DC	xã Vĩnh Thành	H. Yên Thành	18° 57' 31"	105° 30' 01"						E-48-32-A-a	
xóm Đông Thấp	DC	xã Vĩnh Thành	H. Yên Thành	18° 56' 41"	105° 30' 20"						E-48-32-A-a	
kênh N2	TV	xã Vĩnh Thành	H. Yên Thành			19° 11' 42"	105° 38' 12"	18° 56' 25"	105° 25' 03"		E-48-20-C-a E-48-20-C-b	
xóm Nam Thấp	DC	xã Vĩnh Thành	H. Yên Thành	18° 56' 30"	105° 30' 20"						E-48-32-A-a	
xóm Ngọc Thành	DC	xã Vĩnh Thành	H. Yên Thành	18° 56' 30"	105° 31' 08"						E-48-32-A-a	
xóm Phi Bắc	DC	xã Vĩnh Thành	H. Yên Thành	18° 57' 40"	105° 30' 42"						E-48-32-A-a	
xóm Phi Nam	DC	xã Vĩnh Thành	H. Yên Thành	18° 57' 19"	105° 30' 38"						E-48-32-A-a	
xóm Phú Văn	DC	xã Vĩnh Thành	H. Yên Thành	18° 57' 25"	105° 29' 24"						E-48-31-B-b	
xóm Tân Vĩnh	DC	xã Vĩnh Thành	H. Yên Thành	18° 56' 15"	105° 30' 12"						E-48-32-A-a	
xóm Tiên Trung	DC	xã Vĩnh Thành	H. Yên Thành	18° 58' 00"	105° 30' 17"						E-48-32-A-a	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
xóm Trung Thành	DC	xã Vĩnh Thành	H. Yên Thành	18° 57' 39"	105° 29' 52"					E-48-31-B-b
xóm Tương Lai	DC	xã Vĩnh Thành	H. Yên Thành	18° 57' 25"	105° 30' 21"					E-48-32-A-a
xóm Văn Diễn	DC	xã Vĩnh Thành	H. Yên Thành	18° 57' 36"	105° 30' 42"					E-48-31-B-b
xóm Vĩnh Phúc	DC	xã Vĩnh Thành	H. Yên Thành	18° 57' 04"	105° 29' 56"					E-48-31-B-b
xóm Vĩnh Tiến	DC	xã Vĩnh Thành	H. Yên Thành	18° 57' 07"	105° 29' 46"					E-48-31-B-b
đường tỉnh 538	KX	xã Xuân Thành	H. Yên Thành			19° 00' 42"	105° 35' 09"	18° 55' 25"	105° 26' 30"	E-48-19-D-d
xóm Bắc Phương Sơn	DC	xã Xuân Thành	H. Yên Thành	18° 59' 55"	105° 26' 47"					E-48-31-B-b
xóm Bùi Sơn Ngoài	DC	xã Xuân Thành	H. Yên Thành	19° 00' 28"	105° 25' 37"					E-48-19-D-d
xóm Bùi Sơn Trong	DC	xã Xuân Thành	H. Yên Thành	19° 00' 13"	105° 25' 00"					E-48-19-D-d
Đập Đầm	TV	xã Xuân Thành	H. Yên Thành	19° 00' 38"	105° 25' 07"					E-48-19-D-d
xóm Đồng Xuân	DC	xã Xuân Thành	H. Yên Thành	18° 59' 21"	105° 28' 06"					E-48-31-B-b
xóm Liên Xuân	DC	xã Xuân Thành	H. Yên Thành	18° 59' 20"	105° 27' 48"					E-48-31-B-b
xóm Minh Xuân	DC	xã Xuân Thành	H. Yên Thành	18° 58' 29"	105° 28' 34"					E-48-31-B-b
xóm Mỹ Xuân	DC	xã Xuân Thành	H. Yên Thành	18° 59' 12"	105° 28' 05"					E-48-31-B-b
xóm Nam Phương Sơn	DC	xã Xuân Thành	H. Yên Thành	18° 59' 20"	105° 26' 49"					E-48-31-B-b
kênh Nông Giang	TV	xã Xuân Thành	H. Yên Thành			18° 58' 04"	105° 25' 59"	19° 00' 31"	105° 28' 46"	E-48-31-B-b, E-48-19-D-d
xóm Tân Xuân	DC	xã Xuân Thành	H. Yên Thành	18° 59' 39"	105° 27' 25"					E-48-31-B-b
xóm Thọ Xuân	DC	xã Xuân Thành	H. Yên Thành	18° 59' 06"	105° 27' 51"					E-48-31-B-b
xóm Thượng Xuân	DC	xã Xuân Thành	H. Yên Thành	18° 59' 15"	105° 27' 48"					E-48-31-B-b
xóm Yên Xuân	DC	xã Xuân Thành	H. Yên Thành	18° 59' 02"	105° 27' 57"					E-48-31-B-b

KT. BỘ TRƯỞNG



Nguyễn Văn Ngọc